

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

VẬN-MẠNG NƯỚC NHÀ (1)

Thưa quí ông, quí bà,

Những lời lịch-sự bao giờ cũng có quá-dáng ít nhiều. Vậy tôi xin cảm ơn ông bác-sĩ Trần Văn-Đôn vì mấy lời lịch-sự và quá-dáng ít nhiều ngài mới ban cho diễn-giải buổi tối nay.

Tôi lêu diễm-dàn của hội Khuyến-học Nam-kỳ ngày nay là lần đầu, thật là một sự bạo-dạn tôi vẫn biết lắm. Tôi thường nghe bạn đồng-niên trách cái học dở-dang của chúng tôi, tây không ra tây, nam không ra nam, dở cao dở thấp, lấy làm khó chịu. Trừ ra một số ít người lỗi-lạc khác thường, kỳ-dur lớp cá mè một lứa tuổi chúng tôi thật là cam-go với cái học-thức quá ư tầm-thường góp-nhóp bao lâu trong bản-xứ. Cao-dẳng học-hiệu Hà-nội lúc mới sáng-tạo chỉ là cao-dẳng cái tên, ai cũng đều biết. Ở trường học nghệ-thuật rồi bước chân ra đi làm ăn, nghề dạy nghề, lần mò bồ-khuyết về nghệ-thuật được chút ít đó là may. Ngoài ra muốn rộng kiến-vấn, học tự-tu là một việc rất khó; thành-thủ gặp việc gì lớn-lao cao-xa hơn lần mất thường ngày thì chân-ngán quá. Chân-ngán rồi năm lụn tháng chảy, vẫn-vọt mãi khối óc, nhưng không thấy làm cách nào cho vững-vàng sự học-vấn như lòng ước-nguyện.

Tôi không dám nói bội nói bạc. Những khi ở trường tôi cũng gặp được

ba bốn ông giáo-sư thật là hết lòng cố công dạy-bảo, và bao giờ tôi cũng kính-mến các ngài ngang bậc ân-nhân. Nhưng có một buổi nọ tôi không quên, bởi vì sau nó thường nhắc cho tôi bao nhiêu chuyện của học-sinh chúng ta giống-giống nhau cả.

Năm đó nhằm năm thứ ba trường bảo-chế, chúng tôi được một ông thầy dạy về khoa hóa học, siêng-cần lắm. Ông ấy hảo-tâm muốn cho anh em chúng tôi (lớp được ba người) chuyên về môn đó, phòng ngày sau có bổ-dụng được nhiều. Ông bèn dạy chúng tôi về xin ông đốc trường cho phép riêng, mỗi tuần đi lại phòng thí nghiệm của ông tập thêm ba bốn giờ, ông sẽ sẵn lòng chỉ bảo, không tốn thêm một xu của trường. Lòng mừng khắp-khởi, chúng tôi trèo lên phòng-văn của ông đốc, kể chắc rồi chẳng những sẽ được đi học thêm, vui sướng biết chừng nào, mà lại được ông đốc ban khen là khác. Ba phút sau chúng tôi xuống thang. Việc ấy sao? Ông đốc không bằng lòng cho đi, mà nói gắt rằng: Học trò hay dở tự ông biết, kỳ thi đậu rớt tự ông cho, không cần gì ngoài tay ông, ngoài ngày giờ nhất-định của trường, có một ai khác lo thêm làm gì?

Tẻ ra sự hiểu-học của anh em chúng tôi là sự cầu cao ngông-cuồng, mà lời khuyên-nhủ của ông thầy yêu-quí chúng tôi là điều vô-nghĩa-lý cả. Mà

(1) Diễn-thuyết ở hội Khuyến-học Nam-kỳ.

có lẽ vậy, thầy trò chúng tôi khi ấy thật thà quá, không hay một điều gì về mặt chính-trị, môn cần bao nhiêu ở một xứ thuộc-địa ! Về khoa ấy ông đốc chúng tôi thì rành lắm, vì vài năm sau ông đã bỏ cái ngai rất tầm-thường của một vị đốc-học trường cao-đẳng kiêm thanh-tra học-chánh Đông-Pháp và nhận trọng-quyền thống-dốc một thuộc-địa vậy.

Trở lại câu chuyện chúng ta đây, tôi xin nói rằng, vì nhiều duyên-cớ, học-thuật ở xứ ta bấy còn nông-nổi quá, mà cái học tự-tu bao giờ cũng sống-sượng nhiều ít. Nên chỉ hôm nay tôi cố làm gan ra mặt thánh-giả, ấy là tôi có tri tin quý-ông quý-bà, lòng tự-phụ thật tôi không có. Giữa lúc xã-hội An-Nam nhằm hướng gọi dân mà tiến-bộ, các ông tuổi-tác đàn anh sẵn lòng đi-dắt, các bạn đồng-niên hăng-hái khuyên-nhủ, các bạn thiếu-niên đàn em sẵn dạ kiêng-vị, thì từ trong tâm-can đem ra đôi ba câu chuyện thiết-thực mà nói, vui-thú chừng nào mà lại phải nhịn. Rồi quý-ông quý-bà cũng lượng tình mà bao-dung cho, tôi rất đội ơn.

Ra mắt quý-ông quý-bà xong, — buổi đầu có hơi lâu một chút, tội ấy cũng nhẹ mà ! — bây giờ tôi rón bước khai-đề. Đầu bài tôi chọn là « Đức tin của Việt-dân đối với vận-mạnh nước nhĩ ». Tôi sẽ định-nghĩa chữ *đức tin* — rồi đại-lược sẽ kể: lúc đức-tin của Việt-dân phôi-thai, — lúc bị bắc-thuộc mà lòng dân mất tin, — lúc tự-chủ mà đức-tin dầy công-nghiệp, — lúc Đông Tây xung-đột mà đức-tin Việt-dân trụy-lạc, — trụy-lạc rồi phục-hồi và hưng-thịnh luôn.

I — Định nghĩa đức tin

Vậy *đức tin* là gì? *Đức tin*, chúng ta đều biết, là tri tin. Mà tin gì? Tin gì thì trước hết phải tin có ta đã. Ai cũng phở bài đại-luận của DESCARTES. Triết-

lý của ngài cao-xa, tôi có theo mà làm chi. Tôi chỉ nói đức tin trước buộc *tự-tin*. Tự-tin là biết có mình, ấy *tự-tin*, — biết mình có một cái giá-trị dẫu cao dẫu kém, ấy *tự-trọng*, — định cái giá-trị đó phải đem lên cao, cao mãi, ấy *tự-tôn*, — rồi trong các sự hành-vi, cậy sức mình trước, cậy người sau, bao giờ cũng dụng hết tâm-trí mà làm cho nên việc.

Rồi đức tin khuyên ta phải tin có người, người tốt như ta, tốt hơn ta, tin nhân-loại rồi dạy lành được mãi. Tin có người có ta, tin cái sống cá-nhân là vô-vị, tin phải hợp-quần mới sống toàn nhân-cách, phải vì gia-tộc, vì quốc-gia, vì xã-hội mà sống. Tin có một cái lực vô-hình mạnh hơn nhân-lực, khiến loài người phải lành mãi, — cái sức mạnh đó kêu là Thiên-mệnh, Thiên-chúa, Trời Phật, *Allah*, *Providence*, *Justice immanente*, thế nào cũng được. Tin và cầu cái thiên-lực ấy.

Cựu-học nước Nam dạy phải có đức-tin. Đức tin là một trong ngũ-thường: *nhân, nghĩa, lễ, tri, tin*. Theo cựu-học: *ngôn trung-tin, hành đốc-kinh*, là câu niệm thường ngày. Nói chính-dáng, làm thì cần-thận, nói làm sao thì làm làm vậy. Người có đức-tin ghét đưa nịnh-thần lặc-tử, cũng như ở Pháp ghét đưa *félon*. Người có đức-tin không chịu cái chính-sách thù-mị gian-xảo: cách nào kết-quả được như sở-cầu là hay (*la fin justifie les moyens*). Lại tin rằng cứ đường thẳng mà đi, đi tới mãi, hiểm-nguy không nao dọ, hiểm-mấy khó mấy rồi cũng có thể lướt qua mà đắc-thắng. Đức tin thật là nguyên-do của tính hùng-cường, của nết lạc-quan, của dạ thương đời vậy.

Minh thời mẫn-thế, mọi việc đều thấy suốt, biết cách dùng người, mà không đức tin, không cương-ngệ thì rồi có được việc gì. Trái lại, không

minh-mẫn, mà giàu đức-tín, — đức-tín dắt đi tới mãi — đi tới mãi làm vấp luôn — đem thân vào sinh ra tử không chừng — cái liều của người có đức-tín có khi giống với cái liều của kẻ ngông-cường, — mà rồi kẻ hèn dở lại làm nên việc.

Ở cho có chí hơn người trèo cao. Phải. Tôi coi đức-tín với ý-chí như một. Đức-tín là bản-năng ngầm-ngầm tự-nhiên. Ý-chí là tính nết rèn-tập. Đức-tín là cái lực-lượng của người đời có cái sống mạnh-bạo vững-vàng. Người có đức-tín cửu-chỉ đường-chính, lần mất ngay thẳng, khác hẳn cái đi đứng rụt-rè e-lệ của kẻ không có đức-tín. Đức-tín gồm đủ nào tinh thần-nại của người thường ngày lao-lung trong phận-sự nhỏ-nhen của mình, — nào chí cương-ng nghị của người chí-sĩ đọc thơ cứu-quốc, — nào gan mạo-hiêm chí anh-hùng của những kẻ lập công-danh ở trên đường tên mũi đạn. Tôi coi như con đẻ của ông SEGUIN cũng giàu đức-tín lắm là phải.

Người đàn anh chúng ta, anh Trần Thanh-Cần, năm 1914 ở mặt trận Pháp viết thư về nói: «Mấy lúc đầu nghe giặc xa xa đã rùng mình, tay chân bải-oải, không muốn đi tới nữa. Nhưng thấy người ta đi cứ đi, lần lần nghe tiếng trống tiếng kèn lại hứng chí, nghe hơi thuốc đạn lại vững lòng. Thế là quen rồi, bây giờ tin mình cũng như ai ».

Thế là đức-tín của người có khác với đức-tín của quân đoàn. — Thế là ngoại-cảnh có thể làm cho ta mất đức-tín, mà phục lại cái đức-tín ấy cũng có nhờ ngoại-cảnh. — Thế là đức-tín nó hay lay. Lay từ một người một, thành thái-độ tự-nhiên của một dân-đoàn. Trái lại một người mất đức-tín bải-hải la-oan lên có khi làm loạn cả một dân-đoàn. Cái dịch khiếp-nhược

bây giờ lay, lay mau, lay mãi, lay cho đến khi người chạy cùng đường, tinh-thần cùng-kiệt, chừng ấy mới tan đi lần lần. Thế là, tôi cứ trong thơ của anh Trần Thanh-Cần mà luận, đi giết người phải giàu đức-tín lắm; mà đi giết người cho rạng về quê-hương, hoặc giết ngườiặng tự-vệ, đặng bênh-vực sauh-linh giống-nòi, bảo-tồn non nước, thì thường ngày phải tập-luyện, phải nuôi cao mãi đức-tín.

Một dân-tộc ngày nào bị bùa mê, mất đức-tín cho đến khinh-thường sự tự-vệ, gởi thân ý-lại vào kẻ khác, vào sự tình-cờ, dân-tộc ấy đã theo đường diệt-vong mà đi xuống đó. Xuống rồi chừng nào lên? Chừng nào có đức-tín. Văn-sĩ võ-sĩ đều nghĩ có một cách.

Mà không cứ gì tới sự tự-vệ, với cái nghệ-thuật giết người. Trong sự sống-còn thường ngày, đức-tín phải giữ-gìn rèn-tập thì mới còn, mới làm nên công to việc lớn,

Cái tính nhân-tuần cầu-thả, nể hễ nào che hễ ấy, sống qua ngày qua bữa, chính là tính-cách của người mất đức-tín vậy.

II. — Đức-tín buổi phôi-thai

Người An-Nam có đức-tín chăng? — Có, tôi xin thưa.

Người An-Nam sức yếu-duối — chớ không phải yếu-hèn — yếu hơn người Tàu, người Cao-miên, cái sống trong lịch-sử nhiều nổi gian-truân. Việt yếu mới thua Sở, trăm họ mới li-tán, mới bỏ sông Triết-giang mà hành-lầu. Ấy là truyện Bách-Việt theo bài nghiên-cứu của AROUSSEAU. Trong trăm họ, giòng Nam-Việt phiên-lưu xuống Nam-lĩnh, đồ qua lưu-vực Hồng-hà, lần lần khôi-phục binh tàn họ nát, kết thành bộ-lạc, đồng-hóa những dân bản-thổ, từ đây tự-tin rồi cũng vương-bá như ai

ai. Mười-lăm đời vua Hùng-vương khá dài, nay còn để lại cái tên giản-dị, một ít câu truyện dễ thương, trong đó truyện Mai An-Tiêm là một bài dạy lập đức-tin rất hùng-hồn, ai có chút cảm-tình đối với chỗ nước nguồn cây cội, nghĩ tới tích xưa lại không miễn mà không tin?

Bước đầu của Việt-tộc làm cho tôi suy nghĩ. Bao giờ con người còn tự-do đối-phó với cảnh thiên-nhiên, bao giờ người còn một chút góc thiếu-hoang để dung thân như chim trời, như cá nước, thì đức-tin, là của trời cho, hãy còn. Thì người tự-phấn tự-cường, thơ-thời khỏe mạnh. Cái tự-do nó quý làm sao! — *Việt-diều sào nam-chi*, — mà bấy dè của ông SEGUIN với con sói của ông LA FONTAINE cũng đem hết đức-tin mà chuộc cái tự-do. Có đức-tin rồi phục lại được cái tự-do ngay. Đức-tin đáng trọng đáng yêu là dường nào!

Việt-dân yếu rồi tới hồi bị hiếp nữa. Dân-tộc nào lại không bị hiếp theo hồi? Lưỡi gươm người Tàu kíp theo sau lưng chinh-phục, đặt quyền đó-hộ. Vì sức yếu, Việt dân khấn-dầu ngàn năm thần-phục dưới quyền hoàng-đế Trung-hoa. — Có ngàn năm sao? có tự Triệu Đà, tới loạn « thập-nhị sứ-quân » sao? Còn từ đó về sau đời đời thụ phong ấn sắc của Bắc-triều thì nghĩ sao? — Cũng là thần-phục cả, thần-phục lâu vì địa-thế, vì chung cỗi rễ, đồng văn hóa. Nhưng mà đức-tin hai hồi có khác, mà sự-nghiệp cũng khác, rồi ta sẽ xem.

III. — Buổi bắc-thuộc

Sử chép rằng trong ngàn năm bắc-thuộc Việt-dân chúng ta học nghệ-thuật, lễ nghĩa, văn chương với quan quân nhà Hán nhà Đường. Sự ấy cố-nhiên, và ông cha ta thuở xưa đem lòng thành-kính, tôn Tích - Quang, Nhâm Diêm, Sĩ Nhiếp làm ân-sư quốc-phụ là sự xứng-dáng cho thầy mà cũng

vẻ-vang cho môn-đệ. Nhưng mà những bậc hiền-sĩ thì ân cho nhân-loại bao giờ cũng số ít; mà những tham-quan ác-tướng như Tô Định, Tiều Tư, Lý Trác, những phường thơ-lại vô-tình thì đánh không kể hết.

Chốn thuộc-địa, càng xa triều-trung, tin-tức không dễ gì qua lại, thì họ sá gì bọn nô-dân nằm dưới đầu gươm kia mà chẳng buông lung những thủ-đoạn tàn-nhẫn để vinh-thân phi-gia? Sự ấy cũng là một sự cố-nhiên.

Đền-dài của vua ASSURBANIPAL chạm trở cả muôn vạn hình nô-dân ngãi dắc-thắng và xô xâu như dê cừu đem về làm nhân-công bộ-hạ. Bao giờ cái chính-sách của kẻ dắc-thắng là hạ-miệt cừu-nhân cho không còn thế-lực gì cựa lại — cái mạnh của mây là cái yếu của tao mà! — hạ miệt rồi lợi-dụng mật-dân ấy làm sự giàu mạnh cho mình. Xưa kia không tỉ-mỉ học kinh-tế-pháp, chứ cũng sống theo những luật kinh-tế tự-nhiên, thì dầu chưa đặt cái danh-từ « tư-bản bằng người » (*capital humain*), chứ thật biết dùng cái lực-con trâu-người lắm rồi. Tục mãi-nó là gì? Tục « đợ công nạt lời » là gì?

Người chiến-thắng, kẻ dắc-thế bao giờ cũng nói một giọng: mây thua tao, mây không đủ tài tự-bảo-tự-vệ, mây để tao làm chủ mây, tao dạy mây mây làm lợi cho tao, thân mây đôn vạ đôi khi, nhưng lẽ thiên-nhiên biểu vậy, mây cố nhịn, rồi mây biết nghề, rồi mây giỏi, tao thương mây, thân mây sẽ sung-sướng... trong vòng tay tao. — Hoặc lại dõ, dõ với dọa: Em chớ có tự-tin rằng giỏi là mạnh đó. Em vượt ra khỏi nhà này, em sẽ bị kẻ khác mạnh hơn em, mạnh hơn anh, ép em ngay vào vòng tay khổ còn hơn khi em ở nhà này. Vậy thì an-phận còn hơn!

Kẻ đi thực-dân bất-kỷ là người Assyriens hay là người Tàu, tôn-chỉ họ

không có trái-ngược, không phải dạy quân bị thua hôm qua, ngày mai phục hồi đức tự-tin tự-cường. Đặng mà chi? Đặng trở giáo đuổi họ về sao? Thủy-chung lời nói việc làm của họ đã qui về một chỗ tư-lợi của họ, thì dầu có giáo-hóa cũng giáo-hóa cho ra người nô-bộc, hay việc và dễ khiến; mà dầu cho đôi khi thi-ân tác-phúc thì cũng là vì ép không đặng tha làm phúc, làm phúc để ngăn đón chút lợi thừa về sau, sự ấy có lạ gì?

Sự ấy có lạ gì? Mà chim trời cá nước khác với cá chậu chim lồng bao nhiêu? Cái sắc lông con gà rừng mượt tốt hơn sắc lông của con gà nuôi; nhất là khi nào mình đem sữa mồng sữa tích nó để ôm đi chơi lấy tiền, thì coi nó dị-hợm làm sao! Cái hót của con yểng trong lồng để mỗi ngày người ta đem cho miếng mồi cứu sống, thật không có giọng thanh-tao như giọng hót của con yểng ngoài nội, tuy nó thốt ra những tiếng triết-lý siêu-việt người ta đã dạy nó mặc lòng. Tôi tưởng bấy nhiêu đó đủ giải tỏ nguyên-do vì sao mà tinh-tinh Việt-dân dời lần từ khi bắc-thuộc, không cứ là dẫn ra những học-đạo tôn-giáo này khác mà làm loạn tinh-thần của Việt-dân.

Phải. Dân Việt học của Tàu, nào Đạo-giáo dạy lẽ *vô-vi*, nào Khổng-giáo dạy tin *thiên-mạng*, nào Phật-giáo dạy thuần-lý *hư-vô*, ba lẽ khiến con người không nên cậy sức mình, trong cuộc tang-thương, con người không hơn bụi đất. Mà ở đất khác Gia-tô-giáo lại không dạy thờ ân-linh một chúa trọn lành trọn thảo ban ân nuôi sống con người sao? và người đạo Hồi-hồi làm lành bởi ALLAH, giết người cũng vì ALLAH, số mạng gửi nơi thiên-oai mãnh-liệt thì lại sao? Đạo nào cũng dạy xả-thân, yếm-thế, hạn-chế vật-dục lừa lòng.

Lại nói hoàn-cảnh tự-nhiên ư? Thi

cũng trong một hoàn-cảnh mà tiên-nhân người Cao-miên trước kia lập nên sự nghiệp ngày nay hãy còn nguy-nghĩa đối-chiếu với nhật nguyệt kia.

Tôi thiết-tưởng người ta trực-tiếp với cái sống thường ngày, rộng hay hẹp, rồi vì những điều-kiện cái sống ấy mà nuôi một mối cảm-tình riêng với sự đời. Rồi vì những cảm-tình riêng ấy mà chọn lựa trong tôn-giáo, trong học-đạo những nghĩa-lý nào thích-hợp với tình-cảm cảnh-ngộ của mình, để an ủi, khuyến-khích tâm-thần đau-đớn, hay là yên-vui của mình. Trong một khu vườn muôn hồng nghìn tía đua tươi, trăm người đi cắt hoa kết ra trăm tràng đều khác nhau. Trong vườn tôn-giáo, học-đạo cũng thế, mà hoàn-cảnh tự-nhiên ảnh-hưởng cũng có chừng có mực lắm. Nên chỉ đồng-thời hấp-thụ một mối văn-bóa của người Tàu, — nói rộng như OKAKURA KAKUZO — của Á-tế-á, mà người Nhật tinh-tinh sự-nghiệp khác, còn sự-nghiệp tinh-tinh dân Việt lại khác vậy.

Vì lúc sơ-sanh Việt dân chẳng may khép thân vào vòng nô-lệ lâu quá, mất lòng tự-tin, tính nết quen chịu, vụng tu tính tự trọng tự-tôn, lại từ đây đâm sâu cái mầm giống khùng-khiếp, cái mầm giống khiếm-nhu khiếp-nhược — tôi nói ngay, bởi mọi tật mọi lành nên Việt-dân tập-truyền nhiều ác-tính quá...

Đây là chuyện đời xưa mà, tôi xin nhắc thính-giả. Việt-dân mang ách vác gông lâu rồi, bộ cốt rùn xuống, tâm-hồn tê-mê, mà vết trên cổ lại thành cái bớt khó bôi cạo đi vậy. Nhà thực-dân thấy rõ cái bớt đó lắm, biết lợi-dụng chỗ yếu-diểm trong tâm-lý nô-dân lắm, duy có dân kia bị hoàn-cảnh mê-hoặc mãi mà không tự-cứu đó thôi.

Tình-cảm đây ấy buồn vui ra thế nào?

*Đã không biết sống là vui,
Tám thân đau biết thiệt-thòi là thương.*

Không. Thương lắm chứ, thương mà không biết làm sao, mới thốt ra những thi-ca sâu-thẳm, đánh lên những âm-nhạc bi-ai, ảnh-hưởng xa cha-chá là xa!

Tôi xin hỏi có góc trời nào khiến người phải độc-ác không? Một chúa hay là một nguyên-lý—đặt đề cho tinh-thần con người quay đầu thờ điều thiện; chỉ có cảnh nhân-tạo-độc-ác khiến con người độc ác thắng cả bản-năng của người, lập-tức thay vào một cái bản-năng thứ nhì nặng-nề, khốc-hại—KHÔNG-KHÁU với ARISTOTE đây lại gặp nhau, — khởi đầu khi người yếu sức mất đức-tín đi. Ấy là một cái kết-quả trong mười cái kết-quả của cuộc bắc-thuộc vậy.

Tinh-thần quốc-dân bại-liệt đến thế thì còn trông sự-nghiệp gì? Một tên nô-bộc hầu ta, an-phận nô-bộc, vui phận nô-bộc, bao giờ có lo tạo điền sản ruộng, khai mở mở rừng chờ ngày giải-phóng? Thì sĩ-phu bấy giờ khuất-phục dưới chế-độ Tàu chỉ biết bắt-chước Tàu cho đúng làm hay mà thôi. Người không có đức-tín, không nuôi chí-khi là người ốc mượn hồn, là bù-nhìn giữ dứa, không hề sáng-tạo được gì cả. Cái trí ham bắt-chước, bắt-chước rồi tự-túc tự-kiêu, cáo mượn oai hùm, trĩ mang lông công, đó là một cái kết-quả khác trong mười cái kết-quả của sự bắc-thuộc. Đây cũng là chuyện đời xưa, tôi xin nhắc thỉnh-giả.

Phải. Tôi công-nhận rằng sự bắc-thuộc không phải làm hư luôn tính-nết người Việt. Tôi công-nhận rằng cũng đồng-thời hàn-dân mà có kẻ lại giữ đức-tín, chí cương-ngहि được đó. Tôi công-nhận rằng người Việt dầu tới-tở người Tàu, nhưng cũng học của Tàu nhiều điều khôn lẽ khéo. Nhưng mà những năng-lực hay, những bản-tính tốt bị đè nén dập vùi kia, bao giờ

thăng được hoàn-cảnh, bể nổi gồng-cùm đi thì bấy giờ mới nảy nở mà giúp người làm nên sự-nghiệp.

IV. — Công-nghiệp của đức-tín buổi tự-chủ

Sự-nghiệp ấy ông cha ta xưa khởi đầu từ yên giấc Thập-nhi-sứ-quân, khi đức-tín đã phục-dưỡng, tinh-thần đủ mạnh được tự-lập tự-trị vậy.

Tôi còn nói gì mới lạ với quý-ông quý-bà?

Rồng nam bi ếm đối nhưng dễ gì chịu chết ngọt dưới lưỡi gươm của Mã-Viện cùng quân bút của Cao-Biên? Trưng-vương hai bà, Nhụy-kiều tướng-quân họ Triệu, Lý-Nam-đế, Mai-Hắc-đế, Trần Hưng-Đạo, Lê Lợi trước sau đều là người mang cái sống mạnh-bạo tự-tín, của giống Việt-Nam. Trên Ngũ-lĩnh, dưới nội Hồng-hà, những khi mãnh-tướng họ Việt «khởi-nghĩa», dưới ngọn cờ đào vùng-vẫy với ba quân, ấy là các bậc đàn anh của họ Việt làm cái chức-vụ bảo-tồn đức-tín của Việt-dân, hương lửa thờ nghia cái sống cho giống Nam-Việt trường-cửu đó vậy.

Muốn trường-cửu, «bắc chống Tàu, nam lấn Chiêm-thành, ấy là chính-sách nhất-định nước ta từ năm 939 về sau». Năm 1069 vua Lý Thánh-tôn thân-chính đi đánh Chiêm-thành thâu-phục Địa-lý, Ma-linh, Bố-chính ba châu, đem bờ-cối phía nam khởi núi Hoành-sơn, ấy là bước đầu cuộc nam-tiến, từ ngày tự-chủ vừa giáp trăm năm. Rồi đó tiến mãi: năm 1302 đi tới Quang-nam, 1407 tới Quảng-nghĩa, 1475 tới Bình-định, 1611 tới Phú-yên, 1653 tới Phan-rang, 1697 tới Phan-thiết, 1698 tới Sài-gòn, 1714 tới Hà-tiên, 1758 thâu trọn Nam-kỳ, 1813 dang tay bảo-hộ luôn nước Cao-miền. Ấy là

một cái đặc-quả của đức tin người Việt-Nam khi thoát-ly quyền bắc-thuộc. Về-vang thay công-đức ấy, qui-báu thay cái tự-do!

Cái sống bao giờ cũng gặp về vật-chất. Nên ông cha ta kịp bỏ công mở rộng xã-tắc. Về phần tinh-thần nước ta tiến có chậm, há không phải vì những tập-tục đã làm yếu sức người khi ở dưới chính-trị quan Tàu chăng? Quốc-hiệu ta thay-đổi mấy lần. Khi Văn-lang, khi Âu-lạc, khi Việt-Nam, ấy là lúc còn giống-ruồi trên rừng núi buổi phối-thai. Giao-chỉ-quận, Giao-châu, An-Nam đỏ-hộ-phủ thuở sa-cơ thất-thể. Năm 968 Đại-cồ-việt mới khai-sinh lại. Nhà Lý đổi lại Đại-Việt. Nhà Tống bỏ Việt làm An-Nam-quốc, thật là hữu-ý, mãi qua đến Gia-long mới hồi-phục cái cựu-danh Việt-Nam, lạ thay!

Quốc-hiệu chưa quyết-định, hưởng hồ là tinh-thần văn-hóa. Một nhà làm sử, cổ LAUNAY nghiêm-khắc trách ta: «Xét kỹ thì người An-Nam mượn văn-hóa của Tàu không có gia-tiến chút nào; nghệ-thuật không mở-mang thêm bao nhiêu, không mở-mang bằng nghệ-thuật của Tàu nữa là. Vậy có thể kết-luận: phóng-sử rợ Giao-chỉ xưa không phải người Tàu cai-trị, đem văn-hóa bắc-phương in sâu cho trong não-óc, thì ắt họ hãy còn giữ lối mọi-rợ của mường-mán ở ngoài biên đất Việt ngày nay, và phỏng như họ có rần sức, có chậm-chậm tiến-bộ được chút ít, thì không sao họ đạt tới trình-độ văn-hóa mượn của Trung-hoa được».

Tôi tưởng đây chỉ là ý-kiến thiên-lệch của kẻ không từng biết... hay là đã có thì giờ quên cái cay-nghiệt của sự thực-dân mà thôi. RENÉ MAUNIER, một nhà xã-hội-học, dẫn rằng ở bức họa tả cảnh người *Phocéens* đến xây

thành *Massilla* không có vẽ tới một người thổ-dân. Sự thực-dân một là diệt-tiêu, hai là phò-trợ, mà phò-trợ cũng có chừng có mực, không tránh được điều ác-hại, ta đã thấy. Người *Frances* khởi đầu lập sự-nghiệp là khi Đế-quốc La-mã tàn đi rồi mà vẫn đường lai-vãng xứ *Gaule* là phải. Sau này, chừng nào sử-liệu về Đông-dương sưu-tập được nhiều, kẻ cứu được tinh-tế, sẽ có sử-gia Nam-Việt đem tâm-tri Nam-Việt mà trả lời đoạn phê-bình trên kia mới xứng; trả lời một cách đích-đăng: là đem bằng cớ, dùng tài-năng một nhà sử-học như AUGUSTIN THIERRY, như MICHELET, như LAVISSE, mà biện-bạch ra cái lẽ Việt-dân cực-lực vẫy-vùng với hoàn-cảnh áp-bức mới còn cái vốn tinh-thần bất-diệt trao lại cho con em tới ngày nay.

Tôi thấy có một điều lạ: là một ngàn năm bắc-thuộc không nghe tên một pho sách nào của người Việt làm. Còn từ Ngô-vương (969) tới giặc nhà Minh (1414) sĩ-phu đất Việt đã có trước-tác được nhiều sách, nhiều sách có giá-trị «Tàu thu lấy cả rồi đem về Kim-lăng».

Gió nam làm cho chột dạ khách ngoài ải Nam-quan chăng? Người ngoài ải dùng cái phương-pháp kiểm-duyet kia — nghe như họ còn cắt lưỡi, móc mắt, mà quân tả-đao của họ cũng gọn tay hun — thì sự tiến-hóa của người Việt gian-nan lắm cũng vì một duyên-cớ: bị hiếp mãi, mất tự-do tư-tướng, mà học-vấn không phát nổi.

Chân-lý là thứ cơm nhật-dụng của tinh-thần. Một dân-tộc bị tuyệt-lộc về món phẩm-thực đó thì còn tiến-hóa về đường nào? Sĩ-phu một nước muốn lập nên công-nghiệp ắt phải kháng-khải lắm mới được; kháng-khải hơn nhà binh, kháng-khải đề mỗi ngày địch-thủ với cường-quyền, truyền-bá

đều chân-lý, nuôi tinh-thần của quốc-dân vậy.

Hồi Việt-dân cũng tiến-hóa. Làm luật làm lệ, khai-diễn đặc-thở, đắp lũy xây thành, đào kênh đắp đê, phóng lộ mở cảng, rồi Âu-phương có sử-gia khác sau này lại khen tài lập-quốc của vua ta, dân ta. Sự đó ngộ thiệt.

Một sự khác: dân Việt tiến-hóa nhiều là sau những cuộc đại-loạn, sau khi những tay tuấn-kiệt anh-tài như Trần Hưng-Đạo, Lê Lợi, Trần Thánh-tôn, Gia-Long vỗ yên xã-tắc. Sự ấy nghĩ sao?

Tôi nghĩ cũng thương-sự. Việt-dân ra tranh-dấu mới có bả dạ. Chiến-thắng được lần nào là giàu thêm đức-tin lần ấy; càng nam-ưỡn, càng quên cái lúc sỉ-nhục ngày xưa. Bây giờ Việt thật binh-thần đối diện với Tàu, không còn sợ-sệt gì nữa. Ma Việt Sờ-dĩ còn thần-phục bắc-triều, ấy một nữa vì nghi-tiết thiên-tử giao-tiếp với chư-hầu thuộc về tôn-giao, một nữa vì nước Việt giữ lòng trung-tin của một môn-đệ Thánh-nhân vậy. Người môn-đồ học đạo Thánh-nhân không hay sửa-đổi gì trong di-ngôn kinh-truyện thật, nhưng Việt-dân có đức tự-tin, tin rằng mình có cái thiên-mạng riêng. Rồi—đây trái hẳn lời bình của cổ LAUNAY—Việt-dân tuy đồng cốt-nhục với Tàu mặc lòng, chớ khi đem chế-độ phong-tục của Tàu về, đều sửa theo tinh-thần riêng của mình nhiều ít, mà chữ Hán rờn-rã, Việt bắt đầu tự hỏi nào viết theo âm-diệu của giống Việt, rồi cải danh lại là chữ An-Nam.

Tinh-thần của Việt-dân khác, khác từ khi đồng-hóa người Nùng, người La, người Thổ, người Thái, ở miền Bắc-sơn, Nam-lĩnh. Chừng Nam-tiến xa rồi, đồng-hóa luôn với người Lào, người Chăm, người Mã-lai, người Cao-miên, tinh-thần còn khác nữa Việt

nhờ đồng-hóa nhiều dân-tộc, nên có cái sức sinh-hoạt mạnh-bạo sinh năm đẻ bảy,—sinh mười-lăm mười-bảy là khác—sinh mau mới đủ quân đánh giặc và đủ người cày cấy những đồn điền chơi-vời đầu non góc núi kia. Có lẽ vì người Việt bị pha-lộn nhiều thứ huyết quá mà anh em Nam Bắc ta ngày nay còn kẻ Hán người Hồ, ông nói gà bà nói vịt đó chẳng? Nhiều nhà bác-sĩ có kinh-nghiệm nói rằng người Pháp-lai với Nam, qua vài đời thì con cháu trở lại gương mặt xương nhả Nam hết, không còn nét người Pháp. Máu Việt trai-trẻ hơn nên lẫn hết máu Pháp. Tôi có lòng tin thế nào rồi Việt-dân cũng nhất-tâm nhất-chí.

Tôi muốn nói là Việt-dân qui-nhất thêm một lần nữa, chung-đúc cho thân-mật thân-thiết hơn. Bởi vì mỗi lần vùng vẫy với quân Tàu, ấy là qui-nhất nhân-tâm, mà đại-hội qui-nhất trong nam-sử là lúc giặc Tây-sơn, chính là lúc đức-tin của Việt-dân từ xưa đến đó cao cực-điểm vậy.

Lê-mạt, Nguyễn Trịnh tranh cường, vang cả rừng núi Việt-trường-sơn. Tranh dặng khai-thác mau chóng những hoang-địa mới thâu trong cuộc nam-tiến quá lẹ đó. Tranh dặng thay giòng yua cũ đã suy-nhược đi rồi, tranh dặng lãnh cái vinh-diệu và cái chức-vụ thủ-lĩnh mà trăm họ Việt-Nam cậy nhờ đó.

Bất-cứ dân-tộc nào và dưới chế-độ nào, lòng nguyện-vọng, đức-tin của binh-dân rồi cũng qui về một vị thủ-lĩnh có trí-dũng, có tài-đức để sai khiến muôn dân vậy. Những viên thủ-lĩnh ấy chẳng qua là kẻ công-bộc, phải mệnh-lệnh tinh-thần quốc-dân điều-khiển, theo RENAN, theo G. LEBON, theo J. BENDA, theo DE JOUVENEL, theo các nhà làm sử và theo người có lương-tri vậy. Quốc-dân càng mạnh, sự qui-nhất càng phải

gấp lắm. Tinh-thần của chủng-tộc tạo ra anh-hùng, chỉ qui-nhất của Việt-dân đào tạo ra nhà Tây-sơn và Gia-long.

Ba-mươi năm ròng Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ đánh nam phạt bắc đề xừ cái cuộc qui-nhất Nguyễn, Trịnh tính không xong kia. Rồi Nguyễn Huệ qui-nhất, sắp san trong nước lại, luật-lệ khoa-cử hoàn-tân, hành-vi khôn-khéo đáng mặt nhà chính-trị có tài trong Nam-sử. Quốc-dân bao lâu bị vầy dưới vó ngựa rất là lao-khổ, nhưng vậy mà chưa yên. Chưa yên vì chi-hướng của dân chưa toại. Chưa toại vì trong tâm-can của Việt-dân còn một mối cảm-tình trung-tín sâu-sắc với chúa Nguyễn là một dòng quốc-phụ dày công khai-thác đất Trung-kỳ cho Việt-dân đó. Chưa toại vì quốc-dân còn mong-mỏi một vị chúa-tể anh-hùng hơn, biểu-hiệu chính-đảng cho tinh-thần, cho đức-tín mãnh-liệt của quốc-dân bây giờ, là vua Gia-long. Sử-ký có phải là bao nhiêu chuyện tình-cờ trong nước mà gộp thành đầu.

Dễ thường tôi lại bỏ qua, không cung-thỉnh vua Gia-long làm gương đức-tín cho quốc-dân? Quốc-dân có lòng hoài cụ-tâm-tổng-giàu đây lấy làm hăm-mộ sử-học nước nhà; và trong bộ Nam-sử những đoạn hoàng-tử Nguyễn Ánh gian-nguy tầu-quốc, vua Gia-long thống-nhất tam-kỳ, bình-định biên-cương, chính là những đoạn kịch cảm-dộng quốc-cán nhiều và kịch-thích nhà khảo-cứu và trước-tác tây-nam cũng lắm. Tôi xin trích-lục một đoạn sách « Nam-kỳ du-hạnh ký » của John Barrow là người du-khách Anh-cát-lợi đồng thời với vua Gia-long :

« Ở đây dân-sự sùng-phụng hoàng Nguyễn Ánh như một võ-sĩ tuyệt-tài, mà chính ngài cũng chuộng cái tước nguyên-soái hơn là vị quốc-chủ. Người ta nói ngài tính hùng-dũng mà không có ác, tùy cơ ứng biến, trí-lược ngài

hiều. Ngài nghĩ gì thì chín-chắn luôn không ngại khó, không có gian-nguy nào làm cho ngài thoái-bộ. Muốn nhất-định việc gì ngài cần-thận lắm, mà ra thi-bành thì ngài nhẹ-nhàng cương-quyết. Ra giặc, ngài ở trước tiền-quân luôn. Tính-tình vui-vẻ khoan-hòa; với tướng-sĩ dưới trướng ngài lễ-nhượng dè-dặt, không dè cho một ai được thấy ngài yếu-vị riêng. Ngài có trí nhớ chắc-chắn, đến đôi quân lính trong cơ-vệ của ngài, ngài biết tên hết. Ngài ôn-tồn nói chuyện với quân-sĩ, nhắc nhớ những trận này giặc nọ, rồi hỏi thăm tới vợ con quân-sĩ, hỏi con cái có cho đi học không, lớn định làm gì, hỏi rạch ròi tới việc sinh-nhai, đến vợ con của họ, thiết-tha cần-mẫn không chừa một việc nhỏ.

« Đối với khách ngoại-phương ngài tiếp rước tử-tế nhã-nhận lắm. Ngài mến mấy ông thủy-sư Pháp trợ-tá ngài và đãi họ rất hậu rất thân. Hoặc đi săn, hoặc có cuộc hứng thú gì, ngài sao cũng mời một hai người Pháp đi chơi. Ngài mến yếu-lý của đạo Gia-tô, ngài cũng nói thật với mọi người; rồi ngài cho hành-đạo, rồi cũng cho nhiều đạo khác lưu-hành trong nước. Ngài giữ đạo hiền rất kỹ, mỗi việc đều theo Khổng-huấn mà cư-xử. Ngài hầu bà quốc-thái như con trẻ hầu thầy, bà quốc-thái bấy giờ hãy còn khỏe. Ngũ-kinh tam-truyện ngài nắm lòng, lại nhờ đức Bá-da-lộc dịch từ đoạn sách *Bách-khoa toàn-thơ* ra chữ Tàu, ngài học qua nghệ thuật Âu-châu, cần nhất là việc đóng tầu biển và việc hàng-hải. Người ta nói, mà kẻ nói đó đáng tin lắm, rằng ngài học qua việc đóng tầu rồi muốn thi-bành ngay. Ngài mới mua một chiếc tầu Bồ-đào-nha, tự tay tháo ra từng miếng ván một, rồi theo li tấc làm theo từ miếng cho đến ráp đủ lại thành một chiếc tầu mới mới nghe.

« Trí tuệ mẫn-đạt, mà sức lực ngài khỏe mạnh, nên cách hành-động của

ngài lạnh-lẹ mà đặc quả. Xứ ngài rộng-rãi phồn-thịnh, mà người ta nói việc ước trảm mỗi Yá một tay ngài chủ-động. Nào hải-cảng nào xưởng binh, ngài thân-hành kiểm-đốc cả. Ngài đứng kỹ-sư đóng tàu, kỹ-sư coi tạo-tác, không việc gì phát-khởi kinh-doanh, không việc gì thi-hành là không có lệnh ngài hiệu-dụ trước. Chẳng những ngài tinh-tế dạy việc rõ-ràng, mà chính ngài cũng chịu cực đứng coi làm cho vừa ý.

« Từ năm 1790 Hoàng Nguyễn-Ánh thâu lại Nam-kỳ tới năm 1800, có hai năm 1797-1798 là được thái-bình. Có lẽ hai năm đó là quan-hệ nhất trong đời ngài từ trước đến giờ quá là sôi-nổi. Nhờ có Bá-Đa-Lộc cơ-hội nào ngài cũng cố-vấn như một vị quân-sư, ngài hết sức sửa-soạn trong nước. Ngài đặt một trại hỏa-diêm (*salpêtre*) ở Fentan (?), phòng-lộ thông-thương các trạm-dịch với các thị-thành, hai bên trồng cây mát-mẻ. Ngài khuyến-dụ trồng cau, trồng trâu. Vì trước Tây-sơn đi qua đã phá nát; hậu-thưởng các nhà tầm-tơ, đặt trại nấu chai, nấu dầu. Ngài khiến làm mây ngàn khâu súng ngòi, khai mỏ sắt, xây lò đúc, đặt quân vệ, mở trường võ-bị, kêu các võ-quan Pháp dạy tướng-sĩ học đại-cương về thuốc đạn, pháo-binh. Cổ Bá-Đa-Lộc phiên-dịch ra hán-tự một bộ binh-thư cho quân-sĩ học. Trong khoảng hai năm đó, ngài dạy đóng 300 chiếc chiến-thuyền có đặt thần-công, 5 chiếc ghe ô và một chiếc tàu buồm theo kiểu tàu phương tây. Ngài nhập-dụng một phương-pháp thủy chiến mới và dạy thủy-quân học dùng dấu hiệu. Một người Anh-cát-lợi có ở Sài-gòn tới năm 1800, như tôi đã nói, có thấy một bộ chiến-thuyền 1200 chiếc, hoàng Nguyễn-Ánh cầm soái-lệnh. Bộ chiến-thuyền kéo neo, thả xuống sông Bến-nghé, chia làm ba đạo, bày trận, khi kéo hàng dài khi thúc

hàng vẫn, theo dấu hiệu tới lui rất có thứ tự.

« Cũng trong lúc này thái-bình đó, ngài định sửa luật-lệ, và cổ Bá-Đa-Lộc giúp ngài nhiều, sự ấy không ngờ được. Ngài bãi bỏ nhiều hình-tội luật bản-xứ đặt ra từ xưa. Những lệ hình-phạt quá lễ không cân với tội, ngài cho giảm chể. Ngài lập học-hiệu, buộc gởi con trẻ đi học từ 4 tuổi, không thì phải phạt vạ, đặt lệ cân-phân tư-lợi trong cuộc buôn-bán ở bản-xứ dạy bậc cần; ở duyên-hải, chỗ nào cồn rạn nguy-hiểm ngài dạy thả trái nổi, đánh dấu và dạy khám-sát các vịnh các cửa biển luôn. Ngài sai nhiều quân sừ lên miền thượng-du phía tây xứ của ngài, hiệu-dụ người Lào người Miên-tử, là dân mọi-rợ, ngài có ý muốn giáo-hóa cho có cương-thường và cai-trị cho có lễ-lối... Thật ông vua này minh-mẫn cân-cân về nghệ-thuật lâm, sánh với Hoàng Pierre de Russie ngang vai; duy ngài không có cái độc-ác của Nga-Hoàng là khác hơn. Ngài làm gương lành; khích thích chí-khí của dân và không có sự gì duy-tán minh-trị xứ ngài mà ngài không làm ».

Thưa quý-ông quý-bà, những minh-chứng đích-dáng như kia thật là quả quý-báu. Nhưng nếu sau tên vua Gia-long chúng ta không nêu tên những vị khai-quốc công-thần thuở nọ thì chúng ta vô-tâm và có tội. Vua Gia-long là đệ-nhất biểu-hiệu cho đức-tín hùng-dũng của Việt-dân, mà bao nhiêu quân tướng một lòng trung-trực phò vua, chinh-đốn cơ-nghiệp, há chẳng phải là hình ảnh một đức tin của quốc-dân ấy hay sao? Lịch-sử của vua Gia-long chẳng phải là đoạn kỳ sử riêng của một anh-hùng xuất-thế. Chính là một tấn kịch hùng hồn, rộng nam vùng-vẫy bấy lâu, từ rày gặp hội, giao-long biến-hóa biển đông, theo một cái thiên-

chức sáng rõ, vua biết, bầy tôi biết, quốc-dân đều công-nhận. Thế mới có hoàn-phục hai chữ *Việt-Nam* tên của nước và đặt ra toàn quân trung-liệt lấy tên là « *Minh-ngĩa công-thần* » để làm khải-biểu và khuyến-thiện con dân muôn thuở. *Minh-ngĩa*, tức là khêu rõ cái đạo-ngĩa của giòng Nam-Việt phải tận-tâm kiệt-huyết mà làm vậy.

Mở rộng hoang bán-đảo Ấn-độ Chi-na từ Nam-quan, Cao-bằng, chí Cà-mâu, Cần-vọt, cho con nhà họ Việt đủ dương canh dung thân, — đồng hóa các thổ-dân nhập lại một họ Việt sinh-hoạt trường-cửu, — dụng hết tinh-thần mà gây nên một văn-hóa mới cho Việt-dân, — qui-nhất nhân-tâm người Việt. Kết-tinh lại thành một quốc-gia đạo-ngĩa để lập nghiệp lâu dài, — ấy là công-đức chung của Việt-dân từ thời-kỳ tự-chủ chí vua Gia-long. Công-đức ấy lớn, nhờ tinh-thần bất-diệt của dân lính, nhờ đức-tín mạnh, nhờ hoàn-cảnh. Quý-hóa thay đức-tín và hoàn-cảnh tự do.

Đức-tín của Việt-dân đó, tinh-thần quốc-túy của Việt-dân đó, hồn-linh nghĩa cái sống của Việt-dân đó. Trải qua lịch-sử đất Việt, thần-dân bao giờ cũng nuôi sâu trong tủy-óc câu tâm-niệm của chúa Lam-sơn: « *Lam-trai sinh ở trên đời, nên giúp nạn lớn, lập công to, để tiếng thơm muôn đời, chứ sao lại chịu bo-bo làm đày-tớ người?* »

Và nói rằng Việt-dân không có một cái chủ-ngĩa quốc-gia mạnh-bạo, không có cái chí-hướng đồng-sinh đồng-tử, sống gửi nạc thác gửi xương ở đất này, ấy là nói sai sự thực. Và những ai xướng rằng hồn đất Việt phiêu-lạc, quốc-túy Việt-Nam tiêu-diệt đi rồi, những người ấy không ngu xuẩn cũng thật-thà, không nói mộng cũng nói mị. Hồn Đại-Việt ai bắt ai

cầm về đầu mà có kẻ phò rằng « *Nước Việt chỉ là một mớ bụi nát quốc-gia rời-rạc?* » Lầm! Lầm to! Lầm sần! không lầm thì độc.

Nghĩa quốc-gia là biểu-hiệu đức-tín của dân-đoàn và dân-đoàn còn tên tuổi với lịch-sử là nhờ thờ nghĩa quốc-gia. Thờ chào chính-đạo thức-thời thì vận nước thịnh; thờ không sáng rõ, thờ không hết lòng thì vận nước suy. Có dân-tộc nào tránh được cái dở mà một mực hưng-thịnh mãi bao giờ?

Thái-tử Đảm theo vua cha đánh nam dẹp bắc, qua năm 1820 lên nối ngôi trời, niên-hiệu Minh-mệnh. Vua Minh-mệnh thay quốc-hiệu là Đại-Nam, chẳng phải khi-phách một vị anh-quân muốn nối chí vua cha bá-quyền cả bán-đảo Ấn-độ Chi-na thì là gì?

Chỉ muốn nối, mà rồi vua không dựa lòng dân nên rồi lại không nối. Công-nghiệp tiền-triều hùng-vĩ bao nhiêu! Ba-mươi năm chinh-chiến, mười-tám năm trị-vi. Đức Cao-hoàng nằm xuống, sơn-hà xã-tắc sụt-sùi chưa an. Thế mà Thánh-tổ mẫn tậ đa-nghi, sát-phạt công-thần, xích-mịch trăm họ, không giữ nền nhân của vua cha mà cai-trị, nên chỉ công-nghiệp của ngài về chính-trị không nhỏ, mà cuộc Đại-Nam lại rùn động từ đời ngài bình-chính vậy. Đức Minh-mệnh bỏ quốc-hiệu Việt-Nam thật là có ý gấp quá và thất-sách cũng từ đó.

Nền quốc-gia Việt-Nam rùn động mà trận bão ở tây-phương đã kéo đến mìn-mật rồi kia.

V — Mất đức tín buổi Đông-Tây xung-đột

Rồi luồng bão Đông-Tây xung-đột lại đến ngay.

Vua Gia-long nhất-thống đất Việt, tôi coi trình-độ nước ta bấy giờ tụt-tiêu với trình-độ nước Pháp về đời HENRI IV, tuy truyện của ngài với bấy-tôi trung-hậu giống với truyện vua CHARLEMAGNE hơn mặc lòng Đất Việt, Bắc Nam Trung, ba-mươi-bốn triệu mẩu, bấy giờ khai-thác mới có ít, rừng rú còn nhiều, việc thông-thương uất-tắc. Người trong nước còn phải đi lại chung sức làm ăn với nhau cho dễ-dàng thì tinh-thần đức tin của nước mới hâm-duỡng được mạnh. Mà đây là đầu thế-kỷ XIX. Trời Âu lửa giặc rần-rần, liệt-cường tranh-bá, rồi vận-hà Suez sẽ mở, rồi vì một sự tranh nhau tự đầu đầu, các nước kéo đi chinh-phạt châu Âu châu Á, mượn thế-lực thực-dân kiếm thêm vi kiến. Ấy là thời-kỳ Đông Tây gặp nhau.

Một cái văn-hóa tinh-cách hiếu-linh, từ lúc phối-thai đã dấp Vạn-lý trường-thành dễ cố-thủ, trầm-tư mặc-tưởng ở chốn linh-thần, — với một cái văn-hóa tinh-cách hiếu-động, hiếu-kỳ, trộm lửa ở thiên-đình mà chơi, mới xẻ quả-cầu từ trên đỉnh đầu non chi ruột đất, mưu cầu cái sống cho xinh-xuê, xẻ đất cho tiện đường hàng-hải để cực-lực huyết-chiến tranh-lợi, — hai cái văn-hóa khác nhau bao nhiêu, bấy giờ bắt đầu đối chọi nhau ở Thái-bình-dương.

Vừa đối-diện là Tây-phương tiến và Đông-phương thoái. Tây-phương tiến vì hiếu-động, vì đã thám-hiêm bằng đường tự hồi nào, từ Marco Polo là phải. Đông-phương thoái vì tự hồi nào miên-man trong cõi huyền-bí, tự-tu tự-tín phải, rồi tự-cao tự-phụ, không e-dè để ý coi ngoài triết-lý qui-bán của mình, còn nghệ-thuật chân-lý gì khác chẳng. Nhưng tiến đó, thoái đó, cho thắng-bại là phản-tranh nhau đầu.

Cuộc Đông-Tây xung-đột chùng nào xong? Đông-phương, Tây-phương rồi

bên nào hơn. — « Đông-phương là Đông-phương, Tây-phương là Tây-phương », KIPLING nói: — Đông-phương Tây-phương rồi có thương nhau được không? — « Không nên lộn giòng. Giòng nào giữ theo giòng ấy là hơn. Đông-Tây sở dĩ có đá vàng gần bó đôi hời, thì hai bên sac cũng có một đá vàng-bán biệt-tộc đi rồi trước khi »; đây là nhà thực-dân A. DE POUVOIRILLE trả lời khi phê-bình tiền-thuyết « Vạc da trắng, chông da vàng » của cô CHRISTIANE FOURNIER. Tây-phương tiến mà có chiều thất-vọng, không tin rồi cứ một đường tiến mãi được. Trời Âu biển Á còn lắm vẻ ly-kỳ.

Đông-Tây xung-đột ở Á-tế-à, người Ấn-độ, Mã-lai, Việt, Tàu, Nhật thấy lực-lượng cơ-khí hoạt-động mãnh-liệt của người Âu, loạn-thần mất đức-tín cả. Người Nhật R. GUENON nói: Nhật tinh-cách gần Tây-phương hơn các dân Á, nói mà chê cái gốc bạo-tán của Nhật chớ không khen — Nhật phục đức-tin lại tức-thời, rồi trong non nửa thế-kỷ so vai đối-phó với cường-quốc Âu-châu Ấn-độ có đức-tin, Tàu có đức-tin. Việt-dân bị mê-thần, đức-tin bị suy-nhược hèn lâu, nay mới có chiều hồi-phục.

Thưa qui-ông, qui-bà, nhà làm ruộng xứ ta thường biết. Cũng một thứ giống, cũng một nết đất mà năm nào thuận mùa lúa trúng thì bông sai mà hạt dày, hạt lại trắng da, tươi sắc, nặng cân. Năm nào trời nghịch, mất mùa, lúa èo-uột, thưa bông lửng hạt, vỏ lúa tàn-nhan rần-rực khó coi, rế lên một cái thì bụi-bụi lúa lép bay hết phần nữa. Giống tốt nọ lại dốc ra thứ « lúa ma » tốt ngọn xơ rơ, có bông dài mà không đậu được mấy hạt, sánh với lúa chỉ có cái hình.

Thì trong tâm-lý người Việt thừa-tiếp của tiền-bổi, chúng ta nhận có cái

tinh-thần tự-tín tự-tòn nảy nở ra những tinh-chất cường-dũng, đào-tạo ra những công-nghiệp cao đầy rực-rỡ cho nòi giống, — và một cái suy-thần bất-tin bất-trọng tập-nhiễm từ lúc tôi tớ người Tàu, nảy nở ra những ác-tính gian-xảo nhu-nhược, cảm dỗ dân ta làm những việc đê hèn khả-ố, chúng ta còn cảm gan thay, hướng-hồ là ai ai. Thiện-tính, ác-tính ấy, cũng như tinh-chất cây lúa tùy trời thuận nghịch mà phát-triển. Nên chi cũng một vốn văn-hóa phong-phú của Tây-Âu mà Nhật, Tàu, Ấn-độ, Xiêm-la hấp-thụ một cách khác, còn Việt-dân ta hấp-thụ một cách khác.

Tiếng súng dất rền, quân Âu mở đường tiến binh. Lòng đơn trời tổ, binh Việt xưa nay thao-lược sành nghề đặc-chiến với Tàu, với Chiêm-thành, nay không hiểu cái cách đánh giặc mới này nữa. Quân chết vô-số. Nam phụ lão ấu thất vía kinh hồn, chạy quá nông-nọc dút đuôi, «vo quần chạy cho dễ, nào cái vác, cái lá chằm, cái sắn, cái dưng tre, lấy che đỡ gạt đạn», P. Loti nói, ông bà ta nói; chạy nhau trốn bụi núp bờ, càng ô-rô mái dầm nét mặt. Chẳng mất đức tin thì còn sao nữa? Vua quan mất tin luôn, rồi không còn biết day trở làm sao nữa.

Sĩ-phu trong nước có kẻ thờ-thời xướng cải-cách. Chỉ-khi vừa tới đời Gia-long bấy giờ mờ mịt — đến «minh nghĩa công thần» đã phế từ đời Minh-mệnh— rồi vua tôi không làm gì được. Sĩ-phu trong nước có kẻ xót người xưa cảnh mới sôi-nổi lên kháng-cự. Lại có sĩ-phu khác cũng rần rần gà nhà, vén lưng cho người xem vết, vác giáo cho giặc nữa là khác. Các ác-tính Việt-dân thổ-lộ buổi đó, mà ngày nay hãy còn hay không? Người hậu-sinh chưa dễ biết. Triều-đình càng gỡ càng mắc, thói đánh giao trọn số phận An-

Nam (bảy giờ quên Việt-Nam) cho các quan thủy-sư khâm-sứ mới.

Rồi sinh-sản, rồi làm ăn, rồi yếm-cự nghinh-tân, rồi cải-cách, rồi tiến-bộ. Tiến-bộ thật, con số rành rành, tiến-bộ về vật-chất, bởi vì cái văn-hóa mới giàu dàng nào thì cho ta dàng ấy. Tinh-thần tân-khách khác một trời một vực, ông cha ta dễ gì thấu hiểu liền đó, mà vừa tự-vệ, vừa thâu-nhập cho được ổn-thỏa?

Tinh-thần cổ-quốc không bảo-vệ, bảy giờ phụng-hoàng đua, se-sẻ cũng đua, mâm sơn nhíp mâm nan cũng nhíp. Thấy người ta sang bắt quàng làm họ. Ông chủ mới của Việt-dân sang quà, sắn-lạn quà và mạnh quà. Ông ấy có tri tin rồi pháp-hóa cả nửa thế-gian là ít. Ông cũng hận sĩ-phu An-Nam gây loạn-lạc mãi, đoạn dẹp bỏ cả nền cựu-học ở Nam-kỳ, còn ngoài kia thì quan-trưởng Nam-Việt may còn được áo mão đủ. Tiên-nho có kẻ khoe tinh-thần cổ-quốc:

*Nghi-ngút tro tàn dân đạo-nghĩa,
Lờ-mờ bụi đóng cửa trâm-anh.*

Than tiếc mà quốc-dân đã mất tin đi rồi khỏi đầu khuất-thân miệt-phục với tân-trào. Rồi học tây, rồi Âu-hóa, Âu-hóa cái nón, cây dù, cái áo mưa, điều xi-ga, cây ba-toong, đôi giày *derby* bỏ đồ nữ, cái tủ búp-phê, v. v., đây là chữ của văn-sĩ tây nam, của De POUVOURVILLE của ROLAND DORGELES, của báo-giới ta, tôi xin thề không có bịa đặt. Âu-hóa có vỏ nõ ruột. Cái vỏ đó cần lắm, — diễn-giả có hơn gì ai mà không sấm cần-thận, — vì người đứng trong bộ khăn đen áo dài kia bị đòn nhiều quá. Tôi quên vì một lẽ đó có kẻ thay cả tên họ, như Nguyễn-văn... kêu lại JEAN GUYEN... Phải mà mượn được cái da trắng mơn, cái tóc hoe của người Âu thì ắt họ cũng không tha. Tôi quên cái tiếng tây, cái tiếng cần-dùng phải biết

đặng hiểu cái lẽ mạnh của người mạnh hơn mình. Nhưng ham quá, học nhiều quá rồi có ngày kia năm ba ông tân-nhân-vật trở lại thọc tay vào túi quần nói rằng: thời-đại mới không có luân-lý gì hết. Thế-lực ở kim-tiền, ai nhiều của thì hơn. Hoặc lại vò đầu bứt óc, cái óc học duy-trí bất-duy-tâm mà hạ-miệt rằng: An-Nam già-cổ, Khổng-giáo hủ-lậu còn gì mà mong! Ông cha để lại cho dân An-Nam chỉ có những tập-quán đê-hèn. Đạo thờ cha cúng tổ là cái tục chuyên-chế cái di-tích tuổi man-di đó. Vì thờ liêu tổ-tiên nên tính man-di vẫn còn mãi. Ông cha áp bức con cháu trong quyền tộc-trưởng, đến chết hầy còn áp-bức, v. v..

Bá-tước SFORZA kêu đùa rằng tân-nhân-vật An-Nam đồng-hóa với Tây-phương đó. Kỳ-thực vị-tất nhập vào xã-hội Tây-phương người ta lại không kinh-ngạc ông tân-nhân-vật kia. Tinh-thần sĩ-phu truy-lạc đến thế là cùng. Mà thậm là cái bi-trạng ấy nó kéo mắt như cái gì mới lạ, rồi quốc-dân đương hồi-tâm bất-định, lầy-quầy dòm theo bất-chước mãi. Cái mất đức-tín nó lây đó, nó lây tràn xã-hội, làm cho một văn-sĩ dân anh ló rầu cho cảnh «tro tàn đạo-ngĩa, trâm-anh lờ-mờ» của nước nhà mà rằng:

«Ở xứ khác thì tin-ngưỡng dầu có mai-một sạo cũng còn giữ lại trong trí người những phong-tục bền-bỉ như lần xếp khó mất vậy. Xứ ta thì hạng thượng-lưu trí-thức chỉ có tính yếm-thế, mà bình-dân thì dị-doan mê-tin, đạo-tâm bao giờ cũng nông sơ. Nên chỉ luân-thường hiếu-đạo, phong-tục thờ cha cúng tổ bao giờ không có chế-độ tộc-trưởng và lễ-nghi trật-tự kiểm-thúc, coi hình như không còn nguyên-lý phải sống nữa mà chỉ, bấy giờ mới lần lần mờ tối, khiến cho trí-não tâm-thần quạnh-hiu vắng vẻ, không dễ gì tái-bồi vậy.»

VI.—Đức-tín hồi-phục

Thừa may cái điều «làm tây quá tây» đó rồi nó cũng qua. Nó phải qua, vì một dân-tộc có nín lại được cái tinh-thần cổ-hữu của mình thì mới tránh được «hai cái nguy-hiểm, theo LUCIEN-ROMIER, xưa nay đánh tiêu các cuộc văn-hóa. Nguy-hiểm thứ nhất là nhắm mắt đưa chân, buông trôi theo dòng không có tâm-lực phản-kháng với thời-thế xoay vần, với hoàn-cảnh biến-đổi; nguy-hiểm thứ nhì là vụng tu tự-do tự-lực, thiếu kiến-thức tri-độ, rồi không chủ-trương cuộc cải-cách của xã-hội, do bởi nền kinh-tế biến-đổi mà xảy ra». Tránh hai cái nguy-hiểm đó rồi mới nói chuyện tiến-hóa.

Việt-dân bây giờ tự-giác, tự-tỉnh; sử Nam bây giờ rành-rành trên cả tường quảng-cáo, các báo chí. Người Việt bây giờ lần lần thâm nhập tinh-thần cổ-quốc mới suy-nghĩ làm sao trở lại cốt-cách tinh-tinh của dân Việt ngày xưa,—lạ cái cốt-cách tinh-tinh không bỏ được, mà lảng đi thì người ta chê kia. Tính-cách Việt không mất, Việt hồi-phục lại được. Rồi,—như thần ATLAS khi dựa thân vào đất mình mẹ,—Việt khỏe mạnh mà tương-đương với thời-thế. Vậy mà có kẻ nói Việt nhờ Âu-hóa mà giải-phóng tinh-thần thì nghe cũng lạ. Hiềm thay cái mặt ngọt nó chết ruồi!

Phục đức-tín lại được, Việt-dân có khi nhớ những lúc giông ruồi đỉnh núi đầu non, dưới nội ngoại ghềnh, vui say chốn sa-tràng chiến-địa, toại-chí với chữ công-danh. Việt ngậm-ngùi chán ngán, tự trách: không có gì sỉ-nhục bằng cái khiếp nhược, mà cái khiếp-nhược thiên hình vạn trạng. Việt có nhiệt-huyết, Việt tuổi trẻ măng, Việt hăng-hái quá, Việt nghĩ «tiếc công bà Nữ-Oa đội đá vá trời», Việt thương

« con dã-tràng lấp biển biết đời nào xong! »

Việt có ngày sầu-não muốn liêu vạn-tử nhất-sinh, không nên công-nghiệp là sự đã đành, mà thôi cũng rửa hồ cho cái sống vô-vị tuổi trẻ đầu xanh cho rồi. . .

Qua buổi Âu-sầu Việt rồi lại nghĩ. Việt nghĩ vận-mệnh nước nhà con dân họ Việt cầm chắc trong tay, trình-độ cao thấp chỉ nhờ cậy lấy dân ta, vậy sự làm liêu lại là một cái khiếm-nhuợc khác. Việt giắt mình nhớ lại đức Cao-hoàng thừa lưu-lạc giang-hồ, thương dân quá mà than: « lấy nước lại mà đến nỗi mất cả lòng dân ái-mộ thì lấy lại làm gì? »

Chỉ cả nam-nhi, Việt đâu thấy sống cả mà rả tay chèo? Việt quý tự-do, nhưng vẫn biết tự-do có khi biến, có khi thường, lối từng-quyền, lối chấp-kinh. Việt xét có nước tự-do mà người không tự trị cũng là tự-do hão. Lại có nước không có tự-do mà người tự-trị rồi cũng có tự-do. Tự-do có khi đeo cái thảm-tượng con người bị vật-dục lôi cuốn trong đường vật-chất, coi còn sỉ-nhục hơn lúc trần-trụi ăn lông ở lỗ. Việt khôn khéo biết trọng đường sinh-nhai chỉ cần-kiệm là nguồn gốc tự-do, còn tự-do tư-tưởng thì thật như gió đông không ai ngăn rào. Rồi Việt tự một mình gỡ nhãn cho mình, lột khối óc cho mình mà biến-hóa.

Việt nghĩ tới cuộc tiến-hóa cận-thời tàn hại bao nhiêu — hay cho cái tiến-hóa nó dắt đi đâu! — ngao-ngán cho quả cầu hình sấp tiêu-tán trong sóng giặc kinh-tế, giặc khoa-học. Việt nghe chừng văn-hóa Âu Mỹ có chất hiềm độc, độc vì thờ cái sừng thân, độc vì đua tình vật-dục. Việt thầm niệm những bài thánh-huấn quá ư thiết-thực của nhà Phật, của đạo Lão, của Khổng-gia. Việt cũng tiếc cái đức của kẻ nằm

trên thánh-giá mong cầu chuộc tội cho thế-gian mà ngày nay coi như ái-nữ của nhà thờ La-mã đã nguội lòng phụng-sự. Việt nghĩ thế-đạo nhiều nỗi khắt-khe, cuộc thiên-diễn quá ư đối-địch. Việt liệu bề thế-kỷ 20 này mà khởi đầu đi học đạo giết người cho tính dễ tranh hùng tranh bá, thì nghịch thời-gian quá. Việt xét cùng điều cạn lẽ, nghĩ có ta mà trước có Trời, Việt có trí tin thờ Trời cũng là phép tự-vệ hay, Việt nuôi chí-hướng cao, đồng-thanh nguyện với thi-sĩ TAGORE :

*Đó là chốn lừng-lừng khi-cốt,
Đó là nơi khoát-đạt tâm-hồn;
Là nơi tình-cảm chan chan,
Là nơi đời chẳng tương-tàn tương-lì.
Đó là chốn « Tri-tri cách-vật »,
Đó là nơi nỗ-lực thành-công;
Là nơi đạo-lý quán-thông,
Thanh-cao chẳng lẫn trong vòng tối
Đó là chốn vững cầm thiên-ý, [tâm.
Bước vào nơi ngõ trí đường nhân;
Thảnh-thơi trong cõi tinh-thần,
Giang sơn lỏ-quốc muôn phần tỉnh-tươi.*

Lòng dặn lòng những khi ái-ngại, Việt nghĩ sống thì tu, tu mới sống, không tu thì cũng như tu mới là. Thế nào rồi cũng tạm xử cho yên đạo làm người.

Đều không hện mà nên. Người nông-gia cây sâu cuốc kỹ, đã nghĩ đến cái lẽ mạnh vì gạo bạo vì tiền, muốn phú-cường bền vững thì phải vậy. Công thương mở hội đua tranh tấn phát, đồng có mây tây có sao, chị ngã em nâng, rách lành đùm bọc. Có vậy không? tôi xin hỏi thính-giả. — Chí-hướng sáng rõ của kẻ nông công thương là mau mau khai-thác điền-địa của ông cha đã đạp dấu chiếm-cứ trước kia. Khai-thác sản-lợi theo mục-dịch « kinh-tế nội-hóa » cho anh em họ Việt nhờ đó mà sống vinh với người ta, khỏi nô-lệ về món ăn, về vật-dụng, cái nô-lệ đó

nó còn buộc chặt hơn luật-lệ quyền-uy. Chí-hương ngấm ngấm của quốc-dân là làm sao đất Việt không còn một góc hoang-vu người Việt không làm chủ mà không xói bởi xuất-sản bán buôn; làm sao Bắc Nam Trung trong cương-vực của Cổ-Việt không còn một thoi đất, một đỉnh núi, một hải-dảo mà không có cái tên bằng tiếng Việt, vì tên xứ là cái triệu-chứng sự sinh-hoạt bền-vững chắc-chắn của dân-tộc xứ ấy vậy.

Sĩ-phu lại có đức-tín hơn, nhẫn-nại cần-cù hơn. Có vậy không, tôi xin hỏi thỉnh-giả? Trong buổi giao-thừa. — sánh buổi giao-thừa ở Pháp có một đêm, 4 Août 1789, — ở Nhật có một ngày, năm 1868, thì ở xứ ta buổi giao-thừa quá dài thật, — tam thời sĩ-phu đất Việt học tây, học tây riết, rồi học Hán-tự, học Việt-ngữ, chí-quyết học cho tinh-thông, « tị-ố cái dở hơi » như một bạn thanh-niên nói, đốt hương mà học đề đạt cho chí-lý cái tinh-thần nước nhà, cho tương-tân văn-hóa tây-phương, học của người là học cầu mượn đỡ để làm giàu cho mình — rồi sẽ tài-bồi có khi — chứ không phải khuất-phục mà học. Chí-quyết sĩ-phu không phải cầu cho trông quan-trưởng bao nhiêu ghế thờ lại, ngoài thương-giới bao nhiêu chức-trách củi luồn, đều về tay Việt-dân cả. Cầu thực hiễn chí kễ, sĩ-phu há lại thua kẻ bình-dân vui-thú với tự-do ở rừng sâu biển cả, tấc đất ngọn rau nuôi sống, mà chẳng biết cái sỉ-nhục uốn-éo thân lươn là sự vạ-bắt-dắt-dĩ hay sao?

Sĩ-phu coi việc liệu gió phất cờ, vinh-thân phi-gia, sống no hơn chết thêm là có tội. Sĩ-phu biết tự-trọng, xưa đừng bậc « dân chi phụ mẫu », thì nay cũng « thế trưởng quyền huynh ». Sĩ-phu là phần-tử sản lạn của quốc-gia, bao giờ cũng làm đạo tiên-phong dẫn đường cho người đồng-chủng. Sĩ-

phu không nhận cái trách-nhiệm đó thì còn ai? Sĩ-phu có đức-tín, quý tự-do, chuộng hành-dộng, nhưng cũng biết « dục tốc bất đạt », ó ré vật lộn với ma không phải là hành-dộng.

Ngôn trung-tín. hành đốc-kính. Sĩ-phu chí quyết độc thơ đề tự-tĩnh, tự-tôn, tu-thân, tề-gia, minh-đức tân-dân. Phải. Tân-dân theo chân-lý. Muốn tân-dân, sĩ-phu mong đem bao nhiêu trí-tri cách-vật làm phẩm-thực cho nhân-loại ngày nay, truyền-bá cho người đồng-chủng học lấy mà tranh khôn đua khéo với người. Chí quyết sĩ-phu là làm sao cho trong rừng khoa-học thâm-u, trong biển tôn-giáo vôi-vọi, không còn một sự-lý, một tư-tưởng gì mà không dạy cho Việt-dân bằng tiếng mẹ đẻ của người Việt. Tiếng mẹ đẻ của một là dân-tộc tinh-thần của dân-tộc ấy. Tu-tĩnh tinh-thần dân ấy mạnh, trau-giồi tiếng mẹ đẻ dân ấy cho thực giàu, ấy là trao cho dân ấy một cái cơ-khí tự-vệ chánh-đáng có một. Thì lo gì dân-tộc ấy còn bị hoàn-cảnh áp-bức mà diệt-vong?

Đức-tín của sĩ-phu có lẽ một nhân-vật ngày nay làm tiêu-biểu rõ-rệt, là ông Phạm Quỳnh, chủ-nhiệm kiêm chủ-bút báo *Nam-Phong*, tuy nói thể thì xót dạ một ít người mặc lòng, những người ấy xưa nay chuyên nghề lên án kẻ tội và cũng hay say với cái triết-lý hẹp-hòi « năng thuyết bất năng hành ». Nhưng nói thể ông thượng-thơ mới chưa cười là nói đùa, bạn-tác chưa chế ách giữa đang sao mang lên cổ, thì tôi đã sợ có tội với người khuất mặt.

Sĩ-phu khuất mặt, hữu-công mà vô-danh là trong cận-thời những kẻ vì đức-tín mạnh, xui khiến đi chẳng hiệp thời, rồi nói không ai nghe, làm không thấy người theo, « thẳng mực tàu đau lòng gỗ vậy », mắng đeo cái chí-khí

lầm-liệt, cái tội sanh bất phùng-thời đó, mà ra trăm lầm ngàn lỗi, tấm thân cô-khở lắm mà hao-mòn bấy lâu.

Sĩ-phu khuất mặt hữu công hữu danh với tinh-thần quốc-gia, là cố Trương Vĩnh-Kỳ, Hoàng Tịnh-Cửa, Trương Minh-Kỳ, đồ Chiếu, cử Trị, là Phan Thanh-Giản, Nguyễn Tráng-Tộ, Phạm Phú-Thứ, Đoàn Thị-Điểm, Nguyễn Du, Lê Quý-Đôn, Nguyễn Trãi, Mạc Đĩnh-Chi, Ngô Sĩ-Liên, tài-tinh dầu kém nhà Châu nhà Tống, chí-khí há không so với Di Tề có khi sao ?

Sĩ-phu khuất mặt mà sống mãi với nhật-nguyệt là những sĩ-phu minh-nghĩa công-thần, ăn tuyết nằm sương, xương bọc da ngựa, tri-dũng kiêm-toàn mới bền giữ đất Việt đến tay ta thừa-ấm, là Lê Văn-Duyệt, là Chu Văn-Tiếp, Võ Tánh, Ngô Tùng-Cháu, Nguyễn Trung-Trực, Nguyễn Văn-Thành, Phạm Ngũ-Lão, Lý Thường-Kiệt, gan anh-hùng không đo với Quan-công, với Nhạc Phi, với MARÉCHAL NEY, với LA TOUR D'Auvergne sao ?

Sĩ-phu khuất mặt, mà mộ-phần chưa khô là kẻ dân anh hùng ta, tên Đỗ Hữu-Vị, Trần Thanh-Cần, Dương Văn-Ngo, Hà Văn-Hanh, Trần Bá-Tảo, v. v., với vài mươi ngàn người mộc-mạc bình-dân giống họ Việt, xương gởi đất khách và công ghi sử xanh. Vừa hôm kia, người Pháp, đồng-hội đồng-thuyền với ta, kêu Việt-dân mà bảo rằng : « Cường-quyền đoạt công lý, cuộc văn-minh của nhân-loại thậm nguy » ; thì kẻ dân anh hùng ta tinh-nguyện chung vai với Pháp, cùng người Pháp liều thân mà bảo-tồn cho nhân-loại cái cao-vọng thiết-cần, là : « Công-ly phải thắng cường-quyền ». Người dân anh hùng ta đâu có quên với cái nghĩa : « từ hải giai huynh đệ » ; đối với nhân-loại công kia thật không to, đối với họ Việt đức nọ cao dày, quốc-dân đều công-nhận.

Nói đông nói dài, kể tài hèn kể đau cho biết công-đức người xưa, mà dân một xứ lại phân-biệt một bên sĩ-phu, một bên binh-dân, thì thật là đốt lại thêm vụng.

Trung, tín, liêm, cần, dũng, liệt, chí-khí của sĩ-phu của binh-dân Nam-Việt «tùng nhất nhi chung» là vậy vậy. Người đời sau chỉ có bất-chước là đặc-quá thành danh.

Đạo nghĩa nước nhà có tên có tuổi, gương tài đức chói rạng với non sông, duy có người day lưng đình chùa nhà ngo luôn ra hải-ngoại thì mất lòng tin, mà mất lòng tin rồi bao giờ cũng bất-mãn, bất-mãn rồi bối-rối không làm nên sự-nghiệp là vì Phật Trời đâu có chứng-minh cho kẻ niệm hương mà xây lưng bàn Phật.

Bởi xầy đàn tan nghề, mà đạo-nghĩa nước nhà tan. Ngày nay quốc-dân phục-hồi đức-tin, lấy đạo « minh-nghĩa » của ông cha làm tinh-thần, làm cao-vọng của tổ-quốc, lấy nghĩa « quốc-gia » làm tín-diệu làm tôn-chỉ, cùng nhau nhất-nguyện sống toàn nhân-cách. Vậy nên trăm họ vững lòng mong mỏi cho hậu-vận Việt-Nam.

VII.-- Kết-luận

Thưa quí-ông, quí-bà « Trên con đường thiên-ly gió thổi bụi bay, bay năm châu bầy quạ rồi lại dờ về đường thiên-ly ». Thì bao giờ người còn thương, còn tưởng, còn nhớ, « bao giờ trên nền cũ-kỹ đất tổ quê cha mà còn một kẻ sống, trước đã được nghe tiếng của tiên-nhân ăn nói dặn dò. Ấy bao giờ tiếng nói của tiên-nhân hãy còn dội dờ trong tâm-não của chúng-tộc. Tiên-nhân truyền thanh qua rồi mới chết, chừng đó mới chết hẳn. Sau mỗi người khuất mặt còn nổi dài bao nhiều người khuất mặt ; mà nhớ tới

một người, là kêu gọi nhớ luôn tới mấy mươi đời người biệt-mù trong bóng tối ngàn thu ». Đây là lời của một văn-sĩ Pháp, HENRI BERAUD ở tiểu-thuyết *Le Bois du Templier pendu*, khảo về tâm-lý của binh-dân xứ Pháp.

Người *Spartie* lại có câu hát : « Xưa các anh thế nào, nay chúng tôi cũng thế ; nay các anh thế nào, sau chúng tôi sẽ thế », RENAN nhắc lại khen cho là « câu hát bình-dị mà thật tóm tắt được cả bài quốc-ca của các nước vậy ». Ngài nhận rằng : « thờ tổ-tiên là sự thờ chánh-đáng hơn cả vì chính tổ-tiên gây dựng ra ta như bây giờ » và ngài có câu tuyệt-bút « người tiến-bộ chân-thật chính là những kẻ bắt đầu tôn kính phụng-sự công-nghiệp dĩ-vãng của ông cha vậy. »

Thế là cổ kim tây-phương có đạo thờ kính tổ-tiên, gốc sâu bền-vững trong binh-dân ; mà ở Đông-Á người da vàng nuôi chí-khí, dưỡng đức-hạnh của ông cha, ca-tụng ơn cha nghĩa mẹ trong sự hành-vi dĩ hiên phụ mẫu, dương danh hậu-thế, thật đạo hiếu của Khổng Mạnh là bất-hủ.

Đạo hiếu nghiêm-khắc thật. Nghiêm-khắc không phải vì luật-lệ, luân-lý, lễ-nghi, kẻ thừa-sự còn cải-cách theo thời được. Nghiêm-khắc vì buộc phải thương, phải nhớ, buộc quân-tử không nên hèn mẹ cha, buộc con phải hơn cha, cháu phải hơn ông-vãi. Hơn chứ không phải khác. Khác sao được ? gương mặt không đổi, tâm-lý lại có đổi là bao nhiêu. Hơn là phụng-sự tinh-thần của chủng-tộc mà tôn-trọng, mà tiến-hóa lên mãi, không phép chê Phật chùa nhà không thiêng mà thờ Thích-ca ngoài đường. — Diền-dịa của ông cha con cháu hưởng, thì phong-hóa, văn-tự là phần hương-hỏa trong tồn-nghiệp, con cháu phải vun bồi. Hương-hỏa của tổ-tiên mà hoang-phí đi, rồi

đem thân làm tội mọi cho ngoại-nhơn, ấy là chỉ ư bất-hiểu vậy.

Đạo hiếu còn nghiêm-khắc nữa. Đạo hiếu dạy : mày có một ông cha sanh mà thôi, thì mày cũng chớ làm ; mày có một tổ-quốc, mà mày thiết-tình thương mà thôi. Không có một cái lợi nào lớn, một cái nghĩa nào sâu mà gây nên một tổ-quốc thứ nhì được. Ngoài tổ-quốc, bao nhiêu nước đều liên-hữu đồng-minh được cả ; mà chỉ liên-hữu với đồng-minh mà thôi. Mày làm thì mày là đứa vong-bản biệt-tộc đó.

Thưa phải luật thiên-diễn không bó riết trong nền luân-lý chắc-chĩa, là vì cao hơn luân-lý còn một chân-lý thiên-nhiên. Là đều trời long đất lở cho Việt dân li-tán di như người Do-thái di nữa, thì Do-thái là Do-thái, mà Việt-dân là Việt-dân. Trời không long đất không lở, đất Việt còn người Việt ở đông-đúc, thì vận-mạng Việt-dân còn dài. Vậy thì Việt cứ sống, sống cách nào cho theo cốt-cách tinh-thần tổ-phụ, sống mà phụng-sự cái hương-hỏa văn-hóa đạo-nghĩa nhà, thì là theo sở-nguyện của ông cha và thuận thiên-lý đó.

Thủy-thỏ nào hoa-thảo ấy. Rồi sau này sẽ có văn-hóa Việt sung-túc. Thiên-cơ ai biết, đạo Trời ai hay ? Mà có dân-tộc nào lại rồi không có văn-hóa ấy hay sao ? Phận trước có, có sao sau lại chẳng có ? Thì đất Nam-Việt, Việt-dân cứ siêng cày, cấy sâu cuốc kỹ, trên đồng cạn dưới đồng sâu. Nền đạo nghĩa phong-hóa. Việt, con cháu Việt vun-bồi hương-hỏa, lấy mồ hôi nước mắt mà vun-bồi, đem tâm-huyết mà hương-hỏa. Khoa-học mới họ Việt gieo thêm, lựa giống tốt mà gieo, e-dè cẩn thận mà gieo. Rồi cứ cầu-nguyện, cầu với Trời Phật, nguyện với tổ-tiên.

Hết cơn nắng hạ, từ biển đông ngọn nam-phong sẽ đem trận mưa dào tưới nhuần đất Việt, cho người vật tươi tỉnh. Cảnh-vật tươi, con người tươi tỉnh rồi có đức tin ắt làm. Có đức tin mới nắng lửa mưa dầu không ngại khó, mới cần-cù cuộc nguyệt cây mây; mà có cuộc nguyệt cây mây, có đá vàng chí-quyết mới có giữ đức-tin được bền mà sống. Đức-tin nung lòng người rồi cũng giải-khát lòng người. Việt có đức-tin, Việt cũng như ai. Kia,

kia, ... « Nước non nhà, sự-tích cũ, chỉ cương-cường, gương tráng-sĩ, » dâng-đặc « trái bao xuân lại với thu qua ». Cớ sao Việt-dân lại không có đức-tin? Việt-dân có đức-tin. Việt-dân có đức-tin. Chúng ta đồng tuyên-thệ.

*Có tin thì lập biển không lâu,
Không tin dẫu qua cầu chẳng trót vay.*

NGUYỄN VĂN-LIÊN.

(Sài-gòn).

Có nên dạy toàn quốc-văn ở các trường hương-thôn không?

Từ ngày ngòi bút sắt cướp mất cái địa-vị của ngòi bút lông mèo, nghĩa là từ khi cụ-học tàn, tân-học thịnh, quốc-dân ta đều xu-hướng cả về chữ Pháp, học chữ Pháp, thích chữ Pháp, mê chữ Pháp đến nỗi như quên lửng rằng nói giống mình còn có một thứ tiếng thứ chữ trời xanh đã dành riêng cho nữa.

Mãi đến nay mới có người—người biết suy rộng xét ra—đã tỉnh ngộ, nhận ra rằng thứ tiếng thứ chữ trời đã ban cho mình đó rất đơn-sơ, rất giản-dị, dùng mà làm cái lợi-khi để truyền-dạt tư-tưởng, san sẻ trí-thức cho nhau thì không gì dễ-dàng và mau chóng bằng; và muốn cho quốc-dân ai cũng có được chút thường-thức phổ-thông, dùng thứ tiếng thứ chữ đó mà học mà dạy tất mau có kết-quả, kết-quả tươi tốt hơn là học và dạy bằng thứ tiếng thứ chữ nước ngoài, vừa 'ngoắt - ngoéo, vừa phiền-phức, nghe khó hiểu, học khó thông muôn phần. Nhận biết như thế nên muốn yêu-cầu chính-phủ thời dạy chữ Pháp ở các trường làng trường tổng, trường phủ huyện, mà chỉ dạy

nguyên bằng quốc-văn để cho con em chóng thuộc, chóng hiểu, chóng đạt được cái phổ-thông thường-thức. Như mới rồi nghe lâu cụ Thượng Phạm Quỳnh đã đem ra cống-biến quốc-dân cái ý-kiến đó. Cụ giải-quyết thế nào không được rõ, quốc-dân đối với ý-kiến của cụ thế nào cũng chẳng được hay. Song cứ ngu-ý của bĩ-nhân thời ai là người suy xa xét rộng và thực-bụng mưu-ích cho lũ dân quê tất nên đồng tình với cụ.

Nhưng báo Thanh-Nghệ-Tĩnh số 138 ra ngày 10-3-1933 bài « Lời dân ta oán » tác-giả lại bất-biểu-tình, dương lễ phản-đối. Nay xin trích thuật các lẽ đó để cùng chư-tôn độ-giả xem thực hư hay dở thế nào, rồi xin trần-lược ý-kiến của bĩ-nhân về vấn-đề đó, họa may có thêm rộng đường ngôn-luận chút đỉnh chẳng.

Trong bài đó tác-giả rằng: « Bảo-hộ không hiểu thấu tình tình ở dân-gian, khi ông tây gặp mặt người bản-xứ muốn hỏi gì, chưa có thông-ngôn thì chỉ biết nhìn nhau, hỏi không biết trả

...bảo không biết thừa lại... Sự cái tình hai nước không am hiểu nhau có nguy thành ra ly-nhị, xảy ra cái hại bất-phục hợp-tác...» Đó là lẽ thứ nhất tác-giả vịn lấy mà bảo rằng không nên thôi dạy chữ Pháp trong các trường hương-thôn. Lẽ đó ngoại-diện tưởng cũng có chút đích-dàng. Đích-dàng là vì tình-cảnh hai nước Pháp Nam hiện-thời tức cũng như thầy với trò. Trò có hiểu tình thầy, thầy có hiểu tình trò thì việc dạy dỗ mới có hiệu-quả. Cũng vậy, muốn cho Pháp Việt dễ-huề. Tây Nam thân-thiện, muốn cho mối dây liên-lạc của hai nước bền chặt thì liệu cho đôi bên am-hiểu tâm-địa tình-ý nhau là cần; điều đó ai dám chối?

Nhưng liệu cho hai nước hiểu-thấu tình-tình nhau phải chăng là nghĩa-vụ của dân ta là bên bị bảo-hộ? Phải chăng biết năm ba tiếng Tây ngo-ngoe như bọn học-sinh thôn quê khiến cho hai nước am-hiểu được tình-tình nhau? Thiết-tưởng chả phải thế. Vì rằng cái tình cảnh của nước Nam ta với nước Pháp ngày nay cũng như tình-cảnh của thầy với trò, con với cha. Vậy đem cái lý ở sư-phụ với đệ-tử ra mà xét thời thấy rõ: phần hơn là sư-phụ phải liệu thấu hiểu được tình-tử đệ-tử để mưu ích cho đệ-tử, vì mình khôn ngoan lịch-lãm, từng trải cảnh đời, biết đâu hay đâu dở, đâu thiện, đâu ác. Chỉ như đệ-tử còn thơ ngây thiên-trí, việc đời chưa biết, sự thế chưa tường, cái hay tưởng là dở, điều dở nghĩ rằng hay, bộn-phận là phải thừa-hành tuân ý sư-phụ cho mình khỏi thiệt được ích, có thể bày giải cái tình ý của mình ra ngần nào hay ngần ấy, thiết-tưởng không buộc phải liệu hết cách cho được phò-bày ra, nhất là khi lại phải khó nhọc phiên-phúc, hoặc phải thiệt thời đáng khác mới có thể được vậy.

Ấy cái lý nước Nam với Pháp nay cũng như thế. Nước Pháp là sư, nước

Nam là đệ, nước Pháp là phụ, nước Nam là tử. Sư-phụ phải lo cho đệ-tử, nước Pháp phải làm thế nào cho thấu hiểu được tình-ý dân nước Nam mà mưu ích, mà trừ-lợi cho nước Nam; không thế là lỗi cái chức-trách làm sư-phụ vậy. Còn như dân nước Nam có thể giúp vào việc đôi bên am-hiểu nhau được chừng nào thời hay chừng ấy, chứ chẳng luật nào buộc phải cặm cụi học Pháp-ngữ vì một ý đó được. Chính-phủ Bảo-hộ cũng là hiểu cái chân lý đó lắm. Chẳng thế sao lại có nghị-định bắt những người Pháp muốn tham-dự vào việc chính-trị, công-sự nước Nam, phải học tiếng Nam, phải thi tiếng Nam? Vậy thì các người Pháp đã đảm-nhân lấy chức-vụ nào trong nước Nam, thời phải học cho thạo tiếng Nam, để rõ tình-tình dân Nam và để cho dân Nam biết tình ý của mình, cho đôi bên dễ-huề thân-thiện khỏi sinh ra nổi li-nhị bất-phục hợp-tác.

Người Pháp phải học tiếng Nam, phải thi tiếng Nam thế là đúng lẽ lắm. Đúng lẽ trên đã nói, lại đúng nữa vì tiếng Nam là thứ tiếng đơn-sơ dễ-dàng, người Pháp mà chuyên cần ra chỉ bảy tám tháng đã biết đọc biết viết, lâu nữa thì một vài năm, năm ba năm đã nói trơn hiểu chuốt. Cho nên bắt người Pháp học tiếng Nam để hai dân am-hiểu nhau thì hơn để người Nam học tiếng Pháp là thứ tiếng phiền-phức, nghe khó hiểu, học khó thông. Tiếng Pháp không phải là dễ như tiếng Nam; học tiếng Pháp để hiểu được người và làm cho người hiểu được mình không phải là chóng. Xem như những người trải qua bậc Sơ-học yếu-lược, dần-vật hai ba năm trời trên ghế lớp Trung-đẳng, nghiền toàn chữ Pháp, ra ứng-thi cũng đã giật được mảnh bằng Sơ-học Pháp-ngữ (Primaires) thế mà khi gặp ông tây, ngoài mấy tiếng Mơ-xì, Nồng, Ủy, Mết-xì vẫn đứng đờ mặt tía tai kia mà! Thế thì biết

nhom nhem mấy tiếng Pháp như các học-sinh trường làng tổng phủ huyện kia có bổ-ích gì cho quốc-dân ? Vài ba tiếng Nông, Ủy, Mét-xi kia gây nên sự-nghiệp gì hữu-ích cho các cậu ?

Vậy mà tác-giả nói : « Nếu từ trường phủ huyện trở xuống chỉ dạy quốc-ngữ mà thôi thì bọn bần-dân không khi nào ngẩng đầu lên được... » Lại thật ! biết lôm-bôm một vài tiếng Pháp mới có thể ngẩng đầu lên, còn quốc-văn tinh-tưởng, nghề-nghiệp tinh-xảo, khéo đường xử-thể, thạo lối tiếp-nhân... mà không biết được năm ba câu chữ Pháp, không sao ngóc đầu lên được ? Tôi không hiểu ngẩng đầu đây tác-giả có ý nói thế nào. Ngẩng đầu phải chăng là kên vai uốn ngực, là trạo trừng lặc-lảo như các cậu công-tử với tân-thời, dênh dang trên đường đi lối lại mà phi-pháo mấy câu tiếng Pháp giả cầy kia ? Nếu ngẩng đầu mà như thế thì bọn dốt đặc chữ Pháp như chúng tôi không thể ngẩng đầu được thật !

Tác-giả lại bảo : « Trường phủ huyện và các trường tổng không dạy chữ Pháp thời lấy trò đầu mà lên tỉnh, chẳng qua chỉ được con các quan, con người làm việc và con những nhà giàu theo học được mà thôi, còn kẻ nghèo ở dân-gian đều thất hy-vọng... » Nói thế nghĩa là gì ? Xưa nay những con nhà nghèo khó vẫn được theo học lâu dài, được hân-hạnh đặt mông trên ghế học-đường ở tỉnh-thành ư ? Không mà ! « con sãi chùa quét lá đa » ở thôn quê từ con nhà cùng-quần chỉ con nhà khá-giả hiện-thời cũng chỉ được mơn-men cửa trường vài năm, lâu nữa là bốn năm năm, học cào học cấu để kiếm cái bằng Sơ-học tốt-nghiệp rồi về nhà đi cấy đi cuốc... kiếm cái độ thân, chứ có đâu được như các cậu ấm, các cậu con ông cháu cha, tha hồ vùng vẫy trong chốn biển thành rừng văn ! Cho nên bải học chữ Pháp

trong các trường thôn-quê tưởng không thiệt-thòi gì về phương-diện đó vậy,

Thưa chư-tôn độc-giả, các lý-chứng tác-giả phản-đối cụ Thượng-Quỳnh, nói cho đúng, là phản-đối cái ý-kiến dạy toàn các môn bằng quốc-văn ở các trường tổng, phủ, huyện, đại-khai chỉ có thể, thật không có giá-trị cho lắm. Nay xin trần lược cái ngu-ý của bi-nhân.

Theo ngu-ý của bi-nhân thời sự phế hẳn Pháp-ngữ đi mà dạy toàn bằng quốc-văn rất nên thỉnh-cầu chính-phủ thực-hành ở những trường thôn-quê, bởi lẽ rằng sự dạy chữ Pháp ở những trường đó như ngày nay ít có hiệu-quả, mà có phần thiệt-thòi đến hậu-vận học-sinh.

Cha mẹ học-sinh thôn quê toàn là những người gia-tư quân-bách, hoặc may ra binh-thường đủ ăn, phải cần-kiệm, phải gom góp lâu ngày mới kiếm được món tiền cung-cấp cho con đi học, đi học một hai năm, lâu nữa đến bốn năm năm, năm sáu năm, mục-dich để con biết đọc, biết viết, biết qua-loa luân-thường đạo-lý, cách xử-thể tiếp-nhân, tóm lại có ý cho con được chút thường-thức phổ-thông, người đời sinh hoạt, làm nghề-nghiệp, làm gia-chủ và làm dân trong nước cần phải có, không có không được. Trong một thời-gian ngắn-ngủi như thế, thầy dạy, trò học ngay bằng thứ tiếng mẹ đẻ tưởng cũng chưa kịp đạt kỳ-sở-vọng, phương chi lại nhè dạy và học bằng thứ tiếng ngoại-quốc, mạch lạc câu văn không tường, lời thầy giảng dạy không hiểu thì sao lý-hội cho rõ-ràng đích-xác ? Học mà không thấu hiểu nguồn mạch, không căn-kê gốc-ngọn thì học cũng như không, có ích-lợi gì ? Ấy thế mà hiện-thời ở nước ta lại đang thi-hành cái cách vô-lợi đó.

Những con nhà cùng-quần, trải qua ba lớp Đồng-ấu, Dự-bị, Sơ-đẳng, thi đậu cái bằng Sơ-học tốt-nghiệp, mà trí còn hẹp-hòi thô-thiển, những món thường-thức cần-thiết cho cả cuộc đời mình phải có vẫn còn mu-mơ hăm-hồ, đã phải từ thầy giã bạn trở về tập nghề độ thân, bọn này ta không nói làm gì. Hãy nói đến những con nhà khá-giả, khi đã tốt-nghiệp Sơ-học mẹ cha lại có cho được theo đuổi lên lớp trên để rộng cái trí-thức còn hẹp-hòi, sáng cái trí khôn còn mu-mơ hắc-ám. Nhưng than ôi ! tự bước chân vào lớp Trung-đẳng, ôn bài cũ, học bài mới, địa-dư, lịch-sử, vệ-sinh, luân-lý, những điều sơ-lược về cách-trí điện-hóa, những lối thường-thức về nông công thương đều học đều dạy bằng Pháp-văn cả, tự mình không hiểu, nghe cất nghĩa cũng chẳng tường, thành-thủ món nào cũng mu-mơ mù-mờ. Rồi một năm, hai năm ra ứng-thí, « chó ngáp được ruồi » tuy có đỗ nhưng tự-trung dốt hoàn dốt. Bấy giờ giã học-đường về chốn gia-đình làng xóm, trí vẫn lù-lòa, óc vẫn rỗng không, vô tài-lực tự mưu sinh-kế, tự-trị thân mình, cây chẳng biết, cuốc không hay, đi buôn thì dần, làm thợ thì vụng ; đến cách xử-thế tiếp-nhân thì dở-dang lằng-lổ, ý-thế mảnh bằng, cây mười chữ lông mà kiêu-hãnh xác-xược, đem cái vai rộng xác dài làm túi cơm đá áo, con sâu cái mọt đục khoét mẹ cha, nhiễu-hại đồng-bào. Du-đăng đầu đường xó chợ là bọn này, cướp của hại người là bọn này, cộng-sản, cách-mệnh rồi cuộc trị-an, di-lụy đồng-bào cũng chính là bọn này. Đây, cái học-thức dở-dang kết-quả như thế đó !

Những kẻ nhờ nhân cha đức mẹ không đến nỗi quá hư như thế thì năm ba chữ Tây đã nghiền mấy năm trời, mảnh bằng Sơ-học Pháp-ngữ đã hao trí mệt não mới được cũng chẳng khiến mình lập lên công-nghiệp sự-tích gì về-vang cho mình, ích-lợi cho nước.

Ôi ! cha mẹ nhịn ăn mặc, làm-lụng chắt-bóp lấy tiền của mồ hôi nước mắt để cung-cấp cho con đi học phí bao thì giờ, tốn bao tâm-lực, hi-vọng ít ra cũng thâu-thải được những cái trí-thức căn-yếu để lập-thân xử-thế ở đời mà kết-cục đến như thế, hỏi rằng có thiệt cho con cái, có cực cho cha mẹ lắm không ? Mà tương-lai xã-hội có nhờ vả được gì bởi bọn học-sinh đó chẳng ? Ai là người tai mắt đã nghĩ đến chưa ?

Nay muốn khỏi cái tai-hại đó tưởng cần phải phứt ngay chữ Pháp đi mà dạy toàn bằng quốc-văn chẳng những ở các trường làng tổng phủ huyện mà hết thầy các trường về bậc Sơ-đẳng giáo-dục. Dạy quốc-văn thời lịch-sử, địa-dư, luân-lý, vệ-sinh...môn nào học-sinh cũng mau hiểu, mau thuộc, mà lời thầy giảng nghĩa cũng nghe hiểu tỏ, thành ra học đâu hiểu đấy, nói đâu biết đấy, mà biết tinh-tường gốc ngọn, mà hiểu căn-kế mạch-lạc. Như thế trong quãng thời-giờ ngắn-ngủ kia con em mới có thể lý-hội thiếp-liệp được những điều thường-thức đủ lập-thân xử-thế ở đời vậy.

NH T. NG.

(Thanh-Nghệ-Tĩnh Tân-văn)



Năm quan Thượng-thư mới ở Huế

(Quan Hồ Đắc-Khai, Phạm Quỳnh, Thái Văn-Toàn, Ngô Đình-Diệm và Bùi Bằng-Đoàn)



Hoàng-thượng thăm Viện Pasteur ở Nha-trang



Hoàng-thượng nghe một trò gái đọc lời
chúc-mừng ở trường học Nha-trang

Kính ảnh Ng.-hữu-Tiến

BẢN VỀ NHÂN-VẬT LƯƠNG KHẢI-SIÊU

梁 啓 超

Nước Trung-hoa về khoảng ngoài 30 năm nay, chính là thời-kỳ gần đây, có một nhân-vật cả ảnh-hưởng với hạng sĩ-phu trong phái nhà Nho nước ta là Lương Khải-Siêu tiên-sinh. Vì 30 năm về trước sĩ-phu Trung-hoa và sĩ-phu nước ta còn đương tập-nhiệm về sự khoa-cử, đua nhau về lối bát-cổ, (tức là lối kinh-nghĩa tám vết), việc ngoài thế-giới chưa ai biết là gì cả, có tiên-sinh bắt đầu đứng lên làm lĩnh-tụ cho phái sĩ-phu, đem học-thuật tư-tướng của Âu Mỹ hô-hào-trau giồi cho quốc-dân.

Tiên-sinh tài đã cao, học lại rộng, văn lại hay, mà văn-chương tiên-sinh thì con nhà bát-cổ lại càng thích xem lắm, cho nên chẳng những bọn sĩ-phu Trung-hoa phần nhiều bị ảnh-hưởng mà thôi, mà bọn sĩ-phu nước ta cũng quá nửa là chịu ảnh-hưởng của tiên-sinh vậy. Nói ngay như người nước ta cái quan-niệm đối với tiên-sinh, trừ những phái không phải là con nhà bát-cổ không kể, hay là những phái con nhà bát-cổ mà thủ-cự không kể, và những phái con nhà bát-cổ đã từng đọc sách tiên-sinh mà lại đem lòng bội-bạc cũng không kể, còn ra thì cái quan-niệm đối với tiên-sinh, thực cũng là có một không hai. Vì không phải là ông thần bát-cổ không phá nổi được con ma bát-cổ, mà không phải là tay Nã-Phá-Luân trong làng bát-cổ cũng không đủ biết được cái công Di-Lặc Bồ-tát trong làng bát-cổ. Vậy thì nhân-vật người khác trong nước Trung-hoa đối với người nước ta hoặc-giả còn là mê mòng xa-xôi, chứ nhân-vật Lương Khải-Siêu đối với người nước ta thì thực là rõ-ràng thiết-cận, không phải nói ai cũng đã rõ.

Đến nay thì tiên-sinh đã mất rồi, mà những phái con nhà bát-cổ nước ta đã từng xem sách tiên-sinh đó, ngán đi ngán lại cũng chẳng còn mấy người, dù có còn chẳng nữa cũng chỉ một số ít người đã từng trải qua những cuộc bể dâu mà trở về cố-hương, và cũng có một số ít người thuộc về phái lão-dại mà còn dằng-dai gánh nợ trong lòng sách làng báo đấy thôi. Tuy vậy người nước ta đối với tiên-sinh, vô-luận là con nhà bát-cổ hay không phải là con nhà bát-cổ, ai nấy còn phần nhiều nhớ sách nhớ tên, tiên-sinh há chẳng phải là một vị cố-nhân của dân-tộc nước ta đấy dư? Cố-nhân đã để mấy khi bàn-hoàn!

Trước hết hãy xin kể qua về lịch-sử của tiên-sinh:

Tiên-sinh người tỉnh Quảng-dông, tên tự là Trác-như, tên hiệu là Ẩm-băng là học trò ông Khang Hữu-Vi, Đời vua Quang-tự nhà Thanh năm giáp-ngọ thi đỗ đầu cử-nhân. Phải biết rằng lối cử-nghiệp ngày xưa nặng-nề lắm. Bắt đầu từ lối kinh-nghĩa bát-cổ cho đến lối thơ phú, lối chiếu biểu, lối sách luận, gồm cả lối viết chân-thảo triệnlệ từ-thẻ nữa, cho nên thường có người lão-sư tức-nho vẫn còn cấp ống quyển đi thi. Kể nào trong 20 tuổi mà đỗ lên đã kể là bậc thiên-tài. Về sau này cái danh-từ gọi những hạng nhà nho ấy thì thường gọi là con nhà bát-cổ.

Tiên-sinh vốn là con nhà bát-cổ xuất-thân. Xét ra tiên-sinh khi đã đỗ cử-nhân rồi mới vào cập-môn ông Khang Hữu-Vi. Ông Khang là một nhân-vật tiên-phong về sự tân-học ở nước Trung-hoa; khi ấy ông Khang mới truyền-thụ cho tiên-sinh những học-thuyết mới đề

ngiên-cứu về phương-pháp trị đời. Tiên-sinh từ đấy mới như người chiêm bao mà thức, say rượu mà tỉnh, bạng người văn-học thiếu-niên đã trở nên hạng người nhiệt-thành cứu-quốc. Thậm-chí phát-thệ rằng lối bát-cổ với nước Trung-hoa, hai cái đó chẳng thể nào cùng đứng với nhau được; hễ bát-cổ còn thì Trung-hoa mất, hễ bát-cổ mất thì Trung-hoa còn. Nên chi khi phát-biểu nghị-luận phần nhiều công-kích lối hủ-bại cũ mà thâu-thái cái văn-minh mới để dẫn đường chỉ lối cho quốc-dân, mà mong cho nước Trung-hoa bấy lâu là một nước cựu-lão-đại đế-quốc kíp trở nên là một nước tân-thiếu-niên đế-quốc. Ấy cái chủ-nghĩa của Tiên-sinh căn-cứ về chốn đó.

Năm ất-vị Khang Hữu-Vi lên Bắc-kinh thì đỗ Tiến-sĩ, được vua Quang-tự chú-ý yêu-mến. Thấy trò tiên-sinh ở Bắc-kinh khi ấy mới đem nhiệt-huyết hô-hào việc cải-cách. Chẳng bao lâu phải thủ-cựu là đảng Tây-hậu thắng-thế, phái duy-tân là đảng Khang, Lương thất-bại, Khang Hữu-Vi phải tránh đi Anh-cát-lợi, tiên-sinh phải trốn đi Nhật-bản.

Kịp hồi Dân-quốc thành-lập, Viên Thế-Khải cầm quyền, và hồi Trương Huân thất-bại, Đoàn Kỳ-Thụy đương quốc, thì tiên-sinh lại về Bắc-kinh, hoặc khi nhiệm bộ tài-chính, hoặc khi làm chức tham-mưu; đến khi đảng An-phúc thất-bại, Đoàn Kỳ-Thụy hạ-đã, tiên-sinh lui về ở Thiên-tân, từ đấy dường như không hỏi gì đến việc đời nữa. Quốc-dó ở Nam-kinh thành-lập năm trước thì năm sau tiên-sinh mất. Tiên-sinh hưởng thọ bao nhiêu thì chưa được rõ, nhưng cứ đem lịch-sử xét ra thì tiên-sinh hưởng-thọ vào khoảng 60 tuổi. Khi tiên-sinh mất ở Nam-kinh thật là tịch-mịch, trừ một số ít người là bạn thân với tiên-sinh ra không kể, còn thì quốc-dân Trung-hoa tự nam

cho chí bắc, từ nội-địa cho chí ngoại-dương, dường như không ai biết đến cả.

Than ôi! nước Trung-hoa chỉ có một tiên-sinh chứ có phải là hai tiên-sinh đâu, mà sao nửa đời tiên-sinh về trước thì quốc-dân hoan-hô náo-nhiệt là đường nào; nửa đời tiên-sinh về sau, thì quốc-dân lạnh-nhạt là đường nào, sẽ hay thói đời nóng lạnh là thế vậy,

Thân-thể tiên-sinh chẳng khác gì gái Ti-bà-phụ, đương lúc hoa xuân tuổi thắm thì Ngũ-lăng niên-thiếu tranh đua, biết bao the thắm chuốc mua ngón đàn. Kịp lúc trăng thu phai nhạt thì thuyền không đỗ bến mặc ai, quanh thuyền trăng dải nước trôi lạnh-lùng! Nếu đời không Giang-châu Tư-mã thì ai là kẻ tri-âm?

Xét ra lịch-sử tiên-sinh cũng có bốn thời-kỳ có thể lược-thuật ra được như sau:

Một là thời-kỳ chính-biến.—Giữa năm giáp-ngọ, Trung-hoa và Nhật-bản gây việc ở Cao-ly, diễn thành cuộc Trung-Nhật đại-chiến, Trung-hoa vừa mất đất Đài-loan, vừa phải bồi-thường binh-phí, khôn xiết sỉ-nhục. Năm ấy chính là năm tiên-sinh mới thi đỗ, ngó mặt ra cuộc đời. Kể đến năm sau liệt-quốc lại uy-hiệp Trung-hoa, nước Nga lấy Lữ-thuận, nước Anh lấy Uy-hải-vệ, nước Đức lấy Giao-châu-loan, thời-cục lại càng hiểm-ác nguy-bách. Thế mà Trung-hoa khi ấy, trên từ triều-đình, dưới đến sĩ-phu, còn đương mê-mộng về nghề bát-cổ, tư-tướng học-thuật của thế-giới chưa ai đã biết chi chi. Một Khang Hữu-Vi với tiên-sinh chẳng quản sống chết, hô-hào cải-cách, phẫn-chí duy-tân, lăn mình vào miệng hùm Tây-hậu, nâng lấy đầu rồng Quang-tự, xưng lên chủ-nghĩa bảo-hoàng để cứu nạn nước. Kể đồng-chí với tiên-sinh chỉ có năm sáu người là bọn danh-sĩ Hàm Tự-Đồng, ngự-sử Lưu Quang-Đệ,

kể tán-thành cho tiên-sinh cũng chỉ có một hai người là nội-các Ông Đồng-Hòa, tuần-phủ Trần Bảo-Trâm, mà những kẻ cừu-dịch phản-đối với tiên-sinh thì kẻ có hàng nghìn hàng vạn người. Tệ nhất là phái nhà Nho thủ-cự là bọn Trương Chi-Đồng, Tăng Liêm, cho cái thuyết mới của tiên-sinh là tà-thuyết, cùng nhau dâng sớ xin chém tiên-sinh để trừ tuyệt lời tà-thuyết. Công cuộc duy-tán của Khang, Lương kể giấy thì mới có tập sớ tấu lên vua Quang-tự, và một tập chỉ-dụ của vua Quang-tự ban xuống thần-dân, kể việc thì mới có một tòa Thờ-ực tán-báo, kể ngày thì mới 4 tháng trời.

Toàn-quyền nước Trung-hoa khi ấy hết thầy ở cả trong tay mẹ Tây-hậu. Tây-hậu là vợ vua Đồng-trị. Đồng-trị không con, Quang-tự là cháu lên nối ngôi bác. Quang-tự có ngôi mà không có quyền, cũng giống như tinh-thể nhà Hán có mẹ Lã-hậu, nhà Đường có mẹ Võ-hậu vậy.

Đảng Tây-hậu rất ngờ Quang-tự, rất oán Khang, Lương, chẳng bao lâu diễn thành ra cuộc chính-biến năm Mậu-tuất, bọn hiền-sĩ sáu người là bọn Lưu Quang-Đệ bị giết ở Bắc-kinh; bọn triều-quan tán-thành tán-chính là bọn họ Ông họ Trần, người thì bị cách chức người thì bị dấy ra Tân-cương, đoàn lĩnh-sự Nhật cứu cho tiên-sinh dời khỏi Bắc-kinh, đoàn lĩnh-sự Anh cứu cho Khang Hữu-Vi dời khỏi Thượng-hải; từ đấy làn tuyết làn cỏ trong đất Trung-hoa ngổ-hầu mười năm không có dấu giày Khang, Lương nữa.

Hai là thời-kỳ Hồng-độ. — Tiên-sinh từ khi thoát nạn vượt bể sang Nhật-bản về sau, quả là tắc lòng cổ-quốc tha-hương, đường kia nổi nợ ngồn-ngang bởi-bởi, nợ tình chưa trả cho ai, khối tình mang xuống toàn-dải chưa tan, mới tìm phương-pháp để mong trả nợ

cho quốc dân, liền lập ra một nhà báo, gọi là Tân-dân tũng-báo, đem những bề học-thức sâu-xa, những giọng văn-chương hay hóm, pha với mẫu huyết-lệ đầm-địa, ai xem cũng phải cảm-dộng. quốc-hồn Trung-hoa dần dần tỉnh ra từ đấy, dân-trí Trung-hoa dần dần mới lên từ đấy. Người Trung-hoa khi ấy đối với tiên-sinh chẳng khác gì chim phượng-hoàng kêu ở buổi chiều-dương, cây ngô-dồng mọc ở chốn cao-cương vậy. Về mấy năm sau, bọn cách-mệnh họ cũng gián-hoặc tỏ lời thỏa-mạ tiên-sinh, bởi tiên-sinh cầm chủ-nghĩa bảo-hoàng, trái với chủ-nghĩa cách-mệnh của họ. Nhưng lại vì văn-chương tiên-sinh hay lắm, dù thỏa-mạ thế nào mặc lòng, vẫn có một số nhiều người vẫn phải cúi đầu mà xem, sẽ biết cái sức văn-chương cũng mạnh lắm.

Ba là thời-kỳ quân-phiệt. — Hàng quân-phiệt lớn nước Trung-hoa trước sau ể mất với tiên-sinh chỉ có ba người: Một là Lý Hồng-Chương, hai là Viên Thế-Khải, ba là Đoàn Kỳ-Thụy. Kịp hồi Dân-quốc dấy lên thì Lý đã chết. Viên cầm quyền mời tiên-sinh về tham-dự hiến-pháp. Tiên-sinh mới từ Nhật-bản trở về Bắc-kinh. Hay đâu lại chẳng biết con người Sở-khanh, Viên lại lắm le để-chế; tiên-sinh biết Viên là người giả-dối, không thành-sự được, mới lại tự Bắc-kinh trốn đi. Đồng-thời cũng có một viên trọng-yếu trong Dân-đảng là Thái Ngạc cũng ở Bắc-kinh trốn đi. Thái thì quay về Văn-nam tổ-chức quân-đội thảo Viên, tiên-sinh thì quay về Quảng-tây với Lục Vinh-Đình, tán-thành việc Quảng-tây độc-lập. Khi để-chế họ Viên thất-bại, tiên-sinh lại về Bắc-kinh với Đoàn Kỳ-Thụy nhiệm bộ-tài-chính. Chẳng bao lâu lại xảy ra việc Trương Huân phục-tích, tiên-sinh khi đó làm chức tham-mur cho Đoàn, đánh đuổi Trương Huân và tham-dự cuộc Âu-

chiến. Kịp khi bọn Tào, Ngò dắc-chí, Đoàn phải hạ-dã, tiên-sinh lại cùng Đoàn lui về ở Thiên-tân. Đoàn thì hằng ngày đánh cờ, tiên-sinh thì hằng ngày làm sách. Kẻ bàng-quan đối với thời-kỳ ấy không khỏi đem lòng hoài-nghi. Nhưng xét ra tiên-sinh cũng không phải là hạng người bán chủ-nghĩa mua phú-quí, đối với việc đời, hề làm được thì làm, hề chẳng làm được thì nghỉ, khi làm khi nghỉ, đều có nghĩa-vụ xứng đáng cả.

Bốn là thời-kỳ trứ-thuật. — Tiên-sinh tự sau khi về ở Thiên-tân, dường như đã cầm cái chủ-nghĩa yếm-thế; chỉ trứ-thuật ra những sách-vở phần nhiều thuộc về cổ-thư cổ-diễn mà thôi, ít khi làm ra văn-chương cổ-động nói về tân-học tân-chính như trước nữa. Song-le kẻ hiền biết tiên-sinh ra thì lại cho rằng tiên-sinh như vậy không phải là cầm chủ-nghĩa yếm-thế đâu, chính là cầm chủ-nghĩa cứu-thế đó. Điều đó có nguyên-nhân và lý-tưởng sâu-xa, ở đây chưa tiện bàn, xin để bàn ở đoạn sau. Duy duyệt-giả hằng nên biết rằng tiên-sinh là kẻ thiên-tài, lại có học-lực, trong khi đối với cuộc đời thường tỏ ra có trác-thức, không như những thói a-dua thời-thế, nghênh-hợp phong-trào. Nên chỉ tiên-sinh đối với bọn dân-dã ở phương Nam, thủy-chung vẫn không tỏ ý tán-thành. Bấy lâu sự hành-vi cho đến nơi cư-trú của tiên-sinh thì Nam-kinh vẫn thường đem lòng ngờ vực, có lệnh giám-thị. Nhưng có biết đâu tiên-sinh về hồi sau này đối với quốc-dân đã không vận-động về đường chính-trị mà chỉ cứu-vớt về đường tinh-thần.

Tiên-sinh lại có một đoạn tình-sử nữa. Tuy là một đoạn phong-lưu tiền-

sử, nhưng cũng đủ làm một tấm gương đạo-đức cho kẻ học-giả đời sau.

Khi tiên-sinh ở Bắc-kinh trốn sang Nhật-bản, bước phong-trần tuy càng gập, bề thanh-giả lại càng cao. Khi đó có một nhà nữ-sĩ nước Trung-hoa vốn kiều-ngụ ở Nhật-bản, nghe trong đất Nhật-bản có dấu vết tiên-sinh, mới đem lòng nghĩa-hiệp, chẳng quản mưa gió tìm đến tận nơi, tỏ lòng kính mến yên-ủi. Tiên-sinh cũng lấy lễ bằng-hữu ra tiếp-kiến, tỏ lời cảm-khích tạ ơn tri-kỷ. Từ đấy việc sách việc báo, hai người từng cũng có khi tham-định với nhau. Được ít lâu người nữ-sĩ tỏ ý muốn kết mối đồng-lâm, thề nguyện giai-lão, đề cùng đi một thuyền hoạn-nạn với tiên-sinh. Tiên-sinh lấy làm kinh-ngạc, tức-khắc tỏ lời yên-ủi từ chối. Tiên-sinh lấy cớ rằng nước Trung-hoa mới có một hội nhất-phu nhất-thê, người trong hội đều phải thờ chủ-nghĩa bình-quyền, không ai lấy hai vợ, mà tôi với bạn tôi là Đàm Lưu-Dương thực là người sáng-lập ra hội ấy, bạn tôi đã chết, tôi nên đứng lại để làm khuôn-phép cho người sau. Nếu tôi với hiền-nữ quả là duyên trời cho, không thể dứt được, thì kiếp này hằng xin kết làm nghĩa anh em, cũng đủ báo đền tri-kỷ, xin đợi kiếp sau sẽ kết làm nghĩa vợ chồng. Tiên-sinh có một tập thơ kể về tình-tự đoạn tiểu-sử ấy, tác-giả lược-dịch mấy bài như sau :

天	時	人	事	兩	相	推
隨	鴻	年	華	每	自	疑
多	少	壯	懷	酬	未	了
又	添	遺	恨	到	蛾	眉

Việc người ngày tạo giục nhau đi,
Tiếng quách (1) kêu xuân đã chắc gì;
Nợ nước nợ non vay chưa trả,
Nợ tình thêm vướng bạn nga-mi.

(1) Quách = Chim đề-quách, tức là chim đỗ-quyên, mùa xuân kêu thì các hoa nở, mùa thu kêu thì các hoa hết.

我 天 思 片	非 賜 量 言	太 奇 無 欲	上 緣 福 與	忌 忍 消 卿	情 能 此 憐	者 謝 緣 些
------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	------------------

Tôi chưa là bậc vong-tình được,
Duyên lạ trời cho sao nở khước ;
Nghĩ tôi ít phúc tiền được duyên,
Xin lắng mấy lời dẫu sau trước.

世 我 尊 體	間 與 重 身	一 劉 公 將	夫 陽 權 作	一 寒 割 後	妻 創 私 人	會 之 受 師
------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	------------------

Một chồng một vợ hội kia mà,
Tôi với bạn tôi thực xường ra ;
Tôn-trọng chữ q-ýền cất chữ ái,
Lân, gương chơ kẻ nối sau ta.

萬 將 擬 領	一 機 懸 袖	維 撫 一 中	新 手 席 原	事 還 酬 女	司 故 知 學	望 鄉 已 堂
------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	------------------

Muôn một d-ly-tán sự về-vang,
Cùng nhau dắt-diu về cố-hương ;
Xin đề n một chiếu đèn tri-kỷ,
Linh-tụ Trung-hoa nữ-học-đường.

Xét ra nhân-vật tiên-sinh thực cũng là một nhân-vật tạo-thời, tiên-sinh là người quân-tử vậy, là kẻ đa-tình vậy.

Tiên-sinh sinh ra giữa về thời-kỷ hai cái văn-minh Á : Á còn đương súc-tiếp nhau kịch-liệt, chưa điều-hòa được với nhau, chỉ nhờ một ngọn bút dài, một bầu máu nóng, một khối tinh-thần vô-dịch, mà đem các giống hoa mới ở thế-giới rắc vào cho quốc-dân. Kịp đến ngày nay dân-tộc Trung-hoa ngổ-bầu đã chuyển ra một dân-tộc mới, cái công tiên-phong tạo-thời ấy chẳng ở bọn thầy trò tiên-sinh thì ở ai. Song xem ra tiên-sinh cũng không phải là nhà triết-học, chỉ là một nhà ái-quốc, mực với máu với nước mắt, dầm-dì, phát-hiện ra văn-chương đầy thôi ; chỉ là một nhà hô hào thái thái chứ cũng không phải là một nhà hăm-drợng đã lâu gì, mà cũng không phải là nhà sáng-tạo ra thuyết gì, nói cho đúng ra thì dẫu như ông Khang Hữu-

Vi cũng vậy. Cho nên bảo rằng văn-chương họ Khang họ Lương thì phải, chứ bảo rằng học-thuyết họ Khang họ Lương thì không phải.

Nhưng văn-chương tiên-sinh thực đủ bao-hàm có ba tính-chất, là cả n-cử cổ-học, tiếp-thụ tân-trào, văn-cứu thời-thế hẳn-hoi, không phải như những hạng văn chương hô-hào một cách thô-thiền, tiếp-thụ một cách a-dua có thể ví được. Tiên-sinh bình-nhật rất kính-phục ông Chu Hi, từng than rằng thầy Chu Hối-Am ta chẳng sinh ra ở đời này. Lại từng dẫn lời ông Chu-Hi nói : « Dạy kẻ học như diu đổ người say rượu, đổ được khỏi xiêu về đàng tây thì lại đổ về đàng đông ». Tiên-sinh dẫn lời đó là tỏ ý kinh-hãi then thở cho cuộc đời. Vì trước kia cho lối cũ là hủ-bại mà hết sức công-kích đi đề-trau-giới lối mới cho quốc-dân. Kịp quốc-dân khi đã hấp thụ được lối mới thì lại mới quá, so với lối cũ thì hủ-bại lại có phần hơn. Phàm người quân-tử liếc mắt ra cuộc đời, thấy cái hiểm-tượng như vậy, phải nên kịp tìm phương-pháp văn-hồi, nếu không thì dắt nhau xuống giếng cả. Nên chỉ tiên-sinh thường tỏ ý rằng lối tân không phải là đáng gilet, chỉ ghét kẻ nguy-duy-lân mà chẳng ghét kẻ châu-duy-tái, lối cựu cũng có đáng quý, nhưng chỉ quý kẻ chân-thủ-cựu mà chẳng quý kẻ nguy-thủ-cựu.

Tiên-sinh từng nói : « Xem học-thuyết Á : Tây như ăn đồ cao-lương, xem học-thuyết Tống-nho như ăn đồ sơ-thái, muốn chữa cái bệnh gầy hao thì không gì bằng ăn đồ cao-lương, muốn chữa cái bệnh béo-rực thì không gì bằng ăn đồ sơ-thái ». Cứ lấy ý tiên-sinh mà suy ra thì hai thứ bệnh đều nên chữa cả. Song cái bệnh gầy-hao còn nguy-hiêm vừa, cái bệnh béo-rực lại nguy-hiêm hơn.

Tiên-sinh lại từng nói : « Văn-chương tôi không phải là đã có giá-trị

danh-sơn chưa dễ lâu dài gì, chỉ đủ cống-hiến cho quốc-dân trên báo-chương trong vài tháng mà thôi. Vì văn-chương tôi cốt ở mục-dịch cứu-thời cứu-thế, uốn di nắn lại, cái phương-trăm thường phải thay đổi luôn luôn, xin hải-nội chư-duyet-giả đừng có chấp-nệ vin lời tôi mà thường có khi lầm ». Đường lúc mãn tân-học của Trung-quốc mới khai, bút tân-văn của tiên-sinh đương sinh, mà tiên-sinh đã có những lời phản-nàn lo-lắng một cách sốt-sắng sâu xa như vậy, thực là mắt sáng như đuốc, chí sâu như giếng đó thay !

Song những chốn tiên-sinh phản-nàn lo-lắng đó, cũng ít người xét đến ; phần nhiều người đọc sách tiên-sinh, mà cứ đọc tràn đi, thấy những lời thóa-mạ lối cũ, hoan-hỷ ghênh lối mới, chê-bai lão-đại, sùng-bái tiếu-niên, đim nén người cổ, tâng bốc người kim, ưa tình đồng, ghét tình lĩnh, văn văn..., cho nên phạm những kẻ đã đọc qua sách tiên-sinh, về phần ích-lợi thì thực cũng có, về phần tệ-hại cũng không phải là không.

Nên biết rằng Á-Đông 30 năm về trước, trừ nước Nhật-bản không kể, còn thì phong-khí chưa khai, lối cũ quá thịnh, dân trí ê-chê, thành ra cái vạ yếu hèn, thì những thuyết công-kích lối hủ của tiên-sinh thật là thích hợp. Khoảng vài mươi năm sau này, văn-hóa khai-thông, lối mới thịnh-hành, nhân-tâm thế-dạo một ngày một thấy suy kém, cuộc đời trột ngày một thấy hiềm-ác, thì cái thuyết của tiên-sinh lại không thích-hợp nữa.

Lại nên biết rằng phạm người quân-tử dễ mất xét đời, dễ trí cứu đời, phạm cái gì nó đã qua sức bành-trướng thì kịp nên nấn-chiết lại, hay là bài-tiết bớt đi ; phạm cái gì nó đã sắp sửa mòn dứt, thì kịp nên tiếp nối lại, hay là bồi-bổ thêm vào, như vậy thì đời sẽ được nhờ, mà những hạng văn-chương

ngôn-luận ấy đối với đời sẽ không có tội. Nếu không thế thì chỉ là hạng văn-chương không linh-hồn, ngôn-luận không ý-thức mà thôi.

Tệ nhất là những phái nhà Nho, trước kia từng đọc sách duy-tân của Khang, Lương, đã in được vào óc tự 30 năm trở về trước, kịp thoi-thóp đến ngày nay, nhất-thiết vẫn cho lối mới là hay cả, mà còn ra sức cồ-động, lại cồ-động một cách a-dua, nhất-thiết vẫn cho lối cũ là hủ cả, mà còn ra sức công-kích, lại công-kích một cách đại-dột ; như vậy thì thật là ngu quá, mà đời thì còn nhờ gì nữa. Than ôi ! Phương-trăm của tiên-sinh, tiên-sinh thường nói chỉ ngoài vài tháng phải thay đổi, mà sao những hạng người ấy đối với thời-thế đã cách 30 năm mà vẫn còn chưa thay đổi ? ! Những hạng người ấy đối với Khang, Lương há chẳng phải là kẻ có tội với Khang, Lương đó thay !

Nay phẩm-bình nhân-vật tiên-sinh là một nhà đại văn-bào tưởng cũng là xứng-đáng. Thế thì tiên-sinh vì với Hàn Dũ đời Đường, Tô Đông-Pha, Vương An-Thạch đời Tống thế nào ? Thừa rằng có lẽ còn kém xa. Văn-chương họ Hàn họ Tô họ Vương là văn-chương để lại trăm đời, văn-chương tiên-sinh chỉ là văn-chương viết báo mà thôi, cũng là cái thời-thế nó bó-buộc vậy. Nếu tiên-sinh sinh ra ở đời Đường đời Tống, biết đâu chẳng là họ Hàn họ Tô họ Vương ; chẳng may tiên-sinh sinh ra đời nay, cho nên chỉ đủ làm tiên-sinh mà thôi. Tác-giả nói đến đây, không khỏi vì tiên-sinh tiếc vậy.

Tác-giả bắt đầu tự năm 22 tuổi cho đến năm 25 tuổi, trong cái thời-kỳ thiếu-niên với tráng-niên tiếp nhau ấy, đối với tiên-sinh chẳng khác gì một vị bạn tình, đối với câu văn tiên-sinh chẳng khác gì khúc đàn ngọt hát hay. đối với quyển sách tiên-sinh chẳng

khác gì một giấc chiêm-bao gặp mặt. Song tự năm 35 tuổi trở ra, thì đối với câu văn tiên-sinh lại không mặn nữa, mà chỉ mặn về câu văn Hàn Dũ, câu văn Tô Đông-Pha, câu văn Vương An-Thạch ; đối với cái thuyết Âu-vân Mĩ-vũ của tiên-sinh thì lại không thích nữa, mà chỉ thích học-thuyết của Tống-

nhô. Sẽ biết tiên-sinh thực đáng là thầy ta vậy, tiên-sinh há nói đối ta đâu. Tác-giả đối với tiên-sinh trộm có quan-niệm một cách sâu xa, nhân khi thừa nhàn, bàn về nhân-vật tiên-sinh để cung chư-duyet-giả.

TÙNG-VÂN

NAM-DU ĐẾN NGŨ-HÀNH-SƠN (1)

II

Ở lăng vua Minh-mệnh trở về qua đò lại đi một quãng đường nữa thì tới lăng vua Khải-định. Tôi chưa đến viếng lăng vua Gia-long, nhưng đã được xem ảnh nhiều lần. Lăng Ngài xây phong-phần cả một ngọn núi, để lộ-thiên không có miếu. Hiên-nhiên là một nơi mộ-địa, mộ-địa của một vị đế-vương. Cách kiến-trúc lăng-phần như thế mới là hợp-thể, giản-thực mà hùng-vĩ, ý-nghĩa rõ-ràng. Nghĩa là thuần-nhiên là nơi yên để linh-phách của tiên-nhân, chứ không như hai lăng vua Minh-mệnh và vua Tự-đức vẫn còn cái thú nhân-sinh.

Lăng vua Khải-định đây thì có miếu trùm lên mộ để thờ, nhưng cũng thuần một nghĩa « sự tử », chứ không hàm cái nghĩa « như sự sinh ». Nghĩa là không có những điệu-dải, thư-lâu, vọng-các như ở hai lăng trên.

Nay bỏ những chỗ văn-thái là phần phụ của sự kiến-trúc của lăng này ra, thì quý-mô thật gọn-gàng mà cách-thức thật mới-mẻ lắm. Lăng bao lấy một nửa quả núi. Có hai tầng : Tầng dưới, từ mặt đất bước lên qua những bậc bằng si-măng, có bốn con rồng xây bò xuống, phân ra làm ba lối, giữa là ngự-đạo hai bên là lối đi thường, đều

rộng-rãi lắm. Qua hết các bậc bước lên cao độ 10 thước thì tới một cái cổng có cột đồng-trụ và tường hoa có ba cửa. Qua cửa ấy thì là tới bậc tầng dưới đó. Giữa và giáp với núi thì là nơi bi-đình, kiểu long-đình mà cũng xây gạch cả ; cột tròn, lá héo và rồng phượng đều đắp nổi. Hai bên tả hữu bi-đình về hai góc có hai cái hoa-biêu là cái dấu hiệu nơi lăng-mộ đều to và cao. Hai bên trước sân bi-đình có hai hàng voi đá, ngựa đá và phỗng đá. Ở đây lại theo bậc bước bằng si-măng về bên hữu bi-đình mà bước lên cao độ 10 thước nữa thì đến tầng trên. Mé ngoài tầng này là tường hoa cột đèn đều xây đắp kỹ. Trong tường hoa là một cái sân lớn, về đầu bên hữu sân là nhà của quan linh hộ-lăng ở. Giữa và giáp núi là miếu. Miếu xây kiểu mới lớn mà cao. Trong là nơi đặt ban thờ và để linh-phần. Ngoài hiên là nơi lễ bái. Trước hiên, từ sân bước lên theo nhiều bậc si-măng rộng-rãi. Mặt hiên xây đắp rậm-rạp, y như mặt một cái khám thờ mà to lớn lộng-lẫy. Ngày thường cửa miếu đóng. Người ta phải đi cửa đầu hồi mé bên hữu miếu mà vào. Đầu hồi ấy có một ngấn rộng, nửa thì đặt sập ngự để khi Tự-quân ra

(1) Xem Nam-Phong từ số 184.

làm lễ thì ngồi nghỉ, còn một nửa thì kê ghế tràng-kỷ và án-thư để người đến viếng lảng ngồi.

Ở đầu hồi ấy qua cái cửa nách thì vào tới nội-cung. Áp vách có một cỗ khám thờ bức ảnh chân-dung của Tiên-đế. Trước khám có vài cái bảo-khi để thờ như gương, đĩa, chén, chứ không có những đồ tế-khi như mâm triện, tù quây để đồ-vật cùng dài nền trác-tải như ở các lăng. Trở ra thì đến nơi mộ xây dài rộng ước hơn linh-cửu một ít, trên xây cuốn cao độ ngực người. Trên lăng có một cỗ long bành để một pho tượng đồng to bằng người, thật là chân-dung của Ngài. Chỗ thừa-trần rủ xuống một cái bảo-cái bằng voi-vữa đắp mà khám mảnh bát sứ Tàu đủ các màu. Qua khe cột tròn *salon* thì ra tới hiên, giữa hiên có một cái hương-án lớn và cao một đầu một với, cũng xây đắp voi-vữa và khám mảnh bát sứ. Còn chung-quanh tường trong nội-cung và trong hiên đều khám mảnh kính vỡ với mảnh bát sứ, cái thành các bức liễn. Miếu đây xây lối mới thì thừa-trần bằng vôi, nền lát gạch hoa là phải rồi. Ấy đại-khải lăng miếu thờ vua Khải-định là thế. Kể về thể-thế thì cũng đã là khéo mà giản, duy có hai phần văn-thái trang-diềm ngoài, khiến cho sai mất tinh thần mỹ-thuật mà không xứng với một cái thể-thế mới-mẽ ấy. Hai phần văn-thái tức là phần đắp nặn voi-vữa ở ngoài với phần khám bát sứ ở trong. Phần đắp nặn, toàn thể từ rồng bò ở mặt đất lên đến tường hoa, bi-đỉnh, hoa-biêu, hiên miếu đều bằng vôi giầy chọn than giả đá đen, nhưng mưa nắng nó đã bạc màu dần đi rồi. Nét nặn thì rậm mà pha tây pha ta, gờ chỉ, là héo, rồng mây đủ cả, nét y như lối thợ ngổa ở nhà quê Bắc-kỳ ngày nay, nét mảnh-khảnh mà yếu-đuối không hoạt-động khỏe-mạnh một chút nào. Cho biết nghề đắp nặn của thợ ngổa ta ngày

nay càng phiền-văn lại càng thêm vụng, kém ngày xưa nhiều.

Nói đến phần khám mảnh sứ. Cứ trong « *Hoàng-Việt địa-dư chí* » thì lối này có ở Huế đã lâu, nhưng đến lăng này thì thịnh nhất. Bốn mặt tường trong vách miếu đều khám mảnh sứ cả. Mặt tường quét vôi màu đào ngọt rồi lát kính làm nền. Kinh cứ đập vỡ bằng hai ba ngón tay một mà chấp thành vết gợn. Mảnh sứ thì chọn lấy sắc lựa từng nét vẽ, mài và gắn chấp lên trên nền kính vỡ ấy. Bốn mặt vách, trên giáp trần dưới giáp nền thì khám hoa gấm, còn khoảng giữa thì bỏ ó thành từng bức liễn « nhất thi nhất họa » như liên-áp, mai-diêu, hồng-diệp, vân-và v.v. liên nhau khắp cả. Cái chỉ kẻ ó của bức liễn nào mà muốn xanh thì dùng thuần mảnh sứ xanh, vàng dùng thuần mảnh sứ vàng. Còn các nét họa khác cũng thế. Cái lá sen thì mài những mảnh chấu xanh, cái hoa mai thì mài mảnh sứ trắng làm cánh, mảnh vàng làm nhị. Đứng xa ra mà trông thì như vẽ bằng thuốc màu mà tới gần thì mới biết là mảnh sứ khám. Bảo-cái với hương-án cũng khám như thế, thành nét rồng phượng cả. Lấy mỹ-thuật mà luận thì không ngại chi tổn công, nhưng lối khám này thì chấp-chảnh gá mượn nên nét thô không tinh-tế.

6. — Xem *diễn-nghi tế Giao*. — Tế Giao năm nay, chính tế vào ngày hai-mươi-mốt tháng hai (16 mars 1933), nhưng người thường chỉ được vào xem diễn-nghi là chỉ có các quan viên tập lễ để mai trợ-tế. Nghi-tiết cũng lược đủ. Và tôi cũng cốt cho được xem về phần nghi-văn đề nghiên-cứu cho biết ý-nghĩa của lễ ấy thế nào.

Tế Giao là một lễ tế Trời mà phối-hưởng Tiên-tổ của các triều vua, sáng-lập từ đời nhà Châu bên Tàu. Việt-Nam mới mô-phỏng và cử hành lễ ấy từ đời Lê Thánh-tôn, là theo lời bàn

và sách của Nguyễn Trãi. Còn về hai đời Lý, Trần thì chỉ có lễ minh-thệ mà thôi. Lễ tế Giao từ đấy thành quốc-diên, nhà Lê mỗi năm một lần, Hoàng-Nguyễn thì ba năm một lần.

Những thuyết thuộc về lễ tế Giao, đã nói tường ở kinh Lễ. Đến nay tế-khí cùng nghi-tiết có nhiều cái còn giữ y-nguyên hình-thức như ở đời nhà Châu, hơn ba nghìn năm trước đây. Kinh Lễ về thiên Tế-khí nói: « Lễ rất kính thì không dùng văn-vẽ 至敬無文 », cho nên những đồ thờ, đồ tế, đàn sở đến đồ vua dùng thuộc lễ này đều mộc-mạc không có văn-sức cả. Còn như cái thiên-mạc 天幕, cái cờ, cái phan, áo cồng, mũ miện đều là bắt-chước hình-sắc của trời như trong kinh Lễ đã nói. Ấy nghĩa gốc của tế Giao là thế, nay lược-thuật những nghi-văn ra sau này:

Tế Giao đắp đàn chứ không dựng miếu. Nguyên nghĩa chữ « giao 郊 » là ngoài đồng, đàn tế ở ngoài đồng nên « Giao » thành là tên một lễ tế. Lại đàn ở mé nam kinh-đô nên cũng gọi là « Nam-giao ». Đàn Nam-giao này ở về xã Dương-xuân mé nam Kinh-đô Huế. Có ba đàn chồng lên nhau thành ba tầng. Tầng thượng đàn tròn, nơi bày đồ tế Trời, theo nghĩa trời tròn. Tầng trung, tầng hạ đều vuông theo bốn mặt đàn thượng xuống, mỗi tầng lại rộng hơn ra. Ba đàn đều xây tường hoa lát gạch, ngày thường bỏ không, khi tế mới bày đồ vào, dưới chân bốn mặt đàn đều trồng thông, ngoài bao tường, mỗi mặt một cửa vào. Đàn chính khi tế bày trông về hướng nam, một dọc từ tầng thượng xuống đến cái lối từ cửa vào. Ngoài tường, về mé tây-nam là Trai-cung, nơi vua đình-túc mà trai-giới để chục-tế. Về mé bắc là kho chứa lễ-phẩm, bếp để sửa lễ. Mỏ 19 con nghé và trâu, sáu con dê, sáu con lợn, làm nem, thối xoi, cất rượu, bày-bien

trầu cau quả phẩm ở đấy. Lễ-vật ấy tế rồi chia phần cho các quan-viên quân-linh đã giúp lễ, ăn « thủ » xơi « nằm » đều có phân-biệt. Lại có hơn sáu chục cuốn lụa với giấy vàng để tế rồi đốt đi.

Cách bày tế, tầng thượng đàn tròn dựng một cái thiên-mạc tròn bằng vải xanh là theo sắc trời (sắc không-khí). Trong đàn tròn áp vách và giữa có hai ban thờ, một bên đặt thần-vị Trời, một bên đặt thần-vị Đất, là theo nghĩa trời với đất ngang nhau. Song nhà Châu tế Trời với tế Đất riêng nơi, đây là đời sau mới hợp lại. Kể đến hai bên tả hữu mỗi bên có bốn ban thờ phối-hưởng, mỗi ban đặt một thần-vị của Tiên-công, Tiên-vương và Tiên-đế về Hoàng-triều. Hai ban chính và tám ban phối đều mỗi ban riêng một tế-khí. Chiều chủ-tế của vua ở đấy.

Trước đàn tròn xuống tầng trung, lại có một cái thiên-mạc căng vải vàng như hình cái đình, đó là theo hình đất vuông mà sắc vàng. Trong đình bày hương-án và tế-khí, ngoài cấm tàn. Lại xuống tầng hạ là phần đàn thứ ba, giữa là nơi bồi-bái đứng, rồi đến chỗ múa bát-dật, hai bên cấm cờ, phan, bày nhạc-khí cổ và cho nhạc-đội đứng. Nhạc-khí cổ thì có cái đàn cầm, đàn sắt để bày chứ không gảy đến. Còn trống cái, chuông lớn, chuông nhỏ thì khi tế đánh lên. Cờ, phan có nhiều hình dạng, có thứ cờ xanh họa hình nhị-thập-bát-tú, mỗi là một vị sao.

Về tầng trung đàn nhì, hai bên đông tây mỗi bên có bốn ban thờ đặt thần-vị Nhật, Nguyệt, Tinh-tú và Sơn Xuyên. Về tầng hạ lại có hai ban thờ nữa. Trên dưới các ban thờ đều dùng những cái trác-tải mộc cũ bày ghép lại. Ngũ-sự bằng chì, nền thấp bằng sáp ong. Cái ganh rượu, cái mâm bày đều lối xưa cả.

Đàn bày xong, trước hôm chính-tế một ngày, rước vua ra trai-cung và sửa soạn lễ-vật để hai giờ sáng mai thì tế. Chiều hôm ấy thì diễn-nghi. Diễn-nghi cũng giống như chính-tế. Các đàn đồng thời cùng tế một lúc. Bồi-tế, đại bái các đàn đều đội mũ miện mặc áo cồng. Còn các quan viên trợ-tế khác đều mặc triều-phục, hoặc nho-phục. Lĩnh thị-vệ, đội mũ đồ-lỗ đi ủng mặc áo nậu cầm gươm gỗ, đứng thị-lập các cửa đàn. Đồng-thời các đàn cùng xướng tế cùng làm lễ. Mỗi tuần thượng-hương tiến-tước thì lĩnh nhạc-đội rung trống đánh chuông và hát thơ tụng. Sen vào những tuần-lễ ấy thì đội bát-dật vào múa hát. Bát-dật là tám hàng tính thành sáu - mười - tư người. Có hai điệu múa là múa văn-đức với múa võ-công.

Múa văn-đức thì mặc áo thụng, mỗi người một tay cầm cái thước (cái sáo), một tay cầm cái địch (cờ lông gà như cái phất trần). Múa võ-công thì mặc áo chẽn, cầm cái can (mộc) với cái phủ (búa). Sáu mươi tư người đều nhau, tay múa chân nhảy miêng hát theo dịp-dàng. Hát thì có hai lối: là hát bắc với hát bài, đều là bài thơ tán-dương công-nghiệp Hoàng triều cả, như bài « Triệu cơ nam phục 肇基南服 », bài « Định đỉnh Xuân-kinh 定鼎春京 », v. v.. Song hát bằng thơ chữ Hán mà lại hát ở ngoài giữa trời, nên tiếng bay loãng đi không nghe rõ gì cả.

Còn như những đồ phục-sức của các quân lính giúp lễ, vì nhiều quá trông coi không suề, nên có nhiều chỗ cầu-thả. Cái áo nậu cũ thì sờn vai rách cổ, cái áo nẹp mới thì thừa mỏng sộc-sếch.

Ấy đại-lược lễ tế Giao là thế. Coi đó thì biết cuộc toàn-thịnh của lễ Giao là ở vào đời Lê, là một cuộc đình-đám của vua và triều-đình, mà những cuộc đình-đám « rước thần kỳ-phúc đệ niên » của các làng, là bắt-

chước ở đó. Nay hồi-tưởng kẻ làm trai sống trong đời thăng-bình riêng một cõi trời Nam lúc ấy, bằng năm dự những cuộc làng tế vua hoặc vua tế trời ấy, linh-đình vui thú biết bao. Giỏi ra thì « quốc công hầu », hèn nữa cũng « dân tổng lý », cũng phần đưa, cũng cỗ biếu, cũng cờ mở trống giông, cũng áo nậu gươm vàng. Nghi-hồ đủ ru cho người ta ngủ yên trong một cái thế-giới không tranh với người, mấy trăm năm như một ngày. Đến nay thời-thế đổi thay, sinh-nhai eo-hẹp, những cuộc đình-đám của các làng ở Bắc-kỳ gần đây thường diễn ra những cái cảnh như câu :

« Trống thùng, chiêng rè, quan-viên sứt mũi, hương-án què một chân ».

Lại nói lại lễ tế Giao. Nước phải có lễ-giao, song lễ phải có nghĩa, nghĩa phải hợp với học-thuật tư-tưởng của người đời, thì mới giữ được lòng tin-ngưỡng chân-thành của công-chúng. Có giữ được lòng tin-ngưỡng của công-chúng thì mới có cảm-hóa. Cho nên những nhà đại-chính-trị, đại-tôn-giáo là phải theo cái công-lệ tiến-hóa về học-thuật tư-tưởng của người đời mà đổi thay những phần quá-thời đi, mà giữ lấy cái chỗ tinh-thần chính-đáng lại. Lễ tế Giao vốn có tinh-thần chính-đáng tức là chỗ tế Trời, còn ra nhiều ý-nghĩa, hình-thức đến nay đã quá thời rồi. Vì thế gần đây có nhiều ý-kiến bàn muốn thay đổi. Vậy xin bàn rộng cho thêm dư-luận như sau: Thiết-tưởng nên đem lễ Giao hợp với lễ minh-thệ của Lý Trần, giữ lấy cái tinh-thần chính-đáng, ý-nghĩa thiết-thực mà bỏ hết những cái đã quá-thời hoặc phiền-phức đi, ngoài chắm-chước với lễ-nghi của thế-giới cho rất giản-dị mới-mẽ mà tôn-nghiêm, sao cho không tồn-phí nhiều.

Nghĩa gốc lễ Giao là ở một câu trong kinh Lễ rằng : « Vạn-vật gốc ở trời,

người ta gốc ở tổ-tiên, thế cho nên tế Giao sở dĩ đem tổ để phối-hưởng với đức Thượng-đế, là để tỏ rằng cái nghĩa báo-bản phân-thủy đó. 萬物本乎天。人本乎祖。此所以配上帝也。郊之祭也。大報本反始也。» Đó là một giáo-nghĩa rất chính-đáng về thiên-lý nhân-đạo ở đông-phương, phối-thai từ thái-cổ đến nhà Châu thịnh-hành. Duy nhà Châu là thời phong-kiến, nên chỉ đem một vị Hậu-tắc là thủy-tổ họ Cơ vào phối-hưởng mà thôi. Thực thì nghĩa chữ « tổ » ấy phải là tổ chung cho cả nước.

Cái vũ-trụ quan-niệm theo học-thuật ngày nay, chỉ có một Tạo-hóa-chủ là có thần và độc-tôn, còn các nhật-tính địa-cầu đều là vật bị-tạo cả. Thế thì chỉ tế một Thượng-đế mà đem các vị quốc-tổ đại-vĩ-nhân đời xưa cùng liệt-tổ đại-công-đức bản-triều vào phối-hưởng. Còn thì nên giảm đi cả. Đến như lễ vật dùng con sinh và thực-phẩm cũng là trái với đạo trời, nên bỏ cả mà dùng hoa-nghi thôi.

Ngày xưa vua nước lập-hiến với Thống-lĩnh nước cộng-hòa, đều là ngôi thay dân mà làm chủ cho các lễ công như tuyên-chiến, giảng-hòa và quốc-khánh, v. v., thì vua thay dân làm chủ lễ mà tri-cáo với thần Thượng-đế, với tổ-tiên trong nước, cũng là hợp lẽ. Vua làm lễ cũng chỉ nên dùng vải với quì như Giáo-sĩ làm lễ trước ban Thiên-chúa là đủ. Lễ thần-minh xong vua cùng ba phái Nghị-viện, Chính-phủ và Pháp-viện đứng trước công-chúng làm lễ minh-thệ châm-chước Lý, Trần với Âu, Mĩ.

Như thế thì làm một lễ mà kiêm được cả hai cái văn-hóa Hán-Việt là lễ Giao với lễ minh-thệ. Lại bao-hàm được cả ba cái giáo-nghĩa là đạo thờ Trời (*culte de Divinité*), đạo thờ Vĩ-nhân (*culte de Héros*) và đạo thờ Tổ (*culte des Ancêtres*).

Còn nhạc thờ và múa hát nên tổ những điệu bộ thanh-âm cho hùng-tráng. Những thơ-ca nên làm bằng quốc-âm cả, tụng những công-đức Thượng-đế, quốc-tổ, đại-vĩ-nhân, liệt-tổ.

Nhân lại nhắc đến lễ minh-thệ của Lý, Trần là lễ sáng-lập ra từ trong nước trước khi chưa dùng lễ Giao.

Lễ minh-thệ từ Lý Thái-tôn lập ra. Năm Thiên-thành nguyên-niên, ngài cho các quan ra làm lễ minh-thệ ở vọng-từ Sơn-thần núi Đồng-cổ ở kinh-thành. Trước đọc lời thề rằng : « Kể nào làm con bất-hiểu, làm tôi bất-trung, xin thần-minh tru diệt. 爲子不孝, 爲臣不忠, 神明殛之 ». Đọc xong các quan lần-lượt đứng trước thần-vị làm lễ sấp-huyết. Từ đó thành lệ thường mỗi năm một lần. Đời Trần lại vẫn tuân-hành, gọi là lễ « tuyên minh-thệ điều ». Độ-niên cứ ngày mồng bốn tháng tư, cũng làm lễ ở nơi cũ. Lời thề đổi lại rằng : « Làm tôi phải tận trung, làm quan phải thanh-bạch, ai bội lời thề này, xin thần-minh tru diệt. 爲臣盡忠, 居官清白, 有渝此盟, 神明殛之 ». Đọc xong quan Tể-tướng hiên tên nhận mặt từng người, vị quan nào khiếm diện, phải phạt năm quan tiền. Ngày hôm ấy nhân-dân đến xem đông lắm, lấy làm một việc rất hay. Lễ ấy suốt hai đời Lý Trần hầu bốn trăm năm, đến Lê thì không cử-hành nữa mà dùng lễ tế Giao. Ngày nay ta đọc sách hiến-pháp của Âu Mĩ, thấy đều lấy lễ tuyên-thệ làm trọng. Quốc-vương, Thống-lĩnh, Nghị-viện, Chánh-quan, Pháp-quan lúc mới nhận chức đều đối trước mặt công-chúng làm lễ tuyên-thệ. Vậy biết các cụ Lý Trần cũng không phải là quê, minh-thệ mới là cái lễ về tâm-giáo 心教 có ích cho sự thực chung. Còn tế Giao cổ chỉ là cái lễ cảm ơn riêng mà thôi.

7. — Văn-hóa và hình-thể kinh-thành Huế. — Kinh-thành Huế là nơi trung-

tâm văn-hóa của người Việt-Nam về cận-thế. Văn-hóa ấy thuộc về chế-độ quý-tộc, về tư-tưởng Nho-giáo, là cái văn-hóa cũ chung với các nước Á-đông. Ngày nay thuộc về thời-đại văn-hóa mới, văn-hóa khai-thông của thế-giới, ta không thể tránh khỏi cái công-lệ tiến-hóa của cả nhân-loại ấy mà riêng tự sinh-lồn được. Song một dân-tộc văn-minh là phải chứa-chất được nhiều những công-trình về cuộc tiến-hóa cũ. Vậy đối với những dấu-vết của nền văn-hóa xưa, ta phải trân-trọng mà bảo-tồn. Công-việc bảo-tồn có hai vấn-đề cần-thiết là sách-vở cũ với mỹ-thuật phẩm.

Nói đến bảo-tồn, tất có người cho rằng chả bảo-tồn thì sao. Song tôi nói bảo-tồn là bảo-tồn một cách có ý-nghĩa, có phương-pháp, có công-phu nghiên-cứu mà làm. Vì công-trình của tiền-dại, vì văn-hóa của dân-tộc mà làm, chứ không phải chỉ có cái danh mà thôi.

Sách-vở thì cần nhất là những sách thuộc về người bản-quốc trừ-tác ra. Hai nghìn năm Hán-học, hơn nghìn năm cổ-quốc có đấy mà thôi. Mỹ-thuật-phẩm thì có hai phần: Một là những vật kiến-trúc như điện, miếu, lăng; một là những bảo-vật bằng đồng, kim-ngọc và gỗ. Lối kiến-trúc đền miếu lâu các của ta vì nước sản nhiều gỗ quý nên dùng bằng gỗ cả. Dùng gỗ nên đã không làm được nguy-nga hùng-vĩ như lối kiến-trúc bằng gạch đá cổ ở Âu-châu mà lại không đề được lâu đời. Xem như ở những nơi danh-thắng ngoài Bắc, gọi là cổ-quốc mà có cái kiến-trúc vật-cổ nào còn đến giờ. Thế mà những nơi kiến-trúc ở Huế lại nhiều lắm. Muốn bảo-tồn lấy nguyên-hình, không dự-bị và chú-ý lắm không được. Những bảo-vật nhỏ đến nay chắc cũng đã mất mát đi nhiều. Nay đề thờ hoặc đề trưng bày, nên có những cái tủ đứng, kỷ, tam-sơn mà để

những cái bảo-vật ấy lên cho thêm tôn vẻ đẹp. Chớ để tụ cả vào trong từng cái tủ quầy như ở cửa hàng thì làm giảm mất cả những vẻ đẹp đi.

Tóm lại văn-hóa ở kinh-thành Huế còn có một điều khuyết-điểm là không thấy có những bia hoặc đền miếu riêng do quốc-lập để kỷ-niệm hoặc thờ những vị đại-vĩ-nhân trong nước về đời trước. Song điều đó ngay từ ở nơi cổ-đò Thăng-long đã thế rồi, không phải mới từ bây giờ. Lịch-triều tuy có phép tự-điền, nhưng ở kinh-đô không có miếu bia, cái quan-niệm quốc-gia cũng vì thế mà không phát-đạt.

Nay lại nói đến hình-thế kinh-đô Huế. Huế tuy ở trung-độ của nước, có cái kiểu ghé vai quầy lấy cái gánh một đôn đôi thùng, song chỉ là chỗ lợi cho sự thủ-hiềm về lối quân-sự ngày xưa, mà không phải là chỗ lợi cho sự tiến-hóa về văn-minh ngày nay. Bốn mặt đều hẹp-hòi hiềm-trở. Tây liền với rừng núi Tráng-sơn, cách rừng núi là nước Ai-lao mọi-rợ. Đông liền với cửa Thuận-an, song cát bồi lâu to không vào được. Bắc thì dèo Ngang sông Gianh, nam thì Ải-vân, đi lại gian-hiềm biết bao. Nay tuy có xe hỏa xe hơi, nhưng sự giao-thông vận-tải với các hải-cảng cũng còn tồn-phí nhiều. Đã thế mà dân làng chung quanh lại đều nghèo khó, vật lộn trên bãi cát nóng không đủ ăn, thương-mại kỹ-nghệ vì đó mà không nẩy nở ra được. Dân-sinh đã quần-bách, học-thuật tư-tưởng còn lấy dầu mà phát-đạt. Tuy nói kinh-thành là do ở các nơi xa cung-cấp người với của, nhưng cũng không khỏi bị ảnh-hưởng của hoàn-cảnh gần. Coi đó thì biết, luận đến cái thế tiến-hóa thì Huế không bằng Hà-nội. Hà-nội cách cửa bể Hải-phòng không xa bao nhiêu, đường thủy giao-thông với các phụ-dầu trong nước ở Trung-kỳ, Nam-kỳ và ngoại-quốc đều tiện. Địa-thế ở giữa bình-nguyên rộng-rãi mênh-mông,

đường-sá bằng-phẳng. Dân làng chung quanh đều trù-thịnh, chăm học hay làm. Dấu vết lịch-sử lưu-cửu ngàn-ngang, thật là có cái tư-cách tiến-thủ. Gần đây người ta có cái thuyết thiên-dô ra Hà-nội, không phải là vô-cổ.

8.— *Thăm người tiếp chuyện.*— Đến đầu mà không giao-tiếp được với những người đã sinh-trưởng hoặc đã ở lâu nơi ấy, nhất là người đã vẫn nghe tiếng, thì cũng như xem bức họa phong-cảnh nó không biết nói vậy. Chúng tôi ở Huế ít thi-giờ quá, nên chỉ đến thăm được cụ Huỳnh Thúc-Kháng và ông Nguyễn Trác mà thôi. Hai ông này tuy đều không phải sinh-trưởng ở đó, nhưng đều đến ở đã lâu năm.

Một buổi sáng ba ông Đông-châu, Cát-thành, Đông-mĩ và tôi đi đến sở báo Tiếng-dân đường Đông-ba để yết-kiến Huỳnh Thúc-Kháng tiên-sinh nhưng còn sớm, tiên-sinh chưa đến sở, chúng tôi bèn hỏi thăm đến tới luôn nhà riêng. Tiên-sinh ở một căn nhà có gác ngay sau đường Đông-ba. Do ông Đông-mĩ giới-thiệu, tiên-sinh tiếp chúng tôi một cách vui vẻ ân-cần. Tiên-sinh tuổi ước sáu-mươi, khổ người tầm-thước, tóc đã bạc, răng đã long, mà màu da còn hồng-hào, mắt còn sáng. Ăn mặc vẫn giữ phong-độ nhà Nho. Nói chuyện một cách thẳng tuột, không có ý thù-tạc cũng không có ý rào-rõ gì. Tay vẫn thuốc lá, miệng nói chuyện luôn luôn. Nói đến việc làm báo, tiên-sinh nói: « Ở xã-hội ta, không nên phân-biệt báo nào với báo nào, chỉ cốt ở việc của người làm mà thôi ». Sau nói đến sự học, tôi có nhắc đến câu « bất như học 不如學 = không gì bằng học » ở trong cái bài của Tây-hồ tiên-sinh đã đăng trong Đại-Việt tân-báo là lời thiết-đáng, tiên-sinh nói muốn tìm lại toàn-văn bài ấy mà chưa thấy. Chuyện nói đến non một giờ, còn đang vui,

chúng tôi sợ lỡ thi-giờ của tiên-sinh bèn xin cáo-từ ra về. Đông-châu tiên-sinh với tôi mỗi người đều có để lại biểu Huỳnh tiên-sinh vài quyển sách là « Mạnh-tử quốc-văn giải-thích » với « Quả-dưa-dỏ » « Thơ ngụ-ngôn ». Tiên-sinh tiễn chúng tôi ra cửa ngoài mới về.

Ở nhà Huỳnh tiên-sinh ra, chúng tôi định đi đến thăm ông Nguyễn Trác. Đang đi thì gặp người nhà của ông cho đi mời chúng tôi, là vì có ông Đông-mĩ đã giới-thiệu trước. Ông Nguyễn trọ ở nơi nhà riêng của ông Trần Bá-Vinh, làng Yên-cự. Đường đi qua viện Dân-biểu, chúng tôi rẽ vào xem. Viện kiến-trúc kiểu mới, có một tầng mà cao-ráo, ở gần bờ sông Hương, giữa một khu đất rộng. Trong viện gian giữa vào là nghị-dân, hai đầu viện có nhiều phòng làm việc. Đó là một viện Dân-biểu của một địa-phương Trung-kỳ hiện nay. Xem xong chúng tôi ra đi lên Yên-cự tới ngụ-sở của ông Nguyễn Trác. Đến sân đã thấy tiên-sinh đứng chờ ở hiên, ông đối với chúng tôi cũng là cảm-tình thanh-khi ở nơi văn-tự. Chào mừng nhau rồi ông mời chúng tôi vào phòng khách. Đồ dùng mộc-mạc mà ít, không có trưng-bày gì ra cái phong-dạng quan huyện cựu với ông Nghị-trưởng đương-thứ. Ông nói ít mà nói một cách ôn-lỗn. Bữa ấy ông đã cho làm cơm sẵn rồi để đãi chúng tôi. Cảm thịnh-tình ấy chúng tôi bèn nhận lời. Bữa tiệc hôm ấy có ông Trần Bá-Vinh là thư-ký viện Dân-biểu Trung-kỳ, từ đầu chí cuối thành ra một cuộc chuyện rất vui. Ông vui tính, ăn nói một cách tự-do hoạt-bát. Ông xướng luận rồi giải-thuyết, nào vấn-đề chế-độ hôn-nhân, nào vấn-đề nữ-trang, rồi đến vấn-đề dịch-phục của xã-hội ta. Mỗi chỗ thì chúng tôi lại bàn sen vào, thành ra cũng cùng một ý-kiến như nhau về những cái lợi cái hại ở các vấn-đề ấy, mà cũng cùng một ý-kiến muốn thay-

đổi lại cả. Song cũng chỉ là cuộc chuyện nói chơi hay là cuộc chuyện về thời-kỳ tư-tưởng mà thôi. Bởi vì rút đến một câu thực-hành thì ai cũng phải chịu rằng vì hoàn-cảnh của xã-hội khiến cho cái gì cũng trở đi mắc nùi trở lại mắc sông, nói được mà không làm được. Tức như vấn-đề dịch-phục, tôi cũng đồng-ý với ông Trần Bá-Vinh rằng : Bộ phục - sức của ta, cái áo dài thì lướt-thướt ; cái khăn thì nịt chặt lấy trán mà hở giữa đỉnh đầu, hại vệ-sinh ; đôi giày thì lép-kẹp không bước được mạnh. Đều nên thay đổi lại cả. Đến đây tôi nói : « Anh em chúng tôi ở ngoài Bắc cũng vẫn bàn đến vấn-đề này như ý tiên-sinh. Thay đổi thì không gì bằng châm-chước lối Âu-trang mà biến-cải đôi chút cho hợp với khí-hậu lễ-giao xứ mình. Nhưng cốt phải có hai điều này trước đã : Một là phải lo-liệu cho đủ tài-liệu bằng nội-hóa mà dùng. Cái gì bất-dắc-dĩ mới dùng đến hàng ngoài ; hai là lại phải có lệnh trên, hay là sức của đoàn-thể giúp cho. Điều sau này lại cần lắm, là vì hàng mới tự chế không khỏi còn vụng, được phần nọ kém phần kia. Thế mà nhân-tình thì đại-dễ hiểu cao, đã bắt - buộc người là bắt-buộc « mode » cực sang chứ không mấy ai chịu kém. Bấy giờ nếu không có sức trên hoặc đoàn-thể công-nhiên khuyến-khích thì thành cả nước xô nhau dùng hàng ngoài. Một thàng lương, một sào ruộng không đủ mua một cái mũ dạ, cái hại đó lại khổ hơn cái hại hủ. Nhưng muốn có lệnh trên hoặc sức đoàn-thể thì làm thế nào mà có được. Cũng vì nghĩ thế mà tôi vẫn cứ phải đeo cái bộ khăn lướt áo lương lệt-bệt này. Người nhà vẫn nài tôi may bằng đoạn vải sa-lanh mà tôi không nghe. Tôi cũng tự biết nhiều khi bộ cụ-phục thô-hóa quê-mùa này nó làm cho tôi giảm thể-diện với người lạ. Vì ngại có câu : « lạ giải áo » Song tôi cũng chịu

vậy, là muốn đem tấm lòng kẻ cá-nhân, vớt-vắt lại bát cơm cho cô thợ dệt Hà-dông trong khi còn chưa tìm được cách thay đổi thế nào cho phải của xã-hội này ». Tôi nói đến đây thì ai nấy đều trông nhau cả cười. Nay thuật ra đây để các độc-giả bàn thêm xem có ý-kiến gì khác giúp vào cho câu chuyện dịch-phục của chúng tôi hôm ấy. Tiệc tan, chúng tôi đều đề sách biếu hai ông mà xin ra đi chơi.

9. — Trên sông Hương khúc nam-ai.

— Sông Hương là một thắng-cảnh giữa kinh-đô Huế. Sông Hương lại có một cái thú dạ-ca ở dưới đò là một cái quà tặng khách du-lịch xưa nay. Bấy nay vẫn nghe tiếng, bây giờ đã tới nơi cũng muốn trải qua cho biết phong-tục và âm-nhạc của nhân-dân ở kinh-thành ra sao. May lại gặp ông Nguyễn Công-Thành người Bắc vốn chỗ cựu-thức, nay ông mời vô buôn bán trong ni. Cửa hàng của ông ở gần cửa Thượng-tứ, trông xuống sông Hương. Gặp nhau mừng-rỡ chuyện-trò rồi cùng hẹn nhau tối hôm đó cùng đi thưởng một cuộc hát. Tám giờ tối, chúng tôi trở lại nhà ông thì ông đã cho gọi đò và con hát chờ sẵn dưới bờ sông trước cửa hàng rồi, bèn cùng nhau các ông Đông-châu, Cát-thành, Đông-mĩ, Công-Thành và tôi xuống đò cho nhỏ sào.

Sông Hương là một cảnh danh-thắng trong hai-mươi cảnh ở kinh-thành, đã từng liệt vào đồ-họa và phẩm-đề từ thuở tiền-triều, gọi là « Hương-giang văn phiếm 香江晚泛 », nghĩa là buổi chiều bơi thuyền chơi trên sông Hương. Mà thực thế, chiều mát mà bơi thuyền chơi trên sông Hương thì thú thực. Ngày nay bức họa phong-cảnh ấy lại nhuận-sắc thêm vào những nét mới, lại càng thêm hoạt-dộng. Một dải tràng-giang, phân đôi thành-thị. Hai bên bờ xanh-xát

thành-quách, lâu-dài, phố-xá, chợ-búa, hoa cỏ in xuống mặt nước long-lanh. Một cái cầu sắt bắc ngang, ngựa xe hành-khách đi lại vùn-vụt. Quá cầu xuống hạ-lưu một tí, cái phù-châu gần làng Vi-dã phân dòng sông ra làm đôi ngã, thôn-trang tịch-mịch, cây-cối túm-túm. Mặt trời khuất bóng, gió bẽ lạnh-lạnh, nước xanh mây trắng, hơi khói mơ-màng, thật là thu cả thành-thị cổ-kim yên-ba tuyền-thạch vào làm một bức họa. Tối đến đèn điện bật lên, ánh đèn bóng nước nhấp-nhánh như sao. Những khi thời-tiết lạnh, giữa cảnh-vật này, khách văn-nhân nữ-sĩ đứng trên mũi hóng mát, ngoảnh trông bốn mặt, cảm với vũ-trụ, với nước non, với kim-tích, thảng-thường mà bồi-hồi, tưởng không thơ nào tả hết, tranh nào vẽ nên.

Đó là cái chơi thanh-thú tao-nhã ở sông Hương thì là thế. Còn cái hứng nghe hát thì lại là một cái thú chơi riêng của khách làng chơi. Thú chơi này nếu chỉ thưởng về phần âm-nhạc thôi thì cũng chưa đến nổi tưng-túc. Chúng tôi đã định chương trình chỉ nghe hát vài giờ thôi. Con hát có một ca-nương, hai anh kép. Một anh còn trẻ gầy cái nguyệt, một anh đã có tuổi kéo cái nhị, đều ngồi ngoài mũi thuyền. Khách ngả-nghiêng trong mũi, ca-nương ngồi cửa mũi. Cô này hỏi thì tuổi mới mười-chín, vốn sinh-trưởng ở Kinh-kỳ đây, mặc áo cầm-châu đỏ, quần cầm-châu trắng, đầu vấn tóc trần, rẽ ngôi lệch, cài lược đồi-mỏi, cổ đeo cái kiềng bằng vàng, phủ ngoài một cái áo ba-dờ-suy dạ thâm, chân đi guốc quai thêu cườm. Bộ người nhỏ-nhỏ, má đánh phấn môi tô son, thấp thoáng dưới bóng đèn cũng dễ coi. Mỗi tay cầm một miếng gỗ khi hát thì gõ vào nhau tiếng giống một làm dip. « Quan viên », cô đầu, chú kép dùng nước, thuốc lá xong, khúc nhạc bắt đầu cất lên. Thuyền lênh-dênh giữa

dòng, trên thuyền có đào miếng ca tay gõ dip hòa với tiếng đàn tiếng nhị, hết lên bỗng lại xuống trầm. Chúng tôi mới vô Huế lần này là một, nghe giọng Huế không quen, nhiều câu không hiểu. Mà sao giọng chỉ khúc chỉ mà như khóc như than, ai-oán quá đổi làm vậy. Hỏi thì cô thưa: « Đó là nam-ai... đó là nam-bình ». Chúng tôi chẳng dư giọt lệ như Giang-châu Tư-Mã ngày xưa ở bến Tầm-dương, cảm khúc Ti-bà mà đến giọt lệ đượm trắng áo xanh. Nhưng thực chúng tôi không ưa những thanh-âm bi-ai ấy. Bền bảo cô tìm khúc nào cho vui-vẻ phấn-chấn thì hơn.

Bấy giờ bác kép có tuổi chiều ý khách, hăng ngay lấy xin kể chuyện. Bác kể lên thì là cái về nói về một người thiếu-phụ ở Bình-định đem tiền đi cho chồng nằm ở nhà thương, mà bị tên phu xe kéo hiếp rồi giết mà lấy của ở giữa đường... Một việc đã đáng thương, thế mà giọng bác kép lại lè-nhè, mồm ngậm cái bã trầu, hợp với tiếng nhị cô-ke ki-ke ở trên mặt nước đêm thanh gió lạnh, càng thêm rầu-rĩ buồn-bã khó chịu lắm. Không đợi ca hết bài, tôi vội bảo cho bác kép nghỉ.

Quái lạ, hát xướng chỉ mà ai-oán làm não người như thế thì còn thú gì. Mà lại còn cái hại khiến cho lòng người tê-tái rồi thành ủy-mĩ nữa. Những giọng điệu đó tất là bị ảnh-hưởng của « Chiêm-thành âm » mà biến ra. « Chiêm-thành âm » là tiếng hát của dân Chiêm-thành. Lý Cao-tôn có sai quan Nhạc-công bắt-chước những giọng hát Chiêm-thành mà chế ra khúc hát gọi là « Chiêm-thành âm », giọng hát ai-oán lắm, đời ấy người ta đã chế. Vua Tự-đức vịnh sử cũng có câu chê rằng: « Không gì ai-oán bằng khúc Chiêm-thành âm 哀莫哀兮占 賊音 ». Vậy những giọng hát ai-oán này không phải là « Chiêm-thành âm » hay sao, sao những nơi nhạc phủ, những nhà thi-nhân không phả ra

những khúc nào giọng điệu hùng-tráng cho dân bất-chước mà cải di. Ấy ngày nay việc âm-nhạc của ta cần phải cải-lương ở những chỗ đó.

Chúng tôi quay lại ca-nương, bảo cô tìm xem có bài nào vui thì hát cho nghe, chứ đừng hát những bài buồn rầu như trước nữa. Cô bèn ngồi xếp chân lại, hát hết điệu thuốc « trà », rồi chỉnh áo ra xanh, cất tiếng hát. Hát luôn hai ba bài. Có một bài nghe ra vui-vẻ hơn cả. Chúng tôi cười ồ lên đề thưởng. Lại bắt cô đọc lại từng câu cho rõ từng tiếng đề chúng tôi nhận nghĩa đã, rồi lại hát lại. Thì ra bài này lại có một cái giá-trị ca-đao và lịch-sử. Là một khúc hát ở về thời-đại chúa Nguyễn, chống với chúa Trịnh, tả một viên quan võ ở ải dèo Ngang trở về dinh Vương-phủ mà gặp-gỡ hai cô gái. Trước tả cảnh dèo Ngang rồi đến những bộ phong-vận lịch-sự của hai cô gái và của viên quan võ, cùng cái tình gặp-gỡ và tiễn tống-nhau. Hát hết bài lần sau cùng, tôi bèn biên lấy đề kỷ-niệm. Bài như sau :

Đèo Ngang sơn-thủy hữu-tình :

*Cỏ cây man-lục (1), con chim trúc mỏ,
con cá bơi nước, con ngựa mang kiệu ;
Tình tang tang tình, tình tang tang tình,
Thiếp đưa chàng, dinh lại về dinh (2).
Ngựa ô yên thắm, kiệu vàng, yên tra
khớp bạc,
Lục-lạc (3) đồng đen, bộ dựng nhuộm
sen (4) ;*

*Tình tang tang tình, tình tang tang tình,
Thiếp đưa chàng, dinh lại về dinh.
Lên dinh đạo phố chơi-bời, ối bạn
tình ối,*

(1) *Man-lục* = Rậm biếc.

(2) Bốn câu này, cứ mỗi đoạn dưới lại đệm vào. Đó là để làm dịp cho khúc hát, cũng như những bài hát « quan họ », chứ không phải là lời vợ tiễn chồng về dinh mà chồng gặp-gỡ hai cô gái.

(3) *Lục-lạc* = Cái nhạc.

(4) *Bộ dựng nhuộm sen* = Bàn nhuộm mùi cánh sen.

(5) *Hàng tơ-lụa*.

*Tình tang tang tình, tình tang tang tình,
Thiếp đưa chàng, dinh lại về dinh.
Thấy hai cô gái, đường tóc rẽ ngang,
Bộ lông mày vòng nguyệt, mặt-miệ
tốt tươi ;*

Miệng cười cũng thú ;

*Tình-tang tang-tình, tình tang tang tình,
Thiếp đưa chàng, dinh lại về dinh.
Thấy hai người, thương lạ-lùng thương,
Áo cổ-y (?) tình-hảo,
Khăn nhiều thảo tam-giang,
Quần lụa áo hàng (5), dây lưng nguyệt
bach ;*

*Tình tang tang tình, tình tang tang tình,
Thiếp đưa chàng, dinh lại về dinh.
Quạt long phù-phất, nệm gấm chiếu
ba hoa),
Chén ngọc dĩa ngà, mâm thau bát bít ;
Dù cánh gươm mổ-vịt, ống điều trắc bít
vàng....*

*Tình tang tang tình, tình tang tang tình,
Thiếp đưa chàng, dinh lại về dinh.*

« Miếng ngon ăn ít ngon nhiều », được một bài giọng điệu khá vui-vẻ mà có ý-nghĩa thiết-thực như thế cũng đủ bù cho « khán-quan » khỏi những sự thất-vọng lúc này. Coi đó thì biết âm-nhạc vui hay là buồn, hăng-hái hay là rầu-rĩ, đều tự thói quen, người ta không biết sửa đổi đó thôi, chứ không phải là bản-tính vậy. Xem đồng-hồ chín giờ mười, chúng tôi cho ca-nương nghỉ mà chỉ tiền cho cả châu, thế là mới hát có một giờ mười phút. Chúng tôi bèn đổ bộ.

10. — Từ Huế ra cửa Hàn. — Tối hôm trước từ-biệt mấy vị đồng-đạo-chủ, sáng sớm mai, cụ Đông-châu, tôi, ông Phạm Hàm cùng nhau đi Ngũ-hành-

sơn. Còn các ông kia mỗi người một việc riêng phải ở lại, đợi lúc chúng tôi về thì cũng ra xe lửa cùng về Bắc

Năm giờ sáng, hai xe đưa ba người và hành-lý ra ga Huế. Bấy giờ phố-xá còn ngủ yên, bóng đèn điện vẫn tự sáng choang, cảnh-vật sông Hương đều lơ-mờ thấp-thoảng. Xe đi thông-thả trên cầu Thành-thái, giữa quăng gió lạnh sương mờ, chúng tôi không khỏi bồi-hồi mang theo cái cảm-tình với cảnh-thắng sông Hương, với những thịnh-tinh các đồng-đạo-chủ.

Xe lửa từ-biệt kinh-thành Huế ra độ vài cây-số thì hẳn lại đưa chúng tôi vào cái cảnh bãi cát cây còi, thôn-trang thưa-thớt. Khỏi huyện Hương-thủy đến huyện Phú-lộc thì sáng bạch. Trông ra đã thấy phá Hải-nhi. Phá là chỗ nước bề ăn vùng vào. Phá này to lắm. Mặt ngoài phá liền với bề là cửa Tư-dung hay là Tư-hiền-tấn 思賢汛. Mông-mênh bát-ngát, xe lửa đi lượn ngay trên bờ. Gợn sóng lóng-lánh, đá hòn nhấp-nhỏ, hơi bề thấp-thoảng bay trên mặt nước, chỗ rõ chỗ mờ lẫn với ánh mặt trời đang đông-minh mới ló. Chài ai mấy chiếc, vợ chồng con cái đã đang chỉnh-dốn để ra làm nghề. Cảnh-trí trông rất đẹp. Đây cũng là một cảnh trong hai-mươi thắng-cảnh kinh-thành, tức gọi là nơi xem đánh cá. Qua phá Hải-nhi thì núi Thúy-vân-cương đã thấy cao ngất trước mặt và chặn ngang ra bề. Rồi xe vùn-vụt đưa khách du vào khu-vũ đèo Vân. Đèo Vân là một ngàn núi phân chi với Tràng-sơn mà chạy thẳng đến tận bờ bề, chặn ngang lấy con đường Huế vào Quảng-nam.

Ngàn núi này to, hiểm mà cao, chân núi là mặt bề, ngang lưng các ngọn núi trở lên, mây ám mù-mịt suốt ngày, cho nên mới gọi là Hải-vân sơn. Chỗ gần bề có một quả núi thấp hơn và lán-lán, mở lam lối đi, nên lại gọi là đèo Vân. Đời Minh-mệnh lập cửa ái ở

trên đèo nên lại gọi là Ái-vân. Toàn-thể núi là đá hỏa-thành-thạch với cát mà ít có chất đất, nên không có rừng.

Hải-vân-sơn bây giờ có hai đường đi qua là đường bộ cũ với đường xe lửa mới. Đường bộ đi thẳng lên đèo, đường xe lửa phải đi lượn vòng chân núi ra bờ bề. Đường bộ đi lên thì ngược đi xuống thì dốc. Tuy nói đèo ấy thấp hơn các ngọn, nhưng cũng đã cao đến tầm mây phủ rồi. Cho nên ban ngày mà thường bị mây phong kín mít. Khi xấu trời, xe ô-tô mở bốn đèn pha mà không nhận rõ được đường. Xe ô-tô bất-cần một tí là sa xuống khe núi. Lại hùm beo có khi ra đuổi người đuổi cả ô-tô.

Huế là thủ-đô mà không mở được hải-cảng là vì cửa Thuận-an nông. Thế mà vận-tải hàng-hóa quân-nhu ở cửa Tân vào, thì bị đường đèo Vân hiểm-trở như kia. Nên ngay từ hồi đầu, Bảo-hộ phải đặt ngay lấy đoạn đường sắt này, đã vừa phải đi vòng cho dài đường ra lại vừa khó làm lắm. Một bên đường là núi cao, một bên là bề mông-mênh. Khe chũng thì đồ cao lên, đá chắn ngang thì đục làm toại-đạo (Tunnel). Mỗi toại-đạo là thông qua một đầu hòn núi lớn, bấy tám cái toại-đạo, cái dài nhất xe lửa chạy đến sáu phút ở trong.

Ngồi trên xe trông ra bề, xa thì mây mù nước biếc mênh-mang, gần thì sóng đập vào đá, mỗi trận ào-ào lại bọt tung lên trắng xóa. Đó là cái cảnh vui mắt của khách vô-sự ngồi trên xe trông ra, mà chính lại là cái cảnh gian-hiểm của bạn nhà nghề vượt thuyền qua vùng bề đó. Đó tức là nơi Hang-Giới. Ngạn đã có câu : « Đi bộ thì sợ đèo Vân, đi thuyền thì sợ sóng thần Hang Giới ». Vây một chỗ mà hai cái đường đi đều nguy-hiểm cả. Ấy thế mà các cụ ta xưa, bộ thì cái đòn đôi quang, thủy thì cái buồm cái chèo, mà thẳng được với nguy-hiểm. Mở từ me

nam Hải-vân vào tới Nam-kỳ, dễ sản-nghiệp cho con cháu, há không kiên-nhẫn mạo-hiểm mà được thế dư?

Xe lượn vòng bờ bể Hang-Giơ rồi tiến lên mé nam Hải-vân, trông với lên đỉnh đèo thấy một cái cửa ải cao lớn đen trũi còn lơ-lơ đứng giữa trời. Hỏi ra mới biết cửa ải ấy mới xây từ đời Minh-mệnh dùng để phòng-ngoại. Phàm tàu ngoại-quốc vào cửa Hàn, trước phải lên đó trình và xin phép. Ý-giả, nếu hữu-sự thì giữ đó mà chống với ngoại-quốc. Đó là tin ở câu: « Một người đứng trước cửa quan, một vạn quân địch không phá ra được — 夫當關，萬人莫開 », là cái thuyết cây hiềm về đời cổ-sơ. Nhưng đến đời cơ-khi thì thuyết ấy quá-khứ rồi. Chỉ bằng thuận thời-thế, giao-hảo với ngoại-quốc, cầm chủ-quyền mà lợi-dụng mở-mang công thương học-thuật. Rồi đặt hải-phòng hạm-dội ngay từ ngoài bể xa kia thì còn chắc-chắn biết bao.

Hết phận núi Hải-vân là vào địa-hạt Quảng-nam. Vùng này sản mít, vườn trong làng trồng nhiều. Làng-mạc có vẻ vui hơn vùng Quảng-bình, Quảng-trị. Đồng-diên thì gần núi với bãi cát cũng không được tốt, nhưng cấy lúc nào cũng được ăn. Bấy giờ cuối tháng hai ta mà có ruộng thì đang rỗ, ruộng thì mới cấy. Bãi cát vùng này thấp liền với bờ bể, cũng bát-ngát nhiều lắm, cũng trồng nhiều cây dương. Qua mấy ga Lang-cô, Linh-diên, Dũng-thùng, Nam-đ, v. v., thì đến Cửa Hàn.

Cửa-Hàn là cái cửa bể ở Quảng-nam vốn tên là Chu-hàn-tấn 朱翰汛, nên lại gọi là Cửa-Hàn. Dịch âm ra tiếng Pháp là *Tourane*. Xe gần ga *Tourane* đã có bồi của công-ti Hào-hưng khách-sạn lên tận xe mời và đón khách. Đến ga chúng tôi cho bồi mang hành-lý vào nhà Hào-hưng.

Vào nhà Hào-hưng gặp ông phán Chánh người Bắc, là chủ coi công-ti

đó, nên sự hỏi han đường lối càng dễ. Ông ở nhà riêng phố khác, ăn-cần mời chúng tôi lại nghỉ ở nhà riêng của ông, chúng tôi có lại thăm ông và nói chuyện rồi cảm ơn mà về nghỉ ở khách-sạn.

Công-ti này vừa có nhà cho khách trọ vừa có hãng ô-tô đưa khách và hàng-hóa đi lại trên con đường từ Cửa Hàn đến Qui-nhơn và Nha-trang, Chiếu-liệu cho bà con lao-động ngoài Bắc vô làm ăn trong Nam những lúc đi về được nhiều việc. Bởi vì đường xe lửa từ Hà-nội vô mới đi liền tới Cửa-Hàn. Từ Cửa-Hàn phải đi ô-tô một quãng đường dài đến Qui-nhơn — Nha-trang. Từ Nha-trang mới lại có xe hỏa vào Sài-gòn. Hành-khách trong khi lên xuống ga hai đầu ấy có nhiều sự khó-khăn về khuân vác và ngủ trọ, nhất là những bà con lao-động. Công-ti Hào-hưng bèn ra ứng-biên chỗ đó, sở xe-hỏa cũng vui lòng cùng liên-lạc với công-ti. Cửa-Hàn với Nha-trang lập hai nhà khách-sạn và ga ô-tô. Xe-lửa đến gần ga hai nơi đó, có bồi của nhà Hào-hưng đeo dấu hiệu lên mời và nhận khuân vác hành-lý. Lúc khách ra xe-lửa, bồi đi lấy vé giúp từ trước và khuân vác hành-lý lên đến xe. Lên xuống ô-tô cũng thế. Trong nhà, phòng nằm, hạng nhất hạng nhì hạng ba thì đều có từng phòng riêng một, giá tiền khác nhau. Hạng tư thì không có phòng riêng, giường kê gần nhau trong một khuôn nhà, mỗi cái giường đều có màn, chăn, giá tiền hạ nhất. Còn một hạng nữa thì không mất tiền, nằm những cái bậc dài, nhưng cũng có chăn gối từ-tế. Cơm ăn thì có bốn hạng: 0, \$ 50; 0, \$ 30; 0, \$ 20 và 0, \$ 10. Khách chỉ trọ mà không ăn cơm cũng được. Người trong nhà cùng bồi bếp tiếp khách một cách ăn-cần lễ-phép châu-toàn. Cái chỗ giúp cho bà con lao-động là có những nơi ăn nằm hạng rất ít tiền

hoặc không mất tiền đó. Một chỗ ăn trọ của người nghèo ở nơi lữ-thứ chốn thị-thành mà có được như thế là yên-đón lắm. Chúng tôi cũng phải khen một cách doanh-nghiệp có cảm-tình ấy, nên vì nghĩa công mà tự-thuật ra đây. Cứ chuyển ô-tô Nam ra hay là xe lửa Bắc vô, khách trọ đông lắm. Chúng tôi trọ cái phòng hạng nhất, ăn ba bữa cơm mỗi ngày 1, \$50. Dùng cơm trưa xong, bảo nhà hàng cho thuê một cái ô-tô đưa chúng tôi đi Ngũ-hành-sơn.

11 — *Phong-cảnh Ngũ hành-sơn.* —

Nhà Hào-hung trông ra sông Đà-nẵng, bên kia sông là cái bãi cát dài có vài làng mạc, cuối bãi là Ngũ hành-sơn. Sông Đà-nẵng chỗ ấy gần cửa bể rồi, nhưng vì cái bãi ấy chắn đi nên nước im không có sóng lớn. Dưới sông thuyền chài vó bè đánh cá đông lắm. Thuyền buôn lớn đi lại cũng nhiều. Hải-vật thì có hải-sâm bắt được phơi khô, sò hến, cá nhỏ, tôm to, cua bể, cá thu, v.v., ở dưới chài quẫy lên rừng-rinh. Cá thu thì về giống « cá thu ngàng », mình to, dài mà tròn, có con dài đến một thước, chứ không bé mà mỏng mình như cá thu Đồ-sơn. Xem ra ở đây có nhiều hải-lợi, nên nghề chài lưới dễ kiếm ăn, những người dân ông dân bà thuyền chài đều lành lặn. Phục-sắc quần-áo dùng nhiều màu chàm mầu và mầu đen, trông giống như tục Trà-cô, Vạn-ninh.

Sang qua cái dò ngang gọi là dò Hàng-thông ấy thì lên làng Mĩ-khe, làng này cũng có vẻ sầm-uất là nhờ hải-lợi. Từ đó xe chạy trên con đường chín cây sỏi trong cái rừng cây dương mới trồng giữa bãi cát trắng. Cuối đường đến núi Ngũ-hành. Nếu đi thủy thì thuê thuyền theo sông Đà-nẵng này đi về hướng nam cũng đến nơi nhưng mà chậm.

Ngũ-hành-sơn là một chòm núi bằng đá hoa lớn-nhỏ ở xã Du-xuyến 瑯 劍

huyện Ngọc-sơn, phủ Tĩnh-gia tỉnh Quảng-nam. Chòm núi ấy có năm quả lớn gần nhau, người ta lấy tên năm vị sao kinh-tinh là Kim, Mộc, Thủy, Hỏa và Thổ mà đặt tên cho từng quả một mà tóm gọi là Ngũ-hành-sơn. Quả núi có thẳng-cảnh cho khách đến xem là Thủy-tinh-sơn, tên nhà chùa gọi là Phồ-đà-sơn. Núi ở liền chân bãi bể, lên một đường xuống một đường. Cũng không cao lắm. Núi có hai cảnh chùa, cũng gọi là chùa Non-nước hay là Linh-ứng. Đường lên vòng vào chùa trong trước rồi mới ra chùa ngoài. Hai chùa có một vị sư trụ-trì gọi là tăng-cang (僧綱 tăng-cương) và mấy chú tiểu. Chùa trong có ba gian nhà ngói thờ tổ và sư ở, còn Phật thì thờ ở động trên núi.

Lối thường-phục của nhà sư trong ni cũng dễ coi. Vị tăng-cang đã có tuổi, đi giày tầu, mặc một cái áo đạo-bào vải nâu nó cũng như áo thường nhưng cổ áo may giao-lĩnh, tay áo mở chầy. Tiểu cũng ăn mặc giống như thế, áo hoặc mầu nâu hoặc mầu sẫm, chân đi guốc.

Vào nhà thờ chào vị tăng-cang rồi, vị ấy cho tiểu đưa chúng tôi lên xem các động. Động to nhất là cái động thờ Phật, trong có một pho tượng đề thờ trên ban liền vách động. Bên ban có cái bia trùng-tu về đời chúa Nguyễn tạc vào thân núi. Bia chỉ đề « Nước Đại-Việt, Kim-thượng Hoàng-đế, năm canh-ngọ » chứ không đề niên-hiệu, nên không biết đời vua nào. Dưới ghi tên những tín-chủ cúng tiền. Có nhiều người Nhật-bản, người Đại-Minh cúng tiền. Đó là hồi các chúa Nguyễn mở phủ Quảng-nam cho ngoại-quốc buôn-báo mà có thông-thương với Nhật-bản vậy. Rồi sang động Thiên-long-cốc, động Tàng-chân, động Huyền-không. Động Huyền-không này thờ bát-tiên, có tám tượng nhỏ.

Di-tích của người Hồi tức là người chủ-nhân cũ ở xứ này đã từng sáng-

lập nên chùa này, thì còn một cái bệ trím xuống cái một nửa và hai cái hình lục-sĩ nhỏ chạm vào vách núi. Coi đó, ta là người chủ thứ hai không khỏi động lòng viếng người trước. Nhưng cuộc tranh sinh đời nay lại kịch hơn xưa, không biết có giữ được khối đá người chủ sau thứ ba đến đây phải nhớ mà viếng ta không. Hai chủ tiểu với mấy người làng vừa ông già vừa trẻ con lại đưa chúng tôi đi xem lần lượt hết hang nọ đến hốc kia, mà cứ theo khe trong hang đá mà đi chứ không trở lại. Có chỗ trên đầu thủng bằng cái nong tròn trông thấy trời. Có chỗ đang đi trong hang kín hơi bức sức thì ra ngay cửa hang có gió thổi vào mát-mẻ, gọi là hang gió. Những hang hốc đó đều là sự ngẫu-nhiên từ lúc đá mới kết-dông lại. Người ta khắc đá đặt ra những tên, nào là Thiên-căn Nguyệt-quạt 天根月窟, kẻ có tín-niệm thì lấy làm bởi ý thần-diệu của thợ trời. Chúng tôi thì yêu nhất là hai cái cảnh Vọng-hải-dài 望海臺 với Vọng-giang-dải 望江臺.

Đi trèo lên đỉnh núi về phía bệ thì tới Vọng-hải-dải. Đây không có dải chỉ có cái bia thích ba chữ Vọng-hải-dải 望海臺, gần bên bia tạc hòn đá liền ở đó làm cái ghế bành, đều là vật từ đời Minh-mệnh. Vua đi Nam-tuần lên đây ngoạn-cảnh mà đặt cho tên ấy. Xung quanh bia chỉ đứng lọt được độ mười-lăm người, Đứng đây trông ra bề Thái-bình-dương, một trời một nước bao khắp ba mặt núi, mây mờ sóng bạc, thật là một cảnh kỳ-quan của vũ trụ. Một nơi xem bề thú nhất của nước ta, vì chỗ đứng cao tron-von liền với bề nên trông được rộng xa. Ông Phạm Hàm có chụp một tấm ảnh để kỷ-niệm. Đoạn rồi đi xuống sang Vọng-giang-dải 望江臺. Chỗ này cũng có một cái bia thích ba chữ tên. Cũng là vật từ đời Minh-mệnh, tạc lúc vua ra chơi. Đứng chỗ này thì trông thấy sông Đà-nẵng

khuất-khúc trước mặt, thôn-trang đồng đều san-sát liền nhau. Coi ra cảnh dân-sinh về Quảng-nam có phần trù-thịnh phảng-phất như ở Bắc-kỳ và hơn xứ Huế nhiều. Đó cũng là một cảnh đăng-cao có thú-vị vậy. Xem xong mấy người nhà chùa và thổ-chước lại đưa chúng tôi đi xuống chùa ngoài.

Nơi này có một cái hành-tại của vua Minh-mệnh ra chơi núi nghỉ lại ở đó. Mấy gian nhà ngói với tường xây hấy còn. Chùa ở liền đây, cũng tương-tự như chùa trong. Củng vào chùa và dải người nhà chùa tiền trâu nước rồi chúng tôi hạ-sơn. Cái lối từ cổng chùa xuống, thì dốc mà thuần một thứ cát gạo, vừa đi nó vừa tụt người xuống. Xuống đến chân núi thì lại gặp con đường vô chùa trong lúc này. Đưa đi xem các động trên núi đã có người nhà chùa thì đã dải tiền rồi. Mấy đứa thổ-nhân này cũng theo vào rồi cũng kẻ công xin tiền. Mà nhiều đứa lắm. Chúng được tiền đã quen, thấy có khách đến là nhón-nhác kéo nhau lên chùa. Lúc khách ra chúng làm rất nhiều. Thật là một tục xấu, nên cấm.

Núi này sản đá trắng và đá hoa vân đen, nên người làng này tạc đồ chơi bằng hai thứ đá ấy kẻ cũng đã khéo. Lọ hoa, con giống, chận giấy cùng khay ấm chén đủ cả. Đáng thì cũng khá mà nét còn thô, chưa được sinh-hoạt. Nếu được nhà mỹ-thuật mới dạy cho thì có thể xuất-sản được một thứ hàng có giá-trị. Thấy có khách đến chơi chùa thì các người trong làng mới mang đồ ra bán. Chúng tôi mỗi người mua một cái về làm kỷ-niệm.

Xe về nửa đường lại rẽ ra bãi Mĩ-khe tắm bề, là vì người tài-xế ô-tô mách mà ông Phạm Hàm cố hò. Ở bãi Mĩ-khe là nơi tắm bề rất tốt, người thành-phố bên Cửa-Hàn vẫn sang tắm ở đó, có cái bảng dựng ở bên bãi. Tắm bề có nhiều cái tech-loi vệ-sinh, nhưng

phải có lưới vây chứ không thì trẻ con với người nhát đảm hay xảy ra cái nguy-hiểm bị sóng cuốn đi.

Hồ-hấp vận-dộng trên bãi cát rồi ra dãn với sóng. Mỗi trận sóng ngoài xa đưa vào, như núi như thành, bọt trắng phau, tiếng ào-ào, đi lừng - lững đến đánh tạt qua người rồi lại rút ra. Người tắm phải cần-thần lúc đó, phải có phương-pháp và can-dảm đừng hoảng hồn mới được.

12. — *Dạo xem thành-phố Cửa-Hàn.*
— Tắm xong về đến thành-phố, trời còn sớm, chúng tôi cho ô-tô đi lượn quanh thành-phố một vòng để xem cảnh-vật và cổ-tích.

Thành-phố ở kề bờ biển, cửa sông Đà-nẵng hay là cửa biển Chu-hàn. Cỏ vốn có cái chợ nên cũng gọi là chợ Hàn. Vùng biển ngoài cửa gọi là Úc-hải, núi Trà-sơn ở về mé bắc từ trong đất chạy ra. Đời Tự-dức, quân ta đánh nhau với quân đông-minh hai nước Pháp Tây ở nơi chợ Hàn này. Từ khi định cuộc Bảo-hộ, mở làm phụ-đầu, đặt đường sắt vô Huế mà chợ Hàn nên một nơi bến tàu đông vui. Song cũng chỉ là nơi chứa hàng nhập-cảng xuất-cảng rồi vận-tải đi các tỉnh khác, còn bán lẻ và chế-tạo cũng ít, nên thành-phố cũng không to lắm. Có ít phố, đường phố nhiều cát, cỏ mọc lổm chổm. Có một cái viện chứa đồ cổ của người Chiêm-thành đề là « Chiêm-thành tàng cổ-viện ». Khi xe hỏa sắp tới ga đã có hàng yếm bên đường sắt mách cho khách nên đến mà xem. Bấy giờ chúng tôi bảo tài-sẽ đưa ô-tô tới viện. Viện mới lập, chứa thuần một thứ đồ bằng da rắn, thuộc về một cái đền chùa cổ của người Hời đã bị chìm xuống đất mà nay mới đào được. Viện cũng không to, một tầng mà hai ngăn. Ngoài vườn trong viện bày những vật đá chạp ụ ấ ả cả. Có hai phần là miếu

với tượng-thần. Miếu thì còn : Những cái bọ nấp ở cửa đục thành cột vuông cột tròn, trên đầu dưới tầng đều soi chỉ chạm lá. Cái đầu xà nhà chạm, những miếng góc sập chạm chỉ, sỏi triện, và các tấn nhân-vật. Nhưng mà lối - lẩn khéo - léo, nét chênh-bong sinh-hoạt hơn đồ gỗ chạm cổ của ta nhiều. Tượng thần thì còn nhiều. Theo lối tôn-giáo của người Hời mà tạc ra. Có nhiều cái tượng nữ-thần bán thân mà khóa-thể khéo lắm. Có mấy tấm bia thích lối chữ tiêu-âm của người Hời như ở viện Bảo-tàng Hà-nội đã bày. Có hai cái tượng thần-voi bằng con lợn nhỏ một. Tượng mặc áo đeo kiếm mà ngồi như người, trông một cách sinh-hoạt lắm. Trông những cái tượng người, voi, ngựa bằng đá xanh ở các lăng miếu của ta từ cổ đến nay, nó sù-sì dần-dộn, kém ở đây xa.

Chúng tôi xem khắp cả mà xem kỹ lắm, không khỏi thần-phục cái tài kiến-trúc và chạm đá của những ông địa-chủ cũ ở đây. Song có thể biết được cái cơ sở dĩ có văn-hóa, có kỹ-xảo như thế mà đến nỗi quốc vong chủng diệt, là vì những cái văn-hóa kỹ-xảo ấy chỉ là cái của đặc-biệt dùng về tôn-giáo hoặc cung cho qui-phái mà thôi. Còn toàn-thể dân-trí dân-sinh thì vẫn ngu hèn hần-khốn, chưa từng khai-hóa gì. Cho nên nhất-dân chỗ then-chốt hư-hỏng thì toàn-thể đồ-nát hết không sao văn-hồi được nữa. Nghĩ cái cơ ư thăng liệ ả bại ở trong cái cuộc thiên-diễn (évolution) ngấm-ngấm miên-man này mà sợ.

Cuộc nam-du lần này của chúng tôi đến đây là hết chương-trình đã định, còn lại đề lần sau.

Ngày mai ngồi trên xe hơi nhớ lại những cảm-tình đã qua, bèn thuật ra làm một bài thơ để kết bài du-ký này :

Người ta đi Huế thì vui,
Sao tới đi Huế thì tôi những buồn :
Buồn cho cô ả sông Hương,
Nam-ai một khúc thêm càng náo-
nhân !

Buồn cho bà mẹ trong lăng,
Châu trời thon-thở cái thân đơn-
hàn !

Buồn nơi lều cỏ cát vàng,
O kia dải nắng chang-chang giữa
trời !

Buồn nơi dấu cũ người Hời,
Bề dâu nào đã cách đời là bao !

Trước khơi trận sóng tuôn dào,
Nặng chìm nhẹ nổi xiết sao sự đời.

Đông-châu tiên-sinh cũng có một
bài Hàn-luật đề núi Ngũ-hành đề ghi
cuộc Nam-du. Thơ như sau :

Cánh bằng thuận gió tới Nam-minh,
Thừa-hưng lên chơi đỉnh Ngũ-hành;
Vọng-hải dài cao trời thấp rập,
Huyền-không đồng vắng bụi buồn
tĩnh !

Ngấn rêu đá mốc tầng cô-tháp,
Nét chữ bia mờ dấu cự-dinh ;
Viếng cảnh muốn tìm gương vắng-sự,
Nào đâu bờ cõi cũ Chiêm-thành ?

NGUYỄN TRỌNG-Í HUẬT

KHẢO VỀ LUÂN-LÝ-HỌC-SỬ NƯỚC TÀU (1)

IX

CHƯƠNG THỨ IV. — Dương-tử 楊子

Dương-tử tên là Chu 朱, tên tự là Tử-cư 子居, trong sách *Trang-tử* gọi là Dương-tử 陽子. Người về cuối đời Xuân-thu, đầu đời Chiến-quốc, so với họ Khổng họ Mặc thì Dương-tử mới ra sau, so với họ Mạnh họ Trang thì Dương-tử lại là trước. Sự tích không được rõ, chưa có làm sách để truyền về sau, nay chỉ do những sách *Liệt-tử*, *Trang-tử*, *Mạnh-tử*, *Hàn-phí-tử* mới biết được học-thuyết đại-yếu của họ Dương.

Thống-hệ về học-thuyết. — Xét cái thống-hệ học-thuyết của Dương-tử, thì có mấy thuyết khác nhau, hoặc bảo là họ Dương học ở Lão-tử; hoặc bảo rằng không phải là trực-tiếp học ở Lão-tử, chẳng qua là học một cách tự-thực mà chịu được cái ảnh-hưởng của

Lão-tử. Nhưng nay nhiều người đã tin rằng cái học-thuyết của Dương-tử là ra từ Lão-tử, chứng-cứ ra có hai lẽ: 10) Xét về tư-tưởng có chỗ giống nhau, như là cái chủ-nghĩa lợi-kỷ của Dương-tử cũng giống như cái tư-tưởng về nhân-sinh-quan mà chán đời của Lão-tử, họ Dương chẳng qua là suy-diễn cái tư-tưởng của họ Lão ra mà thôi. 20) Những người danh-nhân trong học-phái Lão, Trang, thường bàn luận đến Dương-tử luôn.

Thuyết triết-học. — Những người giới-thiệu thuyết họ Dương mà kỹ-càng nhất là Liệt-tử, Liệt-tử không những là chép ra một thiên *Đương Chu*, lại còn những thiên *Hoàng-đế*, *Lực-mệnh*, *Trọng-ni*, *Thuyết-phủ* đều có chép đến thuyết của họ Dương. Ngoài Liệt-tử ra thì thầy Mạnh-tử ở về thiên *Đằng-văn-cống-hạ* và thiên

(1) Nguyên-văn của người Nhật Tam-phổ-dăng-tác ; Trương Tôn-Nguyên, Lâm Khoa-Đường dịch ra chữ Hán. Xem N.-P. từ số 168.

Tận-lâm-thượng đều có dẫn thuyết của họ Dương; sách *Trang-tử* thì những thiên *Ưng-dễ-vương*, *Sơn-mộc*, *Ngụ-ngôn*; sách *Hàn-phí-tử* thì thiên *Thuyết-lâm-thượng-hạ* đều có dẫn thuyết họ Dương. Cứ xét trong những sách ấy thì thuyết họ Dương chỉ là luận về đạo-đức; ngoài luận về đạo-đức ra khá nhận là thuyết triết-học cũng ít lắm, và cũng ít khi luận về thế-giới-quan và nhân-sinh-quan để làm căn-cứ cho đạo-đức.

Luận về định-mệnh. — Dương-tử luận về thế-giới-quan (vũ-trụ-quan), thì rõ nhất là luận về định-mệnh; cho rằng nhất-thiết hiện-tượng trong vũ-trụ đều phải chi-phối vào một phép-tắc tất-nhiên và tự-nhiên, chứ không thể lấy cái ý-chi tự-do của mình mà xoay chuyển đi được. Loài người thọ hay yếu, phải hay trái, thuận hay nghịch, an hay nguy đều là mệnh cả, chứ sức người không thể làm gì được.

Yếm-thế-quan. — Dương-tử luận về nhân-sinh-quan thì rõ nhất là thuyết yếm-thế; cho rằng sống chết đều là mệnh, chẳng cứ người nào không thể khỏi chết được. Loài người trong đời tuy phân ra có bậc thánh-hiền, kẻ ngu tối, kẻ sang người hèn, nhưng đến khi chết thì đều là nắm xương khô đồng thối nát cả; mà loài người ta sinh-tồn ở trong cõi thế gian có được là bao? Nhân-sinh ít người thọ được đến trăm tuổi, cho rằng thọ được đến trăm tuổi nữa, trừ khi nhỏ với khi già yếu ra thì chỉ còn độ năm-mươi năm là cùng. Mà trong khoảng năm-mươi năm ấy trừ những khi ngủ ra, chỉ còn độ hai-mươi-năm năm; trong hai-mươi-năm năm ấy lại tiêu-háo một phần về lúc lao-khổ ưu-tư. Thế thì tuy rằng sống đến trăm tuổi, nhưng cái vui-thích chẳng qua vi-vật độ hơn mười năm. Đời người thực như hạt sương buổi sáng, chỉ là cầu-thả thân-sinh mà thôi.

Thuyết luân-lý. — Dương-tử căn-cứ về thuyết định-mệnh và yếm-thế-quan mới xướng lên cái chủ-nghĩa khoái-lạc và chủ-nghĩa lợi-kỷ, cực-doan luận về khoái-lạc lợi-kỷ cho đến cùng-cực.

Yếu-chỉ về chủ-nghĩa khoái-lạc. — Dương-tử cho rằng sống chết là bởi mệnh cả, đời người chỉ như hạt móc buổi sáng, thì lúc sống phải nên phóng-tứ khoái-lạc cho thỏa-thích; đó là bởi cái tư-tưởng yếm-thế-quan mà chuyển thành ra cái chủ-nghĩa khoái-lạc. Thế thì muốn khoái-lạc thì phải làm như thế nào? Dương-tử mới kể ra những việc: một là nhà ở cho đẹp, hai là áo mặc cho sang, ba là vị ngon, bốn là sắc đẹp, đó đều là những cái khoái-lạc người ta mong muốn cả, ngoài ra thì không cần phải cầu gì nữa. Nếu không thế mà cầu sự khoái-lạc nhiều quá, thì thành ra vô-yếm mà đủ làm hại cả âm-dương rồi đến giết cả mình. Dương-tử lại nói một là thọ, hai là danh, ba là vị, bốn là tài-hóa; bốn cái ấy đều khiến cho cuộc sinh-hoạt của loài người không lúc nào yên. Nên ông lại nói rằng: «Người ta chỉ vì cầu-thọ nên mới sợ ma quỷ; vì cầu danh nên mới sợ người; vì cầu vị nên mới sợ oai; vì cầu của nên mới sợ hình». Nếu sợ hãi như thế thì là người lo luẩn-quẩn mà trái cả định-mệnh. Nên Dương-tử mới bài-xích cả thọ, danh, lộc, vị và tài-hóa đi, thì đời người mới được là chân-chính khoái-lạc.

Đặc-sắc về chủ-nghĩa khoái-lạc. — Dương-tử nói về cái đặc-sắc chủ-nghĩa khoái-lạc, một là bởi vì nhân-sinh-quan mà thành ra chán đời, đã kể như trên. Hai là chủ-nghĩa khoái-lạc về nhục-thể. Dương-tử nói cái khoái-lạc người ta cầu được là nhà sang, áo đẹp, vị ngon, sắc đẹp, đều là cái khoái-lạc thuộc về nhục-thể cả. Ba là cái chủ-nghĩa khoái-lạc cảm-giác trong phút-chốc. Dương-tử nói rằng: «Người ta cứ tai muốn

nghe gì thì nghe, mắt muốn trông gì thì trông, mũi muốn ngửi gì thì ngửi, miệng muốn nói gì thì nói, thân-thể muốn yên-ngỉ lúc nào thì yên-ngỉ, ý mình muốn làm cái gì thì làm ». Bốn là cái chủ-nghĩa khoái-lạc của cá-nhân. Khoái-lạc cho đến cùng thì chỉ cốt là khoái-lạc cho mình, đó tức là cái thuyết lợi-kỷ. Thuyết khoái-lạc của Dương-tử rõ là thuyết lợi-kỷ, Dương-tử có nói rằng : « Người đời xưa nếu tồn một lý mà lợi cho thiên-hạ cũng chẳng cho ; đem cả thiên-hạ để cung-phụng cho một thân mình cũng chẳng lấy ; ai ai cũng chẳng chịu tồn mất mấy lông, ai ai cũng chẳng chịu làm lợi cho thiên-hạ, thì thiên-hạ mới trị được ». Đó tức là Dương-tử xướng lên cái thuyết độc-lạc đấy. Người ta đã không cần làm lợi-ích cho mọi người, nhưng cũng không thể làm hại cho mọi người được. Làm lợi-ích cho thiên-hạ không chịu mất mấy lông thì gì bằng đem cả thiên-hạ mà cung-phụng khoái-lạc cho một mình. Đó là siêu-thoát ra ngoài xã-hội, mà chỉ tham lấy khoái-lạc cho mình, thuần là cái chủ-nghĩa cá-nhân cả. Tuy rằng là chủ-nghĩa lợi-kỷ, nhưng cũng không phải tự mình có cái tài vận-năng vậy.

Lời bàn thêm. — Dương-tử căn-cứ ở cái thuyết khoái-lạc lợi-kỷ, mới luận về cái thuyết an-tâm lập-mệnh và thuyết dưỡng-sinh. Luận về an-tâm lập-mệnh thì chỉ là thuận theo mệnh trời, để cho được chân-chính khoái-lạc, chứ không có mê-hoặc về sự cầu thọ, cầu danh, cầu vị, và cầu của. Luận về dưỡng-sinh thì không trọng gì sự nhiếp-sinh để cầu lấy sống lâu, chỉ cốt là tưng-tự cái ý muốn của mình cho khoái-lạc để cho trọn tuổi trời. Nếu được như thế thì dầu sống một ngày cũng như một tháng, một năm cũng như mười năm. Sinh-hoạt như thế thì là kẻ thuận-dân, kẻ đạt-nhân. Cứ như cái thuyết của Dương-tử luận

về dưỡng-sinh, thì chẳng qua là làm kẻ thuận-dân kẻ đạt-nhân mà thôi.

Dương-tử vì theo về cái chủ-nghĩa khoái-lạc, cho nên luận về các bậc thánh-biến đời xưa như Thuấn, Vũ, Châu-công, Khổng-tử, cho rằng các ông ấy tuy được cái tiếng tốt là thánh-nhân, nhưng mà nhất-sinh phải chịu khổn-khổ ; chứ như Kiệt, Trụ tuy rằng phải mắc cái tiếng xấu là vua tàn-bạo, nhưng nhất-sinh được khoái-lạc. Nếu được cái hư-danh là thánh-nhân, mà phải chịu khổ một đời, thì thà rằng làm chúa Kiệt chúa Trụ mà được khoái-lạc. Vậy nên như Công-Tôn Triều, Công-Tôn Mục, và Đao-Mộc Thúc là những người chỉ phóng-tung sinh-hoạt một đời, Dương-tử đều tôn là bậc đạt-nhân cả.

Phê-bình. — Học-thuyết của Dương-tử nhân được cái su-thế đời ấy, nên hay tràn khắp cả thiên-hạ ; nên Mạnh-tử có nói rằng : « Cái thuyết của họ Dương họ Mặc đầy cả trong thiên-hạ ». Nhưng cái học-thuyết của họ Dương cũng nhiều điều, làm hư-hại cả nhân-tâm : Một là cùng với cái cách quốc-gia tổ-chức không hợp. Những cá-nhân sinh-tồn ở trong xã-hội, đều không nghĩ gì đến lợi-ích của người khác cả, thế tất không hay duy-trì được chế-độ của xã-hội. Bởi thế Mạnh-tử mới bài-bác họ Dương chủ-ý vị-ngã là vô-quân. Dương-tử tuy không có ý gì là coi khinh vua, nhưng cứ như kết-luận về học-thuyết họ Dương, thì chắc cũng đúng như lời bài-bác của thầy Mạnh. Hai là học-thuyết của Dương-tử trái với nhân-tình. Lòng người ta vốn sẵn có cái thiên-linh cùng sinh-hoạt trong xã-hội, thế mà Dương-tử thì lại bỏ cái cách giao-thiệp với xã-hội, là trái hẳn với nhân-tình. Xã-hội về đời thái-cổ còn mờ-mịt, người nào chết không cứ là thân hay là sơ, đều đem bỏ ra ngoài đồng, Dương-tử khen cho việc ấy là phải ; bảo rằng người nào đánh chết

không còn sinh-mệnh nữa, thì bất-phương đem tự-do đốt đi hay là vứt bỏ đi, điều đó cũng là trái với nhân-tinh. Bởi vậy nên học-thuyết của Dương-tử đương-trần khắp cả một đời, mà chột cái lại suy kém ngay, bởi là trong tư-tưởng còn hàm nhiều ý khiếm-khuyết chăng?

CHƯƠNG THỨ V. — *Mặc-gia* 墨家

Mặc-tử tên là Địch 翟, người nước Tống 宋, so với Khổng-tử thì Mặc-tử mới ra sau, mà ra đời trước Dương-tử và Liệt-tử; là một nhà đại-học-vấn về cuối đời Châu, chẳng những tự thành là một nhà triết-học, mà lại sở-trường về thuật khí-giới. Đã từng làm quan Đại-phu ở nước Tống, vì cảm-khái tức về đời loạn, mới phẫn-khởi lên bỏn-ba đi khắp bốn phương, tận-tụy mưu làm những việc công ích công-lợi. Nên người ta bảo rằng: Chiều ông Khổng không mấy khi ngồi được đến ấm; bếp họ Mặc không mấy khi đun được đến đen, là nói hay đời đi luôn. *Hàn-thư nghệ-văn-chí* có nói rằng Mặc-tử có làm ra sách được bảy-mười-mốt thiên, nay còn sót lại chỉ còn độ năm-mười-ba thiên. Tự-trung có thiên tự Mặc-tử làm ra, có thiên tự học-trò phụ-diễn cái học-thuyết của thầy mà làm ra, nhưng cái tư-tưởng nó vẫn nhất-quan cả. Học-thuyết họ Mặc nhà được cái thể phi-thường lúc ấy hay tràn khắp cả một đời, xem như thầy Mạnh bảo rằng: «Lời nói của họ Dương họ Mặc đầy cả thiên-hạ» thì biết. Lại còn như trong sách *Trang-tử* có *Thiên-hạ-thiên*, *Tuân-tử* có những thiên *Lễ-luận*, *Nhạc-luận*, cũng là thiên *Hiển-học* trong sách *Hàn-phí-tử*, đều nói họ Mặc với họ Khổng ngang nhau, cho là hai nhà học-vấn hiển-hách trong thiên-hạ lúc bấy giờ. Xem thế thì thuyết của họ Mặc có phần thể-lực hơn họ Dương nhiều.

Thống-hệ về học-thuyết họ Mặc. — Giải về thống-hệ học-thuyết của họ Mặc có nhiều thuyết khác nhau: Một, cho là họ Mặc thừa-kế cái tư-tưởng của vua Đại-vũ, vì rằng lời nói với việc làm của vua Vũ, in giống như học-thuyết của họ Mặc, mới sinh ra cái thuyết ấy. Hai, cho là họ Mặc học ở con cháu quan sử Giốc đời nhà Châu, đó tức là cái thuyết của sách *Lã-thị xuân-thu*. Xưa kia thiên-tử nhà Châu chọn lấy quan sử Giốc cho đi sứ nước Lỗ, rồi cho lưu-trụ mãi ở nhà học-thức nước Lỗ. Ba, cho là Mặc-tử trước theo học Nho, vì chân Châu-lễ phiền-phức quá, mới chuyển theo lễ-pháp giản-dị của vua Hạ Vũ; đó là thuyết của Hoài-nam-tử. Bốn, cho học-thuyết họ Mặc là bởi ra từ nhà Thanh-miêu. Đó là thuyết của sách *Hàn-thư nghệ-văn-chí*. Thanh-miêu là miêu thờ đấng tổ-tiên nhà Châu là bà Khương Nguyên, cái cách cấu-tạo và việc cúng-tế, chỉ cốt lấy chất-phác tiết-dụng làm tôn-chỉ; mà những khi làm cái lễ nuôi ông già, tỏ ra cái ý khiếm-ái; cúng tế các vị tiên-linh, tôn-kính thần-quỉ, đều hợp như tư-tưởng họ Mặc; bởi vậy người ta cho cái thuyết họ Mặc là do từ nhà Thanh-miêu, cũng như là cái học của họ Lão là ra từ dòng sử-quan vậy. Những thuyết trên này tuy đều có căn-cứ cả. Nhưng giải-thích về thống-hệ học-thuyết của họ Mặc, thì chưa được thuyết nào chính-dáng cả. Nếu bảo rằng học-thuyết của họ Mặc là sở-đắc từ một thầy truyền thì thà rằng nói ông ấy có tham-chước cả chúng-thuyết, mà tổ-chức lại làm thành ra một học-phái thì chẳng hơn ư.

Thuyết triết-học. — Mặc-tử khi nào thuật kể ra cái học-thuyết của mình, thường dùng cái phép luận-chứng, đề quyết định xem lời nghị-luận, có đáng hay không. Vậy nên lúc nào tự-thuật cái học-thuyết thì cần phải hiểu rõ cái phép luận-chứng.

Phép luận chứng. — Mặc-tử yết ra ba điều để làm tiêu-chuẩn cho lời nghị-luận : một là bản, là bản tự chỉ đấng thiên-quỉ và ngôn-hạnh của đấng tiên-vương ; phạm nghị-luận điều gì tất là phải theo chỉ đấng thiên-quỉ, và hợp với ngôn-hạnh của đấng tiên-vương. Hai là nguyên, là nguyên chứng ở sách của tiên-vương, và xét ở tai mắt trăm họ. Nếu chứng ở sách của đấng tiên-vương tuy là không sai, nhưng không hợp với tai mắt của dân-chúng, thì vẫn chưa phải là chính-đáng. Ba là dụng, là ứng - dụng ra làm chính-trị trong thiên-hạ. Ứng-dụng ra làm chính-trị thiên-hạ mà hay lợi cho muôn dân, lời nghị-luận ấy mới là ổn-đáng. Mặc-tử gọi cái phương-pháp luận-chứng ấy là ba phép hay là ba biểu. Ba phép tức là cái thuật luận-lý của Mặc-tử : Thứ nhất là phép diễn-dịch. Thứ hai là trong khi chứng với sách của tiên-vương cũng là phép diễn-dịch ; lại xét xem ở tai mắt trăm họ thì là phép qui-nạp. Thứ ba là phép qui-nạp. Đó tuy là cái hình-thức luận-lý hãy còn ấu-trĩ, nhưng đương lúc bấy giờ mà đã biết cái luận-pháp diễn-dịch và qui-nạp, để phát-biểu cái ý-kiến của mình, thì cũng là trác-thức lắm vậy.

Luận về trời. — Xưa nay người Tàu vẫn tin-ngưỡng trời là một đối-tượng. Mặc-tử thì lấy ngay cái tư-tưởng lay trời với cái quan-niệm đối với quỉ-thần của người vẫn sẵn có, cho làm cái cơ-sở về luật đạo-đức, cho trời làm cái tiêu-chuẩn rất cao cho muôn vật. Mà gọi là trời là có cái tính-chất về tôn-giáo làm chủ-tể hết cả : Một là sáng-tạo ra muôn vật ; hai là giám-đốc cả trên dưới ; ba là một vị thần chủ-tể có toàn-tri toàn-năng cầm quyền thưởng-phạt họa - phúc cho muôn vật. Trời đã hay sáng-tạo ra muôn vật thì trời tức là tạo-vật-chủ, phạm nhất-thiết những sự tổ-chức ra

xã-hội, đều là bởi ý trời mới thành được. Trời đã hay giám-đốc cả trên dưới, thì không những muôn dân phải chịu trời giám-đốc, cho đến đấng thiên-tử cũng phải chịu trời giám-đốc. Lại không những là trời thưởng phạt họa phúc cho muôn dân, mà đến đấng thiên-tử cũng phải chịu trời giám-chế. Trời đã có toàn-tri toàn-năng, thì những điều gì trời muốn là việc hợp-nghĩa, những điều gì trời không muốn thì là việc bất-nghĩa ; hễ người nào theo ý trời mà làm điều nghĩa thì được vẻ-vang, trái ý trời mà làm điều bất-nghĩa thì phải tuyệt-diệt. Không cứ là cá-nhân hay là quốc-gia đều như thế cả.

Luận về quỉ-thần. — Mặc-tử đã cho trời là tiêu-chuẩn rất cao, ngoài trời ra lại còn một tiêu-chuẩn nữa tức là quỉ-thần. Quỉ-thần phân ra một là thiên-thần ; hai là địa-kỳ, ba là nhân-quỉ. Thiên-thần là thần ở trên cõi trời ; địa-kỳ là thần các sông núi ; nhân-quỉ là thần của linh-hồn loài người. Mặc-tử cứ do ba phép : bản, nguyên, dụng, mà chứng-luận đề nghịệm là có quỉ-thần : Một là các đấng thánh-vương đời xưa không những là trọng những việc tế-tự tôn-miếu xã-tắc, mà đến khi thi-hành chính-trị ra thiên-hạ như là thưởng cho người ở trước nhà tôn-miếu, bắt tội người ở trước dân xã-tắc ; thế thì các đấng thánh-vương cũng tin là có quỉ-thần. Hai là xem trong sách của các tiên-vương cũng thường nói đến quỉ-thần mà từ xưa dân chúng cũng thường nghe thấy ; thế thì quỉ-thần chắc có chứ chẳng phải là không. Ba là nếu quỉ-thần mà thực ra thi-hành chính-trị thì nhân dân ai cũng phải sợ mà giữ phép, không dám làm xằng, thì thiên-hạ tất là trị-bình ; thế thì nếu có quỉ-thần mà ứng-dụng ra tám việc chính-trị hẳn là có lợi-ích, chứ không thể bài-bác được.

Mặc-tử đã cho quỷ-thần có cái sức hay thưởng người thiện, phạt kẻ ác, nhưng quỷ-thần đối với trời có quan-hệ thế nào thì chưa nói rõ; chỉ cho trời là tiêu-chuẩn rất cao, mà quỷ-thần là tiêu-chuẩn thứ hai, thế thì hai đàng lại chẳng là mâu-thuẫn ư.

Bài-bác thuyết vận-mệnh. — Mặc-tử bài-bác cái thuyết định-mệnh (*túc-mệnh-luận*) mà xướng lên cái thuyết *phi-mệnh-luận*, thì khác hẳn thuyết Liệt-tử. Nước Tàu từ xưa vẫn theo cái thuyết định-mệnh, Mặc-tử mới xướng lên cái thuyết phi-mệnh thực là sáng-kiến. Cái thuyết phi-mệnh của Mặc-tử cũng là theo ba phép: bản, nguyên, dụng, tóm luận như sau: Một là xét về sự-tích cổ-nhân, thì không chắc tin là có vận-mệnh; như là đời chúa Kiệt chúa Trụ mà thiên-hạ loạn là tội tại Kiệt, Trụ, đời vua Thang vua Vũ mà thiên-hạ trị, là tại sức vua Thang, Vũ. Thế thì trị hay loạn, an hay nguy, là bởi tại hành-chính hay hay dở, chứ không đổ cho vận-mệnh được. Hai là trong sách thánh-nhân đều bảo người ta làm thiện chứ đừng làm ác, chứ không như cái thuyết túc-mệnh lại bảo làm thiện cũng vô-ích mà làm ác cũng chẳng can sao. Xưa nay trong muôn dân chẳng ai trông thấy cái thể vận-mệnh, mà cũng chẳng ai nghe thấy cái tiếng vận-mệnh; xét cả tai mắt muôn dân cũng chẳng có cái chứng-thực gì là có vận-mệnh. Ba là cứ theo cái thuyết định-mệnh mà làm chính-trị, thì có khi đành phải chịu mất nước. Cái gì cũng đổ cho là vận-mệnh cả, vua tôi không chịu hết sức về việc nước, nhân-dân không chịu sửa-sang lấy chức-nghiệp, tất là sinh ra loạn từ đó, xem những lời chứng-luận như trên thì Mặc-tử bài-bác cái thuyết định-mệnh cho là chẳng đủ tin vậy. Song Mặc-tử bài-bác cái thuyết vận-mệnh cùng với phái Nho-giáo bản

về thiên-mệnh khác nhau, không cần phải giải ra nữa ai cũng đã hiểu cả rồi.

Thuyết luân-lý. — Mặc-tử cho trời với quỷ-thần là tiêu-chuẩn cho muôn vật, đạo-đức pháp-luật cũng là căn-cứ ở đó mà ra, phân-biệt ra thiện với ác đều bởi trời sinh ra cả. Điều gì ý trời muốn là hợp nghĩa, điều gì ý trời không muốn là bất-nghĩa. Thế thì trời muốn những điều gì? Muốn gồm yêu, muốn làm lợi lẫn cho nhau. Bởi thế nên điều yêu với điều lợi là hai cái nguyên-lý lớn về đạo-đức, nên Mặc-tử mới xướng lên cái thuyết kiêm-ái với giao-lợi. Bởi vì thuyết luân-lý của Mặc-tử, chính là cái thuyết công-lợi thuộc về thần-ý, nên mới bảo rằng kiêm-ái với giao-lợi là bởi tự ý-chí của ông thần chủ-tể tức là ông trời vậy.

Thuyết kiêm-ái. — Mặc-tử cho cái lẽ kiêm-ái là bởi cái nguyên-lý rất cao về đạo-đức mà bởi tự ý trời. Kiêm-ái như thế nào? Nghĩa là gồm yêu cả, yêu mình với yêu người khác cũng như nhau, yêu đấng thân nhà mình cũng như là yêu đấng thân nhà người khác, không có phân-biệt kẻ thân với người sơ gì cả. Trái với thuyết kiêm-ái thì Mặc-tử gọi là biệt-ái. Biệt-ái nghĩa là cách yêu có phân-biệt; cái chỗ mình với người cách yêu có phân-biệt hậu bạc khác nhau. Mặc-tử chủ về kiêm-ái cũng là theo ba cái phép: bản, nguyên, dụng, mà luận-chứng ra: Một là bản ở cái lẽ trời không gì là chẳng yêu. Hai là nguyên từ trước các đấng thánh-nhân như Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ gồm yêu cả muôn dân, chứ không có khu-biệt gì cả. Ba là dụng cái đạo kiêm-ái ấy ra mà trị muôn dân, thì thiên-hạ tất là trị-bình; yêu mình cũng như yêu người, thì cả thiên-hạ chẳng còn khởi ra tranh-loạn nữa. Vì rằng Mặc-tử thấy

lúc bấy giờ đời loạn mãi không thôi, nhân-tâm không được yên, mà các nước lại chỉ đánh lẫn nhau; nay muốn ra cứu đời, ngoài cái lẽ nhân-loại bình-đẳng yêu thương lẫn nhau ra, thì không còn có cái phương-pháp gì thích-đáng hơn cả. Thế thì Mặc tử mà xướng ra thuyết kiêm-ái, cái mục-dịch trực-tiếp chỉ là cốt về mặt kinh-thế để ra cứu-chính lấy xã-hội.

Thuyết giao-lợi. — Mặc-tử thường nói kiêm-ái cùng với giao-lợi, cho rằng kiêm-ái với giao-lợi tuy là một lẽ mà hai, hai mà cũng là một, không thể ly bỏ kiêm-ái mà chỉ nói giao-lợi, cũng không thể ly bỏ giao-lợi mà chỉ nói kiêm-ái. Bốn chữ: « Kiêm-ái giao-lợi 兼愛交利 » là cái đại-nhãn-mục về học-thuyết của họ Mặc vậy; ý-nghĩa giao-lợi là hạnh-phúc khắp cả loài người. Cứ theo như ý Mặc-tử thì cho rằng kiêm-ái tức là giao-lợi, nếu hay rộng yêu cả loài người, thì đồng-thời cũng hay làm lợi rộng khắp cả loài người. Sở dĩ mà sinh ra trị với loạn, thì Mặc-tử cho rằng chỉ tại loài người biết yêu nhau với chẳng biết yêu nhau mà thôi; tức như thiên-hạ mà loạn, là chỉ tại mọi người chỉ muốn lợi cho mình mà chẳng nghĩ gì đến lợi của người khác. Nếu hay coi nước người cũng như nước mình, nhà người cũng như nhà mình, thân người cũng như thân mình, thì thiên-hạ chẳng khi nào loạn cả. Người nào hay hưng lợi trừ hại cho thiên-hạ tức là bậc nhân-nhân. Lấy nhất-ban hạnh-phúc làm cái chỗ cốt-tử mục-dịch cho đời người mà nói, thì cái thuyết luân-lý của Mặc-tử, rõ-ràng là cái thuyết khoái-lạc cả công-chúng, mà tức là cái thuyết công-lợi. Nhưng công-lợi mà lại căn-cứ tự thiên-nhiên diễn-dịch ra, thì lại thuộc về cái thuyết khoái-lạc của thần-ý.

Chủ-nghĩa cần-kiêm. — Mặc tử bởi cái chủ-nghĩa kiêm-ái giao-lợi mà

xướng lên cái thuyết thực-tiến đạo-đức, nói tóm lại tức là cái chủ-nghĩa cần-kiêm; cương-lĩnh nó tức là những bài: *Tiết-dụng-luận*, *Tiết-tàng-luận*, *Phi-nhạc-luận*.

Tiết-dụng-luận. — Tiết-dụng là bớt những sự lãng-phi vô-ích trong khi sinh-hoạt hằng ngày. Loài người ta những điều sinh hoạt không thể thiếu được là áo mặc, cơm ăn, nhà ở. Nhưng áo mặc, cơm ăn, nhà ở, bất-tất phải hoa-mĩ cho lắm, áo mặc chỉ cốt cho đủ phòng nắng rét, thức ăn chỉ cốt nuôi cho sống người, nhà ở chỉ cốt cho đủ chống với mưa gió là xong. Cho đến những sự tiêu dùng các việc, hễ mà hay kiêm-ước được thì cũng nên tiết-kiêm bớt đi. Nếu mà xa-xỉ lãng-phi quá, thì kết-quả nó sinh ra nhiều điều tệ-hại, mà quốc-gia có khi đến sinh loạn. Vì rằng đương lúc ấy các nhà vương công quan lớn, chỉ là hút lấy máu mỡ của dân, mà say đắm về cuộc sinh-hoạt xa-xỉ. Nên Mặc-tử mới xướng lên cái thuyết tiết-dụng, để răn những kẻ hay lãng-phi tài-vật, mà khích-lệ cho nhân-khẩu sinh-sản thêm ra, sản-nghiệp chấn-hưng thêm lên, có ý là muốn cứu-tế cho xã-hội.

Tiết-tàng-luận. — Tiết-tàng là giản bớt lễ ma chay chôn cất. Nho-giáo trọng lễ hậu-tàng; Mặc-tử cực-lực phản-đối việc ấy, cho rằng hậu-tàng quá thì chỉ lãng-phi tiền của, làm cho giảm bớt mất sức sinh-sản, có hại mà vô-ích. Quan gỗ vòng dây độ ba tấc, áo mặc liệm độ ba lần, là đủ rồi. Huyệt cũng bất-tất phải đào sâu, chỉ đủ chôn áo quan xuống đừng cho tiết-ủ-khí ra là được. Cũng bất-tất phải để tang cho lâu, bỏ hẳn cái lễ tang ba năm đi. Nếu để tang lâu thì các vị vương công quan-tư không thể làm được việc chính-trị, nhân-dân cũng khó lòng theo được việc làm ăn cấy cấy, xã-hội phải chịu nhiều điều vô-

lợi-ích. Vậy nên việc tang hễ chôn cất xong, thì cứ mặc cho người ta đi làm các chức-vụ, đó là pháp-chế của thánh-vương như thế. Vì đời ấy có cái tục hậu-táng và để tang lâu, nên Mặc-tử mới xướng lên cái thuyết tiết-táng, là cốt để cứu-chính lấy thời-tệ vậy. Song vì Mặc-tử cực-đoan xướng lên thuyết tiết-táng, nên bị nhiều người bài-bác, mục cho là tà-thuyết trái với nhân-tình. Tuân-tử phẩm-bình cái thuyết của họ Mặc bảo rằng: « Họ Mặc sền với người chết để bù thêm cho người sống ». Mạnh-tử cũng bài-bác cái thuyết tiết-táng của họ Mặc.

Phi-nhạc luận. — Phi-nhạc là bài-xích sự âm-nhạc. Nho-giáo lấy lễ nhạc làm cái đồ cốt-yếu để trị nước; Mặc-tử phản-đối lại mà xướng lên cái thuyết phi-nhạc bảo rằng người trên mà đam về âm-nhạc, thì trễ-nải việc chính-trị, mà không tưởng đến việc làm cho lợi nước phúc dân; nhân-dân mà đam về âm-nhạc, thì trễ nải chức-vụ của mình, mà bỏ mất cả sản-nghiệp. Chơi âm-nhạc chỉ làm cho lãng-phi tiền-của, giảm bớt sức sinh-sản, phá-hại thói thiện-lương, có hại mà vô-ích, là một sự không cần, v. v. Thuyết ấy cũng là vì phản-kháng với thời-tệ mà nói, vì các nhà vương-công quan-tử đời bấy giờ, chỉ say đắm về tiếng đàn sáo chuông trống, suốt đêm đàn-hát yến tiệc ăn chơi, rồi bắt dân đóng thuế nặng. Nên Mặc-tử mới xướng lên cái thuyết *Phi-nhạc*, để cảnh-tỉnh cho xã-hội bấy giờ, chân-ý không phải là bài-xích âm-nhạc, chỉ ghét những kẻ hay lạm-dụng âm-nhạc chơi bời mà thôi. Các nhà học-giả về giọng Nho-giáo, cũng thường công-kích cái thuyết *Phi-nhạc* của họ Mặc; tức như Tuân-tử có làm ra một thiên *Nhạc-luận*, thuật âm-nhạc từ lúc khởi-nguyên và công-hiệu, mà bài-xích cái thuyết *Phi-nhạc* của Mặc-tử.

Thuyết chính-trị. — Cái thuyết kiêm-ái và giao-lợi vốn là cái tư-tưởng còn-bản về thuyết luân-lý, mà cũng là tư-tưởng còn-bản về thuyết chính-trị. Thuyết luân-lý với thuyết chính-trị của Mặc-tử, vốn không có phân-biệt gì cả; nên mới căn-cứ ở cái tư-tưởng còn-bản về lẽ kiêm-ái giao-lợi, mà xướng ra cái thuyết chính-trị về chủ-nghĩa thực-lợi.

Chủ-nghĩa thực-lợi. — Mặc-tử cho rằng kiêm-ái với giao-lợi không có phân-biệt gì cả, gồm yếu tức là lợi cả; hễ mà làm được tăng-tiến hạnh-phúc cho muôn dân, tức là đạt được đến cái nguyên-lý còn-bản chính-trị về thuyết kiêm-ái. Nhưng thế-tình về thời ấy, việc gì cũng khiến cho Mặc-tử thất-vọng, không những là chỗ nào cũng tranh-cướp đánh nhau; mà các đảng vương-công quan lỏa, thì chỉ đam về tửu-sắc ca-nhạc, đánh thuế dân cho nặng, khiến cho muôn dân phải khổ-sở lưu-ly. Nay muốn tăng-tiến hạnh-phúc cho muôn dân, thì cần trước phải cứu-tế lấy những chỗ khuyết-hãm của xã-hội hiện-thời. Vì thế họ Mặc mới xướng lên cái chủ-nghĩa cần-kiệm và thuyết phi-chiến. Còn như những thuyết *Tiết-dụng*, *tiết-táng*, *Phi-nhạc*, cũng đều là luận về thực-tiễn đạo-đức mà có cái ý-vị về chính-trị cả. Mặc-tử muốn theo về đường thực-lợi để làm tăng-tiến hạnh-phúc cho muôn dân, nên mới cổ-xúy thực-hành cái chủ-nghĩa cần-kiệm rất nghiêm; bảo rằng những sự sinh-hoạt hằng ngày đều nên tiết-kiệm hết cả, lễ tang cũng nên giản, âm-nhạc cũng không cần, v. v.. Đó là muốn tăng thêm cái sức sinh-sản trong nước, sung-túc những sự cơm ăn, áo mặc, nhà ở cho muôn dân, mà xướng-luận một cách nghiêm quá, thành ra chẳng nghĩ gì đến nhân-tình, chẳng nhận gì cái khoái-lạc về tinh-thần, muốn cực-đoan tỉnh giảm hết cả, Cái chủ-nghĩa

thực-lợi của Mặc-tử, cũng còn nhiều chỗ đáng chê, nhưng cái ý họ Mặc là cốt muốn cứu vãn lấy xã-hội lúc bấy giờ, thì thực là đáng khen vậy.

Phi-chiến-luận.— Việc chiến-tranh làm cho hao người hại của, diệt-vong nước người, tổn-hại cả hạnh-phúc muôn dân, không gì lớn hơn thế, rất là bất-nghĩa bất-nhân. Giả mà giết một người mà cướp lấy của của người ấy, thì thiên-hạ ai chẳng cho là kẻ bất-nghĩa; nay đem giết hại nhân-dân không biết bao nhiêu mà kẻ, lại cướp lấy nước của người, thì bất-nghĩa biết chừng nào, ai là chẳng biết. Thế mà thiên-hạ không chê là bất-nghĩa, lại khen là hợp với nghĩa, chẳng trái ngược lẫn ru? Đó cũng như hòn đá đen kia, một hòn thì là đen, nhiều đến một trăm, hai trăm hòn thì lại là trắng rồi. Việc chiến-tranh thực là đến trăm phần hại không có một phần lợi nào cả.

Cái yếu-dạo của chính-trị.— Mặc-tử yết ra hai điều cốt-yếu là thượng-hiền 尚賢 với thượng-dồng 尚同, để làm yếu-dạo cho đường chính-trị. *Thượng-hiền* là cốt nhắc kẻ hiền-tài lên để dùng; *thượng-dồng* là làm cho thông-dồng, khéo khai-dạo cho dân-ý được khai-thông. Trong nước sở-dĩ trị hay là loạn, là tại kẻ hiền-tài nhiều hay ít. Kẻ hiền-tài nhiều thì nước được trị, kẻ hiền-tài ít thì nước dễ sinh loạn. Vậy nên không câu-nệ gì giai-cấp, phân-biệt gì giàu nghèo, hề người nào hiền thì cử lên mà ủy-dụng lấy quốc-chính. Làm chính-trị phải lấy ba điều côn-bản là tước, lộc, đoán, mà tôn người hiền. Thánh-vương đời xưa cử người lên tất phải trao cho tước-vị, cấp cho bổng-lộc, ủy-dụng cho quyết-đoán. Nếu tước-vị không cao, thì dân không kính; bổng-lộc không hậu, thì dân không tin, chính-lệnh không cho quyết-đoán, thì dân không sợ. Đấng thánh-

vương đem ba điều côn-bản ấy trao cho người hiền, chẳng những là để tưởng-thưởng cho người hiền, và muốn cho người hiền được có đủ quyền-lợi để ra tay làm chính-trị. Cử người hiền mà ruộng bỏ kẻ ngu, trọng công-nghĩa mà lánh xa tư-oán, tức là cơ-sở về việc chính-trị. Nếu cứ lấy tình riêng mà trao cho quyền-chính, thì kẻ ngu lại ở ngôi trên mà giám-chế người hiền, thiên-hạ không thể trị được. Song trong bốn người hiền cũng có phân biệt kẻ hơn người kém, vì nó có phân-biệt nên ủy-dụng phải khác nhau: Tài đủ trị được một nước thì ủy cho một nước; đủ trị được một làng một thôn, thì ủy cho một làng một thôn. Cứ tùy theo cái thiên-tài bẩm-thụ của từng người, đều hay phát-huy cho hết cái tài-năng của mình, bởi thế chính-trị trong thiên-hạ mới có trật-tự mà dễ tiến-hành vậy.

Trị thiên-hạ không những bat-dụng những người hiền-lương mà thôi, và lại phải khéo tôn-trọng muôn dân, khiến cho cùng là nhất-đức nhất-tâm cả. Nếu muôn người đều dị-tâm cả, thì thiên-hạ không thể trị được. Thiên-hạ muôn dân sở-dĩ mà chẳng cùng một lòng, là bởi tại ở trên không có người hiền-lương vậy. Vậy nên phải kén chọn lấy người hiền-sĩ mà tôn lên làm vua Thiên-tử, làm chức Tam-công. Thiên-tử Tam-công đều kén lấy người hiền-sĩ sung vào, thì tâm muôn dân tất là qui-nhất cả; người trên cho làm phải thì người dưới tất cũng cho làm phải; người trên cho làm trái thì người dưới tất cũng cho làm trái; người trên có lầm-lỗi thì phải can-ngăn, kẻ dưới có điều hay thì phải dâng lên; người trên đã ban thưởng cho ai, thì thường là kẻ dưới vẫn khen người ấy, như thế thì thiên-hạ tất là bình-trị.

So-sánh Nho với Mặc. — Tư-tưởng Nho-gia với Mặc-gia. 1) Đều là vì xã-hội, mà qui-trọng đạo nhân-luân cả.

2) Đều lấy sửa mình, tề nhà, trị nước, bình thiên-hạ làm cái mục-dịch cuối cùng ; 3) Đều sùng-bái trời, kính quỷ-thần, trọng việc tế-tự ; 4) Những điều dạy về thường-thức cho biết yên vui mệnh trời đều như nhau cả. Song cái chỗ trái khác nhau cũng nhiều: (1) Nhà Nho thì dùng theo Châu-lễ ; họ Mặc thì ghét Châu-lễ phiến-toái quá, muốn theo những điều giản-phác của lễ nhà Hạ. (2) Nhà Nho nói đạo nhân mà suy lòng yêu ra có phân-biệt kẻ thân người sơ, kẻ hậu người bạc ; họ Mặc thì xướng lên thuyết kiêm-ái, mà thân-yêu bình-dẳng không có phân biệt gì cả. (3) Nhà Nho tin cái thuyết túc-mệnh cái gì cũng cho là có mệnh ; họ Mặc thì bài-bác không cho là có vận-mệnh. (4) Nhà Nho trọng lễ hậu-táng để tang lâu ; họ Mặc thì bảo nên tiết-kiệm việc táng mà muốn đoán tang. (5) Nhà Nho lấy lễ nhạc làm cái điều cốt-yếu để trị nước ; họ Mặc thì cho âm-nhạc làm cái vật thừa vô-ích.

Phê-bình. — Thầy Mạnh thường nói họ Dương họ Mặc cho là hai nhà đại-biêu về phái dị-doan tà-thuyết. Nhưng học-thuyết họ Mặc không có thiên-bạc như họ Dương, xét về đường có ảnh-hưởng đến nhân-tâm thời bấy giờ, thì thuyết họ Mặc cũng hơn họ Dương nhiều ; mà Hàn Phi-tử cũng bảo rằng học-thuyết họ Mặc có thể đối-trĩ ngang với Nho-giáo. Vả lại học-thuyết Mặc-tử căn-cứ về triết-học có phần lại hơn Nho-giáo ; huống-chi Mặc-tử ở lúc bấy giờ mà đã hay lấy phép biện-chứng để làm cơ-sở cho đường nghị-luận thì cũng phải khen là trác-kiến. Cứ theo cái tư-tưởng còn-bản của Mặc-tử mà xướng lên thuyết kiêm-ái là yêu không có phân-biệt thứ bậc gì cả, đời nay cái thuyết bác-ái của giáo Cơ-đốc cũng như thế. Thầy Mạnh bác cái thuyết kiêm-ái cho là vô-phụ 無父 không có cha, kỳ-thực họ Mặc mà nói kiêm-ái không phải là vô-phụ. Minh mà yêu cha người ta

thì người ta tất cũng yêu cha mình, thế thì yêu cha người, tức là để yêu cha mình đó, không phải là chỉ biết yêu người mà quên mất mình vậy. Xét về chỗ ấy thì cái thuyết kiêm-ái của Mặc-tử cũng với thuyết bác-ái của Cơ-đốc có khác nhau. Nhưng đương buổi đời cuồn-cuộn, nhân-tâm rối loạn, mà hay thuyết-minh ra cái lễ bác-ái bình-dẳng, mong để cứu-tế cho xã-hội, thì cái tình-thần của Mặc-tử ai cũng phải kính phục. Huống chi Mặc-tử lại luận về phi-chiến, khám-phá được cái chân-lý bất-diệt của thiên-cổ. Còn như Mặc-tử hợp lẫn cả nghĩa kiêm-ái với giao-lợi làm một, mà chỉ trọng về chủ-nghĩa thực-lợi, khinh bỏ cái phương-diện tinh-thần, chỉ thiên về mặt vật-chất để phát-chiến học-thuyết, xướng lên cái chủ-nghĩa cần-kiệm cực-doan, thì thực là trái với cả nhân-tình thế-thái, đó là một điều khuyết-bẩm lớn của học-thuyết họ Mặc. Nhưng xét kỹ về thời-thế lúc bấy giờ, thì Mặc-tử thực là có cái kiến-thức kinh-thế, lời nghị-luận cứu-thời hãy còn hoạt-động ở trên tờ giấy. Đương lúc ấy đời loạn, lòng người ghen-ghét nhau, muốn ra mà cứu-chính, không xướng lên cái thuyết kiêm-ái là bảo người ta phải thương yêu lẫn nhau bình-dẳng chứ không phân-biệt gì, thì không còn có điều gì hơn nữa. Muốn giáo-hóa cho nhân-dân, thì trước phải khiến cho dân sinh-hoạt được yên-ôn. Đời bấy giờ các nhà vương-hầu cùng quan lớn, chỉ vắt lấy cao-huyết của dân, để ăn chơi suốt ngày cho sướng, nếu không xướng lên cái thuyết tiết-dụng thì không thể nào cứu lại được. Nho giáo thì trọng cái lễ hậu-táng mà để tang lâu ngày, làm cho bó buộc cái tự-do của mọi người, sinh ra nhiều điều tệ-bại không nổi kể ra hết, vì thế nên phải xướng lên cái thuyết tiết-táng. Âm-nhạc vốn là để di-dưỡng cái tinh-tinh cao-thượng, nhưng vì đời ấy lại thành ra

cái đồ vui chơi hèn kém, nên phải xường lên cái thuyết *phi-nhạc* để răn bớt những kẻ lạm-dụng âm-nhạc. Xem thế thì học-thuyết của Mặc-tử, đã đủ biện-lò ra cái tư-trào về thời-dại ấy; mà những thuyết kiêm-ái giao lợi, cũng là phần-kích về thời-thế mà phát ra. Nay chúng ta chỉ nhận là một học-thuyết, chẳng chỉ-trích những tiểu mầu-thuần ra làm gì, chỉ lột lấy cái tinh-thần, thì thực là lý-tưởng cao-xa, ai cũng phải kính-phục Mặc-tử.

CHƯƠNG THỨ VI — *Pháp-gia*

Nhà Nho thì lấy đạo-đức làm cơ-sở cho chính-trị, mà lấy lễ-nhạc làm cái đồ để trị nước; phái pháp-gia thì khinh đạo-đức, bỏ lễ-nhạc, chỉ lấy pháp-luật hình-chính cho làm cái đạo để vương đề trị nước. Những người chủ yếu trong phái Pháp-gia là Quản-tử 管子, Thân tử 申子, Thương-tử 商子, Hàn Phi-tử 韓非子. Trong sách *Hán-thư nghệ-văn-chỉ* có kể trong phái Pháp-gia có mười nhà và có hai trăm mười-bảy thiên sách, Quản-tử thì lại đề về phái Đạo-gia. Nhưng theo như sách *Tây Đường-chỉ* thì phần nhiều cho Quản-tử là phái Pháp-gia, nay cũng theo như thế.

Chủ-nghĩa Pháp-trị với chủ-nghĩa đức-trị là cái vấn-đề căn-bản quan-hệ về việc trị nước yên dân, nhưng mà kiến-giải mỗi đảng một khác. Chủ-nghĩa đức-trị thì cho tính người là bản-thiện, người ta ai cũng sẵn có cái tâm đạo-đức vững-vàng; chủ-nghĩa Pháp-trị thì cho tính người là ác, mà cái tâm đạo-đức của người ta bạc-nhược lắm không thể chắc được. Phái theo chủ-nghĩa đức-trị thì chê phái chủ-nghĩa pháp-trị, cho rằng lấy pháp-luật mà trị dân, tuy bề ngoài nó phải chịu chi-phối, nhưng thực ra tính-thần nó vẫn không chịu phục-tùng. Phái Pháp-trị lại công-kích phái đức-trị bảo rằng lấy đức trị nước, thì dân-sinh may hay là

không may, quan-hệ tại ông vua hiền hay là chẳng hiền: gặp được ông vua hiền-minh, thì dân đều được nhờ ơn đức; nếu gặp phải ông vua ngu tối, thì dân phải khổ về chính-sự tàn ngược.

Phái Pháp-gia lấy pháp-thuật hình-danh làm cái căn-bản cho chính-trị, song cái mục-đích không những lấy nghiêm pháp để áp bách nhân-dân. Lại muốn lấy pháp-thuật hình-danh để làm bảo-chương đường sinh-hoạt cho muôn dân, làm cho thực-hiện ra cái thế-giới lý-tưởng vô-vi. Bởi vậy phái Pháp-gia thường lấy những tư-tưởng của họ Hoàng họ Lão để làm cái cớ-đề cho học-thuyết của mình.

TIẾT THỨ I. — *Quản-tử* 管子

Quản-tử tên Trọng 仲, tên tự là Di-ngô 夷吾, ngời ở đất Dĩnh-thượng. Không rõ là sinh về năm nào, mà mất về năm Tương-vương nhà Châu năm thứ bảy (trước kỷ-nguyên 645 năm). Giúp vua Hoàn-công nước Tề, làm kẻ công-thần đời Bá-giả, công việc thấy chép ở sách *Sử-ký*, và sách *Liệt-truyện*, *Tề-thế-gia*, *Tả-truyện*, *Quốc-ngữ*, v. v. Trong sách *Hán-thư nghệ-văn-chỉ* nói có sách *Quản-tử* 86 thiên, nay còn truyền lại có 76 thiên, tựu-trung duy có chín thiên kinh-ngôn là khả-thủ. Toàn-thư không phải là tay một người làm ra, mà cũng không phải xuất hiện ra đồng-thời. Trong 76 thiên sách ấy tưởng nhất là bốn thiên: *Tài-chính*, *Bình-mã*, *Lập-pháp*, *Đạo-đức*.

Thuyết chính-trị. — Học-thuyết của Quản-tử truyền lại là thuyết chính-trị, có luận về đạo-đức chẳng qua là một phần trong thuyết chính-trị mà thôi. Quản Trọng là một tay thực-hành bá-dạo, thuyết chính-trị chỉ cốt để cổ-xúy cho bá-dạo. Ý Quản Trọng cho rằng muốn làm cho bá-dạo đại-thành, thì phải giảng-cầu cái phương-pháp phú-quốc cường-binh. Vậy nên thuyết chính-

trị của Quân-tử vẫn có cái vẻ dạn-dã về chủ-nghĩa công-lợi.

Căn-cứ của thuyết chính-trị.—Thuyết chính-trị của Quân-tử vốn gây ra tư cái tư-tưởng của phái Đạo-gia, cho nên thường bàn đến cái đạo tĩnh-hư vô-vi. Thuyết chính-trị của Quân-tử là do cái cách pháp-trị mà làm tấn tới cho đạt đến vô-vi. Quân-tử thường bàn về cái thể tĩnh-hư của trời đất mà rằng : « Trời là vốn hư-không, đất là vốn tĩnh-mịch, nên không có khoe khoang. » (*Tâm-thuật thượng-thiên*). Lại rằng : « Ông vua chính vị ở trên phải giữ cho tĩnh-mịch hư-không, thì kẻ thần-hạ không dò biết được điều yêu điều ghét của vua, đều phải sợ hãi mà làm hết chức-phận. Nếu ông vua chẳng giữ được tĩnh-mịch hư-không mà để tiết-lộ điều yêu ghét ra, hoặc dè suông-sả quá, thì tất có khi chột bị phải kẻ thần-hạ nó thừa-hấn. » Quân-tử lại thuật về đạo-thể hư-không nói rằng : « Đạo-thể vốn là hư-không, duy dáng thành-nhân mới hay thể-nghiệm được. Tuy rằng hư-không mà vẫn cùng người không gián-cách, thì đạo-thể cùng người cũng không gián-cách. Duy tại người thường không hay biết được đạo-thể, nên không hay thể-nhận được vậy. » (*Tâm-thuật thượng-thiên*). Lại rằng : « Đạo vốn vượt ra ngoài sự thấy nghe của tai mắt, không rõ, không nắm, không lá, không rờn rã, không những là muôn vật đều bởi đó mà sinh-thành mà hủy-diệt, cho đến sự tu-tâm, chính-hình cũng phải bởi đó mà ra. » (*Nội-nghiệp-thiên*). Quân-tử cho đạo là cái bản-thể vô-hình, muôn vật đều khởi-nguyên ra ở đó, cũng giống như thuyết của Lão, Trang; thuyết chính-trị thì mạnh-lạc nó cũng tự cái tư-tưởng của phái Đạo-gia, thực là rõ ràng lắm.

Phân-biệt đạo vương đạo bá. — Quân-tử phân biệt đạo đế đạo vương, đạo bá, nói rằng : « Lấy đức hóa-dân

tự-nhiên mà trị là đạo đế ; có chế-độ văn-minh rõ-ràng mà không cần dùng đến là đạo vương, làm ra cho tự qui-trọng mà chẳng khoe là đạo bá. » Đạo đế đạo vương thì phái Nho-giáo đã tổ-thuật ra rồi ; chính-trị đời bá mà truyền về đời sau thì là cái công của Quân Trọng. Mạnh-tử và Tuân-tử phân-biệt đạo vương đạo bá, nghị-luận rất là tinh-mật, đạo vương thì trọng đạo-đức, đạo bá thì quý quyền-lực. Đó là cái lối hai đảng vương bá phân ra khác nhau. Trong đạo-đức nên theo về chủ-nghĩa đức-trị ; quý quyền-lực nên chỉ thiên chủ-nghĩa pháp-trị. Chủ-nghĩa đức-trị nên lấy nhân-chính làm cái mục-dịch cuối cùng ; chủ-nghĩa pháp-trị nên lấy công-lợi làm cái tiêu-chuẩn rất cao. Bởi vậy thầy Mạnh mới bài-xích đạo bá.

Chủ-nghĩa công-lợi. — Chính-sách đời bá là theo về chủ-nghĩa công-lợi, Quân-tử giúp vua Hoàn-công mà nên được nghiệp bá, cần nhất có hai việc là phú-quốc với cường-binh, vậy nên cái mục-dịch về thuyết chính-trị, là phải thuộc về cái chủ-nghĩa công-lợi là làm cho giàu nước mạnh binh. Có kể ra ba cái cương-lĩnh trị nước. Một là làm cho dân giàu. Cái phương-pháp làm cho dân giàu thì làm như thế nào. Thì Quân-tử theo về phương-diện tiêu-cực và phương-diện tích-cực để làm giàu cho dân. Cái cách tiêu-cực để làm giàu thì : 1) Đấng quân-chủ phải tự cấm xa-xỉ để hùn-dưỡng lấy sức dân ; 2) Khuyến dân phải tiết-kiệm đường kinh-phí không được lãng-phí. Cái cách tích-cực làm giàu thì : 1) Phải kinh-doanh những mối lợi ở rừng núi chằm ao ; 2) Chỉnh-dốn đường thủy lợi ; 3) Chấn-hưng nghiệp nuôi tằm và các nghề nghiệp khác ; 4) Khích-khuyến nghề mục-súc. Đó là Quân-tử lấy cái chính-sách nông-tang và chủ-nghĩa cần-kiệm để làm điều cốt-tử cho việc trí-phủ. Trong ba cương-lĩnh điều thứ

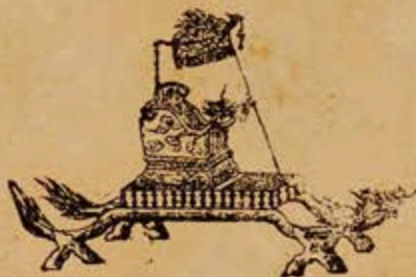
hai là dạy dân. Muốn dạy dân thì dấng quân-chủ trước phải cần-thận việc làm; vua tự cần-thận việc thi-hành, khéo giữ phép tắc thì muôn dân bắt chước đều hòa mục mà không tranh. Lễ, nghĩa, liêm, sỉ, gọi là tứ-duy 四維 (tồn cái dây lớn), tứ duy đã tương thẳng ra được, thì mệnh-lệnh của vua tự khắc là thi-hành. Song Quán-tử lại bảo rằng muốn dạy dân thì trước phải làm cho dân giàu, nên có nói rằng : « Kho dựn cỏ dây thóc lúa thì dân mới biết lễ nghĩa, ăn mặc có no đủ thì dân mới biết sự vinh nhục ». Cương-lĩnh trị nước điều thứ ba là phải tôn-kính quý-thần. Bảo rằng nếu mà chẳng tỏ rõ đạo quý thần, kính thần sông núi, kính thờ tôn-miếu, thì uy lệnh của nhà vua chẳng thi-hành được; trong nước không thể mong được hòa-bình. Ba cái cương-lĩnh ấy thịnh-dụng về đường chính-trị thực-tế, hoạch-sách ra được thi-hành, nước Tề mới nên được thịnh-trị.

Luận về đạo-đức. — Đạo-đức-luận của Quán-tử chẳng qua là một phần trong thuyết chính-trị, như trên kia đã nói. Quán-tử cho rằng muốn làm nghiệp bá, thì cần phải có đạo-đức. Mà đạo-đức làm nghiệp bá là tứ-duy. Tứ-duy là lễ,

nghĩa, liêm, sỉ, nên có nói rằng : « Nước có bốn dây, một dây đứt thì nước nghiêng, hai dây đứt thì nước nguy, ba dây đứt thì nước đổ, bốn dây đứt thì nước diệt. » Lại thuyết-minh cho rõ lễ-nghĩa liêm-sỉ, nói rằng : « Lễ là không vượt qua tiết-dộ; nghĩa là không tự mạo-tiến; liêm là không che giấu tội ác; sỉ là chẳng theo làm điều tà-uông. » Lại rằng : « Không vượt qua tiết-dộ thì ngôi trên yên; chẳng tự mạo-tiến thì dân không khi-trá; chẳng che giấu tội ác thì nết tốt tự hoàn-toàn; chẳng theo làm điều tà-uông thì việc gian-tà không sinh ra nữa ». Đó là Quán-tử bảo rằng chẳng vượt qua tiết-dộ, chẳng tự mạo-tiến, chẳng che giấu tội ác, chẳng theo làm điều tà-uông, là bốn điều cương-lĩnh của đạo-đức; bốn điều cương-lĩnh ấy tức là tỏ ra cái lý-tưởng đạo-đức của đời bá-giả. Nhân thế mà suy ra biết rằng đạo-đức của đời bá, chỉ cốt là phòng-chỉ được những điều phóng-dật tà-ác, mà hạn về một mặt tiêu-cực mà thôi.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU dịch-thuật



VIỆT-NAM TÔ-QUỐC TÚY-NGÔN

越南祖國粹言

XII

XIII. Đức-tính

- 543— Làm trai cứ phân hai mà nói (1).
 544— Làm không dụng xác, vác không dụng vai (2).
 545— Mèo lành ai nỡ cắt tai,
 Gái kia chồng rầy khoe tài chi em (3).
 546— Mèo lành chẳng ở mã, ả lành chẳng ở hàng cơm (4).
 547— Nắng tháng ba mà hoa không héo (5).
 548— Nửa trời sông không rập thì gãy,
 Gái chồng rầy, không chừng rọ thì tạt kia (6).
 549— Năm quan mua người, mười quan mua nết (7).
 550— Người chết mà nết hầy còn (8).
 551— Nhân tham tài thì tử, điều tham thực thì vong (9).
 552— Thân thủy thân chung (10).
 553— Uống nước không chứa căn (11).
 554— Trâu bọc ghét trâu ăn (12).

1) Nói phân hai là cách nói giữ quặng giữa, dựa cả vào hai bên mà không dám ngã hẳn về bên nào. Thật là cách nói không có định-kiến. Đây là lời của kẻ hèn không có tính quả-quyết, muốn y-a cho khỏi chịu trách-nhiệm trong khi phân-xử một việc gì.

2) Đây là chê cái tính lười. Làm thì phải nhọc đến xác mới được việc, vác thì phải nặng chiu vai xuống mới nổi việc, thế mà kẻ này làm với vác như thế thì còn được việc gì.

3) Những con mèo hay ăn vụng mà không chịu bắt chuột thì theo tục người ta thường cắt tai nó đi, rồi đuổi đi mà

không nuôi nữa. Người con gái ngày xưa mà chồng phải rầy cho về, tất là người phạm nhiều điều tội lỗi trong « thất xuất = bảy điều phải phủ về » như trộm cắp, tà-dâm, bất-thuận với cha mẹ chồng v. v.. Thế cho nên thấy con mèo bị cắt tai thì biết là con mèo hư, mà thấy người con gái bị chồng rầy thì biết là người con gái có nhiều nết xấu, có con gái này đã bị chồng rầy, không biết tự xấu, lại còn khoe tài khoe đức để người ta phải bảo vào mặt như thế cho biết. Tuy thế nhưng có khi người con gái bị nhà chồng ác-nghịch, hoặc bị người chồng bạc-tình mà buộc tội cho về rầy về, cũng không ít. Vậy xét người phải tìm đến nguyên-ủy thì người mới khỏi oan.

4) Mèo hư không chịu bắt chuột, lại hay đi lang-thang ở nơi tha-ma-mộ-địa. Hàng cơm là chỗ chạ người. Con gái phi giang-hồ thì thất-nghiệp mà tính lẳng lơ trơ-cháo, không còn biết thẹn-thò thì mới ở hàng cơm được, cho nên thấy mèo ở mã thì biết không phải mèo ngoan, mà thấy gái ở hàng cơm thì biết không phải gái tốt.

5) Đây là ví với người con em vô-hạnh không coi quả trách vào đầu. Nắng tháng ba là thứ nắng gắt, thế mà cái hoa kia không héo. Cũng như kẻ hư bị người tôn-thần quả-trách nghiêm-ngặt mà nó cứ trơ ra không biết nhục, thì có khác gì.

6) Nửa là vật hữu dụng, thế mà người ta đã để cho trời sông không vớt, thì tất nó không rập thì cũng gãy không

dùng được nữa rồi. Xem cây nửa trời sống đó thì biết người con gái bị chồng rầy rứt là phải hư. Xem lại câu thứ 3 trên đây.

7) Đây là nói nết quí hơn người.

8) Người ta sống có hạn, nhưng cái nết tốt đối với người đời thì người ta ghi nhớ mãi không quên. Cho nên khi người có nết tốt ấy chết rồi, mà người đời vẫn nhớ hoặc truyền làm bia miệng, hoặc truyền vào sách vở, vẫn còn mãi. Vậy biết đức-tính có quan-bệ lắm.

9) Đây là câu ngạn của Tàu: « Nhân tham tài nhi tử, điều tham thực nhi vong 人貪財而死,鳥貪食而亡 = Người tham của thì chết, chim tham ăn thì bị mất đời. » Coi đó thì biết cái tính tham là sự nguy-hiểm cho cả người và vật. Người vì đồng tiền phi-nghĩa nó dụ, chim vì cái mồi nó lừa, mắc vào đều chết cả. Có khi chưa chết thì người bị buộc vào việc, chim bị nhốt vào lồng, của với miệng ăn vẫn dồi dào, nhưng thân bị mất tự-do, rồi cũng bị chết vì đó. Vậy người ta nên kiêng bỏ cái tính tham phi-nghĩa đi mới mong làm người hoàn-toàn được.

10) Đây là câu ngạn Tàu: « Thận thủy thận chung 慎始慎終 = Cẩn-thận từ trước đến sau ». Người ta hay có cái nết bất-thường, làm việc gì cũng vậy, trước thì cẩn-thận rồi sau cầu-thả mà việc hỏng, như thế nhiều lắm. Cho nên ai giữ được cái tính thận-thủy thận-chung mới làm nên việc.

11) Đây là chê kẻ có tính biến-lộn.

12) Đây là chê kẻ có tính ghen. Ghen không bao giờ có tính công-bằng, chỉ thấy kẻ khác hơn mình thì ghen mà ghét đó thôi. Tức như con trâu bị buộc kia, đối với con trâu được ăn vốn không có thù hằn gì, không có can-thiếp gì, thế mà nó ghét nó làm ra bộ hực-hặc, là chỉ vì nó bị buộc không được đi ăn mà con trâu kia thì được đi ăn đó thôi. Xem đáng bộ ghen ghét đáng

khinh ấy thì người ta nên giữ lấy tính công-bằng mà bỏ tính ghen ghét đi.

XIV. — Công-bằng

555 — Trọng người người lại trọng thân,
Khinh đi, khinh lại như lăn tròn
quang (1).

556 — Trăm nhát cuộc giết cả vào lòng

557 — Trâu lành không ai mà-cả, [(2).
Trâu ngã lắm kẻ cầm dao (3).

558 — Tham thì thâm,
Bụt đã bảo thăm rằng : « chớ có
tham » (4).

559 — Thẳng mực tàu, đau lòng cây gỗ
vẹo (5).

560 — Thấy của thì tối mắt lại (6).

561 — Thứ kỷ trách nhân (7).

562 — Thị cường lạng nhược (8).

563 — Thị phú khinh bần (9).

564 — Mị thượng ngược hạ (10).

565 — Ủy cường lạng nhược (11).

566 — Sang chơi thì cứ mà sang,
lềng bắt đón dàng cho nhọc lòng
dân (12).

1) Cái tròn của cái quang để gánh đồ vật nó là một cái vòng tròn quẩn bằng tre. Đây nói cái lẽ đối-đãi lẫn nhau cũng như cái vòng tròn. Minh trọng người hay là khinh người thì người ta cũng lấy sự trọng hay là khinh mình mà đối lại. Lễ công-bằng như thế không tránh khỏi được.

2) Đây là nói chê kẻ tham, vị-kỷ, không công-bằng. Xem kẻ cầm cuộc mà cuộc đất thì nhát nào cũng giết cả đất trở vào mình. Kẻ vị-kỷ cũng thế không khác gì, đối với ai làm việc gì cũng là lấy phần hơn cho mình. Có khi chỉ cốt lấy phần mình mà không nghĩ chỉ đến phần của người ta.

3) Khi con trâu còn lành thì không dám mà-cả mua mà ăn thịt, là sợ mất tiền. Tới khi con trâu ấy bị bệnh chết toi ngã ra, thì vô-số người cầm dao vào sẻo hời lấy thịt nó về ăn, vì tục hể trâu

toi thì chôn, kẻ sảo hời không mất tiền. Câu này lấy cái thói xấu ấy ví với cái ác-tục, trong làng xóm hề thấy nhà nào có việc mà việc ấy có thể xảy ra nguy-hiểm như âu-đả, án-mạng v. v. mà có thể buộc vào tội tình được, Thì người làng xóm đều đương mắt bàng-quan, hề việc tai-họa ấy xảy ra thực thì sùm vào mà bởi móc để kiếm ăn hoặc làm hại. Thật là thói không công-bằng, đáng nên trừ diệt cho hết đi.

4) Thâm là sâu, là độc, nên thường nói : sâu-độc, thâm-độc. Bụt đã bảo thâm là bụt từ-bi không quở trách âm ý mà đã thương và ôn-tồn bảo nhỏ cho có một mình với bụt mà thôi. Đây là lời răn kẻ tham không công-bằng thì tất bị sự thâm-độc nó đến.

Tàu mực là đồ dùng của thợ mộc làm bằng miếng gỗ nhỏ hình như cái tàu, trong đựng mực, để cuốn dây mực cho thấm vào mực ấy; đầu dây buộc quả gọt, khi dùng thì kéo thẳng cái dây ấy ra để nẩy mực, đường thẳng ấy gọi là mực tàu. Đây ví mực tàu như lời nói thẳng, như pháp-luật công. Vì cây gỗ vẹo như kẻ bất-công, bất-chính. Mực tàu thẳng thì cây gỗ vẹo đau lòng nghĩa là phải dẽo đi mất nhiều. Nhưng dây tàu không thể nể cây gỗ vẹo mà nẩy không thẳng được. Cũng như lời nói thẳng, pháp-luật công, thì kẻ bất-công bất-chính không bằng lòng, nhưng lời thẳng và pháp-luật không thể nể mà dung-thứ được.

6) Đây là chê kẻ tham, không công-bình.

7) Thứ 恕 là một chủ-nghĩa khoan-dung. Chữ viết 如 như 如 trên, tâm 心 dưới, nghĩa là như bụng mình. Chủ-nghĩa này về phái họ Khổng thường nói đến, dùng liền với chữ 忠 忠 gọi là 忠恕. Thứ là thể-lắt cho người ta, cái gì mình không muốn thì đừng đem dãi người ta. Người ta có cái gì làm thì nên rộng dung cho.

Đây nói: Thứ kỷ trách nhân 恕己責人 (Dung-thứ cho mình mà nghiêm-trách người ta) là chê kẻ bất-công. Chỉ biết nghiêm-trách cái điều người ta có lỗi, mà cái điều mình có lỗi thì lại khoan-thứ đi. Sao không trái lại, nghiêm-trách lấy mình mà khoan-thứ cho kẻ khác, thì có công-bằng không.

8) Thị cường lãnh nhược 恃強凌弱 = Cây mạnh lấn yếu.

9) Thị phú khinh bần 恃富輕貧 = Cây giàu khinh nghèo.

10) Mị thượng ngược hạ 媚上虐下 = Nịnh nọt người trên mà ngược-dãi kẻ dưới.

11) Uy cường lãnh nhược 畏強凌弱 = Sợ kẻ cường, lấn kẻ yếu. Trở lên bốn câu này đều là lời ngạn lâu kết án bọn thế-lực mà hay có tính bất-công cả. Tiều ra làm lời án như thế tức là để làm răn kẻ khác vậy.

12) Hón đảng tức là ghenh-tiếp ở dọc đảng. Đây là vì một nhà qui-phái nào ngày xưa, mỗi lần sang chơi chỗ tinh-thần thì lại bắt dân phải đặt hương-án ở các địa-phận, cấm cớ, dựng cổng kết hoa, rất là vất-vả và tốn-phí. Cho nên người ta ta-thán : Sang chơi với nhau thì cứ sang, chớ đừng bắt đón đảng như thế, làm nhọc lòng cho dân lắm. Đó là tỏ ý người ta không lấy sự sang chơi ấy của kẻ qui-nhân ấy không bồi-ích gì cho dân vậy. Thật là một cái thế-lệ bất-công, đến nay chưa bỏ. Mỗi lần có các quan kinh-quá một địa-hạt nào, lý-dịch nhân-dân rất khổn-đốn về sự nghinh-tiếp. Tốn tiền và mất cả công-việc, khổ cho dân như thế mà phỏng đã làm được ích gì cho dân. Sao kẻ bắt dân đó, kẻ hưởng-thụ lễ đó không tự nghĩ.

567 — Nước trong mà giếng hôi phen,
Tuy rằng em lịch mà hèn mẹ cha
568 — Nào ai cấm chợ ngăn sông, (1).

Ai cấm chú lái thông-dồng đi
buôn (2).

569— Nói một đàng bắt quàng một nẻo
(3).

570— Nói lành hành ra dữ, nói bé xé
ra to (4).

571— Lươn ngắn lại chế chạch dài,
Thờn-bơn méo miệng chế trai
lệch mồm (5).

572— Lúc giận bề-bai ngay hóa vầy,
Khi ưa tô vẽ méo nên tròn (6).

573— Yêu nên tốt, ghét nên xấu (7).

574— Yêu nhau yêu cả đường đi,
Ghét nhau ghét cả tông-chi họ

575— Yêu ai thì nói quá ưa, [hàng] (8).
Ghét ai nói thiếu nói thừa như

không (9).

576— Yêu ai thì bốc lên trời, ghét ai thì
đìm xuống đất (10).

577— Hay thì khen, hèn thì chê (11).

578— Trời sao trời ở không cần,
Người ăn không hết, người lẫn
không ra (12).

1) Phèn chua làm cho nước trong mà không có vị hơi khét gì. Đây nói *hôi phèn*, tức là phèn đen hay thứ phèn gì khác. — *Lịch* là thanh-lịch, lịch-sự, lịch-thiệp — Đây là lời người con trai chê người con gái là con nhà hèn-bạ. Nói nước trong giếng kia tuy trong thật nhưng giếng ấy hôi phèn thì lấy cho nước mà không dùng được. Cũng như em tuy lịch đó mà cha mẹ hèn nên anh chê. Lời nói ấy thực là bất-công. Phải biết người khác với giếng. Người hay hay là ở ở nhân-cách, ở đức-tính, chứ không ở cái giai-cấp sang hèn bề ngoài. Cha mẹ người con gái này nếu không có nhân-cách cao, đức-tính tốt, sao có sản-xuất ra được người con lịch như thế. Thế mà người con trai ấy không xét, chỉ thấy cha mẹ người ta không đeo cái danh quan-trưởng mà chê, thật là bất-công. Cái thói lấy vợ lấy chồng-trọng ở giai-cấp, thật là hủ-bại. Song cũng chỉ là cái thói hủ của

họn-trung-lưu gần đây đó thôi. Chớ như vua Lý Thái-tôn lấy bà Ý-Lan, bà Ngọc-Bảo lấy ông Trịnh Kiểm, đều trọng ở tài-dec mà không nề gì cha mẹ hèn như lời anh chàng hủ đó.

2) Những khi bình-biến, thì có lệnh xét các thuyền đi qua sông, xét các người đến chợ, cho biết ngay gian mà thôi, chớ không có cấm sự giao-thông của ba hạng có ích cho xã-hội là chợ, sông và chú lái bao giờ. Bởi vậy đây tuyên-ngôn cho nhân-dân biết cái lẽ công-bằng vẫn như thế.

3-4) Ba câu này đều chê kẻ bất-công hay cố ý vu lỗi cho người ta.

5) Lươn với chạch thì lươn dài gấp hơn nhiều, mà lươn tự bảo là mình ngắn mà chế chạch dài. Thờn-bơn với cá trai đều mồm méo sệch về một bên đầu, thế mà thờn-bơn lại chê cá trai là lệch mồm. Đó là ví với kẻ mạnh chính mình có lỗi to mà lại chỉ chĩa bẻ lỗi người khác. Như thế sao còn được là công-bằng

6) Đây là hai câu thơ chê kẻ yêu ghét bất-công. Cố ý làm cho điên-dảo cả sự phải trái, thật là thiên-lệch quá.

7) Cũng giống nghĩa như câu trên.

8) Đây là chê kẻ đem sự yêu ghét dùng lấy cho cả cái chỗ không can-hệ, thực là vô-nghĩa.

9-10) Hai câu này cũng đều giống nghĩa như câu thứ 6 trên.

11) Đây là nói cái nghĩa công-bằng của sự khen chê. Yêu đó mà có điều hèn cũng chê, ghét đó mà có điều hay cũng khen. Khen chê là sự có quan hệ đến phong-hóa của xã-hội. Vậy nhà nước thưởng phạt, dư-luận phải n-bình phải biết giữ đạo công-bằng thì mới không sai mà có ích cho phong-hóa.

12) Đây là lời của kẻ nghèo khó trách trời mà tị với kẻ giàu. Song lời tị này là lầm. Đời cũng vẫn có kẻ mạnh lấn cướp của kẻ yếu, nhưng đó là về nghĩa

khác. Còn thường ra hay làm thì có thừa mà lười thì thiếu ăn. Lẽ trời như vậy, mà như vậy chính là công-bằng.

- 579—Đánh nhau chia gạo, chào nhau
ăn cơm (1).
580—Được lòng ta, xót-sa lòng người (2).
581—Mặc ông có gà, mặc bà có thóc (3).
582—Được lòng rắn, mất lòng ngóe (4).
583—Dân như cây gỗ tròn (5).
584—Của người bỏ-tát, của mình lạt-
buộc (6).
585—Của mình thì giũ bo-bo, của
người thì thả cho bỏ nó ăn (7).
586—Con giun séo lăm cũng quần (8).
587—Cá nhơn nuốt cá con (9).
588—Củ vủ lấp miệng em (10).
589—Miếng xói dăm miệng trẻ (11).
590—Cầm đuốc soi chân người (12).
591—Cha cầm khoán con bẻ măng (13).
592—Bớt đồng thì bớt bồ-lao,
Bớt ăn bớt uống thì tao bớt lăm
(14).
593—Có ăn nhạt mới biết thương đến
mèo (15).

Gạo là cơm, cơm là gạo, song chia gạo là thuộc về sự quân-bình, mà mới cơm là thuộc về lòng thảo. Thế cho nên gạo chia rồi đem về thổi cơm xong thì mới nhau ăn, không những không tiếc mà lại vui lòng. Đến như lúc chia gạo là sự phải quân-bình mà bị không quân-bình, kẻ nhiều người ít, nên phải đánh nhau. Mà đánh nhau là phải, bởi vì phần chia mà không đều là có ý khi nhau hoặc hiếp nhau, thế mà chịu là hèn. Cũng như có cơm dọn mà không dám chào nhau ăn là lặn, lặn cũng là hèn. Chia gạo là việc về lý, chào cơm là việc về tình. Dùng lý với tình cho đáng chỗ mới là công-bằng.

2) Đây là chê kẻ tham không công-bằng.

3) Thấy gà ăn thóc thì thương tình ai cũng phải đuổi. Nhưng đây thì gà

của một ông mà thóc của một bà, kẻ trông thấy đó không can-hệ gì. Nên chỉ kẻ ấy nghĩ đuổi gà đi hộ thì ông kia giận mà thóc không phải của mình thì mặc cả hai bên. Đó là lời của kẻ vị-kỷ, thấy sự vô-lý, thấy sự thiệt hại của xã-hội mà không dám can-thiệp là kẻ hèn. Truyện có câu: « Nửa đường thấy sự bất-bằng mà tha? » Thế mới là trượng-phu.

4) Rắn ví với kẻ cường-bạo, ngóe ví với kẻ hèn-yếu. Nay rắn đang hiếp bắt ngóe, thế mà lơ đi để rắn tự-do hành-hung thì rắn hả lòng. Song bên hèn yếu là ngóe bị oan khổ thì còn đáng thương hơn. Vậy nếu để cho được lòng rắn mà ngóe bị mất lòng, tức là để cho kẻ cường-bạo tha hồ làm càn, mà kẻ yếu hèn bị oan khổ không tố-cáo vào đâu được, thì chỉ cho bằng mất lòng với rắn mà cứu lấy ngóe còn hơn, đó là lời của kẻ trước khi làm việc nghĩa mà suy tính. Thực cũng là lời nói có ý-vị công-bằng mà suy nghĩ cần-thận lắm thay.

5) Cây gỗ tròn thì dễ lăn. Đây ví dân với cây gỗ tròn, là tỏ ra rằng dân thì ngu-si không biết gì và không dám cưỡng lại, chỉ chịu để cho sự cường-quyền muốn xeo dầy đi đường nào thì lăn đi đường ấy mà thôi.

6) Bỏ-tát là một bậc tu-hành của Phật-giáo, có cái nghĩa-vụ phải làm phúc cho kẻ khác. Lại nghĩa nôm là lấy cái bỏ mà tát. Lạt buộc là lấy cái lạt mà buộc cho chặt-chẽ lại. Nghĩa bóng: bỏ-tát là rộng lòng bỏ của ra làm phúc, lạt buộc là bần-thiếu không dèi nào cho ai một cái lòng. Đây là nói kẻ chỉ keo và xử rộng bằng của người mà của mình thì bần-lận không dèi.

7) Đây cũng là nghĩa chê kẻ chỉ hoang bằng của người mà của mình thì kiếm.

8) Giun là thứ động-vật lấm dốt ở dưới đất, mình nhỏ mà dài và mềm. Đây là ví giun với kẻ hèn yếu mà rắn kẻ cường-bạo. Ý nói còn gì hèn yếu mềm-nhũn bằng con giun kia, thế mà nó bị người ta séo dầm vào nó quá, nó cũng biết quẩn-quại rầy-rụa tỏ ra không chịu. Phương chi người ta. Người ta là giống có trí khôn, có sức mạnh, khác con giun biết bao. Vậy kẻ cường-bạo cứ thấy người ta kém thế mà đè nén mãi, thì rồi tất người ta cũng phải quẩn lại mà không chịu.

9) Đây là ví với kẻ đàn anh ăn hiếp kẻ đàn em trong một đoàn-thể với nhau.

10—11) Hai câu này, nghĩa như nhau, đều là lấy cái ơn mọn để lừa kẻ nhỏ dại mà che lấp sự mình làm ngang. Em bé bị ngã hay là bị đau, đang hờn khóc, được bú thì dễ dỗ nín. Trẻ con đòi ăn cỗ, được nằm xoi thì thôi. Biết tính trẻ bé như thế, nên những người vú em lười, những người lớn cầu-thả, thường dùng hai mẹo đó để dỗ cho khỏi khóc khỏi quấy. Bọn đàn anh thường đem lời ngọt, miếng ăn cùng cái ơn huệ giả-dối để khi lộng đàn em, cái bụng giảo-quạt cũng không khác gì.

12) Cầm đuốc là để soi sáng, soi chân người là để tìm những vết nhơ vết bẩn ở chân người ta dẫm phải mà bêu-diếu. Tức là câu «chân ml: h những cút mẽ-mê, lại cầm bó đuốc mà rẽ chân người», mà đây nói tóm tắt lại. Đó là ví và chê kẻ chỉ sáng xét lỗi người mà lỗi mình thì không xét.

13) Khoán là khoán-ước của làng. Ngày xưa các làng đều có khoán-ước: Bể trộm măng, bắt trộm gà của ai thì phải phạt. Nay người cha làm đàn anh cầm giữ khoán trong làng mà thi-hành sự hình phạt, thế mà người con không biết giữ phép lại phạm ngay vào cái tội rất đê-hèn là bể trộm măng.

Người con ấy làm vậy như thế là có ý ý-thể và khinh-nhờn phép luật, thật không biết lẽ công-bằng.

14) Tao là tiếng xưng-hô của người trên xưng với kẻ dưới, hay là bằng nhau mà khinh nhau thì mới xưng như thế. Bờ-lao là cái quai ở núm chuông để treo chuông, chuông to thì bờ-lao đúc thành hình con rồng—Đây là lời kẻ lao-công tự nói mà oán chủ thuê. Đúc chuông mà có đủ đồng thì mới đúc được cả bờ-lao, nếu bớt đồng đi thì không lấy đâu mà đúc cho hoàn-toàn cả được. Kẻ lao-công phải ăn đủ uống đủ mới làm được việc cho chủ. Nay bớt đi cho ăn uống không đủ dưỡng-sinh thì kẻ lao-công lấy sức đâu mà làm cho đủ việc như trước, nên phải bớt việc làm đi. Nhưng đây xưng «tao» là ra ý bất-bình với chủ nhiều lắm.

15) Mèo là súc-vật nuôi để bắt chuột. Mèo là giống ăn thịt cho ăn cơm thì cũng phải chọn cá thịt vào thì nó mới ăn được. Chủ sẵn, bữa cơm thường chỉ cho mèo ăn cơm không không chọn cá thịt gì cho. Mèo quấy và đòi thì đánh. Tới khi chủ ăn cơm không có đồ ăn cá thịt, tức gọi là ăn nhạt, thì chủ mới biết là vô-vị không nuốt được. Bấy giờ chủ mới nghĩ mà thương đến con mèo mọi bữa nó đòi cá thịt là phải, mà đánh bắt nó ăn nhạt là ức nó. Câu này ví người trên khi bị khốn-khở mới biết thương đến những cái khốn-khở ấy mình vẫn bắt kẻ dưới phải chịu. Thế thì kẻ có quyền trên cũng nên đặt mình vào địa-vị kẻ bị thuộc quyền mình mà xử công-bằng trước đi.

XV.— Xử-thế

594— Con đường danh-lợi cong-cong,
Kẻ toan ra khỏi, người mong
bước vào (1).

595— Sự đời nghĩ cũng nực cười,
Một con cá lội mấy người buông
câu (2).

596 *Vị tình vị nghĩa, ai vị đĩa xôi
đầy (3).*

597 — *Vay nên ơn, giả nên nghĩa (4).*

598 — *Vô phúc bước cửa quan (5).*

599 — *Vô phúc đảo tung-dinh (6).*

600 — *Thân lươn chẳng quản lấm mắt,
Thân chạch chẳng quản lấm đầu
(7).*

601 — *Thấy bỏ thì dào, thấy mềm thì
đục (8).*

602 — *Mền nắn dần buông (9).*

603 — *Ngồi cần ngồi quán chẳng sao,
Để ai bóí đến thì bao nhiêu tiền (10).*

604 — *Ngâm bồ hòn làm ngọt (11).*

605 — *Bóí rẻ còn hơn ngồi không (12).*

1-2) *Danh* 名 có nhiều nghĩa, là tên, có tiếng đồn hay hoặc dở, có tiếng thơm lưu-truyền, có đeo cái tên quan-chức tôn-hiệu. — *Lợi* 利 là lời-lãi, là bổng-lộc, có cái lợi do công-phu vất-vả mà được, có cái lợi do mưu kiếm-trác mà được. Đây nói *danh-lợi* tức là cái danh-lợi về chức-tước và bổng-lộc.

Bài này nói cái cách xử-thế không nên chuyên vì những cái danh-lợi tư-kỷ. Ý nói ở đời chỉ làm trọn nghĩa-vụ thì thôi, chớ con đường danh-lợi tư-kỷ kia không thẳng bao giờ. Đã vì danh-lợi mà bước vào thì phải đi cong đi tắt mới tới. Nhưng tới rồi thì mới biết là cũng không thú gì. Cho nên kẻ ở ngoài thì vẫn mong bước vào đó, nhưng có biết đâu kẻ bước vào rồi chỉ toan thoát ra cho khỏi đó thôi. Ấy thế mà người đời vẫn xô đẩy nhau đi môi-cầu một cách yêu-hãnh có ít đâu. Cái danh-lợi khi nó còn lảng-vảng ở xa kia, có khác gì con cá còn đang bơi lơ-lơ dưới nước. Mới thấy con cá bơi lơ-lơ dưới nước mà lũ câu cá đã bao người xúm lại mà buông câu, cũng như mới nghe có cái danh-lợi gì còn ở xa mà lũ câu danh-lợi đã bao người xô lại mà tìm kẻ để cầu lấy.

Chính kẻ bước vào con đường danh-lợi cong queo ấy rồi mà còn muốn ra cho khỏi, thế mà khi nó còn ở xa như

con cá lội nước, mà đã bao người xúm xít thăm tìm, thì sự đời như thế phỏng có đáng nực cười không.

Ngẫm kỹ bài thơ này, thì kẻ xử-thế không nên lấy danh-lợi làm cái mục-dích duy-nhất.

3) Đây là lời nói người có tiệc đãi bà con khách-khứa, không nên coi kẻ khinh người trọng. Sự nhận lời mời mà đi ăn cỗ, nhất là kẻ nghèo lại hay lấy làm then mà ngại nhất. Vậy nhà chủ phải biết mình đã mời nên người ta vị tình-nghĩa, nể mình mà đến, chớ không phải vì tham cỗ to có đĩa xôi đầy mà đến đâu. Cách xử-thế phải lưu-ý từ những chỗ nhỏ ấy, có khi nhà chủ vụng xử, hoặc kiêu-ngạo, mà vừa mất cỗ đãi người lại vừa mang tiếng.

4) Lúc túng tiền phải đi vay, có vay được mới có mà tiêu cho nên việc. Nghĩ đến thế thì phải nên cảm ơn nhờ nghĩa, dù trả xong nợ rồi cũng không quên. Đó là sự vay mượn của bà con bạn-hữu, lời lãi ít thôi. Xã-hội ta ngày xưa, sự vay mượn thuộc về ơn huệ giúp đỡ ấy nhiều lắm. Thực cũng là một cái nghĩa quan-hệ về xử-thế. Còn sự vay thuộc về tính-cách buôn-bán theo pháp luật ngày nay thì lại về nghĩa khác. Tuy-nhiên, đời thực-nghiệp mở-mang thì sự vay mượn dù về tính-cách nào cũng cần cả. Dù kẻ vay của trái-chủ về tính-cách pháp-luật, lại càng phải cần-thận làm ăn cho lắm, để giả được nợ, giữ lời trung-tín với pháp-luật với xã-hội mới phải.

Kẻ trái-chủ dùng mẹo bắt bí người túng tiền, mà lấy lãi nặng cố-nhiên là đồ tham-ô tàn-nhân, bị xã-hội khinh-bĩ, hoặc pháp-luật biết tới được thì trừng-phạt. Còn kẻ túng phải đi vay, vay về tiêu hoặc vay về làm ăn, đều phải giữ tín-ước cho hoàn-toàn.

5-6) Trúng-dinh là sản xử kiện. Hai câu này cùng một nghĩa, đều nói về sự đi kiện-cáo nhau là hại. Dân vì bất-bình với nhau mới phải đem nhau vào

cửa công. Thế mà tuy pháp luật tình-tường như các tòa-án ngày nay, mà cũng không khỏi có nhiều cái đảo-diên và phiến-phi, rồi lại càng thêm tức. Phương chi là ngày xưa, hoặc các cửa quan địa-phương ngày nay mà còn giữ thói cũ, thì nào quan nào lại nào lính hành-hạ nạt-nộ, nguyên hóa bị, bị hóa nguyên vừa mất tiền vừa chịu nhục vừa đeo tức là chừng nào. Nên chi người ta nói *Vô-phúc mới tới cửa quan*, không phải là nói quá. Vậy nên điều-đinh nin-nhịn nhau đi còn hơn.

7) Đây là nói kẻ nghèo phải yên phận làm ăn, đừng có ngại những sự làm-than vất-vả. Xem lưon với chạch là hai giống ở bùn thì nó quẩn ngại lấm láp làm sao được. Vậy kẻ nghèo không nên oán-thán và quẩn-ngại sự làm-than vất-vả, miễn là làm hết bổn-phận theo đường ngay mà đủ sinh-nhai thì thôi. Phải biết hai câu này là nghĩa yên phận chịu khó làm ăn, chứ không phải nghĩa yên thân chịu nhục để sống, học-giả chớ nhận lầm. Truyện *Kiều* nói: *« Thân lưon bao quẩn lấm đầu, chút lòng trịnh-bach từ sau xin chừa »*, là có cái nghĩa chịu nhục, song là lời nói day, và là lối nhà văn mượn lời ấy thay nghĩa khác, không phải là chính nghĩa.

8) Đây là chê kẻ xử-thế không biết phải. Đối với người thấy dễ keo dẹo hoặc bốp lặn được thì cứ làm mãi không biết chán.

9) Chê cái cách xử-thế giáo-quyết. Thấy hiền lành thì bắt nạt, thấy cứng cổ thì lại chịu, chẳng kể gì là phải với trái.

10) Đây là lấy cái cách xấu nết của thầy bói mà ví với kẻ chừa làm việc đã ký-kèo công-xá đắt rẻ. Bói hay thì tất có nhiều tiền, sao không nghĩ bấy nay bói ế ngồi lê-la cầu quán thì tiền đâu. Thế mà mới có người hỏi đến muốn bói thì đòi mà cả ngay giá cao đã mới bói, nhưng không biết rằng nào

ai đã tin cái tài của mình. Nhiều người làm nghề-nghiep cũng có tính xấu ấy, thực là cách vụng xử-thế.

11) Bỏ-hòn là thứ quả rất đắng, đã có câu: *« đắng như bỏ-hòn »*, nó có chất tẩy sạch bần-cẩu, người ta vẫn dùng để rửa va đề giặt. — Ở đời, nhất là đối với chỗ tình thâm nghĩa thiết, thường gặp những việc trái-ý khổ-lâm, mà nói vỡ-lở ra, khúc chiết ra thì hại đến tình nghĩa, nên những người tốt nết thường nhịn đi cho yên-vui. Cũng như bỏ-hòn là chất rất đắng, người khác không thể nếm lấy một tí được, thế mà người này thì ngâm nó lấy làm ngọt, thì ở trong lòng người này nin nhịn là nhường nào. Thực cũng là một cách xử-thế khôn-ngoa.

12) Thầy bói này khôn ngoa hơn thầy bói trên kia. Bói rẻ còn có tiền chứ ngồi không thì được gì. Đó là chỉ so có việc làm với không có việc làm ban đầu đó thôi, còn làm khéo vụng dở hay thì lại sẽ theo với cái giá-trị của việc làm mà định về sau. Chớ không phải cứ lấy ngồi không làm so sánh mà hăm già công làm của nhà nghề thì lại là tệ. Nhà nghề tự xử thì nên như thế, ban đầu hằng làm giá rẻ mà thử cho đời biết tài mình. Đến như kẻ dùng người thì lại phải tùy tài mà định giá lên thì xã-hội mới nhiều nghề khéo.

XVI. -- Tạp-ngữ

606 — *Thiên cao đã có thánh trí,*

*Những người nhân-nghĩa chẳng
nguy khốn nào (1).*

607 — *Thế-gian chuộng của chuộng công,
Nào ai có chuộng người không
làm gì (2).*

608 — *Thấy ngà trời làm được ăn,
Mình xé chần làm vỏ (3)*

609 — *Thần-hồn nát thần-tinh (4).*

610 — *Từ-bi cũng một phẩm oản quả
chuối,
Ray tay mồm miệng cũng một quả
chuối phẩm oản (5).*

- 611— Tử-vi xem số cho người,
Số mình thì để cho ruồi nó bầu(6).
612— Tay cầm tiền quí bo-bo,
Đưa cho thầy bói thêm lo vào
mình (7).
613— Sống thì con chẳng cho ăn,
Chết thì xói thịt, làm vẩn tể ruồi(8).
614— Sống thì chẳng cho ăn nào,
Chết thì cùng giỗ mâm cao cỗ đầy
(9).

1) Thiên cao 天高 = trời cao — Thánh tri 聖知 = Thần-thánh biết. — Đây là lời của kẻ tin tôn-giáo. Nói trời tuy cao xa nhưng đã có thánh-thần soi xét sự thiện sự ác cho người ta, thánh-thần sẽ chứng-minh tức là trời hiểu thấu. Trời hiểu thấu tất thương kẻ thiện. Vậy thì những người nhân-nghĩa cứ theo nhân-nghĩa mà làm, dầu có vất-vả cũng là sự thử lòng, chứ không đến nguy-khốn quá mà sợ. Đó cũng là nghĩa an-ủi cho kẻ thiện thêm vững lòng mà làm điều phải.

2) Ở đời phải có ích cho đời thì người đời mới yêu chuộng. Đây là lời răn những kẻ vô-chỉ không biết rèn tài-năng lập công-cán với đời. Chỉ trở ra một cái người của chẳng có giúp ai, công chẳng thành việc gì, thì tất bị người đời khinh bỏ.

3) Xé chần làm vó là để cũng đi đánh cá, nhưng vó là vó, chần là chần, mau thưa khác nhau xa, không thể dùng liều như thế mà được ăn đâu. Cá chưa được mà chần đã hỏng, thật là cách bất-chước không phải đường mà thành ra thiệt hại. Vậy muốn có lợi như người, phải làm theo như người mới được.

4) Thần-hồn 神魂 là cái hồn thiêng-liêng trong người như trí-khôn. — Thần-tính 神性 là cái tính thiêng-liêng trong người như nét ở. Nát là đạo-nạt. Đây là lời cách-ngôn nói khám-phá cái tâm-lý hay mê-tin mà sợ-hãi vô-lý. Kẻ có tính nhất tức là kẻ

không có can-đảm nên hay sợ-hãi. Mà sợ-dĩ hay sợ-hãi là bởi trí-khôn không đủ hiểu được việc thực hay là hư. Đã không hiểu nên tin liều mà sợ-hãi cuống-quít. Tức như kẻ sợ ma là bởi thần-hồn mờ tối, không biết xét xem ma là cái gì, chỉ thấy người ta nói trong chỗ tối có ma thì tin ngay. Tới khi đi đêm một mình, bụng đã sợ sẵn, bấy giờ thấy thoáng có cái gì thì thần-hồn hoảng hốt mà tưởng ra là có cái gì lạ gì thực. Thần-tính liền mất sự thường mà kêu-gào chạy-chợt rồi-rít lên. Thế là tự mình tưởng ra mà nát mình, chớ có cái gì ma quỷ, gở lạ đâu.

5) Đây là lời của kẻ vị-kỷ đối với việc làm hay tệ-nạn với kẻ khác. Cho rằng xem cái cách thờ cúng trong chùa kia. Ông Bụt từ-bi an-nhân, họ cũng một phẩm oản một quả chuối, mà ông Ấc (Trùng ác) ray tay mồm miệng ra vẽ khô nhọc, họ cũng chỉ cúng có một quả chuối một phẩm oản như ông Bụt chứ không hơn. Vậy thì trong chỗ cùng làm việc với nhau, kẻ nhân kẻ vất-vả cũng hưởng-thụ không khác gì, thì tội gì mà vất-vả làm nhiều việc hơn. Không phụ-công thì nài, chớ tệ-nạn mà bỏ việc thì thực có hại cho công-ích.

6) Tử vi 紫微 là một vì sao chủ-tính trong các tên vì sao dùng để xem số hay dở cho người ta. Cách xem số này, đặt ra nhiều tên sao lành dữ, rồi tính xem giờ sinh tháng đẻ của người nào hợp sao lành thì tốt, hợp sao dữ thì xấu, gọi là xem số Tử-vi. Đó là một cái thuyết mê-tin vô bằng. Đây là lời nói thầy số xem số Tử-vi. Thầy xem có nghiệm thì sao thầy không tự xem cho thầy để biết mà theo điều tốt tránh điều xấu, mà sao thầy thầy cũng bị vận-nạn luôn-luôn mà thầy cũng chịu như người ta, không có cách gì tránh khỏi. Thế thì ra chỉ xem số cho người, còn số mình thì để bần cho ruồi nó bầu dư?

7 Bói cũng là một thuật mê-tin vô bằng, mà thầy bói lại hay dọa người xem bảo sẽ bị vận-nạn ốm đau, thất tài, phải cầu cúng đi mới khỏi. Nhất là đàn bà con gái giàu lòng tin-ngưỡng, nên hay bị thầy bói nói dối lấy tiền. Đây là rắn đàn bà con gái không nên tin sự bói toán, vừa mất tiền vừa thêm lo, vô-ích mà có hại.

8) Đây là chê cái hủ-tục ma to tế lớn, bảo thể là biểu, mà thực lúc cha mẹ còn sống thì chẳng cho ăn miếng ngon miếng lành gì. Lúc cha mẹ chết rồi, mổ trâu bò, làm văn tế là tế lũ ruồi đó, chờ cha mẹ có còn đâu mà tế. Có thực biểu thì sao lúc sống không chiều chuộng nuôi-nấng cho hết lòng có hơn không.

9) Đây là chê cái hủ-tục hay làm cỗ to cúng giỗ. Cha mẹ chết rồi, có ăn được cỗ ấy đâu. Cỗ ấy là để đãi khách hoặc giả nợ miệng cho sĩ-diện đó thôi.

..

- 615 — Bù đầu giả dại làm ngây,
Khôn kia dễ bán dại này mà ăn (1).
616 — Ai cũng muốn có phần đề giỗ mặt,
Chứ không ai muốn có phần đề
giỗ gót chân (2).
617 — Nhẹ như bấc, nặng như chì (3).
618 — Lặng bằng ao, động bằng bề (4).
619 — Nói trước mà bước không đời (5).
620 — Bờ-côi cha ăn cơm với cá,
Bờ-côi mẹ liếm lá đầu chợ (6).
621 — Mồ cha không khóc, khóc đồng
mối (7).
622 — Mèo tha miếng thịt thì đòi,
Khẽnh tha con lợn mất coi tròng-
trùng (8).
623 — Mật ngọt càng tở chết ruồi,
Những nơi cay-đắng là nơi thực-
thà (9).
624 — Linh ngộ trận mới nên công (10).
625 — Không sợ hẹp nhà, sợ hẹp bụng (11).
626 — Thèm lòng chứ không ai thèm
thịt (12).

1) Người này bất-đắc-chí với đời mà bù đầu ra giả làm ngây dại. Kẻ không biết tưởng là dại ngây thực, muốn lừa mà lợi dụng, nên người ấy nói cho mà biết.

2) Đây là nói cái lẽ dương-nhiên đề cho người ta biết bụng mình là nghèo túng thực, chứ không phải là giả dối nói nghèo để tránh những việc nghĩa.

3) Ý nói chỉ xảy ra một chút là cái việc đáng rất khinh cũng hóa ra rất trọng.

4) Ý nói ở đời việc gì cũng vậy, đề đây thì yên lặng mà khích-thích lên thì thành sóng gió lớn.

5) Nói thế nào rồi cứ làm theo như thế, cũng như người nói định đi đến đâu thì rồi bước theo không đời con đường ấy. Đó tức là cái nghĩa *Thực-tiễn* 實踐 vậy.

6) Bờ-côi là đứa trẻ còn thơ-ấu mà bị bố chết hoặc mẹ chết. Đây là lời kinh-nghiệm về sự bờ-côi cha với bờ-côi mẹ mà một xương một khổ khác nhau. Ở Việt-Nam ngày xưa người đàn-bà vất-vả, hầu hết phải lo toan việc sinh-lý trong gia-đình, lại bất-hạnh chồng chết mà đã có con dù gái dù gái rồi thì tuy còn trẻ cũng ít người đi tái-giá. Còn đàn ông thì nhàn, ít người biết đến việc nhà, lại được lấy nhiều vợ. Thế cho nên đứa bờ-côi cha kia nhờ có mẹ biết làm ăn nuôi-nấng thì được no ấm, ăn cơm với cá. Còn đứa bờ-côi mẹ nợ thì cha không quần-cổ được mà phải đòi rách lang-thang, liếm lá đầu chợ. Coi đó thì biết ở Việt-Nam xưa, người đàn bà quan-hệ cho gia-đình, nòi-giống và xã-hội là dường nào, mà người đàn ông vô-tích-dạng là dường nào. Cái đó cũng chỉ vì mẹ biết mưu-sinh mà cha không biết mưu-sinh đấy mà thôi. Làm kẻ trượng-phu, làm người gia-trưởng, gặp khi gia-biến, người nội-trợ mất đi, mình vì không biết mưu-sinh mà đến lỗi đạo làm cha, để con khổn-khổ,

há không đáng thẹn lắm dư. Ngày nay kinh-tế thế-giới ngày càng khó-khăn, kẻ làm trai Việt-Nam nên nghĩ câu ngạn trên ấy mà tự-lập.

7) Đồng mối là những đồng đất mối dùn to bằng cái mỗ một ở trên một cái tha-ma lẫn với các mỗ-mả. — Câu này vừa nói sự thực vừa đề vi. Sự thực là có người lơ-đềnh không chăm thăm nom mỗ cha rồi quên đi, đến lúc tới viếng bèn ôm lấy cái đồng mối ở bên cạnh mà khóc, nhận làm mỗ cha. Còn đề vi thì là như những kẻ đối với chính tổ-tông mình, chính giòng-giống mình, chính đất nước mình thì quên và ghét bỏ, mà đi thiết-tha su-phụ với những chỗ khác.

8) Kênh tức là hồ — Đây là nói chê kẻ chỉ sợ kẻ cường. Mèo tha thịt, kênh tha lợn đều là bọn gian cả. Song miếng thịt không đáng bao, và mèo là kẻ đầy-tớ giúp việc trong nhà cũng nên dong-thứ, bạn sau sẽ cất dây cần-thận thì thôi. Thế mà lại đuổi đánh đòi lại cho được. Đến như cả một con lợn là số tiền to bị kênh ở đâu vào vồ tha đi trước mắt, đáng lẽ thì ra đuổi đánh mà đòi lợn lại mới phải. Thế nhưng thấy kênh cường-bạo hung-ác thì sợ khiếp đi, chỉ đứng coi trừng-trừng có ý tiếc của và sợ hãi.

9) Người đời phần nhiều nóng-nổi, dễ dạ hay tin liêu. Cho nên đối với lời nói của kẻ lừa mình dễ làm hại mình thì tin mà nghe ngay, là vì lời nói ấy ngon-ngọt khéo nịnh và hứa cho nhiều điều. Còn đối với lời nói của kẻ dạy mình định giúp ích cho mình thì lại ngờ mà không nghe, là vì lời nói ấy trung-trực, nghiêm chính. Thế có khác gì đàn ruồi vô-tri kia. Đàn ruồi chỉ lẫn vào chỗ có mật ngọt mà bị chết, chứ chỗ cay đắng thì chúng nó có đến làm gì mà chết. Vậy thì chỗ ngọt chính là chỗ chết của ruồi, mà chỗ cay đắng lại là chỗ thực-thà không để cho ruồi phải chết.

10) Trận là chỗ của lính phẫn-dấu với bên thù, chính là chỗ chết, nhưng hễ thắng được thì sống mà lập nên huân-công. Cho nên lính gặp trận đừng có hãi, mà có gặp trận mới thử được tài mà nên được công. Những kẻ có tài nghệ cũng vậy. Có gặp những cuộc thi khôn đấu mạnh gian-nan mới thành danh-giá.

11) Bụng hẹp thì nhà dù còn rộng cũng không giống cho ai ở nhờ, trái lại thì nhà dù hẹp mà bụng rộng thì cũng giống được bà con bè bạn lúc cơ-nhỡ. Thế cho nên người ta chỉ sợ kẻ có nhà đó hẹp bụng mà thôi.

12) Thịt là thịt cá cỡ-bàn các đồ ăn, lòng là bụng tốt của người chủ có thịt cá cỡ-bàn đồ ăn đãi bà con khách-khứa. Thấy thịt thì thèm là tính thường người ta, nhưng miếng ăn không có nghĩa thì người ta không những không thèm nữa mà lại khinh-không nhận. Bởi thế bà con khách-khứa mà tới dự tiệc mời của chủ-nhân là thèm cái lòng lễ-nghĩa thành-kính, chứ có phải thèm thịt đâu. Vậy chủ-nhân đãi ai không nên chỉ lấy miếng ăn làm trọng mà không đủ lễ-ý thành tâm.

..

627 — Không đề không thương, không máu không xót (1).

628 — Khác máu tanh lòng (2).

629 — Kinh-đô cũng có người dờ,
Man-di cũng có sinh-đồ Trạng-
nguyên (3).

630 — Hòn đất nó biết nói-năng,
Thì thầy địa-lý hăm răn không
còn (4).

631 — Hai bên tranh lấy quả cầu,
Dân yên nước thịnh dài lâu vững
lền (5).

632 — Trời Phật hương hoa, người ta
cơm rượu (6).

633— Gà ché thóc chẳng bói, người
mới ché tiền (7).

634— Đời người xem bằng gang tay,
Ai hay ngủ ngày chỉ được nửa
gang (8).

635.— Đời người sống mấy gang tay,
Hoi đầu cặm-cui cả ngày cả đêm
(9).

636. — Bàn ông như con dao pha (10).

1-2) Đều nói cái cảm-tình phải do đồng-chủng đồng-loại mà ra. *Tanh lòng* là lòng hơi tanh tức là bụng xấu. Đây nói không phải đồng-loại thì tất không có cảm-tình, mà hay sinh bụng xấu, lẽ tất-nhiên như vậy. Vậy kẻ chực ý-thác với người khác mán, nhất là những kẻ cô-dơn, phải nên tự nghĩ mà tự-lập.

3) Mạn di là những chỗ mán-mọi ở biên-thùy. Sinh-đồ là một học-vị đời Lê, đến Nguyễn đổi làm tú-tài, nay thì như là văn-bằng cao-đẳng tiểu-học hoặc Trung-học. Trạng-nguyên là một học-vị đỗ đầu cả một khoa thi được ưu-diễn thừa phán-sở ở đời Lê về trước. — Đây nói cái tư-chất của loài người ở đâu cũng giống nhau cả. Cho nên ở đâu mà được học thì cũng thành tài như nhau. Ở kinh-đô là nơi giáo-hóa thịnh nhất nước thực, nhưng kẻ thất-giáo cũng thành diên đồ, thế mà ở nơi biên-thùy mà người ta chịu học thì cũng đỗ đạt được cả. Thuyết « *hữu giáo vô loại* » cũng cùng một nghĩa này.

4) Phép địa-lý là một cái học mê-tin vô-bằng, mà người nước ta đến nay còn tin. Đây là lời chê thầy địa-lý dốt. trổ liều đồng đất ra hình nọ hình kia, đất nó không biết nói, gọi ra thế nào chả được, chứ nếu nó biết nói biết cử-động như người, thì nó vả cho thầy địa-lý nói liều không còn cái răng nào. Song lấy khoa-học thực-nghiệm ngày nay mà xét, thì nếu đất có biết nói tất còn phản-đối cả cái sách địa-lý dị-doan của thầy địa-lý đã học ấy nữa.

5) Tục các làng ngày xưa khi đóng

đám thì có cuộc trai làng tranh nhau quả cầu bằng gỗ cho vui và cũng là thi sức khỏe. Tục ấy ở Cẩm-giang còn có làng vẫn giữ. Ở mạn ngược thì người thổ cũng có lệ đầu năm tranh quả cầu, nhưng quả cầu khâu bằng vải mà cho hai bên trai gái tranh nhau cho vui. Xem lời phong-đao này thì trong sự thi sức mà cầu vui mà vẫn lấy cái nghĩa tín-ngưỡng làm trọng. Vả chúc cho dân lại không quên chúc cho nước, thực là ý hay.

6) Đây là nói về cái lễ cúng tế trời phật quỷ thần. Đãi người sống ta với nhau thì mới cần cơm rượu, còn cúng tế trời phật quỷ thần thì chỉ nên dùng hương-hoa để tỏ sự kính mà thôi. Chờ trời phật quỷ-thần có ăn hưởng được như người sống ta đâu mà cũng cứ dùng cơm rượu, thực là nhảm.

7) Nói cái lễ thường như vậy để đoán biết cái tâm-lý thường của người đời, chứ không phải là bảo người ta không khi nào nên ché tiền. Bởi vì người ta còn khôn hơn gà thì cũng có khi thấy tiền phải ché.

8) *Gang tay* là nói rất ngắn. Đời người ngắn như thế, nếu thức cả ngày mà xem xét, mà làm việc cũng còn chả được là bao, nữa là cái người lại hay ngủ ngày thì thành ra đời của người ấy ngắn quá, chỉ còn có nửa gang, chả xem được gì, chả làm nên gì. Đó là lời khuyên răn cho kẻ ở đời chớ nên lười biếng mà thiệt cho sự sống.

9) Đây lại là lời của kẻ lãng-mạn nói đời người ngắn ngủi thì sao không chơi bời cho thỏa-thích, tội gì mà cặm-cui lán: việc cả ngày cả đêm làm gì. Nói thế thực không biết cái nghĩa của sự sống. Người ta ở đời là phải góp sức với nhau để mà sống, nếu ai cũng chơi bời thỏa thích mà không ai chịu cặm-cui làm việc thì rồi lấy đâu để mà sống, lấy đâu để mà chơi. Vẫn biết thiết-tha ki-cóp để làm việc tư-kỷ, thừa-thãi rồi

mà không dám ăn chơi thì cũng là tự làm khổ cho mình, không nên quá thế. Nhưng nếu cặm-cui ngày đêm mà làm việc công cho đời thì chính là kẻ rất yêu đời, biết cái nghĩa sự sống. Tuy-nhiên câu này chỉ là lời kẻ lãng-mạn thấy người ta hay làm thì ghen ghét mà chê bai đó thôi. Thiếu-niên phải nên biết mà đừng tin.

10) *Dao pha* là con dao dùng làm được nhiều việc. Làm việc lớn việc nhỏ đều được cả. Người đàn-ông đối với gia-đình xã hội quốc-gia đều phải chịu trách-nhiệm lớn hơn đàn-bà, là

vì người đàn-ông có sức, có thể-chất về sinh-lý khác đàn-bà. Vậy muốn cho đầy đủ bổn-phận, người đàn-ông phải rèn cho có nhiều tài-nghệ, làm-thời giờ ra làm việc gì cũng được. Làm việc nhà, làm việc nước, làm việc nhẹ, làm việc nặng đều được cả. Không như con dao dựa chỉ dễ chặt, cũng không như con dao phay chỉ dễ thái, mà như con dao pha vừa dễ thái vừa dễ chặt đều được cả.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU và ĐỒ-NAM

THƠ ĐƯỜNG DIỄN NÔM

送友人過衡州

Tống hữu-nhân quá Vê châu

憶昔征南府內遊,
Ưc tích chinh nam phủ nội du,
家君東閣最淹留,
Gia quân đông các tối yêm lưu;
縱橫連句長侵夜,
Tung hoành liên cú trường xâm dạ,
次第看花直到秋,
Thứ đệ khan hoa trực đáo thu;
論舊舉杯先下淚,
Luận cựu cử bôi tiên hạ lệ,
傷離臨水更登樓,
Thương ly lâm thủy cánh đăng lầu;
相思前路幾回首,
Tương tư tiền lộ kỷ hồi thủ,
滿眼青山過衡州,
Mãn nhãn thanh sơn quá Vê châu.

Thửa trước nam du ta với nhau,
Mãi đông dan-diêu bấy nhiêu lâu;
Dọc ngang nổi vận chờ vầng thổ,
Lần thần chơi hoa tới buổi ngâu;
Trong chén thổ than mau giọt lệ,
Bên sông ngao ngán lại lên lầu;

Đường trường đoái lại lòng thêm
nhỏ,
Trước mắt non xanh ngắt vó câu.

咸陽懷古

Hàm-dương hoài cổ

經過此地無窮事,
Kinh qua thử địa vô cùng sự,
一望凄然感廢興,
Một vọng thê nhiên cảm phế hưng;
Nhất vọng thê nhiên cảm phế hưng;
渭水故都秦二世,
Vị thủy cố đô Tần nhị thế,
咸陽秋草漢諸陵,
Hàm-dương thu thảo Hán chư lăng;
天空絕塞聞遙鴈,
Thiên không tuyệt tái văn dao nhạn,
葉盡孤村見夜燈,
Diệp tận cô thôn kiến dạ đăng;
風景淒淒多少恨,
Phong cảnh thê thê đa thê hận,

寒山半出白雲僧
Hàn sơn bán xuất bạch vân tăng.
Qua cảnh này chơi bao xiết nỗi,
Ngẫm cơ hưng phế động lòng thâu!

Nền cung Vị-thủy hai đời Lã,
Đám cỏ Hàm-dương mấy mả Lưu;
Cánh nhạn ải xa kêu réo-rắt,
Lửa đào xóm lẻ bóng cù-dù;
Trông chừng phong-cảnh thêm ngao-
ngán,
Cao nửa trắng mây ngọn núi mù.

經 煬 帝 行 宮

Kinh Dương-đế hành-cung

此地曾經翠輦過
Thử địa từng kinh túy liễn qua,
浮雲流水更如何
Phù-vân lưu-thủy cánh như hà;
香消南國美人盡
Hương tiêu Nam-quốc mỹ nhân tận,
怨入東風芳草多
Oán nhập đông-phong phương thảo
đa;

殘柳宮前空露葉
Tàn liễu cung tiền không lộ diệp,
夕陽江上浩煙波
Tịch dương giang thượng hạo yên ba;
行人遙起廣陵思
Hành nhân dao khởi Quảng-lăng tư,
古渡月明聞棹歌
Cổ độ nguyệt minh văn trạo ca.

Xe phượng xưa kia những dập-dìu,
Mây trôi nước chảy biết bao nhiêu;
Hương phai cảnh cũ tiên đầu vắng,
Gió thổi hồn riêng cỏ đó nhiều;
Trước điện lơ-thơ cây buổi lạnh,
Trên sông ào ạt sóng ban chiều;
Lòng ai tránh tưởng miền đô-hội,
Bến Nguyệt xa nghe tiếng gõ chèo.

哭 呂 衡 州

Khốc Lữ Hành châu

一夜風霜滿玉芝
Nhất dạ phong sương mãn ngọc chi,
蒼生絕望士林悲
Sương sinh tuyệt vọng士林悲
Thương sinh tuyệt vọng sĩ lâm bi;
空懷濟世安民略
Không hoài tế thế an dân lược,
不見男婚女嫁時
Không thấy nam hôn nữ嫁 thời

Bất kiến nam hôn nữ giá thời;
遺草一函歸太史
Di-thảo nhất hàm qui thái-sử,
旅墳三尺近婁離
Lữ phần tam xích cận yêu-ly;
朔方徙歲行將晚
Sóc phương tử tuế hành tương vãn,
欲爲君刊第二碑
Dục vị quân san đệ nhị bi.

Áo ngọc rơi theo vôi hạt sương,
Người thi ngao-ngán kẻ thi thương;
Côi bờ chưa thấy tài vùng-vẫy,
Nhà cửa còn nhiều nỗi dờ-dang;
Văn cũ một hòm đem khắc bản,
Năm côi ba thước để gần hương;
Ở đây côi bắc mình già lẫn,
Muốn dựng thêm bia chép chuyện
chàng.

六 街 塵

Lục nhai trần

六街塵起鼓琴琴
Lục nhai trần khởi cổ bình-bình,
馬足車輪處處通
Mã túc xa luân處處通
Mã túc xa luân xứ xứ thông;
百役並驅衣食內
Bách dịch tịnh khu y thực nội,
四民長走路岐中
Tứ dân trường lâu lộ kỳ trung;
Tứ dân trường lâu lộ kỳ trung;
年光與物隨流水
Niên quang dữ vật tùy lưu thủy,
世事如花落曉風
Thế sự như hoa lạc hỉ phong;
Thế sự như hoa lạc hỉ phong;
名利到身無了日
Danh lợi đáo thân vô liễu nhật,
不知今古轉成空
Bất tri kim cổ chuyển thành không.

Bụi bay đời ngả trống tong tong,
Lối ngựa đường xe chốn chốn thông;
Trăm việc chẳng qua ăn với mặc,
Bốn mùa đi mãi bắc rồi đông;
Bóng đời nhen nời theo dòng biếc,
Việc thế lao xao rụng lá hồng;
Danh lợi mắc vào khôn gỡ chóng,
Nào hay đi lại cũng là không.

春盡
Xuân tận

惜春連日醉昏昏
Tích xuân liên nhật túy hôn hôn,
醒後衣裳見酒痕
Tỉnh hậu y thường kiến tửu ngân;
細水浮花歸別浦
Tế thủy phù hoa qui biệt phố,
斷雲含雨入孤村
Đoạn vân hàm vũ nhập cô thôn;
人閒易得芳辰恨
Nhân nhàn di đắc phương thời hận,
北向難招自古魂
Bắc hướng nan chiêu tự cổ hồn;
漸愧流鶯相厚意
Tàn quý lưu oanh tương hậu ý,
惆悵猶爲別西園
Thương thần do vị biệt tây viên.

Thương xuân chẳng mấy bữa không
say,

Tình dây hơi men áo hầy rầy;
Nước xuống ngòi xa, cánh thắm nổi,
Mây về xóm lẻ hạt châu đầy;
Bán-hắn tiếc cảnh nhân khi rồi,
Quạnh-quẽ viếng ai ở đất này;
Thẹn với con oanh tình ở hậu,
Hầy còn buổi sớm thấy vườn tây.

九日齊山登高
Cửu nhật Tề-sơn đăng cao

江涵秋影鴈初飛
Giang hàm thu ảnh nhạn sơ phi,
興客攜壺上翠微
Ứng khách攜壺上翠微
Dữ khách huề hồ thưởng thúy-vi;
塵世難逢開口笑
Trần-thế nan phùng khai khẩu tiếu,
菊花須插滿頭歸
Cúc hoa tu sấp mãn đầu qui;
但將酩酊酬佳節
Đãn tương đình đình thù giai tiết,
不用登臨嘆落暉
Bất dụng đăng lâm than lạc huy;
古往今來只如此
Cổ vãng kim lai chỉ như thử,
牛山何必淚沾衣
Ngưu-sơn hà tất lệ chiêm y.

Nhận liệng trời thu bóng nước sâu,
Lên non dan-diu rượu nghiêng bầu;
Ở đời mấy lúc nên vui miệng,
Hải cù âu ta hầy giắt đầu;
Xin cạn chén son vầy tiệc gấm,
Bao nải vầng thắm ngả cành dâu;
Xưa nay vinh tụy là đường ấy,
Mặc khách Ngưu-sơn thấm giọt châu.

長洲懷古

Trương-châu hoài cổ

野煉空原盡荻灰
Dã luyện không nguyên tận địch hồi,
吳王此地有樓臺
Ngô vương thử địa hữu lâu đài;
千年事在人何在
Thiên-niên sự vãng nhân hà tại,
半夜月明潮自來
Bán dạ nguyệt minh trào tự lai;
白鳥影從江樹沒
Bạch diều ảnh tùng giang thụ một,
青猿聲入楚雲哀
Thanh viên thanh nhập Sở vân ai;
停車日晚薦蘋藻
Đình xa nhật vãn tiến tần tảo,
風靜寒塘花正開
Phong tĩnh hàn đường hoa chính khai.

Lửa cháy đồng không cỏ hóa tro,
Này đây diện cũ của vua Ngô;
Nghìn năm truyện trước người hiu-
quạnh,
Mảnh nguyệt đêm khuya bóng nhấp-
nhỏ;
Khuất-khoảnh bóng chim trong bãi
rậm,
Xót-xa tiếng vượn chốn mây mù;
Dừng xe viếng cảnh vài tuần nhật,
Giò dậu cảnh sương nhị nở đua.

貧女

Bần-nữ

蓬門未識綺羅香
Bồng môn vị thức y la hương,
擬托良媒祇自傷
擬托良媒祇自傷
Nghĩ thác lương môi chỉ tự thương;

誰愛風流高格調
Thùy ái phong lưu cao cách điệu,
 共傷時勢儉梳粧
Cộng thương thời thế kiệm sơ trang ;
 敢將十指誇纖巧
Cảm tương thập chỉ khoa tiêm xảo,
 不把雙眉鬪畫長
Bất bả song mi đấu họa trường ;
 最恨年年壓金線
Tối hận niên-niên áp kim tuyến,
 爲他人作嫁衣裳
Vì tha nhân tác giá y thường.

Nhà đơn chi có giống the sa.
 Rấp nhẩn tin ong lại tủi hoa ;
 Chót tiếc phong-lưu nào chuộng đến,
 Khéo sao trang-sức hóa thương ra ;
 Dám khoe tay phượng chiều non
 mướt,
 Biếng vẽ mây ngài dạng thướt tha ;
 Giận nổi bấy lâu hoài chỉ thắm,
 Những may quần áo cười người ta.

曲江春望懷江南故人
Khúc-giang xuân vọng hoài
Giang-nam cố-nhân

杜若洲邊人未歸
Đỗ nhước châu biên nhân vị qui,
 水寒烟煖想柴扉
Thủy hàn yên noãn tưởng sài phi ;
 故園何處風吹柳
Cố viên hà xứ phong xuy liễu,
 新鴈南來雪滿衣
Tân nhạn nam lai tuyết mãn y ;
 目極思隨新草遍
Mục cực tứ tùy tân thảo biến,
 浪高書到海門稀
Lãng cao thư đáo hải môn hi ;
 此時愁望情多少
Thử thì sầu vọng tình đa thiểu,
 萬里春流遠釣磯
Vạn lý xuân lưu viễn diêu ky.

Bên sông cỏ ngát khách chưa về,
 Ấm lạnh cùng nhau chốn cửa tre ;
 Gió thổi vườn xuân cây mắt mẽ,

Sương pha dậm diễn nhận đầm đìa ;
 Dữ sóng nên thừa chuyện nhẩn-
 nhe ;
 Nhiều ít xiết bao buồn bã ấy,
 Dòng trong quanh lại cảnh Bàn-khê.

黃鶴樓
Hoàng-hạc lâu

昔人已乘黃鶴去
Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ,
 此地空餘黃鶴樓
Thử địa không dư hoàng hạc lâu ;
 黃鶴一去不復返
Hoàng-hạc nhất khứ bất phục phản,
 白雲千載空悠悠
Bạch vân thiên tải không du du ;
 晴川歷歷漢陽樹
Tình xuyên lịch-lịch Hán-dương thụ,
 芳草萋萋鸚鵡洲
Phương thảo thê thê Anh-vũ châu ;
 暮鄉關何處是
Nhật mộ hương quan hà xứ thị,
 烟波江上使人愁
Yên ba giang thượng sử nhân sầu.

Cưỡi mây người khác đã chơi đầu,
 Còn cảnh này đây Hạc một lâu ;
 Muôn dậm hạc vàng đã thăm-thăm,
 Nghìn năm mây trắng hãy phau-
 phau ;
 Cây Dương tha-thướt sông quanh-
 quất,
 Bến Vũ the-le cỏ rậm rầu ;
 Chẳng biết chừng nao xuân cảnh cũ,
 Nước mây bát-ngát nổi cơn sầu.

鵲雀樓
Quán-tước lâu

鵲雀樓西百尺檣
Quán tước lân tây bách xích tường,
 汀洲雲樹獨茫茫
Đình châu vân thụ độc mang-mang ;
 漢家簫鼓空流水
Hán gia tiêu cổ không lưu thủy,

魏國山河半夕陽
 Ngụy quốc sơn hà bán tịch dương;
 事去千年猶恨促
 Sự khứ thiên niên do hận súc,
 愁來一日即爲長
 Sầu lai nhất nhật tức vi trường;
 風烟併起思鄉望
 Phong yên tịnh khởi tư hương vọng,
 遠目非春亦自傷
 Viễn mục phi xuân diệc tự thương.

Buồm đậu lâu tây kéo cánh hoa,
 Cây mây mờ mịt bãi xa xa;
 Trống còi Vũ-đế theo dòng nước,
 Sông núi Văn-hầu ngã bóng tà;
 Việc trước trăm năm nghe mới đó,
 Buồn trong mấy khắc hóa dài ra;
 Gió đưa bát-ngát lòng quê cũ,
 Dẫu chẳng thương xuân cũng xót xa.

織女懷牽牛

Chức-nữ hoài Khiên-ngưu

北斗佳人雙淚流
 Bắc đẩu giai nhân song lệ lưu,
 眼牽情斷爲牽牛
 Nhân khiên tình đoạn vi Khiên-ngưu;
 封題錦字凝新思
 Phong đề cẩm tự ngưng tân tư,
 拋擲金梭織舊愁
 Phao trịch kim thoa chức cựu sầu;
 桂樹三千烟漠漠
 Quế thụ tam thiên yên mịch mịch,
 銀河一帶水悠悠
 Ngân-hà nhất dải thủy du-du;
 欲將心向仙郎說
 Dục tương tâm hướng tiên-lang
 說 thuyết.

惜問榆花早晚秋
 Tá vấn du hoa tảo vãn thu.

Mắt ngọc đôi hàng sái giọt châu,
 Mong trông ngao-ngân vị chàng Ngâu;
 Xếp bài chữ gấm xôn lòng nhớ,
 Gieo cái thoi vàng dệt mối sầu;
 Vầng quế mờ-mờ hơi khói nhạt,
 Đoành ngân vắng-vặc dải sông sâu;

Mong chàng dễ gỡ đường trò
 chuyện,
 Chẳng biết hoa thu nở chậm mau.

登萬歲樓

Đăng Vạn-tuế lâu

高樓獨上思依依
 Cao lâu độc thượng tư y y,
 極浦遙山合翠微
 Cực phổ dao sơn hợp thủy vi;
 江客不堪頻北望
 Giang khách bất kham tần bắc vọng,
 驚鴻何事復南飛
 Kinh hồng hà sự phục nam phi.
 丹陽古渡寒烟積
 Đan-dương cổ độ hàn yên tích,
 瓜步空洲遠樹稀
 Qua-bộ không-châu viễn thụ hy;
 聞道王師猶轉戰
 Văn đạo vương sư do chuyển-chiến,
 誰能談笑解重圍
 Thùy năng đàm tiếu giải trùng vi;
 登樓上見
 Lên lầu thấy cảnh trạnh niêm tây,
 水色綠非新
 Nước biếc non xanh một sắc vầy;
 客心悲
 Khách đã biếng trông trời bắc bụi,
 鴻雁南飛
 Hồng sao còn liệng ải nam bay;
 丹陽古渡
 Bến đò Liên-cốc lơ-mờ khói,
 寒烟積
 Cảnh bãi Qua-châu loáng-thoáng
 cây;
 瓜步空洲
 Nghe truyện quân ta xô-xát giặc,
 遠樹稀
 Ai đem chước sách cời lần vầy.

和賈舍人早朝大明宮

Họa Giả xá-nhân tảo triều

Đại-minh cung

鷄鳴紫陌曙光寒
 Kê minh tử mạch曙 quang hàn,
 鶯轉皇州春色闌
 Ưng chuyển hoàng-châu xuân sắc lan;
 金闕曉鐘開萬戶
 Kim-khuyết hiều chung khai vạn hộ,
 玉階仙仗擁千官
 Ngọc giai tiên trượng ủng thiên quan;

蓮花幕下風流客
Liên hoa mạc hạ phong lưu khách,
試與溫存遣逐情
Thi dĩ ôn tồn khiễn trục tình.

Mượn chén làm khuấy đa ngân-ngơ,
Có ai đã được lúc say sưa;
Xuân về sườn núi rầu rầu liễu.
Trời sáng bên thuyền phún phún
mưa;
Cánh nhạn bay khơi buồn dậm
khách.

Tiếng oanh gọi vói ghẹo lòng thơ;
Nhấn nhẹ dưới trướng người thông-
thả,
Miễn đến tình xa chút tiền đưa.

貧女吟

Bần-nữ ngâm

殘粧滿面淚闌干
Tàn trang mãn diện lệ lan-can,
幾許幽情欲話難
Kỷ hử u-tình dục thoại nan;
雲髻懶梳愁柝鳳
Vân kết lân sơ sầu tích phượng,
翠蛾羞照恐驚鸞
Thúy nga tu chiếu khủng kinh loan;
南鄰送女初鳴珮
Nam lân tống nữ sơ minh bội,
北里迎妻已夢闌
Bắc lý nghinh thê dĩ mộng lan;
惟有深閨憔悴質
Duy hữu thâm khuê tiêu tụy chất,
年年長凭繡床看
Niên-niên trường bình tú sàng khan.

Ủ-ê nét mặt hạt châu rơi,
Mấy đoạn tình riêng ngượng-ngập
lời;

Buồn phượng chia đôi đầu biếng
chải,
Thẹn loan lẻ một bóng khôn soi;
Mãi nam: gái gả vừa trao ngọc,
Xóm bắc dân đưa sớm nẩy chồi;
Còn một ai đây buông vắng vẻ,
Bấy lân tựa ghế ngân-ngơ coi.

悼古

Diệu cổ

細推今古事堪愁
Tế suy kim cổ sự kham sầu,
貴賤同歸土一丘
Quý tiện đồng qui thổ nhất khâu;
漢武玉堂人豈在
Hán Vũ ngọc đường nhân khởi tại,
石家金谷水空流
Thạch gia kim cốc thủy không lưu;
光陰自旦還將暮
Quang âm tự đán hoàn tương mộ,
草木從春又到秋
Thảo mộc tùng xuân hựu đáo thu;
世事與時俱不了
Thế sự dĩ thời câu bất liễu,
且將身暫醉鄉遊
Thả tương thân tạm túy hương
du.

Tình đem sự cũ nghĩ mà buồn,
Đi lại sang hèn một đồng chôn;
Thềm ngọc vua Lưu người vắng
quạnh,
Hang vàng họ Thạch nước trôi mòn;
Trời qua buổi sớm rồi chiều tối,
Cây hết mùa tươi lại héo hơn;
Lo việc ở đời bao xiết hết,
Hãy cùng làng rượu tiệc mâm son.

QUẢNG-NGÃI TỈNH CHÍ (1)

廣義省誌

V

V. — Bình-bị

Trước khi Cộng-sân, bình-thường thì ở tỉnh-thành có một đồn chánh Khố-xanh do quan Giám-binh đốc-suất; ở Bình-sơn có đồn Tri-bình, ở Ba-tơ có đồn Ba-tơ, ở Minh-long cũng có một đồn, nhưng lâm-thời như có Mọi làm nghịch, mới sai lính tỉnh lên gác.

Khi Cộng-sân nổi lên thì có lính thuộc-địa, kể đến lính Lê-duyên. Khi ấy tùy theo chỗ đặt thêm đồn, nhưng đó là để đối-phó trong lúc khó-khăn không kể, hiện-thời có hai ngạch lính:

Lính thuộc-địa và lính khố-xanh.

Lính thuộc-địa chia làm hai hạng, lính tây và lính khố-dỏ Bắc-kỳ.

Lính thuộc-địa ở tỉnh-thành có một đồn chánh, do một quan Tư đốc-suất, ở Sơn-tĩnh có đồn Phú-nhân và ở Mộ-đức có đồn Mộ-đức và đồn Phú-lộc.

Về lính khố-xanh thì ở tỉnh-thành có một đồn chánh có quan Giám-binh, còn ở các phủ, huyện và hạt Mọi có 16 đồn quan Mọi.

Bình-sơn có bốn đồn: Tri-bình, Lê-thủy, Châu-me-dông và Cầu-cháy.

Sơn-tĩnh có hai đồn: An-bình và Hòa-bân.

Tur-nghĩa có hai đồn: Thu-xà và Mĩ-thạnh.

Nghĩa-hành có một đồn: Phú-vang.

Mộ-đức có một đồn: Trung-hòa.

Đức-phổ có hai đồn: Đức-phổ và Sa-huỳnh.

Minh-long có một đồn: Minh-long.

Ba-tơ có hai đồn: Ba-tơ và Mang-dốc.

Sơn-hà có một đồn: Sơn-hà.

Số lính cộng tất cả là 346 tên.

VI. — Mọi

Trên miền Thượng-du có bốn giống Mọi; thuộc về núi cao có hai giống không chịu thuế là:

1° Mọi Bờ-nám. — Nó thường bận áo bằng vỏ cây, làm rẫy ăn, không có ruộng. Ở xứ Mọi ấy có thứ quế gọi là quế Bờ-nám tốt nhất, nhưng khó tìm được.

2° Mọi Cà-dung. — Mọi này ở trên tổng Sơn-trung, hạt Sơn-hà, cũng làm nghề rẫy ăn, không có ruộng. Các năm trước, tục nó thường đến tháng năm làm rẫy rồi rủ nhau xuống mọi Tua (là mọi Trà-bồng) bắt mạng dân đem về cho chuộc, kêu rằng đi làm rẫy, đến tháng sáu trở về làm, có lúa rẫy không đi nữa.

Hai giống mọi này khi trước thường hay đánh cướp các miền điền-sơn; nhưng nay nhờ có lính khố-xanh hay đi tuần, chúng nó phải sợ mà ở yên. Ta đã coi trong chương lịch-sử khi trước có đắp một cái thành Mọi để ngự chúng nó. Từ ấy đến nay lần lần mà tiệm-bình và số làng Mọi chịu thuế càng ngày càng nhiều. Gần đây cũng sinh ra một sự bất người, nhưng tưởng rằng chúng nó có điều bất-bình mà chúng nó theo tục-lệ nên làm như vậy.

Còn trong bốn đồn Mọi của ta cai-trị, thì chia ra sáu cơ và hai giống.

1. — Mọi ba đồn Sơn-hà Ba-tơ Minh-long thuộc về một giống gọi là Mọi Chòm hay là Mọi Đồng, vì chúng nó ở dưới

(1) Xem Nam-Phong từ số 181.

đồng bằng từng chòm từng xóm. Mọi này đều mài răng hàm trên cả, nhưng nó lại để tóc dài đến già mới hớt.

2. — Mọi đồn Trà-bồng thuộc về giống khác, gọi là mọi Cua hay mọi Trầu. Mọi này ở dựa sườn núi mà trồng trầu nhiều, nên gọi là mọi Trầu, trai gái đều xỏ hai lỗ tai, tóc thì hớt, nhưng để hai bên tai hai miếng.

Phong-tục

Mọi có tên không có họ ; chúng ta thường gọi Đinh Đoan, Đinh Tụ, chữ Đinh là của ta đặt ra, chúng nó không có. Chúng nó thường kể đêm không kể ngày, một lần cắt tóc là một tuổi ; không có văn-tự gút giấy để nhớ. Nếu ai có làm điều gì thiệt-hại nó mà trong lúc còn sống nó trả thù không được thì nó gút giấy đề trên mái nhà cho con cháu nhớ mà báo thù : tục ta thường gọi là « mọi thắt gút ».

Lúa thì làm chòi đề ngoài đồng, của thì đào hầm chôn trên núi, nhưng ít trộm cướp lẫn nhau, nghèo khổ cũng không ăn xin, không biết cờ bạc, không có tệ thông-gian cũng là một thói tốt. Đau không uống thuốc, coi dò gà xấu tốt làm heo trâu cũng chữa, thế mà chúng nó cũng cho là hiệu-nghiệm mãi ; trải qua mấy thế-kỷ mà tộc-loại cũng giữ được đông và cường-tráng.

Phàm việc gì cũng coi dò gà định tốt xấu, dò trỏ thế nào cũng phải theo, thậm-chi nhà đương ở mà bảo dờn cũng phải dờn. Ở Trà-bồng mỗi sách mọi Trầu có đặt một hai tên « Già-làng » để chuyên nghề coi dò đoán định. Thế trong một sách mọi về phương-châm-ngự-vũ, dưỡn-gsinh cũng đủ pháp-thuật cho chúng nó trị-an bảo-vệ, chỉ vì chúng nó ăn ở lẫn-lộn với súc-vật dơ-dớp, thô-tục và hủ-lậu, trải qua mấy trăm năm không sai-di lẫn-bộ chút nào.

Tinh-khi

Hai giống mọi Chòm và mọi Trầu tinh-khi và ngôn-ngữ có khác nhau, còn về sự sinh-hoạt và cư-xử cũng tương-tự cả.

Mọi Chòm tinh-chất hung dữ, tục-truyền là mọi « Đá-vách » ra.

Nghiệm một việc này thì biết chúng nó can-dâm là dường nào. Trẻ con đến mười-bốn mười-lăm tuổi rủ nhau lấy lưới giáo đâm bắt dúi bên kia thau bên nọ, hay là lấy lửa than đề trên dúi, cầm roi đập lộn nhau, dứa nào chịu được là giỏi, không chịu được là hư.

Mọi Trầu thuần hơn, ứng đối lễ-phép, ít dứa hung-bạo, nhưng cũng không nhu-nhược.

Nói chung lại thì chúng nó thường tập việc đánh đâm, đi đâu không bỏ cái giáo, trong mình không rời cái « xen » như cái lưới giáo. Khi thường nó ở nhỏ dễ thương, khi có việc kêu-ngạo khó hóa, dạy điều lành thì khó, nói điều dữ thì ưng (như rủ đánh đâm), có việc gì góp binh đánh nhau, kêu là đánh giặc, nhưng cũng như người An-Nam đánh lộn, về việc góp binh thì trong một giờ đồng-hồ nó có binh trăm, tục đánh nhau khi mờ sáng đến mặt trời mọc hơn thua cũng thôi.

Về ngôn-ngữ thì hai giống mọi không hiểu nhau được : như mọi Chòm kêu trời là « trước », đất là « xưng » ; còn mọi Trầu thì kêu trời là « dền », đất là « bi-di ».

Việc sinh-lý của Mọi

Mọi lấy việc nông làm gốc, nhưng khi nào rảnh cũng có đi buôn. Như trong sách có đời dứa nghèo đến dứa giàu hỏi những chính, ché nời đem dôi cho dứa chưa có để kiếm lời mà lấy công, đem về chi độ trong lúc đói, không phải chuyên-nghiệp như người An-Nam. Ở miền Thượng-du nay có lập chợ cho chúng buôn bán. Mỗi khi đến chợ chúng nó công sản-vật như mây, cau, mật, quế, v. v., để dôi cho người An-nam lấy nời, dao, mác, áo, quần, gà và đồ ăn, chớ không dùng tiền, nhưng dôi chỉ theo hóa-hạng và giá nhất định. Nghề nông của Mọi phải tùy theo thổ-nghi, mọi nào có ruộng đất nhiều như ở đất thấp « mọi Chòm » thời chuyên nghề cấy lúa, một

năm hai mùa, tháng ba và tháng tám. Mọi nào ở núi cao gành đá cheo-leo, rừng-rú sẫm-uất như mọi Trầu thì một ít cũng cây cấy được hai mùa còn tất cả là làm ruộng hỏa-diễn « đất rẫy » trồng lúa, bắp, trầu, chè, quế. . . , nên mỗi khi lúa hỏa-diễn tồn-thất là phải chịu đói.

Nghề nông của Mọi

Khi cây cấy rồi thì cứ tháo nước vào lúa, đến khi lúa chín gặt ăn, không biết làm cỏ vãi phân như người An-Nam. Chúng nó nói ông bà nó xưa không làm, nên không dám làm, vì vậy nên lúa, có cây mà ít có hạt. Tục mọi cứ bừa lúa nên chúng nó không làm lúa gieo, vì lúa gieo phải bừa, chỗ đất làm đó có đừa ông bà để lại, có đừa tự khai-khẩn lấy.

Gần đây các mọi ở kể Trung-châu đã tập theo gương người An-nam làm cỏ vãi phân, kết-quả cũng đủ khuyến-khích chúng nó. Về cách làm hỏa-diễn, thì chúng nó lựa một chỗ đất tốt, phát cây cỏ, ít lâu cho cây khô, chất lửa đốt, rồi moi lỗ tĩa lúa, bắp, nhất dây khoai, để vậy đến khi lúa chín, khoai lớn, không sần-sóc chi cả. Tuy không bỏ phân, nhưng cái tro cây lá cũng làm cho đất tốt được ít mùa. Rồi chỗ này xấu bỏ đi, đốt chỗ khác.

Mọi Chòm tỉnh ưa nuôi trâu, đừa giàu đến hai ba chục con, đừa nghèo hai ba con; nhưng thích nuôi trâu cái hơn, vì chúng nó mong cái lợi sinh-sản để đổi nôi, ché, chinh làm của báu trong nhà. Mọi Trầu không nuôi trâu, khi nào có khẩn vái sự gì làm trâu mới đổi của người An-Nam.

Giàu hơn thì có mọi Cơ-nhứt, Cơ-nhi, Cơ-ba. Vừa đủ dùng thì có mọi Cơ-tư, Cơ-năm. Còn nghèo hơn là mọi Cơ-sáu Trà-bồng, vì chúng nó ít ruộng đất.

Nhà cửa

Về mọi Chòm đừa nào giàu thì ở nhà đến mười gian hoặc là hai-mười gian, gian

ấy bề ngang ước chừng một thước rưỡi tây, cao chừng ba thước, trên lợp bằng tranh, bốn phía dùng tre cột dày hay là bện tre và kẹp tranh; trong có làm một cái sạp, từ sạp xuống đất độ thước hai tây. Mỗi gian chứa một cái cửa, mỗi cửa có một cái bếp, nằm ngủ dút chân vào bếp, người ở trên, súc-vật ở dưới.

Còn về mọi Trầu Trà-bồng thì một sách chỉ có một nhà hoặc hai ba nhà. Nhà làm cao ước mười thước dư, bề rộng độ ba thước, bề dài tùy theo số người ở nhiều ít, chúng nó thường ở một trăm bảy tám chục người một cái nhà, chia làm bảy tám chục gian và cũng có sạp như Mọi trên. Nhưng có điều này là tốt, ở chung như vậy cả vợ con có tới ba bốn trăm người mà không phải là tộc-thuộc, vậy mà không khi nào rầy cãi nhau. Ở giữa hai gian có chừa đường đi, hai đầu gian có chừa hai cái cửa, mỗi cửa có một cái thang để lên xuống. Người ở trên súc-vật ở dưới. Hai đầu chái có làm sạp để cối giã gạo và để ra đó làm việc như vót mảy đan đồ vắn vắn.

Áo quần

Con trai vắn khổ hay vắn cái băng, con gái bận chần đều có dây lưng để cột.

Nay mọi giàu thường mua đồ cô-y, hàng sô-xanh, khăn sa, nón Bình-dịnh, đến buôn bán chợ chẳng khác gì người An-nam. Mỗi khi đến đồn hầu việc quan thì đem quần áo đến ngõ mới bận vô, khi về ra đến ngõ rồi cởi ra. Chuộng cái dăm-man rừng núi hơn cái văn-minh Trung-châu, và chỉ dùng cái văn-minh Trung-châu để đổi với người Trung-châu mà thôi. Chúng nó tính ưa ở trần ở lỗ, chỉ bận một cái khổ. Khi nào đánh giặc hay có lễ đâm trâu như mọi Trầu mới bận đồ tốt.

Chúng nó có áo lễ như áo « gia-sa » nhà Phật nhuộm sắc xanh để bận khi cúng tế hay khi tiếp rước các quan.

Về đồ nữ-trang thì chúng nó ưa đeo chuỗi hạt, cườm tím và kiềng-bạc, lấy làm tốt lắm.

Ăn uống

Mọi không dùng chén dĩa, chỉ lấy ba ngón tay bốc mà thôi; nhưng bây giờ cũng có một ít đã bắt chước người mình dùng chén dĩa. Chúng nó háo rượu cá mận và mùi lăm; còn thịt trâu thịt dê và các thứ thịt khác đều nấu hoặc nướng chín mới ăn chứ không ăn sống.

Tin-ước

Dân Mọi tinh ngu ngoan, có dạy mà ít ham học. Khi mua bán hay đòi chác ruộng đất gì, nó mời mọi trong làng đến, việc nhỏ bầy uống rượu, việc lớn ăn heo dê làm chứng cho biết ruộng ấy mua bao nhiêu hăng, thực hay là mả, rồi về cha nói với con, con nói với cháu, đời này qua đời kia, ít khi sai-ngoại. Tuy rằng dã-man mà giữ-gìn lời nói như thế cũng đáng khen thay.

Nếu trong sách có dứa nào có lỗi, như trai gái thông-gian mà không chịu tình, thì những mọi Tù-trưởng trong sách « bắt nhút » nghĩa là như bắt vạ dưới ta; dứa mọi ấy hiết lỗi chịu phạt hoặc heo trâu đem ra bến sông chõ rộng-rãi nhóm nhau làm ăn rồi huê, sau không ai được nói đến nữa, nếu người nào dặt lại thời phải bị phạt.

Khi dựng

Đàn ông tập dùng ná, giáo dài lưỡi, dễ đi săn bắn. Mọi thiện-nghệ nghề cung tên lắm, bắn ít khi trật, cái ná chúng ta lên hai tay không nổi mà chúng nó lên một tay như chơi. Chúng nó lại đan tre làm đồ đựng lúa gạo, bắp, vắn vắn, đan mây làm cái khiên để đỡ tên nhọn mũi giáo khi đánh giặc, làm xà-lắc để chứa đồ ăn đi dẫu công theo vai, lên núi xuống gành tiện lợi, không gánh gồng như ta.

Đàn-bà thì dùng xa dẹt vải và xa kéo sợi cũng như người An-nam, chỉ khác là chúng nó dùng thoi bằng tre và chỉ dẹt thành chần, khổ, chứ không dẹt thành cây, nhưng xem cũng có một ít mỹ-nghệ.

Về cách vận-tải trên nước thì chúng nó đục cây làm ghe, ghe ấy nhỏ, hai đầu nhọn, dưới có đường sông chèo chống lạch lẹ lắm, người An-nam không chống ghe ấy được.

Cưới gả

Khi con còn nhỏ, mọi đã hứa nhau làm suôi rồi, nhưng cũng lựa cho xứng nhà, cân tuổi và trai gái cho ưng nhau. Khi hứa rồi thì nhà trai nhà gái đem lễ-vật cho nhau, có việc gì cũng giúp đỡ nhau.

Đến khi con lớn, coi giò gà định ngày cưới, rồi bên trai qua bên gái hẹn ngày sinh-ký.

Ngày cưới không có lễ-vật gì, chỉ nhà trai tới nhà gái ăn uống, còn bà con chòm xóm tới cho một con gà để làm ăn uống rượu cho vui, không cúng tế gì. Ăn uống xong rồi, cách một vài ngày, hai bên cha mẹ nhóm nhau lại làm gà coi giò, giò chỉ hai vợ chồng về nhà trai thì cứ về nhà trai, giò chỉ về nhà gái thì cứ về nhà gái, khi về vợ chồng cùng nhau đi không có ai nghênh-tiếp.

Về nhà bày một chiếc chiếu mới, vợ chồng ngồi chung, có hai cái chén gọi là « chén cử », rót rượu ngó nghiêng mà đưa cho nhau uống, và đưa trâu ăn, chớ không ngó chính. Cha mẹ có cho riêng một cái nồi gọi là « nồi ải » nấu ăn chung. Chén nồi ấy sau cất kỹ chứ không dùng nữa, như để bỏ phải chia chén. Khi ngủ có một hai dứa nhỏ nằm giữa, như thế một vài tháng, khi nào bó giò gà bảo thôi mới thôi.

Bà con mà lấy nhau thì chúng nó bị bạc lăm, đem một cái chậu đựng đồ heo ăn rồi, đan một cái lồng, nhốt hai dứa có lỗi ấy phạt bò rúc ra ăn.

Tục mọi ngày xưa không cưới gả với An-nam, nhưng gần đây đã thông hôn-thú rồi, người An-nam lên buôn bán đã cưới vợ mọi, như ở đồn Ba-tơ có người An-nam lên cưới đến hai ba người vợ Mọi.

Sinh đẻ

Mọi đẻ cách bốn năm ngày thì dậy đi làm, còn người chồng thì trong cữ không đi làm và không nói năng gì, đến khi nào đứa con rụng rốn mới hết cữ.

Tục mọi đẻ con chỉ cho bú đến khi con biết nói biết ăn mới cho ăn. Đàn bà có con nhỏ, đi đâu cũng công theo, cấy gặt thì treo trên ngành cây, khi con lớn biết bò thì lấy dây cột ngang lưng để tập bập bẹ.

Lễ tang

Mọi cũng có bà con anh em, nhưng cha mẹ đẻ và cha mẹ vợ kêu chung một tiếng « vá mị » ; ông bà bên nội bên ngoại kêu chung một tiếng « Vọt giá » ; anh em bên nào cũng kêu là « ô rạ » ; chú bác cô dì dượng cậu đều kêu là « ủy-rịch », không có gia-tộc truyền-kế cũng không phục tang như người An-nam.

Cha mẹ có của cải, đến già, chia gia-tài cho con, trai gái đều đồng nhau. Cha mẹ cũng một phần, nhưng đứa con đầu và con út và đứa con nào có ơn với cha mẹ thì chia cho hậu hơn. Chia rồi thì ăn riêng cả, đến khi cha mẹ chết thì lấy phần của cha mẹ mà chôn cất, nếu của ấy còn dư thì chia cho người chết và chia chung với nhau.

Các mọi giàu đến khi già, lựa cây tốt làm cái quan, trong đục trống vừa một người nằm, hai đầu đeo nhọn, giữa để lớn hình như chiếc ghe.

Khi liệm cũng dùng vải nhưng chưa trống từ ngực lên mặt, bao nhiêu rượu khách điếu đều đổ vào miệng cho uống. Con ngồi hai bên dòm vào mà khóc, Mọi có tục đến khóc dùm, còn chủ nhà còn phải làm trâu heo để đãi khách ; khi khiêng ra thì hết khóc. Đứa giàu để ba bốn ngày, đứa nghèo một hai ngày. Khi chôn thì khiêng chân đi trước, vì sợ con ma ngó lại, trong nhà sinh ra tật-bệnh, nắp hòm đến huyết mới đầy. Trước khi khiêng ra, thân-thiết như cha con anh em đến lấy vải, liệm trong hòm, xé mỗi đứa

mỗi thước bịt lên đầu, hồi thối nó cũng chịu được. Phần gia-tài chia cho người chết, như nồi, ché, chén, đĩa, và các vật của cha mẹ dùng khi sống, đều đem theo, đồ tốt chôn dưới đất, đồ xấu bỏ trên. Nồi ché đều đồng đáy cả, vì sợ đứa khác lấy, cũng có chia phần thịt cho người chết, khi thì một hai đùi, khi thì nửa con đem treo hai bên mả.

Có hai cách chôn, chôn phù và chôn trầm. Từ phía nam mọi Cơ-ba đều chôn phù, nghĩa là đóng hai cây cọc tre, gác cái quan lên, trên nắp có hai cây dè. Còn từ phía bắc mọi Cơ-nhất đều chôn trầm, nghĩa là chôn dưới đất, nhưng đều chôn tại chỗ đất ông bà chôn ngày trước, cổ cây sầm-uất mà không dám đốn chặt. Chúng nó sợ nhất là bệnh hồ-dáo, bệnh đậu, chết khiêng chôn liền rồi bỏ chạy về không dám trở lại, vì sợ truyền-nhiễm.

Tế-tự

Về việc cúng tế thì Mọi lấy trời làm mản, lấy đất làm chiếu, tùy chỗ nó làm cái giàng vót cây cắm bốn phía, sắp rượu thịt lên, có « Bàu dàu » làm thầy cúng nghĩa là cứ dùng vải hoai độ hai giờ đồng-hồ mới lễ tất, vải sơn-xuyến quí-thần và vải « Thần-nông Hậu-tắc Trấn-bắc xứ xang », chứ không vải ông bà. Người chủ cầm đuốc hay lò lửa đứng lên, đuốc để dùng khi ban đêm ; mỗi khi gieo mạ, cấy lúa, gặt lúa mới, đều coi giò chọn ngày tốt, giàu cúng heo, nghèo cúng gà. Như lúa bị sâu ăn hoặc bị thủy-hoạn, trồng cây tật-bệnh, bị cọp bắt, bị quan giam về dặng, đều coi giò làm trâu gà cúng để trừ các việc ấy.

Ngày tết

Thường năm đến tháng giêng tháng hai An-Nam thì Mọi ăn tết, nhưng ăn tùy nhà, giàu làm heo, nghèo làm gà, nấu rượu gói bánh đem ra chuồng trâu cúng, rồi cả Mọi trong làng lớn nhỏ, già trẻ bập đồ tốt tề-tụ đến ăn uống no say, đánh nhạc ca hát, thay phiên thay nhà nọ đến nhà kia chừng trong một tháng mới giáp quận, thế là hết

tết. Giống mọi Trầu lại có lễ đâm trâu là đặc-biệt, nhà nào có người đau hay là kỳ-nguyện sự gì mà khẩn cúng trâu thì trước phải mua một con trâu để nuôi tại chuồng ba bốn tháng rồi mới bó giò gà định ngày cúng. Chúng nó trồng một cây nêu trên có chạm-trổ, rồi đem con trâu cột vào, tất cả Mọi trong nhà trai gái mặc áo quần tốt, cầm chiêng trống đi vòng chung quanh con trâu, vừa đi vừa khấn vái, khi đi khi nghỉ gọi là đi « cà-dau ».

Qua ngày sau, đưa Mọi chủ về việc tế đó, cầm cái giáo nhỏ đâm con trâu một chút để làm phép, rồi Mọi khác xúm đâm con trâu ấy ngã xuống, lấy lòng trâu và thịt trâu cúng lại. Lễ ấy các sách Mọi khác không có.

Nhạc-khi

Mọi giàu thường sắm một bộ đồ nhạc như là chiêng lớn nhỏ bốn cái, lấy tay đánh, một cái dờn làm bằng nửa trái dừa như cái gáo có cán tre và hai sợi dây thau, và hai cái ống sáo bằng tre. Mỗi khi tết hay là lễ mừng, hội hè, uống rượu đánh nhạc ca xướng, lấy làm vui thích lắm.

Kiên cữ

Mỗi lần gieo mạ, phát rẫy, lập vườn, làm nhà mới, gặt lúa mới, mọi có tục cữ ba ngày không cho ai tới cả ; người nào phạm cữ, nó bắt « nhút » nghĩa là bắt phạt. Chỗ cúng tế nhất-thiết cấm, ai phạm lễ ấy phải bồi lễ lại. Chấn nôi cho lúc cưới gả và đồ của cha mẹ để lại, đều là của cữ, cất riêng không khi nào dùng đến, dù có nghèo cũng không bán.

Lúc mới gặt lúa về, đập hạt, trước phải lo kinh ông thầy « man-sur », chưa dám ăn cũng không dám trả công cho người làm. Lúa gặt về phải chia làm hai thứ : Lúa giống lấy tay suốt, không dám đập chân vì nó sợ lúa mất hồn, gieo không mọc, lúa ăn đập chân, còn gạo thì dùng cối giã không biết xay.

Xử kiện

Dân Mọi đi kiện cũng như người An-Nam, phạm họ, hôn, diên, thổ, án mạng,

đều phải đòi hai bên tới đương-diện hỏi và cho hai bên đối miệng với nhau, quan nghe lý ấy, rồi nói việc phải trái cho nghe, xong rồi định giá bồi-thường ; nhưng có việc phải xử bên kia phạt một ít, bên nọ phạt một ít, như đũa kia quấy, phạt cho đũa nọ ba cái nôi bầy, còn đũa nọ cũng cho đũa kia một cái nôi ba, như vậy mới xong, nếu không thì không khi nào yên được. Cũng có việc không xác-cứ và không tang-trạng thời phải theo tục Mọi mà xử-đoán, có mấy phép sau này :

1° — Bói giò gà chỉ đũa nào phải ; đũa nào trái.

2° — Lặn nước, đũa nào lên trước và ra máu mũi là gian, đũa nào lên sau không ra máu mũi là thực.

3° — Bốc chai, bỏ chai trong một cái nôi và lá da, lá bìm-bìm chọn chung với nhau, nấu cho sôi rồi nhúng tay vào nôi ấy, đũa nào bị phỏng là gian, đũa nào không bị phỏng là thực.

Hễ phía nào gian thời tùy việc mà chịu phạt. Nhưng nay có đồn, các việc tế-tự, hôn-lễ, diên-thổ chúng nó cứ đến đồn kiện, hễ đòi nó tới xét, nó làm gà coi giò, giò tốt thì đi hầu, giò xấu thì nó trốn. Xử việc xong rồi lại có phép giao-thệ, mỗi bên phải sắm một chai rượu, một con gà, một khoen-sét, một cái lưỡi xuống nhỏ và một hạt gạo, vái thề với nhau, tục gọi là « Bỏ-đổ bỏ-ngắt » rồi uống rượu hòa-hu, việc lờn như án-mạng thì hai bên phải mua một con heo và rượu, mời hàng xóm đến thi-hành, xẻ con heo ấy ra lấy huyết hòa rượu, hai bên đồng thề với nhau rằng : Việc ấy đã xong rồi, đũa nào còn sinh-sự, bị cọp bắt, chó dại cắn, voi chà, bị quan bắt, bị mọi hoang dân, bị thời-chứng và bị thiên-ba-đậu, rồi hai bên đều uống rượu hòa huyết ấy, xẻ con heo ra từ đầu tới đuôi chia làm hai, mỗi đũa lấy nửa đem về.

Chúng nó lại có tục « căn-cửu », như mọi kia có lỗi với mọi nọ mà không chịu tính, thì mọi nọ lên nhờ cối « cối giã-gạo »

bỏ nhà chạy, xuống bắt mạng dân, dâm người, mục-dịch là để cho quan bắt mọi kia tính cho mau. Đối với mọi, quan cũng có thể dùng tục cần-cửu ấy, như là có bọn mọi nào đánh cướp tìm không ra cứ bắt mọi địa-phận bồi-thường. thì bọn nó phải đi tìm cho ra đề tra của lại cho nó.

VII — Tổng-luận

Xét theo lịch-sử Mọi, tình-thế hiện-trạng và tính chất Mọi, chúng ta có thể đoán rằng: Chúng nó một ngày kia có thể khai hóa, thấm-nhiễm được cái văn-minh trung-châu, bỏ cái lậu-tục mấy trăm năm, thay cung-thĩ mà theo nền lễ-nghi được chăng? Theo lịch-sử thì chúng nó cũng đã bước một bước khá dài. Trước kia hay đánh cướp các làng An-Nam, dân ta trải qua mấy mươi đời đối-phó với chúng nó không phải là ít. Gần đây lại thêm có cái ảnh-hưởng của Nhà-nước Bảo-hộ nữa, nên chúng nó đã sợ mà phục-tùng ở dưới pháp-luật Triều-dinh cùng mệnh-lệnh nhà-nước Bảo-hộ.

Xét về hiện-trạng thì mọi Quảng-ngãi phần nhiều đã biết theo lối ăn-mặc An-Nam, biết bắt-chước theo cách cây-cây ở Trung-châu, biết nói tiếng An-Nam; lâu nay những người An-Nam lên buôn-bán với mọi, hai bên tình-ý đã quen-thuộc, đến sự hôn-thú là sự rất khó mà bây giờ cũng đã thông-hôn với nhau; trên mọi cũng đã lập ra nhà trường, có một số học-trò mọi học lẫn với dân An-Nam và biết đọc chữ quốc-ngữ.

Xét về tính-tình, thời tuy nhiều đũa hung-hãn là cái biệt-linh của dân-tộc ở nơi sơn-khê, có hung-hãn thế mới chống-cự với thú dữ rắn độc, từng trải với núi cao rừng rậm được, nhưng tự-trung cũng giàu tấm lòng thành-thật và nét hiền-từ, có thể lấy lễ-ngĩa mà khai-hóa.

Chúng ta thử xem như ông Bùi Tá-Hán, ông Lê Văn-Duyệt, ông Nguyễn Tấn là mấy tay đẹp Mọi và có công khai-hóa cho

Mọi mà đến ngày nay chúng nó còn kinh sợ, còn thờ-phượng, tất cả những Mọi khứng-tể cũng khấn tới hủy-hiệu của ông, đầu tiên có công đối với Mọi là ông Trần bắc Quận-công Bùi Tá-Hán.

Xét các lễ trên này thì dân-tộc Mọi có thể bồi-dưỡng và hỗn-hóa với dân-tộc An-Nam được. Đã biết rằng đối với nhân-loại không nên để cho một dân-tộc này hiếp chế dân-tộc kia, nhưng cũng ở trong một khu-vực chịu một quyền cai-trị, ta nên tìm cách mà liên-hiệp hỗn-hóa, không nên chia rẽ để trở-ngại sự phát-đạt ngày sau.

KINH-TẾ

I. — Ruộng đất trồng trọt

Diện-tích toàn tỉnh được 4.200 cây lô-mét vuông.

Trong số ấy ruộng đất trồng-trọt, nghĩa là có chịu thuế, tất cả được 136.376 mẫu An-nam, tức là 49.095 mẫu 36 sào tây

Số đất ấy chia ra: của người An-Nam khai-khẩn được 131.748 mẫu và của dân mọi được 4.628 mẫu, lại chia ruộng đất công và ruộng đất tư như bản kê dưới này:

Điền : 93.404 mẫu tức là 30.925 mẫu tây	Công-diễn : 7985 mẫu, tức là 2.875 mẫu tây.
	Tư-diễn : 85.429 mẫu, tức là 30.751 mẫu tây.
Thổ : 42.972 mẫu	Công-thổ : 2.132 mẫu, tức là : 768 mẫu tây.
	Tư-thổ : 40.839 mẫu, tức : 14.702 mẫu tây.

Chia ra trong bộ điền thổ các làng từng hạng mà chịu thuế cũng như các tỉnh khác. Xin xem bản kê có đính theo đây chia ra từ phủ, huyện và đồn.

Trên một số người là 438.059 người, số ruộng đất được 136.376 mẫu, người dân ta nhờ tánh siêng-năng cần-mẫn, quanh năm đến tới, hết lúa đến khoai, hết khoai đến mía, đến bắp, không khi nào vạc đất ở không, nên hiện bây giờ cũng có thể gọi rằng đủ ăn được.

Ruộng đất toàn tỉnh có chịu thuế: 136.376 mẫu = 49.095 mẫu tây (HA)

Phủ, Huyện, Đồn	CÁC HẠNG ĐIỀN				Tổng cộng số điền	Số thuế điền	CÁC HẠNG THỎ						Tổng cộng số thỏ	Số thuế thỏ	Hiệp cộng số điền thỏ	Hiệp cộng số thuế 8%
	Hạng 1	Hạng 2	Hạng 3	Hạng 4			Hạng 1	Hạng 2	Hạng 3	Hạng 4	Hạng 5	Hạng 6				
Bình-sơn	mẫu 3770	mẫu 5544	mẫu 5071	mẫu 2748,6	mẫu 17.134,6	\$ 23.417,91	mẫu 225,6	mẫu 305	mẫu 625,5	mẫu 942,2	mẫu 2233	mẫu 2982,4	mẫu 7.314	\$ 2.582,35	mẫu 24.448	\$ 28.080,29
Sơn-tĩnh	m 4693	m 5630	m 3944	m 3348	m 17.616	41 24.649	8 502	8 685	m 1126	m 1679	m 2259	m 3552	9.804	4.258,16	m 27.420	41 31.220
Tư-nghĩa	m 5538	m 4826,8	m 3406	m 1108	m 15.880	01 23.517	5 1061	76	m 1126,6	m 1859,2	m 2261,5	m 2427,2	94.94	5.363,09	25.374	51 31.190
Mộ-đức	m 7263	m 5676,8	m 2719	m 1241	m 16.898	05 26.812	»	m 88	m 443,1	m 3926,4	m 105	m 976,5	5.539m8	2.564,84	22.438,5	04 31.127
Đức-phồ	m 1005	m 1020	m 3598	m 1621	m 13.244	10 19.088	m 65	175	m 155	m 2584,9	133	m 744	3.856,9	1.864,72	17.101,7	17.250,97
Nghĩa-hànb	m 2886	m 3249,3	m 2174	m 1494	m 9.784	28 14.085	2 424	296	m 366	m 1066,4	637	1714	4.504,2	1.887,86	14.288,5	97 17.250
Sơn-bà	»	47,1	m 152	m 661	m 889	74 792	»	»	m 98	m 275,7	207	1088	1.629m	381,71	2.518,4	76 1.207
Ba-tơ	»	»	m 493	m 504	m 997	34 906	»	»	»	2m	4	18	24	4,42	1.021,5	62 983
Trà-bồng	»	19m	22m	m 140	m 181	95 161	»	»	m 11	m 24	39	802m7	876,7	134,12	1058m	74 319
Minh-long	2m	47m	m 317	m 411	m 777	03 728	1m	9m	m 20	m 45	7m2	47m	129,2	54,52	906	55 782
Lý-sơn	»	»	»	»	»	»	[m	11m	m 37	m 14	288m	352m9	603,9	177,15	603	117,15
Hiệp cộng.	»	»	»	»	m 93.404	73 134.158	»	»	»	»	»	»	42.972m	19.272 94	13.376m94	198 165.51

So-sánh với năm Khải-dịnh thứ 6 (1922) nghĩa là 10 năm về trước đây thấy

1922 : 123.754 mẫu = 44.551 mẫu tây

1933 : 136.376 mẫu = 49.095 mẫu tây

Đất thặng : 12.622 mẫu = 4.544 mẫu tây

Thuế thặng : 46.041 \$ 88

Số đất hoang toàn-tỉnh cứ lấy diện-tích toàn-lĩnh theo trong sổ kê của nhà-nước (*Annuaire statistique de l'Indochine*) là 4.200 cây lô-mét vuông (1) mà trừ với nhau thì số đất hoang toàn tỉnh phỏng 3.709 cây lô-mét vuông, nhưng trong số đó là kê cả núi sông gò hói tất cả và cũng có chỗ đất hoang ở Trung-châu, nhưng về miền Trung-châu tỉnh này phỏng đất không cây cấy cũng không được bao nhiêu, chỉ có là của dân Mọi ở miền Thượng-du.

Những đất hoang ấy tuy có chỗ chưa chịu thuế, nhưng phần nhiều cũng có cần dùng cho nhân-dân hoặc đốt than, hoặc đốn củi, hoặc cắt tranh, nhờ đó mà giúp cho sự sinh-kế của dân ở miền sơn-cước.

Nhưng đất hoang như vậy của làng nào hạt nào thì làng ấy hạt ấy giữ mà lấy lợi và nộp cho nhà nước các hạng thuế kiểm-lâm.

Ở miền Thượng-du lại còn có dôi chỗ dân Mọi đốt rẫy trồng lúa trồng sắn gọi là « hỏa điền » không có chịu thuế nên không tính ra mẫu sào được.

II. — Hoa mẫu đất ruộng và cách sinh hoạt của dân

Tôi đã kể sơ qua số đất ruộng trồng trọt ở tỉnh này, đây tôi xin nói rõ những hoa mẫu gì ở trong khoảng đất phỏng 500 cây lô-mét vuông có thể nuôi sống được

hơn 40 vạn con người và làm cho họ đủ ăn đủ mặc và đủ chi-độ hằng ngày được.

Cách sinh-hoạt của dân ta cốt nhất là nghề nông, tuy chưa phát-đạt mặc dầu, chứ nghề nông của dân ta rất phổ-thông và chuyên cần, kia xem một bác nông-phu quanh năm đến tối, dưới đất trên trời con trâu cái cấy, chân bùn tay lấm, vất vả biết bao nhiêu, nhưng họ vẫn ham vui làm việc, bồi-dưỡng cho thành hạt thóc bát cơm, lấy một câu hát của bác nông-phu mà ví :

« Ôn trời mưa nắng phải thời,
« Nơi thời bừa cạn nơi thời cấy sấu.
« Công-lênh chẳng quản gì đau,
« Ngày nay nước bạc ngày sau cơm vàng... »

Thì biết tuy là nghề nông khó nhọc, chỉ phần nhiều nhờ cậy ở trời, nhưng bác vẫn vui vẫn làm việc vì cái hi-vọng thấy bát cơm vàng lấm cho bác quen biết cái khổ của sự đi cấy.

Ở Quảng-ngãi cũng như ở các nơi, cách làm ăn rất cực nhọc, nhưng có một cái đặc-sắc là đất không dễ vỡ, lúa gặt tư mùa, nhiều khi trên một cánh đồng, dẫu này gặt lúa, dẫu kia cấy ruộng, dẫu trước phát mía, dẫu sau cuốc đất.

Cái đặc-sắc ấy nhờ ở nơi xa nước, khắp ở trên hai con sông Trà-khúc và sông Vệ có gần 100 bờ xe tưới khắp cả mấy cánh đồng lân-cận.

(Còn nữa)

(1) Đây là tôi lấy theo mỗi mẫu là 3.600 m² đó là lấy theo cái thước đo khi xưa chứ hiện bây giờ quan-diện-xích có già hơn.



HÁT TUÔNG

VĂN-PHÔNG TỬ BẢO (1)

IV

HỒI THỨ TƯ

Trừ Liêu-quốc Trạng-nguyên
chấn lữ

除遼國狀元振旅
Hồi Tống-triều lão-tướng nhận nhi
回宋朝老將認兒

Hàn-Tùng bạch :

Đất kiệt-linh rõ dấng văn-thư ; đời
Hòa-thái tiếng ca luật-lã. Ghè mặt dựng
nên vũ-trụ ; ra tay chèo đò miếu-đường.
Tội biếu-tự Hàn-Tùng ; sắc phong vị
Bảng-nhữn. Như tôi : Chỉ sợ xông lên
dở dạn ; bao nài trải gió tầm mưa. Đuổi
Nam-man chẳng kịp giờ cò ; theo Hồ-
lỗ chi cho đời bác. Chúng-tướng : Ngựa
đều gác nhạc ; quân khá hàm mai. Theo
Nam-man lên chốn Sơn-đài ; đuổi cuồng-
khẩu chi sồn thỉ-thạch.

(Hạ)

Nam-xướng :

Nam-nhi gặp thời giúp nước,
Ngổ ra tài mưu-lược cần ưu.

Đã rằng địch khải đồng-cừ,
Thang Văn trên sánh Y Châu dưới
nhuần.

Nam Nguyên-súy nói :

Như tôi : Tôi lui khôn nổi vẫy vùng,
còn : Qua lại khôn phương đi trở. Bình
ong óng bốn phương lở-lở ; đường xa
xa nghìn dặm tới-bời. Hay là : Đó thì cây
có tài ; ta khá rằng không phép. Giờ thời ;
Dụ chàng vào chỗ hẹp ; đem gã tới vực
sâu. Xin ra sử chước màu ; dùng thần-
phương trừ khử.

Bảng-nhữn bắc-xướng :

Truy tìm lạc-tử điao còn-sơn 追尋
賊子到峨嵋山, hiểm tuấn na từ quá lĩnh
trang 險峻那辭過嶺庄, binh mã hết
lại như vũ sậu 兵馬忽來如雨驟, thần
oai hướng xứ quát văn khai 神威向
處括雲開.

Lại nói :

Tử lộ dĩ hữu phương ; sinh cơ vô sở
thoát 死路已有方, 生机無所脫. Nỡ
đề đây đời bác ; ắt mình đó chẳng toàn.
Đã không phép thắng thiên ; lại không
tài độn-dịa.

Nam Nguyên-súy nói :

Thôi thôi : Hưu khẩu đàm phi thị 休
口談非是 ; vật lý luận đoanb thâu
勿理論贏輸. Nghi khán ngã thần phù
宜看我神符 ; hóa ngư đầu lục giốc
化牛頭六角. (Hô rồi biển.)

Tổng Kị-quân nói :

Tâm loạn lạc, loạn lạc ; chí kinh
mang, kinh mang. Trâu làm sao sừng
mọc sáu hàng ; trâu làm sao lưỡi dư
mười thước. Nó dù đập nghìn quân
cũng ngã ; nó dù báng trăm tướng cũng
tan. Xin ông ra chước kể khử loạn ;
bằng đề vậy ắt bao quân lính.

Bảng-nhữn nói :

Quân cao chi, ở Nguyên-súy ơi ! cái phép
mộc-ngư hay nhỉ, coi ta đây : Khẩu niệm
động ước-thư ; hóa mộc-ngư hội-lạn.
Hô hích !

Nam Nguyên-súy nói :

Thần phương dĩ đoạn, dĩ đoạn ; tri
lực dĩ cùng dĩ cùng. Dao khan binh Tống

(1) Xem N.-P. từ số 182.

thiên-trùng ; vị đồ man-nhung nhất
tốt. Tài-dao thấy lòng hoang lửa đốt ;
oán-vận thời dạ tựa kim-châm. Cầu
dịch phương vô-kể khả tầm ; ao là : Về
Liêu-địa dưỡng kỳ nhuệ-khí.

Nam-xương :

Dưỡng kỳ nhuệ khí,
Giận nổi mình thấp trí chẳng tinh.
Bên rừng vang tiếng mã-binh.
Thân này biết lánh tử-sinh chốn nào !

Bảng-nhơn nói :

Vật khả bôn đào, yếu dương thụ phọc
勿可奔逃要當受縛. (Nguyên-sử bị
bắt).

Lại nói :

Hết khoe tài dũng được ; đã xuống
ngựa thụ binh, truyền đem lại bản-dinh ;
sẽ thừa qua quốc-trạng, hạ.

Nam Kim-vương nói :

Quốc-trạng đã nên tài hảo-hán ; Liêu-
vương dẫu tốt dẫu uy-phong. Chi nữa :
Dụ gã đến thanh-tùng ; thì thần-oai
hoạt tróc .

Bắc-xương :

Đơn thân độc mã nhập lâm trung,
單身獨馬入林中
Thắng toán tùy cơ dụng lực thông ;
勝算隨機用力通
Mục vọng Tống bang chân bách cận,
目望宋邦真迫近
Hạnh tai dĩ đáo ngũ-bành phong.
幸哉已到五行峯

Quốc-trạng bắc-xương :

Truy tìm tặc-tử mịch tây đông,
追尋賊子覓西東
Hiểm-lộ sa-đà quá bích cung ;
險路蹉跎過壁宮
Thỏ-mộc xâm la lòng điêu-đạo,
草木森羅從鳥道
Đồ trung uất uất hựu thông thông.
途中鬱鬱又蔥蔥

Nam Kim-vương nói :

Ờ ? trạng-nguyên ơi ! Binh Tống-bang
truy tróc thiên-trùng ; ngã Liêu-chúa

dương trường nhất-diện. Chi nữa : Hóa
mộc-tinh thối xuất nguyên-binh ; tróc
tướng-sĩ phanh can giảo nhục 矣宋
邦追捉千重,我遼主當場一面。
化木星催出原形,捉相士烹肝咬
肉。

Tống kỳ-quân nói :

Chân phách lạc, phách lạc ; thực
hồn kinh, hồn kinh. Thấy một tướng
dị-hình, thực muôn binh thất sắc.
Miệng hơn nghìn tắc ; mặt lớn ba vàng.
Khi nuốt hết muôn binh ; e chẳng
còn một tướng.

Trạng-nguyên nói :

Chẳng cao chi : Đó biển quĩ đó khoe
răng trọng, đây kiếm thần đây mới gọi
cao. Chi nữa : Khẩu-niệm động thao-
thao ; linh-đạo lai trừ quĩ. Hô hịch.

Nam Liêu-vương nói :

Thậm hải, thậm hải ; chi nguy, chi
nguy. Tưởng mộc-tinh phép ấy thực
kỷ ; Hay đâu đó : Hóa thần kiếm tảo-trừ
diệu-thuật. Giờ tôi biết làm sao đây. Ủ
phải : Phải noi theo sơn-cước ; ma
trở lại cự-bang. Ngõ kiếm chốn sinh-
phương ; dặng lánh vòng tử-lộ.

Bắc-xương :

Kỉ trận hao binh lực thế suy,
幾陣耗兵力勢衰
Ai ta tướng sĩ lệ lâm-ly ;
哀嗟將士淚淋漓
Sa tràng lân hỏa sương phao cốt,
沙場磷火霜拋骨
Giao dã lệ phong địa mãn-thị.
郊野厲風地滿屍

Trạng-nguyên nói :

Liêu-vương : Kết cánh thêm vây khó
lối đi ; trở vuốt mộc-sừng khôn chỗ biển,
đi người a,

Nam Liêu-vương nói :

Tung kim thẳng nhất tuyến 縱金繩
一線 ; giá vân-lộ song phi 駕雲路雙
飛. Mặc dầu ta xa chạy cao bay ; đồ nhà
gã bói ra khoa thấy. (Hạ)

Trạng-nguyên nói :

A lạ này : Những tướng chuột kia mắc bẫy ; hay dẫu cáo nọ sồ lông. Đó lên cao mắc sức vẫy vùng ; đây ở thấp khó bề bắt buộc. Giờ tôi biết làm sao đây ! Ở phải : Đã có vợ nhà thao-lược ; lo chi giặc dữ bằng-lãng. Quân ! bút giấy đây : Tả tâm thư lai thỉnh phu-nhân ; 寫心書來請夫人 ; phiên xuất trận tróc tha man-mạch 煩出陣捉他蠻貊.

Lại nói :

Ủy phu-nhân.

Hoài-Xuân nói :

Chẳng tay phu-quân xuất trận thắng bại nhọc hà ?

Trạng-nguyên nói :

Như anh cùng Liêu-tặc biết mấy mươi trận. Dịch vũ kinh chàng cũng thua ta ; thì diệu-pháp ta bền hơn già.

Hoài-Xuân nói :

Thưa phu-quân tài hơn phép hơn, thì giặc yên rồi, còn kêu tôi ra làm chi ? Thưa anh tôi về.

Trạng-nguyên nói :

Nhưng khoan đã, số là nó còn một phép nữa : Gã có phép kim-thắng rất lạ ; ta thật là bạch-thủ nan-dương. Phiên phu-nhân nhất-thứ hưng-dương ; lưu trung-quốc nghìn năm thanh giá.

Hoài-Xuân nói :

Như em : Cũng sức chèo vạc ngã ; cũng tay đỡ tường nghiêng. Nguyên trừ lũ bắc-phiên ; cho yên miền trung-thò.

Trạng nguyên nói :

Nghe anh dặn : Đấng ấy có tài có phép, đánh không đứng thì chạy về, chớ để nó bắt đặng, bên này anh mong chẳng chơi. Thôi phu-nhân tới.

Hoài-Xuân nói :

Chúng tướng : Đã làm vai tướng-sứ ; phải lo việc đồng-nhung. Trên đã gắng sức gắng công ; dưới phải hết lòng hết dạ. Nghe ta dặn : Nhất nhân nhất mã — 人 — 馬 ; hữu thi hữu cung

有矢有弓. Trục chỉ bắc-nhung 直指北戎 ; trãng khu tây-dịa 長驅西地.

Hoài-Xuân bắc-xương :

Thân đồng tỳ hươu bách vạn binh,
身董雉貅百萬兵

Nguyên trừ tặc bối hiền ngô danh ;
願除賊輩顯吾名

Thê diệt Kim bang, chấn cứu sinh dân chi mệnh mạch 誓滅金邦賑救生民之命脉 ; bảo phù Tống tồ, trùng hưng thồ-vũ chi an-bàn 保扶宋祚重興土宇之安磐.

Nam-Kim-vương nói :

Cái đất nhà Tống : Địa linh nhân kiệt 地靈人傑 ; quân thánh thần hiền 君聖臣賢. Pháp tài nhất phẩm đương tiên 法才一品當先 ; trí dũng thiên nhân tập hậu 智勇千人襲後. Bởi vậy cho nên : Ta bèn tị tầu ; gã lại tiến truy. Bưu hồng điện tùy ngã phù tri 有紅電隨我扶持 ; vô hoàng viết quần ngô tính mệnh 無黃鉞窘吾性命. Rồi chi nữa : Cấp tu phản bản 急須返本 ; chế định cơ-mưu 制定機謀. Thốn tâm chỉ vị đồng cừu 寸心只爲同仇 ; vạn cổ nan tiêu thử hận 萬古難消此恨. Thôi.

Nam-xương :

Nan tiêu thử hận.

Nghĩ sự minh thời vận xiết bao.

Dường như hấp sóng ba-đào,
Trời sao giúp Tống nữ nào hại Liêu.

Hoài-Xuân bắc-xương :

Truy tìm sơn tặc quá sơn nhai,
追尋山賊過山涯

Dược mã bốn ba thấu cửu cai ;
躍馬奔波透九垓

Dao vọng phong hoa chân dị vực,
遙望風花真異域

Không lao thần lực trận đồ khai.
空勞神力陣圖開

Nam-Kim-vương nói :

A này : Xa xem ốc ngõ là trai ; gần mặt mới hay là gái. Tùy binh-trượng

Nam-Kim-vương nói :

A này : Xa xem ốc ngõ là trai ; gần mặt mới hay là gái. Tùy binh-trượng

tràng sang bảo cái 隨兵杖長鎗寶蓋.
xuất trận tiền khóa mã đề đao 出陣前
跨馬提刀. Này này: Cô-gia chưa tỏ
âm hao; phiến quý-nữ tu trần bản mặt.

Hoài-Xuân nói:

Như ta: Ngã Hoài-Xuân chữ đặt;
chính-lỗi Tống trạng-nguyên. Sai ta
ra vấn tội nam phiến; thì gã khá thắng
thân thụ phọc.

Nam-Kim-vương nói:

Gái cũng đánh giặc à? Rất rủi là ông
Trạng bắt không được ta, huống chi nàng
đào thơ liễu yếu bất sao cho được ta? Này
này: Nghi khan ngã thần phương 宜
看我神方; lũng hồng điện nhi khứ
縱紅電而去.

Hoài-Xuân nói:

Ta có phương trừ khử; người phải
biết cớ linh. Hóa lục-giáp lục-dinh
化六甲六丁; biến bát-môn bát-quái
變八門八卦. Đồ trận tứ-phương tróc
ngoại 圖陣四方捉外; Kim-thần;
nhất-đạo cư-trung 金繩一道居中.
(Hô biểu).

Nam Kim-vương nói:

A này tướng Tống giỏi, tới đầu bà cũng
giỏi: Gái chẳng thì nữ-hạnh nữ-công;
gái đầu có đại-tài đại-pháp. Thôi thôi
đánh mà làm chi nữa: Trói mình đầu nạp;
mặc lọng tay người.

Hoài-Xuân nói:

Quân: Truyền dẫn lại diuh-giai; cho
trạng-nguyên phân đoán.

Bắc tướng:

Hạ lệnh hồi quân báo thắng công.

下令 回軍報勝功

Nhất phiến nam-phật tráng oai
phong.

一番南伐壯威風

Tuy tắc nữ-lưu, dù đối bách tùng
chi tiết thảo; 雖則女流愈對栢松
之節操.

Kham đồng nam-tử, ưng như hào
kiệt chi nghi dung 堪同男子應如
豪傑之儀容.

Trạng-nguyên nói:

Mừng em, thắng bại như thế hà?

Hoài-Xuân nói:

Thưa phu-quân: Bồn-thiếp đã nhất
trận hưng nhung; Liễu tặc mới phiến
thời ngũ-giải. A lại: Xuất kim bằng
bảo cái 出金繩寶蓋; tông vân-lộ
cao-phi 從雲路高飛. Em mới Hóa vi
kỳ áp trấn tr-chi 化圍旗壓鎮四支;
thu kim điệp hồng điện nhất đạo 收金
葉紅電一道. Bởi vậy: Chàng đã
thể yếu; gã mới lai hàng. Đã đem lại
dinh lang; đề phu-quân phân-xử.

Trạng-nguyên nói:

Úy-a, trong thiên-ha ai có phúc như tôi,
như vợ tôi đã có tài lại có phép. Như em là:
Trên trời âu có một; dưới đời ngấm
không hai. Y Chu tài cũng chen vai;
Phong Lượng phép này chẳng sút.
Thôi phu-nhân vào nghỉ. Dẫn nguyên-sứ
cùng Liễu-vương đây ta hỏi: Cứ đem thói
lãng-cường; mà chẳng tuân phép nước?

Nam Kim-vương nói:

Xin lọng trên thư xá; cho chúng
dưới trần-tinh. Thiên-niên bất cảm bội
minh 千年不敢背盟; bách thế cam
tâm hàng phục 百世甘心降服. Chịu
bồi thường thiên kim vạn vật; nghĩa
giao-lân thiên-cửu địa-tràng. Thường
tương ngọc bạch lai vương 常將玉帛
來王; vĩnh ký dân tâm bất hủ 永記丹
心不朽.

Trạng-nguyên nói:

Nam-vương! Một lời đã đủ; nghìn
thủa đừng sai. Đặt cho ta biểu-tấu
kim-giai; tha hai gã phản-bồi bản-quân.
Quân bút giấy: Phò quân-nhân lĩnh-
mạng 付單人領命; đệ văn-biểu hồi
triều 遞文表回朝. Vật nại công lao
勿奈功勞; tốc nghị phản bộ 速宜返
步.

Nam Kim-vương nói:

Quý hạ, những tướng âm-dương phân
lưỡng lộ; nào hay tôi chưa dặng trùng
phùng. Ôn Trạng-nguyên ơn tặc non

sông ; nghĩa Bàng-nhơn nghĩa tây cha mẹ

Nam Nguyên-sứ nói :

Dạ muôn ơn Ngài đã có lống nhân-nghĩa ; tôi đâu còn dạ oán thù. Vậy thì Chúa tôi đều trở lại cố-dò ; Liều Tống lại một nhà hòa-hảo.

Nam Nguyên-sứ Liều-chúa cùng nam-xướng :

Một nhà hòa hảo,
Đất trời còn nhân-dạo nào phai,
Mang ơn ta phải đền bồi.
Nữa rồi phu-phủ mới rằng người trên.

Đệ-biêu-quân nói :

Như tôi : Nghĩa cơm áo lo đèn ; đường xa xôi bao nại, lĩnh văn-biên nghìn trùng chẳng bội ; lời dặn dò muôn kiếp không sai. Mau mau trở dặm chương-dài ; chóng chóng trông chừng quan-ải xong.

Bắc-xướng :

Gia tiên đoạt lộ vọng Tràng-an,
加鞭奪路望長安
Khuất-khục na tư lộ hiểm nan ;
屈曲那辭路險難
Thân dài biên-văn thừa dịch-mã,
身帶表文乘驛馬
Miễn hồi triều nội bài long-nhan.
勉回朝內拜龍顏
(Hạ)

Tam-công quân nói :

Thụ bảo-chiến tay ban ; lối đường hoa châu bước. Tam-công đã ký-thác ; thần-tù dễ dám từ. Kịp trở dặm kinh-kỳ ; uất tạ từ dinh tướng.

Nam-xướng :

Tạ từ dinh-tướng.
Giữ tấm lòng sự thượng tận trung ;
Trải qua mấy dặm nou sông,
Xa xem lộ thấy cửa-trùng đài xây.
(Hạ)

Tam-công biểu-tấu, Trưng-nguyên biểu-tấu, Tống-vương xem biểu nói :

Bá-quan, khán biểu-văn lưỡng trấn đông tây, rằng Bắc-dịch Nam-man hàng

phục. Cũng có nhờ hiền-thần công lực ; mới dựng nên cảnh-dịa bình-an. Đặng phép thiêng rầy đã trị loạn ; nhờ đất tốt trở sinh hiền-tướng. Nội-thị, ngự-chư-bát, thị-vệ : Sắc phó đông tây nhị hướng 敕付東西二向 ; thừa sai long-hổ nhị khanh 承差龍虎二卿 ; yếu nghị thiên lý viễn hành 要宜千里遠行 ; tri thỉnh chư công hồi yể 馳諸請公回謁. Quả-nhân lui ngọc-diện ; bá quan lại dinh trung. (Hạ)

Thị-vệ Long nói :

Như tôi : Thị vệ tự danh Long 侍衛字名龍 ; thiên vương quan sắc phó 天王官敕付. Quân : Truyền chư đội ngũ 傳諸隊伍 ; kiểm điểm mã binh 檢點馬兵. Trục chỉ đông thành 直指東城 ; lai nghinh thượng tướng 來迎上將.

Nam-xướng :

Lai nghinh thượng-tướng.
Kéo lâu ngày thành-thượng lòng trông.
Như ta là Vào ra đã hết mặt rồng,
Ngày đêm đã trải cung trong viện ngoài.
(Hạ)

Thị-vệ Hồ nói :

Như tôi : Mãng châu chực sớm khuya ; thị-vệ xưng tự Hồ. Thừa thiên-vương sắc phó ; lai thỉnh trấn tướng-quan. Quân : Đội long thao và đội sấn sàng ; cùng hồ-lực và mười cho gọn ghe. Quân nghe ta dặn : Diều dấy lựa và thặng cho trẻ ; võng giá dùng ít dứa còn trai. Ý nhất lệnh bài khai ; tự thủ trấn nghinh hồi quốc-trạng.

Nam-xướng :

Nghinh hồi quốc-trạng.
Chốn miếu-đường cũng mặt phù-xa ;
Ra đi sáo phủ màn che,
Dự nơi đài-các mình khoe công hầu.
(Hạ).

Quân báo rằng :

Dạ : Có vương-sứ tới lâu ; xin thượng-quan liệu ý.

Tam-công nói :

Ủy-a ! Cửu nhật vị văn thánh chỉ 久
日未聞聖旨; vu kim hỉ kiến sứ thần
于今喜見使臣. Thí như điền dã vọng
vân 譬如田野望雲. Uyển nhược qui
khuy nh hướng nhật 宛若葵傾向日.
Thâm-hoa : Người ta đồng bộ xuất; thỉnh
vương-sứ nhập thành.

Lại nói :

Thỉnh vương-sứ nhập-thành.

Thị-vệ Long nói :

Như tôi : Phụng hành-chỉ đích danh
奉聖旨的名; thừa thiên uy ngọc-sắc
承天威玉勅. Ngoài thì vẽ long thành
long giáng; trong thời phê phượng-
chiếu phượng-văn. Xin thượng-quan
tuyên đọc văn-bảng; cho chư tướng dự
văn ngọc-chiếu với.

Tam-công nói :

Quân, bày hương-án, đọc ngọc sắc :

Hoàng-đế sắc viết : Cái văn âm-
dương nhiếp-lý, nãi thượng-tướng chi
đại-quyền; cách biệt kim-giai, thị
thánh hoàng chí thâm vọng 皇帝勅曰:
蓋聞陰陽變理, 乃上相之大權;
隔別金階, 是聖皇之深望. Tiền
tắc : dĩ thi oai dũng; ký phục viễn di
前則 : 已施威勇, 既服遠夷. Thượng
tướng khả hồi qui; Lý Vị ung quyền
thủ 上相可回歸; 李未應權守.
Nghĩ đại tiên phượng bảo bối; thử cơ
thánh lãn diện tường 宜帶仙方寶貝;
庶幾聖覽面詳. Thù công bách tuế
hiên-dương; vĩ tích thiên thu ký tái.
Khâm tai! 酬功百歲顯揚; 偉績千
秋記載. Khâm tai 欽哉.

Tam-công nói :

Thâm-hoa : Tùy thánh-chỉ sá hiên
viễn-tái; ốc thiên-dân dạ độc bát-ninh.
Lão hồi triều bái yết thánh minh; người
trấn-thủ cho trọn niềm thần-tử.

Thâm-hoa nói :

Dạ : Khẩn-khẩn mấy lời năm giữ;
khăng khăng tắc dạ nào sai. Tạ thượng-

quan hồi yết kim-giai; cho thần-hạ thú
an biên-cảnh,

Nam-xướng :

Thú an biên-cảnh;
Nguyễn cho người phúc khánh tăng
long.

Tam-công nói :

Thôi người an tại.

(Hạ)

Quân báo nói :

Dạ : Có đại-sứ triều trung; nên tiễn-
thần bầm bạch.

Quốc-trạng Hoài-xuân Bàng-nhỡn cùng nói :

Ủy-a : Mấy thu đã thánh-hoàng xa-
cách; một phen mừng vương-mệnh tới
đây. Phỉ bầy như rồng dây đám mây;
vui-vẻ tựa cá kia dâng nước. Vậy thì :
Chỉnh y-quan tiếp rước; đệ sắc-chỉ
nhập thành.

Thị-vệ Hồ nói :

Tôi thừa lệnh thánh-minh; giao sắc
cho quốc-trạng.

Bàng-nhỡn nói :

Quân bày hương-án đọc sắc.

Hoàng-đế sắc viết : Phó Lý Lăng
cần-thủ Tây-thành; Bàng nhỡn dữ phu
thê quốc-trạng, đại bảo-pháp quả-nhân
ngự khan, biếu huân-thần sử các danh
thư, khâm-tai! 付李陵謹守西城。榜
眼與夫妻兩狀。帶寶法寡人御看。
表勳臣史閣名書。欽哉。

Trạng-nguyên nói :

Lý Lăng : Phó nam-thành thế thủ
định-giai 付南城替守營階; an xích
tử vụ nghi đức hóa 安赤子務宜德化.

Lý Lăng nói :

Đa tạ Trạng-nguyên Bàng-nhỡn 多
謝狀元榜眼; bảo an Nam - quân
thương-sinh 保安南郡蒼生. Một lời
dạy đã xin đành; tắc dạ đám đầu sai
chạy.

Nam-xương :

Dám đầu sai chạy.
Cúi đầu từ bốn lạy xin đưa.

(Hạ)

Bằng-nhỡn nói :

Chúng-tướng : Quân hai hàng dừng
nhặt dừng thừa ; tướng ra lệnh chờ
giọng chờ ruồi. Tà từ nơi quan-ải ;
đồng trở dặm để-kính a.

Cùng nam-xương :

Cử bộ coi chừng đông-tái,
Dặm bao nài vạn hải thiên-sơn ;
Mừng thay cá nước gặp đoàn,
Trên yên nệm thúy dưới nhân muôn
dân.
(Hạ).

Tổng-vương nói :

Bá-quan, an vị, thị thần : Truyền châm
lục nghị ; trước đãi bá-quan. Huân cao
trân-trọng sở bản 薰 燕 珍 重 數 盤 ;
quân tề yến duyên nhất hội 君 幸 宴
筵 一 會. Bá-quan, vậy chớ : Thủy nhân
hữu tiên-phương bảo bối 誰 人 有
仙 方 寶 貝 ; tỵ diện-dinh tị thí nhất
tao 就 殿 廷 比 試 一 遭. Cho quả-nhân
khán quá.

Tam-công nói :

Muôn tâu : Bào linh này vốn thiết tiên
trao ; phương nghiệm ấy vốn nhiều
thần thuật. Lửa cháy đỏ nghìn trùng
chất-ngắt ; tưới bầu thiêng một phút
lửa tan. Nước mệnh-mông bốn hướng
tám phương ; người đầu có cháy da
phồng trán.

Minh-châu nói :

Muôn tâu : Kiếm linh này không hạn ;
vật báu chẳng dám khinh khử trừ
đẳng mộc-linh ; trăm phạt loài quỷ-
quái. Thầy dặn-bảo mấy lời cần-ký ;
nước nghiêng-ngoào đỡ lúc gian-truân.
Tiếng phàm đã cạn phần ; lượng-
thành xin thăm sát.

Hoài-xuân nói :

Muôn tâu : Cái vi-kỳ báu thiết ; của
địa-phủ người trao. Nhưng dù mỗi
nước quân quèo ; đã có binh kia chèo
đỡ. Tướng-sĩ ứng bốn phương tỏ-mở ;
ngựa xe bày tám hướng nhón-nhàng.
Dù ai quá hải đẳng san ; cũng bị thiên-
la địa-võng.

Chúng-tề nói sẽ :

Xa xem thấy trẻ ; mừng-tượng con
già. Sống sao chẳng tướng tời cha ;
chết xuống đã về ra quỷ. Cái sự này mới
tức cho lão.

Bằng-nhỡn nói :

Muôn tâu : Kim quyền này rất lạ ; lời
ước lại thêm kỳ. Gặp cơn nghèo nghèo
chẳng sợ chi ; mắng lời ước ước thì ắt
đặng. Lời thầy dạy từ sau nhần trước ;
dặn tôi thì giúp nước chữa đời. Trong
ước có ba lời ; chẳng sai trong một
tiếng.

Chúng-tề nói sẽ :

Chức con lão : đã trùng tên trùng họ ;
lại in mặt in mày. Bãi triều rồi lão sẽ
hay ; mời Trạng qua nhà thi biết.

Tổng-vương nói :

Hào a ! Ngẫm lại đã nên báo thật ;
xem qua mới biết vật linh. Nước nhà
dầu những bất ninh ; nạng đã có
tay lương-dũng. Trạng-nguyên : Hoài-
xuân đã đến tài hữu-dụng ; sắc phong
vi nhất-phẩm phu-nhân. Tam-công :
Tam-công có gái Loan-dung trọng phối
dữ Trạng-nguyên, sắc phong vi phu-
nhân nhị phẩm. Thượng-lại : Thượng-
lại có nàng Nguyệt-quế, sắc phong
vi tam-phẩm phu-nhân, nghi-dữ Bằng-
nhỡn Hào - Tùng. Còn Tam-công
phả thị hữu công, từ Kim-giản nhập
triều miễn bãi. Còn Từ-vị hữu tiên-
phương bảo-cải ; các quân-phân bách
mẫu diên-viên. Nay trăm dà tóc bạc
phơi sương ; tôn hoàng-tử đẳng long
bảo-vị. Trăm an sở chỉ, lên Thiên-mụ

an-thân, một lễ đã phân-trần ; bách quan y chỉ giáo.

(Hạ)

Chủng-tễ nói :

Mời ông Trọng qua đình lão.

Trọng-nguyên nói :

Thưa vâng,

Chủng-tễ nói :

Quân, xuống yến-tám đặt một cỗ đem về đề mời ông Trọng ăn uống cho vui đi.

Tôi hỏi ông Trọng vậy chờ cưới vợ ở đâu vậy ông Trọng ?

Trọng-nguyên nói :

Thưa thượng-quan, tôi cưới vợ đi chín phương trời mười phương Phật mới rước được nàng mà.

Chủng-tễ nói :

Vậy chờ không phải con lão.

Trọng-nguyên nói :

Thưa không.

Chủng-tễ nói :

Số là làm vậy, con lão chết, lão lấy khăn-cung con A-Hoàn nó khai rằng : Khi coi hội nơi Linh-sơn-tự, cô nó giả trai : Có nó bèn kết bạn với Minh-châu. Thỉnh chàng về chốn thư-lầu ; chàng chịu miệng theo sâu đàm-đạo. Ai ngờ chàng không tới : Lại cậy mẹ Dần lên báo, có nó trao hài cho ả, tin lòng mẹ lĩnh hài đi, đến lộ-trung gặp ngốc-tử là thằng Năm Hợi nó hỏi mẹ, mẹ bèn thuật lại, nó bèn đoạt lấy hài kia, chờ trời tối đem khuya, nó, đập đầu toan bẻ dâm dục. Có nó biết dặng mới tự-ái đi, có nó nói rằng : Sống mang tiếng dục ; thà khỏi danh như. Bây giờ : Cớ sao sống lại có cớ ; linh-vật ai cho mới chương !

Trọng-nguyên nói :

Vợ tôi thượng-quan nói là con Thượng-quan tôi cũng chịu vậy. Quân về mời bà con qua đây.

Hoài-Xuân ra nói :

Thưa mừng cha mẹ.

Chủng-tễ nói :

Con đó sao con ! A mẹ ! Con nó đã sống lại ra mà mừng.

Phu-nhân nói :

Ơi con ! Ngắm đi ngắm lại, in nếp in khuôn ; ngó trước ngó sau, thiết bính thiết dạng. Con : Cớ sao sống với Trọng-nguyên ; chẳng tưởng tới niềm cha mẹ. Vậy con ? Đục trong thì trẻ phân qua ; phải trái cho già tưởng với ?

Hoài-Xuân nói :

Thưa cha mẹ : Sự dương-cảnh chẳng kỳ phân lại ; tích âm-cung vậy phải thừa qua. Chín trùng ngời ngự chương-tòa ; một lễ phân tường nguyên-ủy. Ngài dạy rằng : Số Hoài-Xuân vị tử : dữ quốc-trạng tiền-duyên. Từ vi-kỷ phép ấy của tiên, hoàn tinh-mệnh ải-quan tìm trạng. Bởi vậy, đã vâng lời tôn-trưởng ; chịu lỗi với thân-sinh. Lời báo-cáo đã rành ; xin nghiêm-đường dặng rõ.

Trọng-nguyên nói :

Thưa cha mẹ : Vợ chồng đã hòa-hợp ; cha mẹ lại gặp con. Cuộc nhà rày dặng vương-tròn ; việc nước phải toan gánh vác. Trạch Thiên-hỉ ngày toan đại-cát ; tôn tử-hoàng tức-vị dặng-quang. Vậy thì Đồng tủy dữ bá-quan ; nhập diện hó vạn-tuế.

Thái-tôn tức-vị nói :

Dòng truyền thuật kể ; mỹ hiệu Thái-tôn. Nhơn phong quang tự nhất môn 仁風光緒一門 ; đức hóa chiêm hám thiên-hạ 德化當涵天下. Hạ dân tam niên miễn thuế 下民三年免稅 khóa quan nhất cấp các ban 課官一級各頒. bá-quan : Đồng hộ giá thánh hoàng 同護駕聖皇 ; dảo sơn-lăng tiên-đế 到山陵先帝.

Thái-tôn nói :

Muôn tâu vương-phụ : Con nhớ chữ thần truyền thánh kể ; chúc cho cha thiên-cử địa-tráng. Lạy phụ-hoàng lên chốn Sơn-cương ; tòng tiên đế dưỡng an thánh-thê.

Nam-xương :

Dưỡng an thánh-thê.
Cảnh bồng-lai dành đề nào vui.

Thượng-hoàng nói :

Nay cha lên sơn-lăng ni là :

Nam-xướng :

Bụi trần ta đã phủ rồi,
Miễn cho con trẻ chúa tôi xum vầy ;
Nay đã vui thú gió mây,
Lần theo tiên-đế có ngày gặp nhau.

Bá-quan nói :

Đa, Thần lưỡng ban văn-võ ứng hầu ;
đồng ngũ bài lộ đồ làm lễ. Thiên-mụ
đã chúa theo tiên-đế ; hiếu-lăng ni
tôi cảm hiền-vương. Bao đánh xa chốn
miếu-đường, mà lại cách niềm thần-
tử.

Nam-xướng :

Cách niềm thần-tử,
Nước non còn tôi giữ lòng ngay.

Thượng-hoàng nói :

Bá-quan : Thiên mệnh sở tại 天命
所在 ; nhân tâm sở qui 人心所歸.

Trăm mừng cho quân thần thiên tử
giai kỳ 君臣千載佳期 ; Ngư thủy
nhất đường hội khế 魚水一堂會契.

Nam-xướng :

Nhất đường hội khế,
Trời đã vầy quân tể giao phu.

(Hạ)

Tam-công nói

Chúng-tướng ; Thượng-hoàng đã giả
vãng thông-cù ; phủ ngã chúa phản hồi
bệ phượng

Đồng nam-xướng :

Ngã chúa phản hồi bệ phượng,
Mãn lộ đồng chực-tụng tam-da.
Thái-bình dân tại ấu ca,
Kính dâng tuổi chúa như hà như sơn.

(Hết)

VĂN-UYÊN

Tạ bạn làng văn

(Ông Đông-hồ tặng tập thơ, ông
Trọng-Toàn biểu quản bút).

I

Gửi ông Đông-hồ

Thành Trúc, Gò-công cánh nhạn liền,
Kề từ văn-tự kết nên duyên ;
Nước mây ngàn dặm tình bầu-bí,
Sơn-sắt một lòng nợ bút-nghiên ;
Tri-não dày công bồi-dưỡng lẫn,
Tinh-thần nặng mối cảm-hoài riêng ;
Cùng nhau những ước khi tương hội,
Dưới nguyệt bên hồ thưởng vị sen.

II

Gửi ông Trọng-Toàn

Muối

Người Tân-trụ, kẻ Gò-công,

Văn-chương kết một dải đồng với nhau.
Kề từ nên nghĩa tương-giao,
Nặng tình bè-bạn, đậm màu bút-nghiên.

Nói

Bút-nghiên màu đậm,
Bông xui nên đầm-ấm một vườn xuân,
Chẳng bỏ công ra tưới nước vun phân,
Hoa quốc-ngữ đặng mười phần sinh-sắc.

Phượng múa rồng bay cây bút sắt,
Vàng ghi đá tạc lấm lòng son ;

Mặt-mây quen tuy mới mấy trăng tròn,
Gió nam đầy nước-non gần thuở trước ;
Đường học-thức hãy còn nghìn vạn
thước,

Dắt tay nhau, lần bước tới nơi cùng.
Chữ rằng : Hữu thủy, hữu chung !

Mừng ông Nguyễn Văn-Kiểm

(Mới sanh thêm một trai)

I

Nhà thêm một nghìn hai, nuôi-nấng
đặng nên vai nên vế ;
Ngày còn ba vạn sáu, ăn chơi cho
đến lớn đến khôn.

NGUYỄN HUỲNH-MAI.

II

Được hai rồi, một nữa là ba,
Hương lửa bền lâu rõ phước nhà ;
Năm Quí, trở sanh ra trẻ quí,
Này quả, mừng bạn lại mừng ta. . .

NGUYỄN THÀNH-GIÁO

Họa bài ngũ-thập-lục tự-thuật

(Của Đông-châu tiên-sinh N.P. 178)

Sinh-sạch theo sau cái tuổi già,
Nhờ trời cụ khỏe gặp người ta ;
Giang-hồ bước cũ xênh-xang trái,
Sương-tuyết đầu nay lốm-dốm pha ;
Cất bút vân-yên tay vẫn nhẹ,
Đeo gương nhật-nguyệt mắt chưa lòa ;
« Huân thời » giúp sức bền hơi gió,
Nam, Bắc, Trung-kỳ thỗi khắp ba.

Bạn cho chiếc quạt

Thăm-thoắt xuân qua, hạ bắt đầu,
Yêu nhau quạt đã tặng cùng nhau ;
Nửa vầng minh-nguyệt khi phiên-xuất,
Muốn trận thanh-phong lúc sở-cầu ;
Viêm-nhiệt thời tan cơn sớm tối,
Hành-tàng định sẵn chỉ xưa sau ;
« Chỉ-huy » hai chữ thâm-giao hỡi,
Phẳng-phất còn nghe truyện Vũ-hầu.

Chợ thưởng xuân

(Năm 1933 ở nhà hội K. T. T. Đ. Hà-nội)

Kinh-lẽ lâu nay sút-kém dần,
Hà-thành nhân mở chợ du-xuân ;

(1) Vào xem mỗi người mất 5 xu.

Phở-bày món cũ chen hàng mới,
Náo-nức người xa lẫn khách gần ;
Múa kiếm có ni nghề đấu-võ,
Leo dây bác ấy thuật sưu-thần ;
Ai ơi chớ quên năm xu cửa (1),
Ta gặp ta vô dễ mấy lần.

Đêm hè chơi chùa Phúc-lâm

Mang thân tai-mắt cánh nhà Nho,
Bồng chốc đêm thanh lời cửa Cờ ;
Mềm cảnh từ-bi bà vãi lại,
Xong tuần hương-lửa bác sư vô ;
Trăng soi tường cũ phơi rêu đá,
Gió cuốn canh khuya gợn nước hồ ;
Ơn chùa nợ trai kỳ trả vẹn,
Lần trăng sau sẽ niệm na-mô.

Thăm ông Trần Đức-Châu đi**Lạng-sơn mở hiệu may**

(Cách liên hoàn)

Tấn kịch văn-minh đóng với đời,
Ngang-tảng chờ phụ đấng làm trai ;
Cờ-cửu giữ vững khuôn nhà cũ,
Gấm-vóc phô thêm vẻ nước ngoài ;
Ti-tuyết hoa lồng gương sớm tối,
Lý-đào rượu chuốc chén đầy vơi ;
Cối trần « mặt lạ » nhiều anh chuốc,
Tri-kỷ đôi ta dễ mấy người.

Tri-kỷ đôi ta dễ mấy người,
Họ-hàng vãi lại bạn bè chơi ;
Ngọn nguồn Dì-thủy chèo ngang-đọc,
Trận gió xuân-phong lúc nổi cười ;
Cửu-mã đình-ninh nguyên-ước cũ,
Thi-thư vương-vit nợ-nần chơi ;
Cho hay Âu-Á trào thay đổi,
Cái giá « nho nhe » vẫn ngất trời.

Cái giá « nho nhe » vẫn ngất trời,
Chưa gì kết-quả cũng thanh thoi ;
Mở trường tư-thực chặn đàn trẻ,
Bạt máy sinh-cơ giúp sức đời ;
Non-nước tỉnh hồn thơ-thần ngấm,
Mây-mưa hã chỉ gặt-gù chơi ;

Khi nhân lại gở tay kinh-tế,
 Tranh-cạnh năm châu buổi hiện-thời.
 Tranh-cạnh năm châu buổi hiện-thời,
 Rằng lên xứ Lạng đó là nơi ;
 Non xanh nước biếc Nam kê Bắc,
 Rượu xách nem đeo Mán lẫn Hời ;
 Cảnh lạ có đi thì mới biết,
 Tình xưa còn thắm vẫn chưa phai ;
 Nhớ câu hồn bẽ anh em cả,
 Đâu cũng xuân-thu cũng một trời.

Đâu cũng xuân-thu cũng một trời,
 Chúc nhau đi một sẽ về mười ;
 Nguồn tài trướng-dật sông Kỳ chảy,
 Về học huy-hoàng núi Mậu phơi ;
 Huyền-thỉ 懸矢 lòng xưa son vẫn tím,
 Đề-kieu 題橋 dấu cũ mực chưa phai
 Râu-mày đội lối thân nam-tử,
 Tấn kích văn-minh đóng với đời.

NHÂN VĂN-ĐÌNH

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Một cuộc đảo-chính ở Xiêm-la

Cuộc cách-mệnh ở Xiêm-la ngày 27 Jun năm ngoái, đã làm cho các nước láng-giềng bỗng nghe tin mà giật mình. Không mất một phút súng, không mất một giọt máu, bọn chính-khách nước Xiêm đã đặt tổ-quốc vào một kỷ-nguyên mới.

Năm nay cũng về hồi cuối tháng sáu này, nhân vua Xiêm đi nghỉ mát vắng, trong triều lại có cuộc đảo-chính, mà quan đại-tá BAHOL là người chủ-trương việc đảo-chính này. Quan đại-tá PAYA BAHOLBALABAYUHASENA từ chức tuần-lễ trước đây nay có lục-quân, hải-quân giúp sức cho, lại chiếm quyền-bính, mà đuổi quan thủ tướng, các quan tòng-trưởng tài-chính, ngoại-giao, quốc-phòng, và nội-vụ về.

Quan đại-tá có lời tuyên-bố rằng hội - đồng quốc-ngộ bãi nguyên-lão nghị-viện là làm trái hiến-pháp. Ông lại chiếm lấy quyền-bính để thi-hành cho đúng hiến-pháp, và lập lại nguyên-lão nghị-viện. Ông nói ông đã điện cho quốc-vương hiện ở Huahin đề trình bày mọi việc.

Quân lính giữ các bộ. Nhân-dân yên tĩnh. Không xảy ra rối loạn gì cả.

Xiêm-hoàng chuẩn-y cho quan thủ-tướng và các quan thượng-thư từ chức. Sẽ cử ngay các quan thượng-thư mới.

Xiêm-hoàng đã cử quan đại-tá PAYA BAHOL, làm tổng-lý nội-các.

Xiêm-hoàng hạ lệnh cho nghị-viện lại họp ngay.

Người ta bảo rằng : Cái nguyên-do sâu-xa của các cuộc cách-mệnh ở Xiêm-la đều do ở tài-chính và kinh-tế mà sinh ra.

Cách-mệnh kỳ thứ nhất là do bởi sự hăm đánh thuế các nhà sản-nghiệp mà sinh ra.

Cách-mệnh kỳ thứ nhì này, thời lại như tuồng bởi đồng tiền ticaux mà có.

Ai cũng biết tiền tệ ở thế-giới ngày nay chia làm hai thứ : Kim-bản-vị và ngân-bản-vị. Nghĩa là hoặc dùng vàng làm gốc, hoặc dùng bạc làm gốc, và bên phe Ngân-bản-vị thì có đồng Dollar của Hoa-kỳ là mạnh nhất, bên kim-bản-vị, thì có Livre sterling của nước Anh.

Ấy thế mà gần đây người Xiêm lại đổi qua ngân bản-vị mà theo đồng Dollar của Hoa-kỳ.

Đem đồng tiền Xiêm đổi ra ngân-bản-vì theo đồng tiền dollar của người Hoa-kỳ tức là đem hết bao nhiêu cơ-quan tài-chính kinh-tế thiên trọng về phe Hoa-kỳ.

Vì vậy thời Anh từ xưa đến nay họ có ý nghĩ thầm cho Xiêm là một xứ thuộc địa của họ, thì bây giờ có thể chi mà họ lại chịu khoanh tay để cho người Hoa-kỳ dành hết quyền-lợi như thế.

Bên ngân-bản vì hay là Dollar, bên kim bản-vì hay là Livre sterling chống chọi nhau, thì tài nào chính-phủ Xiêm tránh cho khỏi những cuộc chánh-biến như cuộc chánh-biến ngày nay.

Thời-cục nước Tàu

Tình-hình chánh-phủ Trung-ương. — Chánh-phủ Nam-kinh sau khi đã cùng quân Nhật ký bản hiệp-ước đình-chiến ở Đường-cổ, biết là quốc-dân không bằng lòng, ngày 5 Juin, trong một cuộc kỷ-niệm của chánh-phủ Nam-kinh. Ông Tinh-Vệ có phát-biểu về việc đình-chiến ở Hà-bắc, trong có một đoạn thi dụ, thuật ra như sau :

« Cuộc đình-chiến ở Hà-bắc lần này, cùng cuộc đình-chiến ở Thượng-hải năm ngoái, về tinh-chất đại-ý giống nhau, chỉ hạn về quân-sự, không thiệp đến chánh-trị. Nhưng nói về đại-thể lại có cái khác nhau, kết-quả cuộc đình-chiến ở Thượng-hải là quân Nhật xuống tàu về ước, mà ở Hà-bắc quân Nhật rất nhiều, chẳng qua chỉ rút ra ngoài Trường-thành. Nếu thừa-nhận thì dường như từ bên ngoài Trường-thành đã không phải là linh-thở của ta, nhưng về sự thực, về lý-luận đều không phải như thế, vì như có một người, có một cái nhà đang ở, bị một kẻ khác chiếm lấy, lấy lý bảo nó thì nó không nghe, mà đánh nhau với nó, lại bị nó đánh đuổi khỏi cửa ra tận ngoài đường, thân bị trọng-thương, cây-cửa

không được, tạm thời còn phải đứng ở giữa đường, điều đó thực là bị nhục-như thật. Nhưng người ấy không hề có thừa-nhận đem cái nhà ấy nhường cho kẻ kia, nhất là không bao giờ lại chịu đem văn-khế cái nhà ấy mà giao cho nó. Coi đó đủ biết cuộc đình-chiến ở Hà-bắc lần này, tuyệt không phải có nhận từ bên ngoài Trường thành không phải là đất của ta nữa ».

Ông Tinh-Vệ, lại tuyên-bố như sau này :

1.) Việc chánh-phủ Quảng-châu điện cho Hoa-kỳ phản-đối việc chánh-phủ Hoa-kỳ cho Trung hoa vay tiền để mua bông và lúa mì chẳng qua là một việc cớ động để mưu sự thay đổi chánh-trị.

2.) Tuy rằng việc thái-quân của Phùng Ngọc-Tường còn nhiều sự khó-khăn, song việc Sát-cáp-nhi đã giải quyết xong.

Ông Tinh-Vệ lại tuyên-ngôn rằng các đại-biểu của dân-dảng đến tháng Novembre này sẽ họp để bàn về cái vấn-đề quốc-dân tham-dự chánh-trị, nhưng dù thế nào mặc lòng, quốc-dân-dảng, và tòa nội-các cũng phải chịu trách-nhiệm về cuộc khủng-hoảng ngày nay. Ông tỏ ý tin cậy về các nơi chánh-trị ở miền tây nam. Ông nói các quan Trung-hoa ở miền bắc, đã bắt đầu kiểm-đốc địa hạt Hồ-bắc của quân Nhật rút đi.

Hoàng Thiệu-Hùng tổng trưởng bộ Nội-vụ có đến Hương-cảng để thương-nghị với chánh-phủ Quảng-châu về việc đình-chiến Đường cổ Ông có tuyên-ngôn rằng ông đã hội-nghị với tất cả các linh-tụ miền tây-nam, chỉ trừ có Hồ Hán-Dân là không thôi. Ông nói trước chánh-phủ Quảng-châu đình-biệt-lập, nhưng nay đã bỏ việc ấy, còn tin đồn chánh-phủ Pháp khuyến-lu tỉnh Quảng-tây là tin đồn bậy.

Tình-hình miền Hoa-bắc. — Phùng Ngọc-Tường vẫn không chịu bỏ chức

kháng Nhật lỏng-tư-lệnh, tình-thế Sát-cáp-nhĩ thêm khó-khăn, Tổng Triết-Nguyên không muốn về lĩnh ấy nhận chức chủ-tịch. Diêm Tích-Sơn đã ra mặt điều-đinh việc ấy.

Việc Hoàng Phu, và Phùng Ngọc-Tường điều-đinh với nhau không thấy tiến-hành, Phùng Ngọc-Tường vẫn cứ nhất-quyết giữ quyền kiểm-đốc ở miền Sát-cáp-nhĩ.

Ngày hôm 23 Jun ở Trương-gia-khẩu có xảy ra một cuộc biểu-tình lớn phản-đối chánh-phủ Nam-kinh.

Tôn Khoa có cho các báo biết rằng Phùng Ngọc-Tường lại đổi thái-độ, chắc là vì các nơi chánh-trị Quảng-châu vận-động mà gây nên việc ấy để phản-đối chánh-phủ Nam-kinh.

Chánh-phủ Nam-kinh cho phép hội-đồng chánh-trị ở Bắc-bình nhận các khoản thỉnh-cầu của Phùng Ngọc-Tường. Theo như lời thỉnh cầu ấy thì Phùng được cử tồ-chức lại tỉnh Sát-cáp-nhĩ. Phùng và hai viên tỳ-lương sẽ được bỏ chức quan, mà Phùng lại được giữ chức danh-dự lĩnh-trưởng lĩnh ấy.

Tướng Giới-Thạch có phái đại-biêu đến Trương-gia-khẩu yết-kiến Phùng Ngọc-Tường xin Phùng tự kết-thúc việc kháng Nhật, đến Nam-kinh nhận chức huấn-luyện tổng-giám hay một chức cao khác, không thì nên dời đi ở nơi khác. Hai điều ấy tùy Phùng tự chọn, nhưng cốt là phải dời khỏi Sát-cáp-nhĩ.

Các quan ở miền bắc Trung-hoa định quả-quyết xử-trí việc Sát-cáp-nhĩ cho xong, nếu Phùng Ngọc-Tường không ưng thuận các khoản của chánh-phủ thì sẽ bắt Phùng phải chịu trách-nhiệm về mọi sự sẽ xảy ra.

Có tin rằng vũ-tướng Hoàng Phu chủ-tịch ban chính-trị ở miền bắc Trung-hoa, định cử vũ-tướng Bàng Bình-Huân là bạn của Phùng Ngọc-Tường, làm lĩnh-trưởng lĩnh Sát-cáp-

nhĩ, mà Phùng Ngọc-Tường thì sẽ cử vào một trọng-chức ở Nam-kinh. Các nơi chánh-trị cho rằng điều-đinh như thế có thể ổn được.

Chánh-phủ Trung-ương đã mấy lần khai hội bàn cách xử-lý Phùng Ngọc-Tường, nghe dân đã quyết đến lúc vạn-bất-đắc-di sẽ dùng võ-lực giải-quyết.

Còn về quân Nhật từ khi đình-chiến rồi, có tin nói Nhật sẽ dùng 2 vạn quân đóng ở Trương-thành-luyện đã coi đường ấy làm quốc-giới lâu dài của Mãn-châu-quốc. Quyết-định ở 6 cửa ải quan-yếu là: Cồ-bắc-khẩu, Hỉ-phong-khẩu, Lãn-khẩu, Giới-lĩnh, Cửu-môn-khẩu, Sơn-hải-quan đắp những pháo-lũy kiểu mới từ bắc hướng nam.

Người Nhật đối với vấn-đề Mãn-châu.— Theo như tin các báo hằng ngày thì người Nhật sau khi đình-chiến ở Hoa-bắc, đối với vấn-đề Mãn-châu cho là đã làm xong một đoạn. Nhưng xem ra vẫn ra sức tiến-hành quyết ở trong một thời-kỳ rất ngắn, đem Mãn-châu, Nhiệt-hà biến thành ra đất thực-dân, lược kể mấy việc mà người Nhật đang làm như sau:

1') Kế-hoạch Nhật-Mãn tập-đoàn kinh-tế.— Nhật-bản từ khi lấy được Mãn-châu, tru đình ngay việc « Nhật-Mãn lập đoàn kinh-tế », hiện nay nhân việc quân đã kết-thúc, bèn quyết trong 3 năm làm xong cái kế-hoạch ấy, bắt buộc « đội đột-kích » trong cái kế-hoạch 5 năm của Tô-Nga, tồ-chức « đội dinh-thân », do quân-đội và các đoàn-quân-nhân thanh-niên đã thoái-ngũ, chiêu-mộ đội viên để lấy người làm cho chóng xong cái kế hoạch ấy.

2') Kế-hoạch cảnh-bị cả Mãn-châu.— Quân Nhật muốn trừ hết quân nghĩa-dũng các nơi, tồ-chức ra bộ cảnh-bị, thuộc vào quốc-vụ viện nước Mãn-châu, bộ-trưởng sẽ cử đại-ủy Cam-há là người đã nổi tiếng về việc thất cớ giết

Đại-Sam-Vinh. Bộ cảnh-bị khác hẳn với sở cảnh-sát thường, mục-dịch là trừ tuyệt các việc vận-dộng phản-đối nước Nhật và nước Mãn, giống như sở đặc-biệt cao-đẳng cảnh-sát ở nước Nhật.

3') Việc di-dân.— Do Thác-vụ tỉnh (bộ thực-dân) và hai phủ tổng-dốc Triều-liên, Đài-loan chiêu-mộ những công-nhân và nông-dân thất-nghiệp, dời sang ở các nơi miền đông-bắc, quyết trong năm nay dời 10 vạn người.

4') Bỏ quan-thuế.— Về vấn-đề cải-cách quan-thuế Nhật, Mãn, muốn được thực-hành cái kế-hoạch tập đoàn kinh-tế, Nhật-bản quyết bỏ hết những thuế-lệ đã định, lập lại những thuế-lệ mới theo cách huệ-đãi lẫn nhau, phá tan cái bức tường quan-thuế.

5') Kế-hoạch khai phát những nguồn giàu.— Các công-ti doanh-nghiệp của Nhật lấy việc mở mang miền đông nước Tàu làm mục-dịch mà tổ-chức ra, hiện đã có 27 thứ. Về phần chánh-phủ Nhật, định lợi-dụng các đường sắt Mãn-châu, thực-hành cuộc kinh-tế xâm-lược lớn. Công-ti đường sắt Mãn-châu, mở rộng việc tổ-chức cục sản-nghiệp, chia đặt ra các bộ thủy-sản, khoáng-vụ hóa-học, chế-tạo lâm-sản, súc-sản, nông-sản. Số tiền chi-phi về cục sản-nghiệp hiện đã tăng lên mỗi năm là 500 vạn đồng nữa.

Lại theo như tin các nơi, sau khi hai nước Trung-Nhật đã thành-lập bản hiệp-định đình-chiến, bộ ngoại-giao Nhật định bắt đầu dùng cái chính sách ngoại-giao mới đối với Trung-hoa. Chính-sách ấy dùng hai cái chiếu-bãi là: « Trung Nhật thân-thiện đề-huê và Đông-á dân-tộc đoàn-kết ». Đối với hội Quốc-tế liên-minh và nước Mĩ con-thiếp vào việc Đông-á, quyết đem toàn-lực bài-xích. Về cái chính-sách mới đối với Trung-hoa chia làm ba bậc sau này:

a) Chủ-nghĩa tĩnh-quan.— Bản hiệp-định đình chiến đầu đã thành-lập,

nhưng cục-diện Hoa-bắc chưa thể định ngay được, cuộc vận-dộng bài-Nhật của phái Phùng Ngọc-Tường và tinh-thể miền tây nam thực chưa có thể bắt đầu giao-thiệp về việc chánh-trị với Trung-hoa, cho nên hãy tạm yên lặng chờ xem thế nào, hễ thời-cục yên định lập-tức tiến-hành việc giao-thiệp về chánh-trị, giải-quyết hết các việc rắc-rối đã qua, khôi-phục tình Trung Nhật thân-thiện.

b) Chủ-nghĩa thân-thiện.— Sau khi thời-cục yên định, định bắt đầu giao-thiệp về chánh-trị với chánh-phủ Nam-kinh và các phái thực-lực ở miền bắc. Việc giao-thiệp ấy sẽ theo các điều sau này: 1^o Các nhà đương-cục Trung-quốc nên thôi các việc hành-động có ngại cho việc trị-an và oai-quyền quốc-gia của Mãn-châu quốc; 2^o nhận rõ cái lợi-quyền của quan dân Nhật-bản ở bản-bộ Trung-quốc, phải bảo-hộ một cách thiết thực; 3^o yêu-cầu thực-hành việc thân-thiện, chớ cớ-xúy việc bài Nhật; 4^o giữ vững bản hiệp-định đình-chiến.

c) Chính-sách đề-huê.— 1^o Lập vững cái cơ-sở cuộc Đông-Á liên-minh; 2^o khuyến-dỗ các nhà đương-cục Trung-quốc bỏ cái chánh-sách liên-Anh, liên-Mĩ và nhờ cậy hội Quốc-tế liên-minh, thực hiện chủ nghĩa Đại-á-tế-á.

Dư-luận người Tàu đối với thời-cục.— Từ khi quân Nhật tung-hoành chiếm-cử cả đất Mãn-châu, lại làm-le muốn lấn vào cả vùng Hao-bắc. Thế mà chánh-phủ Nam-kinh không chịu đề-kháng, Tướng Giỏi-Thạch không chịu ra binh, cho đến nỗi thời-rời lại kỷ hiệp-uớc ở Đường-cô; chịu nhường quân Nhật, cái thái độ của Tàu như thế, ai chẳng bảo là chánh-phủ nhát, họ Tướng hèn, song có lẽ ở bên trong, những người đương-cục nước Tàu chắc có một cái khổ-tâm, một cái tôn-chỉ, hay là một cái chánh-sách cao kiển gì chăng?

Mới đây, trong một tờ báo ở Thượng-hải có đăng bài của Hồ Hán-Dân tỏ bày ý kiến đối với thời cục nước Tàu, đại lược như sau:

1— Cái cách nước Nhật lấn sang nước Tàu là một lỗi «tâm thực», nghĩa là chẳng khác gì như giồng lằm ăn lá dâu, không phải ăn luôn cả một miếng, nhưng cứ dần dần đục hết cả lá dâu lúc nào không biết.

2— Cái chính sách của Nam-kinh đối với Nhật-bản là một chính-sách bất-đề-kháng của một chánh-phủ không muốn chịu trách-nhiệm, thuận-thị chỉ trông vào Hội Vạn-quốc gỡ cho mình thoát nỗi nguy-nan.

3— Hội Vạn-quốc quyết không khi nào bênh nôi công-lý chống lại cường-quyền được. Hội Vạn-quốc không đủ thế-lực mà ngăn cản nước Nhật hiếp nước Tàu.

4— Hễ nước Tàu còn cứ tự mình không biết tìm cách tự phấn-khởi lên, thì dù kết liên với nước Nga, hay kết-liên với nước Anh, hay kết-liên với nước Mĩ, đều chẳng ăn thua gì cả. Nếu trái lại, tự nước Tàu biết phấn-khởi lên, thì rồi tự khắc hết thấy các cường-quốc sẽ đều là bạn thân của nước Tàu.

5— Ấy chính do ở cái chánh-sách lừng-lơ của chánh-phủ Nam-kinh, mà

nước Nhật càng giữ được cái địa-bản vững chãi ở nước Tàu.

6— Thế rồi, chẳng chóng thì chầy, tất chánh-phủ Nam-kinh sẽ điều đình cùng Nhật-bản, chứ không có một chút ý-tức gì muốn đề-kháng cả.

7— Vì cái chánh-sách bất-đề-kháng ấy, vì bọn cầm quyền ở nước Tàu ngày nay, không có gan chịu trách-nhiệm, không đủ tài-cán để tìm cách gỡ cho nước nhà thoát khỏi vòng nguy-nan này, thành thử cái chánh-sách của chánh-phủ Nam-kinh là cái chánh-sách «bất-chiến mà bất-hòa»; chẳng đoái trông chi đến cách chống chọi với kẻ cừu-dịch, chỉ cần đầu tìm hết cách để mon men vào chốn quyền-vị.

8— Cái chánh-sách lo việc bình trị trong nước, trước khi lo việc đối-phó với sự hiếp-bách của nước ngoài, là một chánh-sách «tự-tử» đó.

9— Cái phương-pháp chân-chính để bảo-thủ lấy vận-mệnh nước Tàu ngày nay, là trước hết phải kháng-cự lại kẻ cừu-dịch ở ngoài của mình đã, vì đó chính là cách hợp-nhất nước Trung-hoa vậy, nghĩa là nước Tàu phải «giao-chiến thật sự» với nước Nhật thì mới thống-nhất được nước Tàu.

Việc trong nước

(Từ mồng 1 đến 30 tháng 6 năm 1933)

Đức Bảo-đại đi nghỉ mát ở Dalat. — Ngày mồng 2 Jun, đức Bảo-đại đã tới Đa-lát để nghỉ mát, có quan Ngự-tiền Văn-phòng Đồng-lý đi bộ-giáp.

Số người mắc bệnh phong ở Bắc-kỳ. — Theo bản điều-tra của sở Y-tế Bắc-kỳ, thì trong xứ hiện nay có đến 5.715 người mắc phải bệnh phong (hủi). Trong số ấy có 2.515 người đương

duỡng-bệnh tại nhà Dưỡng-tế, còn 800 người mắc bệnh mà còn trốn tránh và 2.400 người mắc bệnh mà còn chưa lờ ra.

Sửa đổi mấy điều trong Học-chính tổng-quy. — Nghị-định quan Toàn-quyền ký tại Dalat ngày 17 Jun sửa đổi lại mấy điều trong Học-chính tổng-quy, có quan-hệ đến bậc tiểu-học và cao-đẳng tiểu-học Pháp-Việt tại Đông-dương như sau này :

Điều 130. — Kỳ thi lên lớp trung-đẳng năm thứ nhì chỉ có những bài viết bằng Pháp-văn là :

1) Một bài ám-tả dễ từ 8 đến 10 dòng, có hai câu hỏi, một câu về nghĩa hai ba tiếng trong bài, một câu về mẹo (hẹn 3 khắc đồng hồ).

2.) Một bài dịch vài câu Pháp-văn giải-dị ra tiếng bản-xứ (hẹn 3 khắc). Tại Trung-kỳ thi thề-lệ lên lớp trung-đẳng năm thứ nhì sẽ do quan Khâm-sứ Trung-kỳ định.

Điều 131. — Kỳ thi lên lớp Cao-đẳng chỉ có những bài thi viết theo chương-trình lớp Trung-đẳng năm thứ nhì là :

1.) Một bài ám-tả Pháp-văn vừa dùng làm bài tập viết : nửa giờ.

2.) Một bài luận Pháp-văn dễ : 1 giờ.

3.) Một bài dịch một bài Pháp-văn dễ ra tiếng bản-xứ : 3 khắc.

Hội-đồng sát-hạch do viên trưởng-giáo chủ-tọa và gồm có hai viên nữa là thầy học lớp học-trò ra và thầy học lớp học-trò vào.

Điểm số cho từ 0 đến 10. Điểm 0 bị loại.

Tại Trung-kỳ thi thề-lệ thi lên lớp cao-đẳng sẽ do quan Khâm-sứ Trung-kỳ định.

Bậc cao-đẳng tiểu-học Pháp-Việt

Điều 167. — Chỉ những thí-sinh hợp lệ niên-hạn và bằng cấp sau này mới được vào theo học năm thứ nhất các trường Cao-đẳng tiểu-học.

1. Không được quá 16 tuổi tây (cả trai lẫn gái) tính đến 31 décembre năm xin học.

Niên-hạn ấy có thể tăng lên 18 tuổi cho :

a) Học-trò Cao-miên vào trường Cao-đẳng tiểu-học Cao-miên ;

b) Học-trò Thổ, Thái, Mường vào trường Cao-đẳng tiểu-học Bắc-kỳ ;

c) Học trò Lào vào các trường Cao-đẳng tiểu-học Ai-lao ;

d) Học trò người *Bahnar Rhadé* và nói chung là học trò ở trên các cao-nguyên Trung-kỳ.

Không được xin gia-hạn tuổi.

2. Phải có bằng Tiểu-học Pháp-Việt.

Những người có bằng Sơ-học Pháp cũng có thể do nghị-định quan Thủ-hiến bản-xứ cho vào học sau khi đã đồng-ý với quan Giám-đốc học-chính.

Điều 167 bis. — Những thí-sinh hợp các điều-kiện trên ấy được vào học trường cao-đẳng tiểu-học theo lệ sau này :

1. Hễ số thí-sinh dưới số chỗ còn thừa thì chỉ có văn-bằng là đủ :

2. Hễ số thí-sinh trên số chỗ còn thừa thì cưỡng-bách phải thi. Việc cho vào học là do các ông đốc các trường định.

Nghị-định này bắt đầu thi-hành từ vụ khai-trường tới nơi này. Nhưng những điều-khoản nói trong khoản 127 không thi-hành cho những học-sinh hiện đang tòng-học.

Bằng Tiểu-học Pháp-Việt

Điều thứ nhất. — Kết-quả việc học ở bậc tiểu-học các trường tiểu-học Pháp-Việt có một kỷ hạch gọi là hạch bằng Tiểu học Pháp-Việt *certificat d'études primaires franco indigènes*.

Từ rày trở đi phải học đủ ba lớp tiểu-học mới được hạch

Điều 2. — Chỉ những nam nữ thí-sinh hợp lệ sau này về hạn tuổi và học-khóa mới được ứng-thi :

1. Tính đến ngày 31 décembre năm học phải đầy 12 tuổi (tuổi tây). Không được xin gia-hạn tuổi.

2. — Đã đỗ bằng Sơ-học yếu-lược :
3. — Đã học đủ ba lớp tiểu-học.

Cách ứng hạch thế nào

Điều 3.— Phàm ứng-hạch bằng Tiểu-học Pháp-Việt phải nộp hoặc gửi thư dán tem đến quan Thống-đốc Nam-kỳ hay là các quan Thống-sứ, Khâm-sứ vào trong thời-hạn đã định những giấy má sau này :

1. Một cái đơn ứng-hạch đề tên họ, tuổi (ngày sinh và nơi sinh), tên cha mẹ, nghề-nghiệp và trú-quán cha mẹ cùng là học trường công hay trường tư nào. Đơn ấy phải làm đúng với kiểu mẫu đính theo nghị-dịnh này. Đơn ấy có thể là một cái đơn sẵn giao cho thí-sinh cũng được. Dù thế nào mặc lòng, đơn ấy bao giờ cũng phải do tay thí-sinh viết lấy hoặc điền-bổ lấy và ký tên lấy cùng là phải dán tem tín-chỉ. Trong đơn phải khai rõ là có tình-nguyên hạch kỳ Hán-tự mới đặt ra ở trong nghị-dịnh này hay không.

2. Giấy khai sinh.

3. Bản sao nhận-thực rằng đã đỗ bằng Sơ-học yếu-lược.

4. Bản giấy nhận-thực rằng đã học đủ ba lớp bậc Sơ-học.

Điều 4.— Các thí-sinh trường công nộp đơn cùng những giấy má nói ở điều trên kia cho viên trưởng-giáo trường mình. Lúc đệ những đơn ấy thì viên trưởng-giáo đính một bản kê-khai danh-sách học-sinh trường mình, bên cạnh có biên tên tuổi, ngày sinh và nơi sinh, tên họ nghề-nghiệp và trú-quán của cha mẹ

Các viên trưởng-giáo trường tư cũng được thu-tập và đệ đơn của học-sinh trường mình như trên ấy.

Điều 5.— Danh-sách các thí-sinh ở trong mỗi xứ sẽ do nha Học-chính

trong xứ gửi đến các quan chánh hội-dồng sát-hạch.

Điều 6.— Lúc bắt đầu khai kỳ hạch, thì hội-dồng cử một viên thư-ký đọc tên những thí-sinh đã có tên trong sổ.

Lúc gọi tên thì bắt thí-sinh ký tên vào sổ để xét căn-cước, còn trong khi hạch thì bắt cứ một viên nào trong hội-dồng sát-hạch cũng có thể bắt đưa trình cái thẻ căn-cước ra. Thẻ ấy phải dán ảnh và đề rõ họ-tịch và có tên ký của thí-sinh. Phải dán tem và ký tên liền vào thẻ và ở trên ảnh.

Song đối với các thí-sinh ở các trường công, thì tên ký ở trong thẻ căn-cước không bắt phải có quan-chức nhận-thực, nhưng thẻ ấy phải do viên trưởng-giáo trường học ký tên, theo như điều 256 bộ Học-chính tổng-quy.

Nếu có cần thì tên ký của thí-sinh ở trong sổ gọi sẽ đem so với tên ký ở trong thẻ căn-cước và ở trong đơn xin ứng hạch.

Rồi mới hợp thí-sinh vào đề hạch viết. Kỳ viết thì đóng cửa không cho công-khai, hoặc là thí sinh ngồi chung, hoặc là chia ra từng bọn có các viên do quan chánh-hội-dồng cử ra trông nom.

Điều 7.— Việc kiểm-soát trong phòng hội-dồng thì do quan chánh-hội-dồng hay đại-biểu của quan chánh-hội-dồng trông nom.

Nếu có nữ thí-sinh thì quan chánh hội-dồng sẽ cử một nữ-giáo-viên trông nom.

Phàm thí-sinh, bắt được thông tin với nhau, bắt được gian lậu hay chực gian lậu trong khi đương hạch thì sẽ phải đuổi đi. Việc đuổi ấy do quan chánh-hội-dồng định.

Vì duyên-cớ gì mà đuổi thì quan chánh-hội-dồng sẽ làm tờ trình đệ lên quan Thủ hiến trong xứ. Quan Thủ

hiển trong xứ có thể cấm người thí-sinh phạm lỗi không được dự các kỳ hạch gì khác trong một khóa hay là luôn trong mấy khóa.

Nếu khi cấp bằng rồi mới tìm ra sự gian-lậu thì bằng ấy sẽ do quan chức có trách-nhiệm tiêu-hủy đi.

Thí-sinh nào dùng sự gian-lậu mà ứng hạch thì cũng bị tiêu-bủy văn-bằng như thế.

Điều 8. — Kỳ hạch vấn-đáp thi công-khai trừ ra lúc hỏi nữ-thí-sinh thì chỉ có đàn-bà được chứng kiến thôi.

Trong khi hạch vấn-đáp, quan chánh-hội-đồng hay viên đại-biểu quan ấy có thể trực ra khỏi phòng những người nào vì sự cử chỉ mà làm cho các thí-sinh phải ngượng hay là làm ngăn-trở các viên hội-đồng.

Điều 9. — Ngoài những sự trừng-phạt định ở điều thứ 7 trên kia, lại có thể thi-hành những điều trừng-phạt về hình-sự do các đạo luật đã ấn-định đối với những dân thuộc-địa hay dân bảo-hộ, nhất là đạo luật ngày 23 Décembre 1901 thi-hành đối với những người dân thuộc-địa do nghị-định ngày 30 Mars 1902 đã tuyên-bố tại Đông-dương.

Điều 10. — Những tờ giấy đề làm văn bài sẽ do hội-đồng phát cho thí-sinh và phải theo như kiểu-mẫu đính với nghị-định này. Thí-sinh không được đánh số, hoặc ký tên hoặc biên dấu hiệu gì vào giấy làm bài để nhận ra được là bài của mình, hễ trái lệ ấy thì phải đuổi.

Điều 11. — Khi chấm xong và ghi điểm số của mỗi bài xong rồi mới được hợp-phách. Phách bài nào cũng phải có các viên hội-đồng chấm ký vào.

Điều 12. — Hạch có các kỳ viết và các kỳ vấn-đáp tại những hạt nào thì mỗi năm sẽ do quan Thủ-hiến trong xứ định.

Điều 13. — Các hội-đồng sát-hạch bằng Tiểu-học Pháp-Việt do quan Thủ-hiến trong xứ làm nghị-định cứ chiều theo tờ tư của quan chánh-Học-chính.

Các hội-đồng ấy phải có những vị sau này :

1) Quan chánh-Học-chính hay một vị đại-biểu quan ấy làm chánh hội-đồng ;

2) Một quan Thanh-tra tiểu-học Pháp-Việt, hay tại Bắc-kỳ và Trung-kỳ thì một quan đốc-học hay kiểm-học làm phó-hội-đồng ;

3) Các giáo-viên người Pháp hay người bản-xứ, nhiều ít tùy với số thí-sinh làm hội-viên.

Các giáo-chức bản-xứ dự hội-đồng sát-hạch bằng Tiểu-học Pháp-Việt thì ít ra cũng phải có bằng Cao-đẳng tiền-học Pháp-Việt.

Không có viên hội-đồng nào được sát-hạch học-trò của mình, bất cứ là kỳ viết hay kỳ vấn-đáp.

Chương-trình hạch từ nay lại có thêm Hán-tự và quốc-văn

Điều 14. — Chương-trình hạch tức là chương-trình lớp cao-đẳng bậc tiểu-học Pháp-Việt.

Điều 15. — Các đầu bài kỳ hạch viết do quan chánh-Học-chính chọn và bỏ vào phong-bì gấn kín gửi đến quan chánh-hội-đồng. Các phong-bì ấy phải mở ở trước mặt các thí-sinh.

Điều 16. — Các kỳ hạch viết gồm có :

1) Một bài ám-tả Pháp-văn thường, từ 10 đến 15 dòng. Bài ấy đọc một lượt thông-thả, sau mới đọc cho thí-sinh viết và đọc cả dấu chấm câu nữa ; sau cùng đọc lại một lần nữa.

Dưới bài ám-tả có câu hỏi (ba câu là nhiều) về nghĩa câu hay là về mẹo ;

2) Một bài luận đề bằng Pháp văn.

3) Một bài luận đề bằng chữ bản-xứ.

4) Hai bài tính đồ về bốn phép tính và phép cân, đo, lường và có giải nghĩa (*solution raisonnée*).

5) Một trang viết tập 10 dòng chữ lớn, một dòng chữ *rong*, 6 dòng chữ thường.

6' a) Con trai : một bài tập vẽ rất thường.

b) con gái : khâu thường.

7. Một bài viết tập chữ Hán bằng bút lông chừng 12 đến 15 chữ và dịch ra quốc-ngữ. Bài này là bài tình-nguyên, chương-trình không bắt buộc.

Bài chữ Hán hễ khi nào ra bằng rồi, mới cho hạch và chỉ những thí-sinh nào đỗ rồi mà lúc đệ đơn có tình-nguyên thì mới được dự.

Các bài vấn-đáp gồm có :

1. Tập đọc một bài bằng Pháp-văn và nói chuyện thường bằng Pháp-văn.

2. Dịch một tiếng bản-xứ ra Pháp-văn ;

3. Hỏi về luân-lý ;

4. Hỏi về tập-vật học và vệ-sinh ;

5. Hỏi về địa-dư và sử-ký.

Quốc-văn từ nay cũng trọng bằng Pháp-văn

Điều 18. — Thời giờ làm mỗi bài và nhân-số ấn-định như sau này (điểm số cho từ 0 đến 20).

KỶ VIẾT :

Các bài hạch	Thời giờ	Nhân số
Ấm-tả chữ Pháp	1 giờ	1
Câu hỏi	1 —	1
Luận Pháp-văn	1 —	3
Luận quốc-văn	1 —	2
Tính đồ	1 —	2
Tập viết	1/2 —	1
Tập vẽ	1/2 —	1
Tập khâu	1 —	1

KỶ VẤN ĐÁP :

Tập đọc Nhân số

Tập đọc nhân 2 và nói chuyện nhân

2 = 4.

Dịch 1

Luân-lý 1

Tập-vật và vệ-sinh 2

Địa-dư và sử-ký 2

Hỏi mỗi bài không được quá 10 phút.

Bài Hán-văn làm hạn trong một giờ.

Điều 19. — Các bài viết điểm-số ít ra phải cộng được 50 điểm, trong số ấy bài ấm-tả và luận Pháp-văn ít ra phải được 18 điểm thì mới được vào kỳ vấn-đáp.

Các bài bắt buộc, bất cứ là kỳ viết hay kỳ vấn-đáp, bài nào phải 0, là bị loại ngay.

Bài ấm-tả và những câu hỏi kể là hai bài riêng.

Thí-sinh nào được ít ra 100 điểm trong hai kỳ viết và vấn-đáp mới trúng-tuyển.

Về bài Hán-văn, phải được điểm-số trung-dình trở lên mới được kể là trúng-tuyển và trong bằng sẽ đề là « đỗ phần Hán-văn ».

Điều 20. — Kết-quả kỳ hạch viết, hạch vấn-đáp và Hán-tự thì sẽ làm bằng yết-thị vào cửa trường thi.

Điều 21. — Biên-bản kỳ hạch tiểu-học Pháp-Việt khi các viên bồi-đồng đã duyệt-y và ký tên cả rồi (và có nghị-điều gì cũng biên vào đó) thì cùng với những tờ kê điểm-số và các văn bài phải đệ nộp ngay lên quan Chánh-học-chính để kiểm-soát lại xem có đúng không.

Bảng tiểu-học Pháp-Việt từ nay sẽ làm bằng hai thứ chữ

Điều 22. — Bảng Tiểu-học Pháp-Việt trong mỗi xứ Đông dương đều do

quan Chánh Học-chính cấp cho và có chữ quan Thủ-hiến trong xứ duyệt.

Bằng ấy làm bằng Pháp-văn và quốc-văn và dưới có đề « enseignement indochinois du 1er degré ». Bằng ấy sẽ làm theo y như kiểu mẫu phụ đính với nghị-định này.

Thi-sinh nào đỗ kỳ chữ Hán thi trong bằng sẽ đề thêm « Hán-tự ».

Điều 23.— Các thẻ-lệ trên ấy đến kỳ hạch bằng Tiểu-học Pháp-Việt năm 1934 mới thi-hành.

Phạm các thẻ-lệ nào trái với nghị-định này là bãi đi cả.

Điều 24.— Theo lệ tạm-thời, thi riêng một khóa năm 1934, phạm các thi-sinh nào có đủ bằng-chứng rằng đã theo học lớp trung-đẳng năm thứ nhì và lớp cao-đẳng cũng được phép hạch bằng tiểu-học Pháp-việt, không cần phải học đủ cả ba năm bậc tiểu-học như đã bắt buộc ở điều thứ 2 trong nghị-định này.

Hội-đồng Cải-cách của triều-đình Huế.— Ngày 17 Juin 1933, Hội-đồng Cải-cách của Triều đình Huế đã họp lần thứ nhất tại Kinh-tể Bảo tàng-viện Huế, do quan Khâm-sứ THIBEAUDAU chủ-tọa, năm quan Thượng-thư PHẠM QUỲNH, NGÔ ĐÌNH-DIỆM, THÁI VĂN-TOÀN, HỒ ĐẮC-KHẢI, BÙI BẮNG-ĐOÀN và quan Thượng-thư Dân-biêu NGUYỄN TRÁC làm hội-viên, các quan cố-vấn DU BASTY, COLLET, DÉLÉTIE, LAGISQUET dự hội. Các dự-án cải-cách đem bàn xét như sau này: 1^o Xét bản dự-thảo Hình-luật mới; 2^o Xét bản dự thảo chế-độ mới của viện Dân-biêu; 3^o Xét bản dự-thảo chế-độ quan-lại; 4^o Xét bản dự-thảo thẻ-lệ tài-chính của Nam-triều; 5^o xét các bản dự-thảo cải-cách giáo-dục về bậc Sơ-đẳng và Tiểu-học.

Hội-đồng khai-mạc luôn từ sáng ngày 17 đến tối ngày 21 mới bế-mạc.

Các dự-án đem bàn xong thì đệ lên đức Bảo-đại đế Ngai hiệp-thương với quan Toàn-quyền một lần nữa rồi mới chuẩn-y.

Thẻ-lệ mới về Thừa-phát-lại ở Đông-dương.— Nghị-định quan Toàn-quyền mới định về thẻ-lệ chức Thừa-phát-lại (*huissier*) như sau này:

Số thừa-phát-lại ở các tòa Thượng-thẩm Sài-gòn và Hà-nội, cùng các tòa sơ-thẩm Sài-gòn, Hà-nội, Hải-phòng, Pnom-Penh nay ấn-định như sau này:

Tại Sài-gòn: 3 người, trong số ấy một người phải ở tại Chợ-lớn.

Tại Hà-nội: 2 người.

Tại Hải-phòng: 1 người.

Tại Pnom-Penh: 1 người.

Chức thừa-phát-lại do quan Toàn-quyền bổ, chiếu theo tờ trình của quan Chương-lý sung Giám-đốc nha Tư-pháp.

Phải hợp cách-thức sau này:

1^o— Ít ra 25 tuổi;

2^o— Là người quốc-tịch Pháp.

Song, thừa-phát-lại ở các tòa án ngoại những địa-hạt trên kia thì những người quốc-tịch Pháp, người bảo-lộ hay thuộc-địa Pháp đều có thể bổ được cả, không có phân-biệt gì;

3^o— Phải hạch đỗ một kỳ chuyên-nghiệp mà chương-trình với thẻ-lệ đều do quan Toàn-quyền định.

Song những người sau này được miễn-hạch:

a) Có bằng cử-nhân luật;

b) Có các văn-bằng luật-học;

c) Các cựu-học-sinh trường pháp-chính Hà-nội;

d) Các cựu-học-sinh trường Cao-học Đông-Pháp;

e) Những người có bằng luật-học Đông-dương tại trường Cao-đẳng luật-

học Hà-nội, đã làm hai năm thư-ký tại một sở nò-te, thầy kiện hay là thừa-phát-lại.

Các thừa-phát-lại ở Sài-gòn, Chợ-lớn, Hà-nội, Hải-phòng và Pnom-Penh đều phải ký-quĩ 500 đồng. Ở các tòa án khác thì số ký-quĩ đặt là 300 đồng.

Lương bổng mới của các ông đốc và ông tham. — Nghị-dịnh quan Toàn-quyền ngày 21 Juin 1933 đã định lại lương-bổng của các ngạch tương-đương và ngạch thượng hạng các viên chức bản-xử.

Theo như nghị-dịnh mới ấy thì niên-bổng của các viên y-khoa tiến-sĩ bổ làm Đông-dương bác-sĩ tập-sự (*Doc-teur indochinois du cadre latéral stagiaire*) chỉ được có 1.200 đồng thôi, rồi các bậc trên cứ mỗi bậc được tăng như sau này :

Đông-dương bác-sĩ hạng năm	1.440\$
—	tư 1.680,
—	ba 1.920,
—	nhì 2.160,
—	nhất 2.400,

Đông-dương bác-sĩ thượng-hạng hạng	ba 2.760,
—	nhì 3.120,
—	nhất 3.480,

Đông-dương bác-sĩ ngoại-hạng 3.960,

Còn ngạch Đông-dương y-sĩ (*Médecin indochinois*) và ngạch giáo cao-đẳng tiểu-học (*professeur de l'E. P. S. F. I.*) thì lương bổng y như nhau và định như sau này :

Tập-sự	720\$
Hạng năm	840,
Hạng tư	960,
Hạng ba	1.080,
Hạng nhì	1.200,
Hạng nhất	1.400,
Thượng-hạng hạng ba	1.600,
—	nhì 1.800,
—	nhất 2.100,
— ngoại-hạng	2.400,

Ngạch Đông-dương dược-sĩ (*pharmacien indochinois*), Đông dương thú-y (*vétérinaire indochinois*), và ngạch tá-sự chuyên-môn nông-chính và lâm-chính (*agent technique des services agricoles et du service forestier*) lương-bổng cũng y như nhau và định như sau này :

Tập-sự	600\$
Hạng năm	720,
Hạng tư	840,
Hạng ba	960,
Hạng nhì	1.080,
Hạng nhất	1.260,
Thượng-hạng hạng ba	1.440,
—	nhì 1.620,
—	nhất 1.800,
— ngoại-hạng	2.100,

Theo lệ tạm-thời, các viên-chức tập-sự ở các ngạch trên đó đã làm việc từ ngày 31 octobre 1932 thì vẫn được hưởng theo thứ bậc và lương-bổng cũ.

Số tiền thu về thi bằng Sơ-học Pháp-Việt năm nay tại Hà-nội và Hải-phòng. — Năm nay mới có lệ học trò thi lấy bằng Sơ-học Pháp-Việt mỗi người phải nộp năm hào. Kỳ thi vừa rồi ở Hà-nội thu được 1.136\$50, ở Hải-phòng thu được 355\$00.

Kết quả kỳ thi bằng Sơ-học yếu-lược năm nay. — Kỳ thi bằng Sơ-học yếu-lược (*Certificat d'Etudes Elémentaires Indigènes*) khóa tháng Mai năm 1933 này, toàn hạt xứ Bắc-kỳ có 19.694 thí-sinh ứng-thí. Trong số ấy được 9.459 thí-sinh trúng cả phần chữ Pháp lẫn phần chữ Việt; và 2.841 thí-sinh chỉ trúng phần chữ Việt thôi. Tổng-cộng được 11.290 thí-sinh trúng-tuyển, nghĩa là được 57% trong số các thí-sinh ứng-thí. (Ấy là không kể số 5.125 thí-sinh đã trúng-tuyển phần chữ Việt năm ngoái, năm nay ứng-thí nốt phần chữ Pháp. Trong số 5.125 thí-sinh ứng-thí

phần chữ Pháp ấy, được 2772 thi-sinh trúng-tuyển, nghĩa là 54% số các thi-sinh ứng-thí).

Nay kê số thi-sinh ứng-thí và số thi-sinh trúng-tuyển, thuộc mỗi tỉnh-hạt trong xứ Bắc-kỳ như sau này :

	Số người ứng-thí	Số người trúng-tuyển
Hà-nội	1.716	1.227
Hải-phòng	534	411
Bắc-giang	654	232
Bắc-kạn	172	095
Bắc-ninh	1.053	635
Cao-bằng	313	238
Hà-dông	1.739	992
Hà-giang	029	018
Hà-nam	957	581
Hải-dương	1.474	699
Hải-ninh	094	075
Hòa-bình	034	025
Hưng-yên	1.153	682
Kiến-an	518	264
Lai-châu	011	006
Lạng-sơn	462	234
Lao-kay	049	027
Nam-định	2.218	1.101
Ninh-bình	1.154	658
Phủ-thọ	737	282
Phúc-yên	290	137
Quảng-yên	218	154
Sơn-tây	729	375
Sơn-la	073	039
Tuyên-quang	085	071
Thái-bình	2.235	1.504
Thái-nguyên	258	160
Vĩnh-yên	422	169
Yên-bay	308	148

Những đường dụng binh miền đông-bắc xứ Bắc-kỳ. — Cái chương-trình mở các con đường dụng binh để phòng-vệ cho miền đông-bắc xứ Bắc-kỳ đã

được chuẩn-y ngày 19 Juillet 1927 và Hội-đồng binh-vụ đã sửa lại ngày 5 Novembre 1929, hiện nay đã bắt đầu thi-hành những con đường này: Đường thuộc-dịa số 1 từ Hà-nội lên Lạng-sơn; đường số 3 từ Bắc-kạn đến Cao-bằng, qua Piatouac; đường số 3 bis từ Bắc-kạn đến Cao-bằng qua Ngân-sơn; đường số 4 từ Lạng-sơn qua Tiên-yên, Pointe Pagode; đường hàng tỉnh số 13 từ Phủ-lạng-thương đến An-châu và Định-lập.

Giới-thiệu sách và báo mới

Tinh-thần khoa học. — Ông Trương Dương-Tử soạn. Khổ sách 16×25 phân tây, 14 trang. Sách này chỉ đề biểu các bạn đồng-chí chứ không bán.

Tinh-thần vạn-năng. — Cũng ông Trương Dương-Tử soạn. Khổ sách 12×16 phân tây, 33 trang, in tại nhà in « Đức-lưu-phương », 158, Rue d'Espagne Sài-gòn, giá 0\$ 07.

«*La Patrie Annamite*». — Là tờ tuần-báo bằng chữ Pháp, ông Phạm Lê-Bồng làm chủ-nhiệm, ông Phạm Tá làm quản-lý, tôn-chỉ báo ấy lấy quân-chủ làm tiêu-biểu cho chủ-nghĩa quốc-gia, mà nhờ Bảo-hộ làm hướng - đạo để dẫn lên con đường tiến-bộ. Báo xuất-bản ngày thứ bảy, mỗi số giá 5 xu. Báo-quán ở nhà số 44 phố hàng Buồm, Hà-nội.

«*Rạng Đông*». — Là tờ tuần-báo xuất-bản ngày thứ bảy, sáu trang, nói về văn-học, thể-dục và kịch-trường, giá mỗi số 5 xu, chủ-nhiệm là ông Nghiêm Xuân-Huỳnh, chủ-bút là ông Trúc-Đỳnh Trương Công-Đĩnh, tòa soạn tại nhà số 37 phố Hàng Quạt, Hà-nội.

« *L'Union Indochinoise* ». — Là tờ tuần-báo bằng chữ Pháp, giá mỗi số 0\$ 10, ông Vũ Đình-Dy là chủ-nhiệm, tòa soạn tại nhà số 48 đường Henri d'Orléans, Hà-nội.

Bản-chí kính mừng các bạn đồng-nghiệp mới và giới-thiệu cùng các độc-giả.

Quỳnh-côi huyện-chí. — Của ông Ngô Vi-Liễn mới xuất-bản. Ông huyện Liễn trước trọng-nhậm ở Cẩm-giăng đã soạn ra quyển Địa-dư huyện Cẩm-giăng. Nay ông sang trọng-nhậm ở Quỳnh-côi, lại hay tường xét về tình-thế, nhân-dân, phong-tục, sản-vật mọi điều thiết-yếu ở trong một huyện, mà soạn ra quyển Huyện-chí này, thì hẳn là tường-tận. Ước gì các ông huyện đều như ông Ngô Vi-Liễn đi đến huyện nào đều soạn ra Huyện-chí huyện ấy, hợp lại thì hẳn thành được một bộ Toàn-quốc địa-dư hoàn-toàn.

Nam-Phong tùng-thư

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

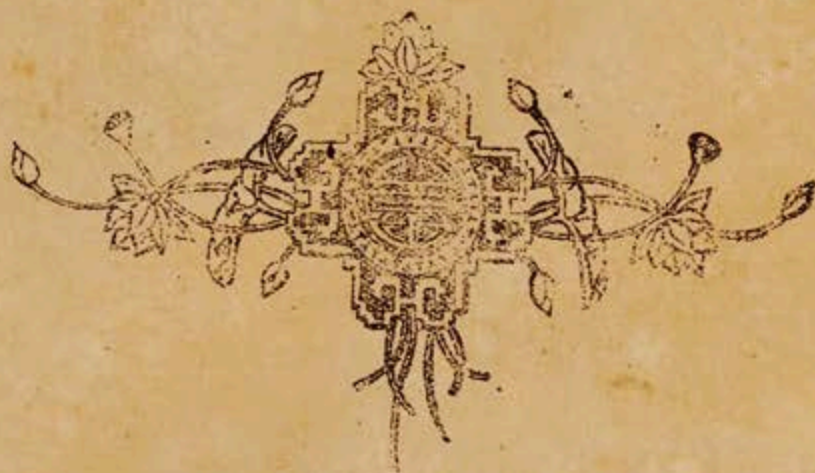
Mới xuất-bản :

Tuồng Lôi-xích.

giá 4 hào.

Xuất-bản từ trước :

- | | |
|-------------------------------------|--------|
| 1. — Văn-minh-luận | 4 hào. |
| 2. — Ba tháng ở Paris | 4 hào. |
| 3. — Văn-học nước Pháp : | 4 hào. |
| 4. — L'idéal du Sage | 4 hào. |
| 5. — Chính-trị nước Pháp, | |
| Quyển thứ I | 4 hào. |
| Quyển thứ II | 5 hào. |
| 6. — Khảo về tiền-thuyết | 4 hào. |
| 7. — Lịch-sử thế-giới | 4 hào. |
| 8. — Le Paysan Tonkinois | 4 hào. |
| 9. — Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE | 4 hào. |
| 10. — Phật-giáo đại-quan. | |
| (In lần thứ hai). | 5 hào. |
| 11. — La Poésie annamite. | 4 hào. |
| 12. — Tục-ngữ ca-dao. | 4 hào. |



QUỐC-NGŨ ĐÌNH-NGOA (1)

VI

Ước	Giao-ước, ước-thức, ước chi mà...		(xiêu theo một bề nào), bổng-hương (lương bổng), hướng-đạo (đem đường chỉ lối cho người).
Ươn	Cá ươn.		
Hương	Hương khói, hương lửa, hương-hỏa, hương-thôn, hương-quán, hương-lệ, hương-tục.	Hưởng	Hắt hưởng, ảnh-hưởng, hưởng phúc, hưởng-thụ, ông bà hưởng lễ cúng.
Ương	Ương-chương, ương ách, ương dờ, còn ương chưa chín, trung-ương, ương mạ xuống đất, chim uyên-ương.	Ưởng	Chương-ởng (cách phình ruột lên).
Hường	Màu hướng, quan Hướng-lò.	Ướp	Ướp muối, ướp mắm.
Hướng	Phương hướng, khuynh-hướng,	Ướt	Ướt á.
		Hươu	Con hươu, (loài ở núi).

TIẾNG SAI XỨ NAM-KỲ VÀ MIỀN NAM XỨ TRUNG-KỲ (VỀ TIẾNG PHÁT-ÂM)

VII. — An. Ang.

67*		Bàng	Lân-bàng, bàng-quan (người xem hai bên), bàng-hoàng (bối rối), một cây bàng.
An	An-hảo, an thường, an-nghiệp, tỉnh Nghệ-an.	Bán	Mua bán, bán-diện (nửa mặt), bán-tử (con rết), bán-cầu, bán-sinh (nửa đời).
Ang	Chàng ang, cái ang (dùng đựng nước).	Báng	Phỉ-báng (gièm chê), trong bụng có báng.
Ấn	Ấn kiện, văn ấn, quan ấn-sát, cái hương-ấn.	Bạn	Bạn hữu, lão-bạn sinh châu (sò già sinh ngọc châu ra).
Áng	(là cái ánh sáng), áng phong-lưu, áng văn-chương.	Bạng	Trâu bò bạng nhau, húc bạng.
Ang	Ang cổ mà cũi.	Bản	Đồ-bản, tư-bản, căn-bản, bản-quán, bản-xã, một bản sách.
Ban	Ban mai, ban chiều, triều ban (là thứ bậc trong triều), ban tứ, ban cấp.	Bảng	Treo bảng (dán tên những người thi đỗ).
Bang	Lân-bang (nước xóm), bang-giao (là lễ các nước giao-thiệp với nhau), bang-hộ, bang-tá.	Can	Can-trường, can - đảm, can-thiệp, can-phạm, can-gián, cái lan-can, can có gì.
Bàn	Bàn luận, bàn-hoàn (cách buồn bực), bàn đất cho bằng, cái la-bàn, cái bàn cờ, bàn xắt thuốc, bộ bàn ghế, phủ Điện-bàn.	Cang	Đất cang (là đất cứng).
		Cản	Cản khôn, làm cản (làm quấy), cản ngang đi.

(1) Xem Nam-Phong từ số 180.

Càng	Càng trông càng vắng, càng thấy càng thương.			ông, đàn lũ, đàn hát, cây bạch đàn, đàn Nam-giao.
Cán	Công cán, lao cán, mần-cán, cái cán dao, chức cán-sự.	Đàng	Đàng sá, đàng kia ngõ nọ.	
Cáng	Võng cang, tự cang lấy việc.	Đán	Nguyên-dán, bình-dán (sớm mai).	
Cạn	Sâu cạn, cạn dạ, cạn chén, cạn lời.	Đáng	Xứng-đáng, đáng tội, đáng kiếp.	
Cạng	Cái xương cạng.	Dạn	Hòn dạn.	
Cản	Cản di (không nghe lời).	Đản	Ngày đản nhật (sinh-nhật), hoang-dản (chuyện bày điều).	
Cảng	Cảng-khẩu, xuất - cảng, xứ Hương-cảng.	Đảng	Bè-đảng, đảng-ác, đảng-phái.	
Chan	Chứa chan, chan nước kho.	Đăng	Hoang đăng, du-đăng, đăng-tử, (người ham chơi).	
Chang	Cái chang trống, chang trả người ta, nằng chang chang.	Gan	Gan ruột, cả gan.	
Chàng	Đục chàng, chàng với thiếp, chàng-ràng, con chim chàng.	Gang	(Loài kim), gang thép, một gang tay.	
Chán	Chán chê, chán-chường, chán ngán.	Gàn	Gàn trở.	
Cháng	Cháng vâng (cách người say rượu đi không vững).	Gán	Đem đồ gán nợ.	
Chạn	Kho chạn.	Gạn	Gạn lời (là hết lời), gạn gùng, bùn gạn lại dưới nước.	
Chạng	Chạng chân ra.	Gian	Gian dối, gian-mạo, gian-giảo, gian-đạo, gian-dâm, gian-truân, gian-nan, một gian nhà.	
Chăng	Trâu chăng sừng, nạt chang chăng.	Giang	Giang nằng, giang giải, giang-hà, giang-san, một cây giang, sông Hương-giang.	
Dan	Dan diu.	Giàn	Cái giàn bông.	
Dang	Dang ca (cách nói chuyện xa xa cho tới gần), tỉnh Hà-dang.	Giàng	Cái giàng (dùng để bắn).	
Dàn	Dàn dả, dàn ra cho có thứ lớp.	Gián	Gián-cách, gián-đoạn, can gián, sàm-gián, một con gián.	
Dán	Dán lại (cho dính nhau).	Giáng	Truất-giáng, phạt-giáng, thần-tiên giáng-thể, cây hương-giáng.	
Dáng	Dáng dấp, dáng điệu, hay làm dáng.	Giản	Giản-dị, giản-tiện, giản-ước, đơn-giản, lưu-giản.	
Dạn	Dạn gan, bạo dạn.	Giảng	Giảng nghĩ, giảng thuyết.	
Dạng	Hình dạng, phong dạng, dị-dạng.	Han	Hỏi han.	
Đan	Đan lát, có-dan, linh-dan (thuốc hay).	Hang	Cái hang, đào hang, hỏ hang.	
Đang	Đảm-dang, đang khi, đang còn trẻ.	Hàn	Hàn nhiệt, hàn lãnh, hàn-đới, hàn-vi, hàn-gia, thợ hàn, đá hàn, viện Hàn-lâm.	
Đàn	Đàn hạch, đàn trường, đàn			

Hàng	Hàng hóa, hàng nhiều, cửa hàng, sắp hàng, hàng rào, hàng theo giặc, hàng-không (bay trên không), xứ Hàng-châu.	Lạng	Một lạng bạc (tức một lượng).
Hán	Tiền hán (đưa hèn), hán-tự, (chữ Tàu).	Lảng	Lảng chơi, lảng tai, bang lảng, (tai nghe lơ lảng).
Háng	Dưới háng.	Lãng	Ba lãng (sóng), lãng-phí, (tiêu xài quá), quang lãng (sáng sửa).
Hạn	Đại hạn, vận hạn, giới hạn, kỷ hạn.	Man	Man-mác, mê-man, man-trá, man-di, dã-man.
Hạng	Hóa-hạng, vật-hạng, đẳng-hạng, phân hạng	Mang	Cưu mang, mang chữa, mang nặng, mang cự, (gấp khúc), mang-muội (mờ-tối), một con mang.
Hãn	Hãn hữu (là hiếm có).	Màn	Mừng màn.
Hần	Hung-hãn (là dữ tợn), hãn-vệ, (che giữ), phát-hãn (đồ mồ hôi ra).	Màng	Mơ-màng, cái màng xang, nước có màng.
Khan	Khô khan, giọng nói khan.	Mán	Mường mán.
Khang	Khang yên, khang thái, bình-khang (chỗ gái dĩ ở).	Máng	Cái máng hứng nước.
Khàn	Ẩn khàn (một nước bài trong phép đánh tổ tôm).	Mạn	Khinh-mạn, tiết-mạn, mạn-mạ, (la mắng), cái mạn thuyền.
Khán	Khai khán (mở mà xem), khán hộ.	Mạng	Phân mạng, nhân-mạng, mạng-phụ, mạng-phục, mạng cái áo rách lại.
Kháng	Kháng-cự, kháng-ngợi, kháng-luận, kháng-lệ (đôi lứa).	Mảng	Mảng vui, mắng chơi, một mảng gỗ.
Khảng	Khảng-khải (hăng hái).	Mãn	Doanh-mãn (đầy-dặn), tự-mãn, mãn-nguyên.
Lan	Bông lan, cái lan-can, bỏ lan ra.	Mãng	Áo măng bào.
Lang	Lang-quân (gọi chồng), quan lang-trung, con bò lang, lang-thang (cách ăn bận tầm thường), lang-ngang (đồ đặc sắp không được thứ-tự), lang-tạ (đồ đoàn để chười uấn), thầy lang-y, cái hành lang, (ngoài hiên nhà).	Nan	Gian-nan, vận-nan, từ-nan, chiếc thuyền nan.
Làn	Làn nước, làn sóng, nước chảy làn ra.	Nang	Nang thóc (cái túi), tư-nang, cái mo nang.
Lảng	Lảng xóm, lảng chơi, chim chàng-lảng.	Nàn	Nồng-nàn, phân-nàn, vị hoàng nàn.
Láng	Trơn láng, bóng láng, lai láng, láng diềng.	Nàng	Nàng con gái, nàng tiên.
Lạn	Hủ lạn (nát nát).	Náng	Cái náng chân.
		Nạn	Tai nạn, hoạn-nạn, khổ-nạn.
		Nạng	Cái cộc nạng, cái nạng chằm.
		Nản	Khiếp nản, chán-nản, nản chí.
		Ngang	Ngang dọc, ngang-ngửa, ngang vai, ngang-tàng, nghênh-ngang ngang-ngược, lang-ngang.

Ngàn	Ngàn vạn, trên ngàn, ngàn dâu.	Quang	(Là sáng), quang-lãng, quang-thái, thiều-quang (ánh sáng mùa xuân), lụi còn-quang.
Ngàng	Con chim ngàng.	Quàn	Quàn xác chết (quần là chôn tạm).
Ngán	Ăn ngán, chán-ngán, ngao-ngán, nghề-ngán.	Quàng	Vơ quàng, quên-quàng, áo nối quàng.
Ngáng	Ngáng-tiở, ngáng lại không cho đi.	Quán	Thông-quán, hàng quán, hương quán, ấn-quán.
Ngãng	Lôi cho ngãng rơ, nghễh-ngãng, con cá ngãng.	Quáng	Mù quáng, quáng-loáng.
Nhan	Nhan diện, nhan-sắc, hồng-nhan, nhan-dề, nhiều nhan-nhân.	Quản	Cải-quản, kiêm-quản, quản-suất, bắt-quản, chức quản-vệ.
Nhang	Nhang hỏa, nhang khói.	Quảng	Quảng đại, một quảng đường.
Nhàn	Nhàn-hạ, nhàn-tản, thanh-nhàn, con chim nhàn, đưa thư nhàn (tức chim nhạn).	Ran	Tiếng ran ra, sấm ran,
Nháng	Chớp nháng.	Rang	Rang bằng lửa, cười như nổ rang,
Nhạn	Con chim nhạn.	Ràn	Cái ràn ngựa.
Nhạng	Cái bạng nhạng (ở trong thị).	Ràng	Rõ ràng, ràng buộc, ràng rịt, con cọp có ràng.
Nhân	Nhiều nhan-nhân.	Rán	Rán sức, rán mỡ, cái bánh rán.
Nhẳng	Nhẳng ra (không liên-tiếp).	Ráng	Mây ráng, mù ráng.
Nhân	(Là con mắt), nhần-mục, nhần-kính (gương đeo mắt), nhần-lực (sức con mắt), nhần-giới.	Rạn	Nứt rạn ra, đá rạn (đá ngầm ở dưới bề).
Phan	Cây phan (trong đám chay).	Rạng	Rạng tỏ, rạng đông.
Phang	Phang cho một gậy.	Rảng	Nói rang rảng, chuông kêu rang rảng.
Phản	Phản-nàn, vị bạch-phản.	San	San sẻ, san bớt đá, san hô.
Phàng	Phụ-phàng.	Sang	Sang giàu, sang trọng, bệnh phát sang, sang bên kia sông.
Phán	Phán-đoán, phán-quyết, lời phán hỏi, chức phán-sự.	Sàn	Sàn sàn (cách thăm thường).
Phạn	(Là bữa cơm), nhất phạn thiên kim (một bữa cơm giá ơn ngàn vàng).	Sàng	Cái sàng (để sàng gạo), sàng tịch (giường chiếu).
Phản	Phản-tặc, phản-đối, phản-trắc, phản-phúc, một bức phản.	Sán	Sán bằng (gièm chê), con sán.
Quan	Bách-quan, quan-trường (là cả bách quan), trường-quan (là các quan chấm trường), quan tài, quan-môn, ái-quan, quan-hệ, quan-thiết, một quan tiền.	Sáng	Sáng láng, sáng sửa, sáng tạo, sáng lập, sáng khởi.
		Sạn	Đá sạn.
		Sản	Sinh sản, sản-vật, thổ-sản, sản-phụ (đàn bà đẻ).

Sảng	Sảng sốt (giọng nói như thể mơ màng), tinh thần thanh sảng, quý-thần linh-sảng.	Trạng	Trạng-nguyên, trạng-sự, tang-trạng, sự trạng, hình trạng, hiện trạng, tình trạng (hiện thời).
Tan	Tan nát, tan tác, tan tành, hợp tan.	Trản	Đài tràn.
Tang	Nông tang, tang phục, tang chứng, tang tích, tâm tang (hải dẫu nuôi tâm), tang thương (cuộc đời thay đổi như bãi bể cồn dân).	Trảng	Trảng gió, trống trảng.
Tàn	Tàn tẽ tàn phá, tồi tàn, tàn lổn, mảnh thân tàn, cái tàn hương.	Van	Kêu van, than van,
Tàng	Thu tàng (thu giấu), tàng nặc, tình tàng, kho tàng.	Vang	Vẻ vang, tiếng vang, vang tai, vang lừng, cây vang.
Tán	Tán tụng, tán thành (giúp cho nên việc), tán trợ, tán cho nhỏ.	Vàn	Vay vòn, thiên vòn (tức thiên vòn).
Táng	Tổng táng, hòn đá táng (dưới cột nhà).	Vàng	Bạc vàng, xanh vàng, vôi vàng, vớ vàng.
Tạng	Ngũ-tạng, phủ-tạng, tâm-tạng.	Ván	Tấm ván, hột đậu ván, đồng bạc ván, một ván cờ.
Tản	Núi Tản-viên.	Váng	Cái váng mỏng (đóng lại trên mặt nồi cháo).
Tảng	Một tảng đá.	Vạn	Ngàn vạn.
Than	Than lửa, than đá, than thỏ, than vãn, than khóc.	Vãn	Tảo-vãn (sớm muộn), điếu-vãn (thăm viếng).
Thang	Nước thang (nước nóng), thang thuốc, cái thang (đề trèo).	Vãng	Vang-vãng bên tai.
Thán	Thán-khi, ta thán (than vãn).	Vãng	Vãng-lai (đi lại).
Thần	Thần đồ (đường bằng), bình thần (bằng bặt), hanh thần.	Xang	Xứ xang, xênh-xang, xang ra (cho xa nhau).
Thắng	Thích thắng, cái thắng (dùng đựng gạo)	Xàng	Hốc xàng, xự xàng (tiếng trong bài ca).
Tran	Cái tran thờ.	Xán	Xán đá, xán lạn (rõ ràng).
Trang	Trang nghiêm, trang hoàng, trang sức, nữ trang, hành trang trang lứa,	Xảng	Cái xảng đựng lúa.
Trần	Trần trề, nước chảy tràn.	68°	
Tràng	Cái tràng hoa, tràng lại một bên.	Ăn	Ăn cơm, ăn năn.
Trán	Cái trán (trên mặt).	Ăng	Con chó kêu « ăng-ăng ».
Tráng	Tráng-kiện, tráng-dinh, tráng-sĩ, tráng-chí, cường tráng, tráng cho mỏng, cái bánh tráng.	Băng	Băng huyết, nhà băng, băng lại cho người bệnh, băng (là giá đóng), băng-tuyết, băng-dương, băng-khoảng, đi băng qua giữa ruộng.
Trạn	Đá trạn (tức đá sạn).	Bảng	Giọng bằng, dất bằng, bằng yên, bằng lòng, bằng nhau, bằng cừ, sắc-bằng, bằng-hữu.
		Bản	Sẵn bản, bản ra ngoài.

Bận	Bận lên (là vất lên trên sào).	Đặng	Làm đặng việc.
Bản	Bản rần.	Đẳng	Đẳng-dãi, ghẽ đẳng, đẳng hạng, bình-đẳng.
Cẩn	Cẩn-nguyên, cẩn-do, cẩn-bản, cẩn-cước, cẩn-cử.	Gắng	Nón quai găng.
Căng	Lăng-căng, kiêu-căng, căng-cụ (là run sợ), căng cho thẳng.	Gần	Gần-gọc (cách nghĩ-ngợi kỹ-càng), cười gần.
Cần	Nắc-cần, cần-rần, cần-nhân.	Gắng	Gắng lại (không cho đi).
Cần	Chó cần, nước cần (đục).	Gần	Gần sơn, gần keo, gần trít lại.
Cảng	Cảng-cò (suốt xưa lại giờ).	Gắng	Gắng sức, gắng ăn thêm cơm.
Cận	Cận-vận (cách dặn-dò), cận bã.	Gặt	Cười gặt.
Cặng	Lặng-cặng (cách ốm yếu).	Giăng	Mặt giăng (tức mặt trắng), giăng tay.
Cần	Cần-rần.	Giăng	Giăng buộc.
Cảng	Chân cảng.	Hần	Hần bớt (cho ngắn đi).
Chấn	Cái chấn (tức cái mền), chấn giũ, chấn trâu.	Hăng	Hung-hăng, hăng-hái, màu hăng.
Chăng	Có phải chăng?	Hần	Thù hần.
Chấn	Chấn xuống cho nặng.	Hăng	Hăng ngày, chị Hăng-nga, Hăng-hà sa-sổ.
Chẳng	Bắt chẳng ra, bắt chẳng miệng.	Hần	(Lời gọi người khác), đuổi hần đi.
Chấn	Chắc-chấn, cái ehấn (của thợ mộc), chấn ngang di.	Hần	Quyết hần, hần là...
Chặng	Một chặng đường.	Hăng	Màu hăng, hăng xem thử ra sao.
Chẳng	Chẳng chịu, chẳng như lời, chẳng chẳng.	Khăn	Khăn đầu, khăn tay, khó khăn.
Chấn	Sổ chấn, chấn lẻ.	Khăng	Khăng khăng một mạch, khăng khiu.
Dẫn	Dẫn-vật, dẫn xuống đất.	Khăng	Cái khăng (dùng để gấn thùng).
Dẳng	Dùng dẳng (không quyết-đoán).	Khẩn	Khẩn vó.
Dắng	Dùng-dắng (cũng không quyết-đoán).	Khẩn	Nghe màu khẩn.
Dặn	Dặn bảo.	Lăn	Lăn-lò, lăn-lộn, lăn-lóc, một quả lăn.
Dặng	Một dặng núi, một dặng thịt.	Lăng	Lăng mộ, lung-lăng, lăng-quăng, xâm-lăng (lấn hiếp).
Đăn	Đăn cấm.	Lăn	Lăn roi, con thăn-lăn.
Đẳng	Đẳng giăng, thư đẳng (đèn sách).	Lẳng	Con lẳng (lớn hơn con ruồi).
Đần	Đần xuống, đần cho nặng.	Lẳng	Lẳng tai, lẳng nguội.
Đẳng	Đẳng giá, nước Đẳng.	Lặn	Lặn-lội, mặt trời lặn.
Đăn	Đo đăn, đùng-đăn, đùng-đăn.	Lặng	Im lặng.
Đẳng	Cay đẳng, lẳng-đẳng, cay mướp đẳng.		

Lần	Lùn-lần (cách người thấp nhỏ).	Quần	Quần ngược, quần-quắt.
Lãng	Lùng-lãng (cách đi thông-thả).	Quảng	Quảng một cục đất, con lãng-quảng.
Măn	Măn-mo, măn tay vào.	Quần	Quần-quéo, tóc quần.
Măng	Măng mới mọc, trẻ măng.	Quận	Đau quận quẹo.
Mản	Mản-mò.	Răn	Răn cấm, khuyên răn, mít răn ra.
Mẩn	May-mẩn, mau-mẩn.	Răng	Hàm răng, làm răng? (như tiếng làm sao?)
Mắng	La mắng.	Răn	Rỗ-răn, nói cần-răn, con gà răn.
Mặn	Mặn lạt, mặn-nồng, mặn-mà.	Rằng	Bàn rằng..., nói rằng...
Mẩn	Mùn-mẩn (cách nhỏ-mọn quá).	Răn	(tức là cứng), răn cồ, một con răn.
Năn	Ăn năn, năn-nỉ, cây năn (ở ruộng nước mặn).	Rặn	Rặn cho hết sức.
Năng	Tài-năng, năng đi năng lại, buộc cho năng.	Tăn	Tăn tiu.
Năn	Năn-nỉ (cách khẩn-cầu nhiều lời).	Tăng	Gia tăng (thêm), tự-tăng (thầy chùa).
Nắn	Nắn đất ra (đề vất tượng).	Tăn	Tăn-tiện.
Nặng	Nặng nực.	Tăng	Tăng lớp, tăng kinh (đã từng).
Nặn	Vò nặn, nặn sữa.	Tăng	Tăng đẳng.
Nặng	Nặng-nề, nặng tình, nặng tai.	Tặng	Tống-tặng, tặng hảo, tặng hành (tiền chân).
Ngăn	Ngăn-trở, ngăn cách, ngăn-ngừa, ngăn-nấp.	Thăn	Thịt thăn lại.
Ngần	Chùng ngắn.	Thăng	Thăng chức, thăng đẳng, thăng giáng, thăng dẫu.
Ngần	Ngần dài.	Tnăn	Con thăn lắn.
Ngặng	Mất phải ngặng.	Thăng	Thăng thúc (cột buộc) thăng mặc, xích-thăng, thăng con trại.
Ngặng	Ngừng-ngặng (cách tự ý không hay nghe ai).	Thăng	Thăng trận, thăng yêu ngựa, thăng nước đường.
Nhăn	Nhăn-nhó, nhăn da, nhăn mặt.	Thặng	Thặng số ra, lưu thặng lại.
Nhằng	Nhung - nhăng, lằng - nhăng, nhằng dây ra, bắt nhằng cho thăng.	Thăng	Ngay thăng, thăng thăng, thăng ro, di thăng răng.
Nhăn	Cần-nhăn (cách nói dai).	Trăn	Trăn xuống đất, một con trăn, (như con rắn).
Nhằng	Kéo nhằng ra.	Trăng	Mặt trăng (tức mặt giăng) trăng ra cho thăng.
Nhấn	Nhấn-nhả, nhấn-nhe, nhấn với bạn.	Trần	Trần trọc, trần xuống đất.
Nặng	Cặng-nặng (cách nói dai).		
Nhằng	Lằng-nhằng, nhằng-nhiu.		
Phăn	Phăn dây, hỏi phăn.		
Phặng	Phặng lặng.		

Trần	Trần nước.	Cận	Cận tiện, cận lợi, lân cận, thiên-cận, cận trạng (tình trạng gần đây).
Trắng	Trắng đen.	Cần	Cần thận, cần mật, cần xa-cù.
Văn	Văn-chương, văn tự, văn-minh, văn-hoa, văn-hóa, kiến-văn, văn sơi chỉ lại cho sẵn.	Chân	Chân tay, chân-thực, chân-thành, chân-tâm, chân-tính.
Văng	Văng té ra, cái văng (dùng để dẹt lúa) chạy vung văng.	Chấn	Chấn ngằn, chấn tay cho trẻ viết.
Vản	Vản vện.	Chấn	Phấn chấn, chấn hưng, chấn chỉnh, chấn động, quẻ Chấn, Chấn cung (nơi Thái-tử ở).
Vàng	Vùng vàng, cái lưới vàng.	Chận	Chận ngang lại (không cho đi).
Vấn	Dài vấn, vấn tắt.	Chấn	Chấn cấp, chấn tế (giúp đỡ).
Vắng	Thanh vắng, vắng vẻ, vắng tanh.	Dân	Dân-sự, dân-tình, nhân-dân, quốc-dân, dân-tộc.
Vận	Vận tréo lại, danh-vận (tiếng khen).	Dâng	Dâng lễ cho bề trên, dâng chén rượu.
Xắn	Xắn xo, xắn áo lên.	Dần	Nấm dần, dần dà, dần dần.
Xăng	Xăng xít, xung xăng, lảng-xăng, xăng bộn.	Dẫn	Dẫn lộ (đem đường) tuyến dẫn (đem đường trước cho) dẫn thủy nhập điền.
Xăng	Làm xăng (tức làm bậy).	Đần	Đần đại, ngu đần, đần trần (cách lễ lợm).
Xắn	Đào xắn, xắn hai ra.	Đận	Lận đận (cách số mạng lao đao).
Xằng	Mâu xằng, xủng xằng.	Đẫn	Đẫn khúc gỗ (cho đứt ra).
69°		Gân	Gân sức, gân góc, gân mo.
Ăn	Ăn ái, ăn tinh, ăn trạch, ăn-nhân, ăn cần (khẩn vó).	Gần	Gần xa, gần gần như.
Ấn	Ấn kiểm, ấn-quan (là quan lớn có ấn) ấn-quán (là nhà in), ấn tay vào.	Giần	Cái giần (dùng để giần gạo) giần cho mềm.
Ăn	Ăn mình, ăn nặc, ăn nhẩn.	Giận	Giận hờn.
Bần	Bần khổ, bần tiện, một cây bần.	Hăng	Mặt đỏ hăng, lửa đỏ hăng hặc.
Bấn	Bấn bát, nát bấn.	Hấn	Khai hấn (là gây việc), hấn đoan (mối hiềm thù).
Bận	Bận việc, bận bịu, bận bịu, bận rộn, bận quần áo.	Hận	Phẫn hận (là giận hờn), di-hận (để đều giận lại).
Bần	Bần thiù, dơ bần, bần thần.	Khăng	Bộ mặt khăng đi (cách then hồ).
Cần	Cần cốt, cần lượng, cần sức nhau, chơi lẫn cần.	Khẩn	Khẩn vãi, khẩn hứa.
Cần	Cần kiểm, cần cù, ăn cần, không cần chi, cái cần câu.	Khẩn	Khai-khẩn, khẩn-trị, khẩn-thiết, khẩn-tiêu, khẩn-nhu (cần dùng), khẩn-cầu.
Cấn	Quẻ cấn, cấn cát, cấn thể cho một vật gì.		

(Còn nữa)